NĂM THỨ SÁU • # 58 • FEBRUARY 1994

THẾ KỶ 21

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

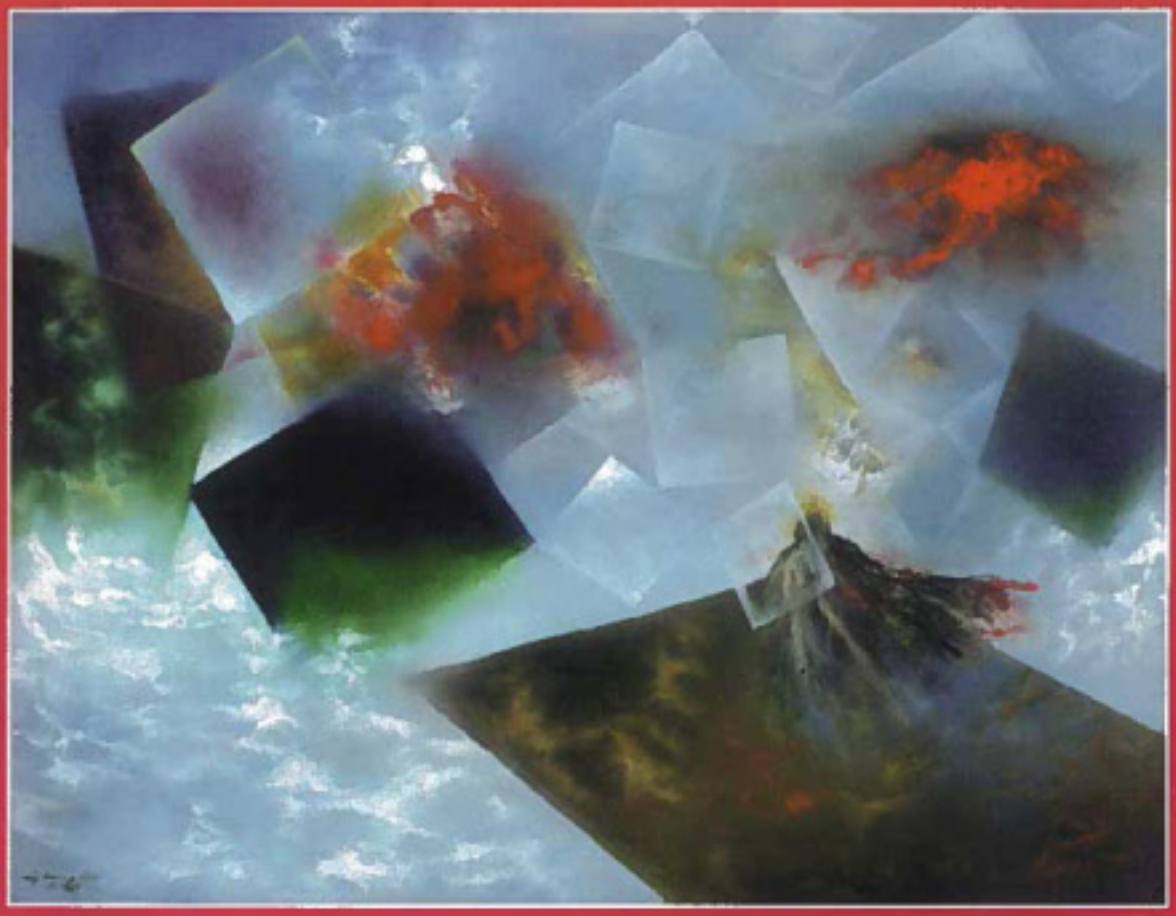

XUÂN GIÁP TUẤT 1994

Văn Phòng Luật Sư
EDWARD REID

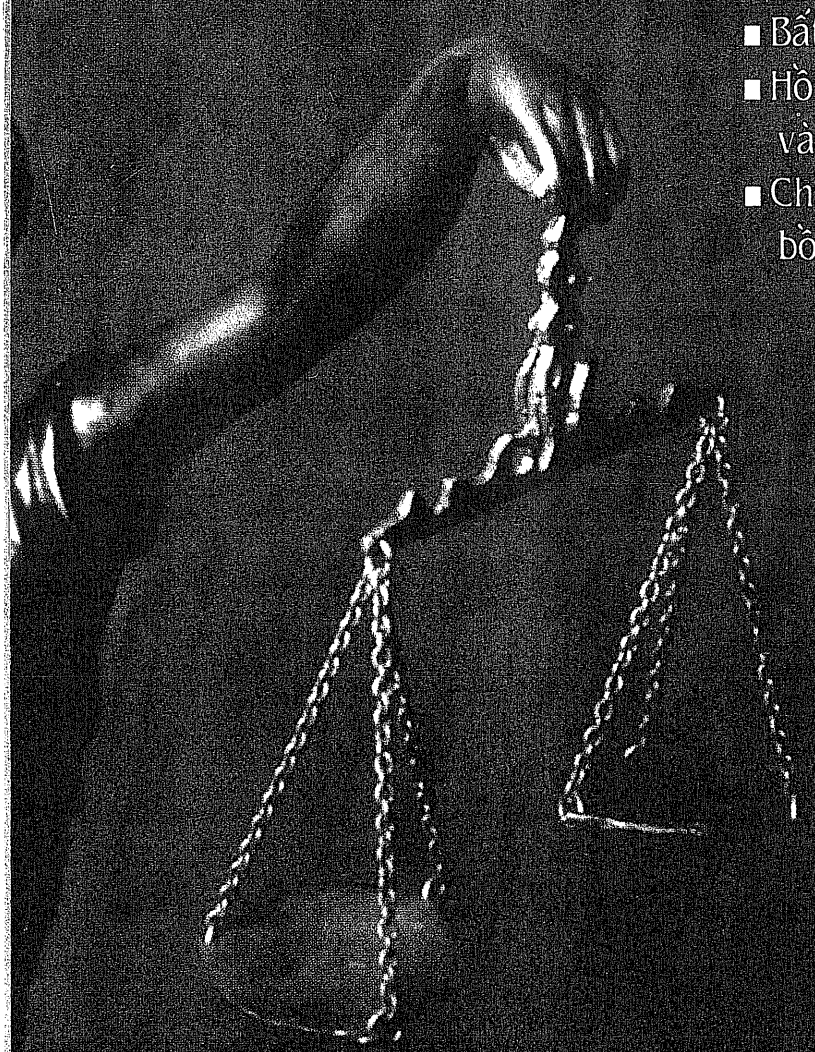

Chuyên môn về các loại tai nạn
Nhiều tín nhiệm với nhiều năm kinh nghiệm

- Bất cứ tai nạn gây thương tích
- Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
- Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường.

NÓI TIẾNG VIỆT
XIN LIÊN LẠC:

Cô NHƯ LAN
(714) 536-4014

PERSONAL INJURY
ACCIDENT ALL TYPES

- MOTORCYCLE ACCIDENTS
- AUTO INJURIES
- UNINSURED MOTORIST CLAIMS
- SLIP AND FALL
- WRONGFUL DEATH
- PRODUCT LIABILITY

2120 MAIN STREET SUITE #150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

Chúc Mừng Năm Mới

Tặng quà Tết không gì ý nghĩa bằng
TÁC PHẨM VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
mang đến cho mọi gia đình Việt Nam thân hữu
MỘT SHOW CA VŨ NHẠC VIỆT NAM VĨ ĐẠI NHẤT

PARIS BY NIGHT 24

10TH ANNIVERSARY
THE BEST OF PARIS BY NIGHT

BÁO REGISTER
Nov. 3, 1993
"With a worldwide following and loyal fans in Vietnamese community, Vietnamese culture thrives on tape."

GIÁ
25$ US
(1 BỘ 2 CUỐN)
Hoa Kỳ & Canad only

VIDEO CA NHẠC DÀI NHẤT

Điều khiển chương trình:
Nhà Văn NGUYỄN NGỌC NGẠN và Cô NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

VIDEO TRỊ GIÁ $245.000 DOLLARS TRƯỚC SỰ CHỨNG KIẾN MẮT THẤY TAI NGHE CỦA HƠN 2000 KHÁN GIẢ TỪ CÁC TIỂU BANG MỸ VÀ CANADA VỀ THAM DỰ VÀ CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ - TRUYỀN HÌNH MỸ, VIỆT

TRÊN 200 CHUYÊN VIÊN KỸ THUẬT, MỸ THUẬT, VŨ CÔNG, NGHỆ SĨ:

KHÁNH HÀ - ÁI VÂN - HƯƠNG LAN - DALENA - PHI KHANH - PHƯƠNG HỒNG QUẾ - THÁI THẢO - LƯU BÍCH - TRANG THANH LAN - NGỌC HUỆ - MỸ LAN - HƯƠNG THƠ - PHƯƠNG LOAN - BẢO HÂN - PHI PHI - JENNY LOAN - NGỌC THUỶ - SHAYLA KIM - ELVIS PHƯƠNG - TUẤN NGỌC - DUY QUANG - THÁI CHÂU - QUANG BÌNH - DON HỒ - THÁI TÀI - HENRY CHÚC - LA THOẠI TÂN - RICK MURPHY - NGỌC TRỌNG - ban nhạc CHI TÀI BROTHERS - ban nhạc THE UPTIGHT...

Xin liên lạc: **THÚY NGA** ❑ Mỹ & Canada: P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA - Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673 ❑ Âu Châu: 44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30 ❑ Úc: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St.,
Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

MỤC LỤC

Số 58 • THÁNG HAI 1994

Tranh bìa: *Nguyễn Trọng Khôi*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Ngọc Dũng, Đinh Cường, Thái Tuấn, Hiếu Đệ, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Đồng*
Hí họa: *Vẹt, Babui 75 Mam burao, Hiếu*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc, Lệ Tam Ca, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Huy Sâm*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

5 Thư tòa soạn
11 Bàn Tròn Văn Học: Viết là để chia sẻ (*Phạm Phú Minh* ghi)
14 Người ơi, người đọc cái gì? (*Lê Thụy Vi*)
16 Nghệ thuật tạo hình: Một vài ý nghĩ nhân xem loại tranh Tết (*Thái Tuấn*)
18 Khảo cổ: Đi tìm dấu tích chó Tàu, chó Ta thời cổ (*Phan Quốc Sơn* và *Nguyễn Bích*)
22 Tản mạn: Về cái điên trong vở kịch Kiều Loan của Hoàng Cầm (*Phạm Xuân Đài*)
29 Thư Paris: Đây, thơ trong nước hôm nay — Vũ Cận "Mưa Nguồn" (*Thành Tín*)
33 Khoa học: Mùa xuân và vũ trụ (*Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*)
36 Tiếng vọng: Rất nhiều nghĩ suy về 'Một vài suy nghĩ...' của KB
47 Ký: Huế (*Mai Kim Ngọc*)
58 Một chuyến về Việt Nam (*Tiểu Linh*)
64 Chuyện trò với Trương Anh Thụy: "Tôi không tiên tri, mà chỉ dám ước mơ thôi" (*Lê Tam Ca* ghi)
94 Sách báo trong tháng (*Hoàng Khởi Phong*)

TRUYỆN

51 Chuyện gì xảy đến cho Quỳnh Giao? (*Trần Công Sung*)
69 Câu chuyện của lá phong (*Trần Mộng Tú*)
74 Tết này chưa chắc em về được (*Kiệt Tấn*)
80 Ngày Xuân xuôi ngược miền quê (*Nguyễn Tấn Hưng*)
87 Cô Mai (*Nguyễn Thị Ngọc Liên*)
91 Hành trình về phương Tây (*Bùi Đông Triều*)

THƠ

17 Thơ Xuân (*Nguyên Sa*)
24 Ôi ai má ửng bài thơ hoa đào (*Trần Tú Uyên*)
27 Central Illinois, chuyến tầu cuối tuần về từ trường Chicago (*Trần Hồng Châu*)
48 Vô Ngôn (*Bùi Duy Thuyết*)
53 Ba bài ca của một ông già mù trên biển Bắc (*Diễm Châu*)
54 Thơ ở buổi sáng trên đồi (*Trần Thiện Hiệp*)
76 Ba mươi tết, cỗ tháng Giêng (*Nguyễn Mạnh Trinh*)
77 Thả Xuân (*Hà Thúc Sinh*)
79 Em yêu...em có biết (*Nhất Tuấn*)
Bãi cát và dòng sông (*Nguyên Sa*)
Nụ hoa trên tuyết (*Dương Kiền*)
82 Vô đề (*Trúc Chi*)
83 Đong từng bát trời xuân (*Lưu Văn Vịnh*)
85 Đêm Xuân (*Cao Xuân Tử*)
88 Nhìn sao nhớ mẹ (*Đỗ Thị Kênh G*)
89 Trái tim này làm tổ cho nàng tha về từng cọng rác yêu đương

THẾ KỶ 21

CHÚC MỪNG NĂM MỚI GIÁP TUẤT 1994

BABUI 75 MAMBURAO . BÍCH HUYỀN . BRUCE WEIGL . BÙI BẢO TRÚC . BÙI BÍCH HÀ (VƯƠNG TIỂU MUỘI) . BÙI ĐÔNG TRIỀU . BÙI DUY THUYẾT . BÙI HẠNH NGHI . BÙI NGỌC TÔ . BÙI VĂN PHÚ . BỬU SAO . CAO BÁ MINH . CAO CHÁNH CƯƠNG .CAO XUÂN TỨ . CHÂN HUYỀN . CHU TẤT TIẾN . CHU VIỆT . CUNG TIẾN . DIỄM CHÂU . DU LI . DUY LAM . DƯƠNG KIỀN . DƯƠNG KIM . DƯƠNG NHƯ NGUYỆN (WENDY DUONG) . DƯƠNG PHỤC . DƯƠNG PHƯỚC LUYẾN . ĐÀM KIỀU LINH . ĐÀM TRUNG PHÁP . ĐÀO RTUNG ĐẠO . ĐẶNG PHÙNG QUÂN . ĐINH CƯỜNG . ĐINH XUÂN QUÂN (QUÂN TỬ) . ĐOÀN NHẬT . ĐOÀN XUÂN KIÊN . ĐỖ KH. . ĐỖ LOAN . ĐỖ NGỌC (ĐỖ QUYÊN) . ĐỖ NGỌC YẾN . ĐỖ QUÝ TOÀN (VƯƠNG HỮU BỘT) . ĐỖ THÌ KÊNH G . ĐỖ VIỆT ANH . GIANG HỮU TUYÊN . HÀ DƯƠNG CỰ . HÀ DƯƠNG DỰC . HÀ HUYỀN CHI . HÀ THÚC SINH . HÀ TƯỜNG CÁT . HIẾU ĐỆ . HỒ ĐẮC VŨ (VẸT) . HỒ ĐÌNH NGHIÊM . HỒ TRƯỜNG AN . HOÀNG CHIỀU NHÂN . HOÀNG CHÍNH . HOÀNG DU THỤY . HOÀNG ĐỐNG . HOÀNG KHOA KHÔI . HOÀNG KHỞI PHONG . HOÀNG MAI ĐẠT . HOÀNG NGỌC TUỆ . HUỆ THU . HUỲNH HỮU ỦY . HUỲNH LIỄU NGẠN . KHÁNH TRƯỜNG . KIÊM THÊM . KIỆT TẤN . KIỀU CHINH . LẠI HỮU ĐỨC . LẠI MẠNH CƯỜNG . LÊ DOÃN KIM . LÊ ĐẠI LÃNG . LÊ ĐÌNH ĐIỂU (LÊ TAM CA) . LÊ HỮU KHÓA . LÊ MẠNH HÙNG . LÊ NGỌC CHÂN . LÊ NGỌC MINH . LÊ TÀI ĐIỂN . LÊ TẤT LUYỆN . LÊ THÁI BẰNG . LÊ THỌ GIÁO . LÊ THỊ HUỆ . LÊ THỊ THẤM VÂN . LÊ THỤY VI . LÊ VĂN LÂN . LƯU HY LẠC . LƯU TRUNG KHẢO . LƯU VĂN VỊNH . MAI KIM NGỌC . MAI LÝ CANG . MINH HẬN . MINH PHÚ . NGHIÊU MINH . NGÔ NGUYÊN DŨNG . NGÔ THANH TÙNG . NGÔ THẾ VINH . NGỌC DŨNG . NGU YÊN . NGUYÊN SA . NGUYỄN BÁ TRẠC . NGUYỄN CÚC (NGUYỆN HƯƠNG) . NGUYỄN DIÊN . NGUYỄN ĐĂNG NGỌC . NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG . NGUYỄN ĐÌNH HÀ (HÀ KỲ LAM) . NGUYỄN ĐÌNH HÒA . NGUYỄN ĐÔNG NGẠC . NGUYỄN ĐÔNG . NGUYỄN ĐỨC BẠT NGÀN . NGUYỄN ĐỨC QUANG . NGUYỄN ĐỨC VINH . NGUYỄN HOÀI VÂN . NGUYỄN HOÀNG NAM . NGUYỄN HƯNG QUỐC . NGUYỄN HỮU CHUNG . NGUYỄN HỮU NHẬT . NGUYỄN HỮU TRẠC . NGUYỄN HỮU TRÍ . NGUYỄN KHẢ LỘC . NGUYỄN KHẮC HOẠCH (TRẦN HỒNG CHÂU) . NGUYỄN KỲ PHONG . NGUYỄN MAI PHƯƠNG . NGUYỄN MẠNH HÙNG . NGUYỄN MỘNG GIÁC . NGUYỄN NGỌC BÍCH . NGUYỄN NGỌC NGẠN . NGUYỄN NGUYÊN THANH (NGUYÊN VŨ) . NGUYỄN PHƯỚC QUAN . NGUYỄN QUÍ NHƠN . NGUYỄN SỸ TẾ . NGUYỄN TẤN HƯNG . NGUYỄN THANH TRANG . NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH . NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC . NGUYỄN THỊ HỢP . NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN . NGUYỄN THỊ THANH BÌNH . NGUYỄN THỊ VINH . NGUYỄN THIÊN ÂN . NGUYỄN THIỆN CƠ . NGUYỄN THUYẾT PHONG . NGUYỄN TRỌNG KHÔI . NGUYỄN VĂN BA . NGUYỄN VĂN KHANH . NGUYỄN VĂN SÂM . NGUYỄN VIẾT KHÁNH . NGUYỄN XUÂN HOÀNG (NGUYỄN NAM ANH) . NGUYỄN XUÂN NGHĨA (TRIỆU CHÂU) . NGUYỄN XUÂN THU . NGUYỆT TRÌ . NGY (LÝ VĂN CHƯƠNG) . NHÃ CA . NHẤT TUẤN . PHẠM ANH DŨNG . PHẠM CAO DAO . PHẠM CAO DƯƠNG . PHẠM ĐỖ CHÍ (PHẠM ĐỖ THĂNG LONG) . PHẠM GIA PHÁP . PHẠM KIM . PHẠM KIM KHÔI . PHẠM NGỌC LÂN . PHẠM PHÚ MINH (PHẠM XUÂN ĐÀI) . PHẠM TRỌNG CHÁNH (NHẤT UYÊN) . PHẠM TRỌNG LỆ . PHẠM VĂN HẢI (HẢI VÂN) . PHẠM XUÂN HY . PHAN HUY ĐẠT . PHAN NHƯ HUYÊN . PHAN THANH TÂM . PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN . PHƯỢNG HOÀNG . QUỲNH GIAO . RUTH TALOVICH . TẠ THÁI . TẠ TỴ . THAI STROM (TRÙNG DƯƠNG) . THÁI TUẤN . THANG MA (ĐÔNG NHÂN) . THANH NGUYÊN . THẢO TRƯỜNG . THẾ GIANG . THẾ UYÊN . THIỆN HỶ . THỤY KHUÊ TIỂU LINH . TÔ CAO HOAN (KIM BỒNG) . TÔN THẤT KỲ (TRÚC CHI) . TÔN THẤT THIỆN . TÔN THẤT TIẾT . TỐNG HOÀNG . TRẦN CÔNG SUNG . TRẦN DẠ TỪ . TRẦN DIỆU HẰNG . TRẦN ĐẠI LỘC . TRẦN ĐÌNH QUÂN (TÂM QUYÊN) . TRẦN HUY BÍCH . TRẦN MỘNG TÚ . TRẦN QUÁN NIỆM . TRẦN QUANG MINH . TRẦN THANH HIỆP . TRẦN THIỆN HIỆP . TRẦN TRÚC QUANG (TRẦN LONG HỒ) . TRẦN VĂN ÂN . TRẦN VĂN KHA . TRẦN VĂN KHÊ . TRẦN VẤN LỆ . TRẦN VĂN NGÔ (TỪ NGUYÊN) . TRẦN VŨ . TRIỀU HOA ĐẠI . TRỊNH HẢO TÂM . TRÙNG QUANG . TRƯƠNG VŨ . TÚY HỒNG . VIÊN LINH . VÕ NHÂN TRÍ . VÕ PHIÊN . VÕ THÀNH ĐIỂM . VŨ ÁNH . VŨ DUY TỰ . VŨ ĐỨC BẰNG . VŨ HẠ . VŨ HUY QUANG . VŨ QUÝ HẠO NHIÊN . VƯƠNG VĂN BẮC (HOÀNG LINH) . XUÂN VŨ .

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam
khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
• CHẢ CÁ THĂNG LONG
• BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
• BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Chúc Mừng Năm Mới

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

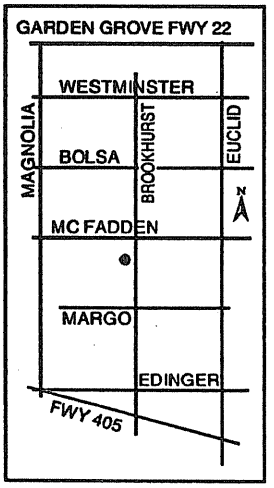

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Thư tòa soạn

Chào mừng năm mới — Giáp Tuất 1994!

Chào mừng mùa Xuân — mùa của lộc non, của nhánh mới, của tư duy cởi mở và sáng tạo tinh khôi.

Chúc mừng năm mới — chúng ta cùng chúc mừng nhau, vì người viết cũng là người đọc, và người đọc góp phần rất lớn vào việc thúc đẩy người viết đi tới...

Trong năm qua, Thế Kỷ 21 đã có một số cải tiến đáng kể, thể theo yêu cầu của bạn đọc: báo phát hành sớm, liên lạc giữa tòa báo và độc giả chặt chẽ hơn, và bài vở (theo đánh giá của nhiều bạn đọc) "ngày càng phong phú."

Sự phong phú có được là do tờ báo chấp nhận tiếng nói đến từ nhiều phía. Rõ ràng đề tài không thiếu, chỉ thiếu người "dám" nói, và thiếu chỗ để tiếng nói cất lên. Một không gian thoáng đã mời gọi và đón nhận được nhiều người mới viết, hoặc đã từng viết mà vì lý do này hay lý do khác đã ngưng nghỉ.

Bên cạnh những cây viết thường trực như Tôn Thất Thiện, Nguyễn Hữu Chung, Lê Mạnh Hùng, Quân Tử, Bùi Đông Triều, chúng ta còn có Võ Phiến, Nguyên Sa, Duy Lam, Trần Mộng Tú, Trùng Dương, Thế Giang... Cùng với Bửu Sao, Cao Xuân Tứ, Lê Văn Lân, chúng ta còn tìm lại được Võ Nhân Trí, Phạm Trọng Chánh, Trần văn Khê, Trần văn Ân....

Một loạt những cây bút xuất thân từ "lò tin tức" Việt Tấn Xã, như Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Phan Thanh Tâm, Trần Công Sung, Đinh Phụng Tiến, Vũ Ánh..., đã giúp nâng cao lượng và phẩm của việc thông tin qua các bài nhận định, tìm hiểu, ký sự, tạp ghi...

Một loạt những cây viết trẻ như Nguyễn Thị Ngọc Liên, Lê Thụy Vi, Tạ Thái, Hoàng Mai Đạt, Vũ Quý Hạo Nhiên, Nguyễn Hoàng Nam..., đã thổi vào tờ báo những hơi thở mới.

Phần tạo hình của tờ báo, ngoài sự săn sóc thường xuyên bộ mặt (trang bìa) tờ báo do Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng, chúng ta có sự tiếp tay quý báu của những họa sĩ Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Hữu Nhật, Đinh Cường...; và phần biếm họa có Vẹt (Hồ Đắc Vũ), Hiếu (Hiếu Đệ), Babui,...

Mọi năm, vào dịp Tết, Thế Kỷ 21 thường ra số đôi và nghỉ một tháng. Năm nay, 12 tháng có 12 số. Số Tết không tăng trang, nhưng gác lại một số trang mục thường xuyên — Anh ngữ, Thế Sự Thăng Trầm, Vòng Chân Trời VHNT — để gia tăng phần văn học. "Bàn Tròn Văn Học" là một "biến cố" của năm 1993, với sự tham dự (tại chỗ và từ xa) của gần 50 bạn văn, đánh dấu một bước chuyển của Thế Kỷ 21, với hy vọng sẽ còn có những "bàn tròn" khác để mở ra nhiều chân trời nữa.

Chúc các bạn năm mới vui bằng năm bằng mười năm ngoái!

Thân ái,

VƯƠNG HỮU BỘT
NGUYỄN XUÂN HOÀNG
PHẠM PHÚ MINH
ĐỖ VIỆT ANH
LÊ ĐÌNH ĐIỂU

ORANGE COUNTY, CALIFORNIA, USA.

THUH ★ BEAUTY

Orange County, California, USA

Thuh ★
Beauty Institute

Chúc Mừng Năm Mới

Bolsa MARKETPLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E,

Westminster CA 92683

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

- ★ *State Board Certified in Cosmetics, CA, USA*
- ★ *Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France*
- ★ *Certified in Semi Permanent Make Up & Pigmentation, Biology Research, Paris, France*
- ★ *Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.*
- ★ *Lan Normolee Cosmetics, Beijing, China*
- ★ *Gost Cosmetics, Copenhagen, Denmark*
- ★ *Member of Aestheticians International Association*
- ★ *Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA*
- ★ *Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA*
- ★ *Surgical Head Nurse and Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.*
- ★ *B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, Viet Nam.*
- ★ *Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, Viet Nam*

- International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
- European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France
- Aesthetics World Expo 1991 & 1992 & 1993, CA, USA
- Aesthetics World Expo 1991&1992, 1993 Paris, France
- Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzerland.
- Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England
- International Congress of Beauty 1992, Athens, Greece
- International Congress of Esthetics, 1993, Miami, Florida, USA.
- Cosmopros 1993, Bologna, Italy

Tel: (714) 531-1220
Beeper: (714) 346-3260

Do Cô Bạch Thuhà
chăm sóc và điều khiển

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.

GIẢI PHẪU

Mắt, mũi, môi, càm, ngực, đa mặt, da trán, hút mỡ, lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức chích Silicone. Giải phẫu bàn tay. Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

CHUYÊN MÔN:

** Facial* ** Lột da mặt* ** Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
** Dưỡng da* ** Xâm thẩm mỹ*
** Trang điểm: Cô dâu, dạ hội*

** Chữa trị da nám, tàn nhang, vết sẹo vì mụn*
** Lớp dạy Trang Điểm và Xâm thẩm mỹ*
** Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG

Bác Sĩ TRƯƠNG MINH CƯỜNG, D.C.
THỦ TRỊ Y KHOA

NGUYÊN:

- *Y Sĩ Trưởng Bệnh viện Thủy Quân Lục Chiến*
- *Bác Sĩ Giải Phẫu Toàn Khoa Tổng Y Viện Cộng Hòa*
- *Bác Sĩ Trưởng Ngoại Khoa Bệnh viện Phước Kiến Saigon*
- *Tu nghiệp tại Boston, Massachusetts - USA năm 1970*

CHUYÊN TRỊ:

Chúc Mừng Năm Mới

- Các bệnh về xương khớp, phong thấp
- Đau nhức đầu, cổ, lưng, tứ chi
- Chấn thương do tai nạn xe cộ, té ngã
- Chấn thương do tai nạn nghề nghiệp, tai nạn thể thao

TRANG BỊ QUANG TUYẾN X (X-RAY), VÀ CÁC MÁY TRỊ LIỆU HIỆN ĐẠI

ĐỊA CHỈ: *9746 Westminster Ave., Suite D3, Garden Grove, CA 92644*

Tel: (714) 534-7048

NHẬN BẢO HIỂM & MEDICARE
CÓ CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT CHO
BỆNH NHÂN TÀI CHÁNH EO HẸP

LÀM VIỆC MỖI NGÀY: 9 AM tới 6 PM
CHỦ NHẬT NGHỈ

TẬN TÂM - NHIỆT THÀNH - KẾT QUẢ TỐT

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

HOÀNG OANH CD8

DÂN CA VIỆT NAM
3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA
LASER
BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

Chúc Mừng Năm Mới

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

Chúc Mừng Năm Mới

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

9091 EDINGER AVE., SUITE A, WESTMINSTER, CA 92683 *(Góc đường Edinger và Magnolia)*

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA
* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA
* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Văn Phòng Luật Sư

NANCY A. POLLARD & ASSOCIATES

ĐÃ ĐƯỢC TÍN NHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG HƠN 10 NĂM QUA

BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ, CÁ NHÂN

* *Ly dị, Phân chia tài sản*
* *Cấp dưỡng con cái, vợ chồng*
* *Thành lập công ty*
* *Thảo duyệt hợp đồng*
* *Sang nhượng nhà, tiệm*
* *Thủ tục phá sản (Bankruptcy)*

* *Thủ tục nhập cư Hoa Kỳ*
* *Điều chỉnh tình trạng cư trú*
* *Bị trục xuất vì phạm pháp*
* *Thủ tục thẻ xanh, quốc tịch*
* *Di chúc, thừa kế (Wills, Trusts)*
* *Phiên dịch, Thị thực*

Bus. Hrs:
Mon - Sat
10 AM - 6 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 539-1634

14172 Brookhurst St.
Garden Grove,
CA 92643

Chúc Mừng Năm Mới

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / issues (US$17.10) ☐12 số / issues (US$32.40) ☐24 số / issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

Chúc Mừng Năm Mới

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA; 2 WHEEL $25 MOST CARS; 1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:

Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- Máy lạnh thổi không ra hơi
- Hơi thổi ra không đúng chỗ
- Hệ thống lạnh bị xì
- Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

VIẾT LÀ ĐỂ CHIA SẺ

PHẠM PHÚ MINH ghi

Một phần của "Bàn tròn" (một số lớn các tham dự viên đến sau): Mai Kim Ngọc, Trần Văn Nam, Đào Trung Đạo, Nguyễn Xuân Hoàng, Tạ Văn Trung, Lê Cẩm Thạch, Nguyễn Phương, Nguyễn Xuân Nghĩa, Quỳnh Giao, Nguyễn Mộng Giác, Tôn Thất Ngự, Hoàng Khởi Phong, Tôn Thất Thiện và Phạm Xuân Đài. (Hình do Lê Đình Điểu chụp, tòa báo *Thế Kỷ 21*, chiều Chủ Nhật 19-12-1993)

Như chương trình đã định, "Bàn Tròn Văn Học" với đề tài "Tại sao anh/chị viết văn?" đã diễn ra lúc 2 giờ chiều ngày Chủ Nhật, 19 tháng Chạp, 1993, tại trụ sở VAALA (cũng là tòa soạn báo *Thế Kỷ 21*), Westminster, California. Khoảng 30 văn hữu đã ngồi quây quần thành một vòng tròn (không có bàn) trong một không khí thân mật và tin cậy và 15 văn hữu khác đã "hiện diện từ xa" bằng các ý kiến gởi về. Tòa soạn, từ một tháng trước, đã lai rai nhận ý kiến đóng góp dưới dạng bài viết, càng gần đến ngày hội thảo thư đi tin lại càng dồn dập hơn, thậm chí gần đến giờ khai hội máy fax vẫn còn kiên trì chạy ra các góp ý vội vã sau cùng, kể cả một bức điện thư "chúc hội nghị thành công" giống y như tại bất cứ dịp mở hội long trọng nào trên cõi đời này.

Sau khi các tham dự viên làm một vòng tự giới thiệu mình, anh Nguyễn Xuân Hoàng, Tổng thư ký tòa soạn tạp chí *Thế Kỷ 21*, đã nói lời mở đầu, rằng câu hỏi "Tại sao anh/chị viết văn?" có thể là một câu hỏi có vẻ bất ngờ, mông lung, gây bỡ ngỡ cho người cầm bút, vì người viết văn không mấy khi tự đặt câu hỏi như thế cho mình. Sở dĩ báo *Thế Kỷ 21* tổ chức cuộc gặp mặt này với câu hỏi trên là vì nhìn lại tình hình văn học Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại trong mấy năm qua thấy có một cái gì lấn cấn, như là đang đi vào một cơn bế tắc. Trong nước, sau Nguyễn Huy Thiệp, không thấy có tác phẩm nào mang tầm vóc văn chương. Hải ngoại, sau thời gian nở rộ vào quãng các năm 1987, 1988, tình hình dang trầm lặng. Câu hỏi "Tại sao anh/chị viết văn" tự nó sẽ kéo theo những vấn đề khác như: viết cái gì, viết cho ai, viết như thế nào. "Viết như thế nào" cũng là một câu hỏi nên được đào sâu.

Sau "mấy lời phi lộ" của Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Xuân Đài trình bày tóm lược các ý kiến đã gởi về tòa soạn. Có cả thảy 15 văn hữu (danh sách đã đăng trên *Thế Kỷ 21* số 57) đã góp ý trực tiếp với chủ đề của cuộc hội thảo, mà sau khi trình bày nội dung ý kiến của từng người, Phạm Xuân Đài đã tổng kết như sau:

"Nhìn chung lại các ý kiến vừa trình bày thì thấy có các ý chính sau đây để trả lời cho câu hỏi "tại sao bạn viết văn?"

1- Viết để giải tỏa chính mình, như một nhu cầu tự nhiên thuộc lãnh vực tình cảm hay trí tuệ. Xã hội, tha nhân, thiên nhiên v.v... nói chung là cuộc đời, tác động vào tâm hồn con người, gây ra những nỗi niềm hay các vấn đề, và có một số người thấy cần phải viết ra tất cả những cái đó.

2- Viết để được chia sẻ với người khác những gì mình có trong lòng, và chi sẻ một cách rộng rãi, với một quần chúng đông đảo. Viết trở thành một hành động xã hội.

3- Viết để được sống thêm những cuộc sống khác vì đối với một số người, có một đời để sống thì chưa đủ. Khi hư cấu truyện, tác giả có thể làm hết những điều mình muốn, thăm những nơi mình muốn thăm, gặp những người khác nhau v.v... Ở đây viết là để sáng tạo, có lẽ là một trong những ý nghĩa to lớn của việc viết lách.

4- Viết như là hành động phô bày cuộc đời và con người, phô bày những cái uẩn áo phức tạp của nó nhằm mục đích xa là nâng cao con người lên. Đối với người Việt phải sống xa xứ, viết còn nhằm bảo vệ văn hóa của cộng đồng, để bảo tồn ngôn ngữ và duy trì tình tự của dân tộc Việt Nam.

Xong phần người ở xa đến phiên người tại chỗ, và vòng tròn bắt đầu chuyển động với Hoàng Khởi Phong. Hoàng Khởi Phong nói rằng mình không được đào tạo cho văn chương chữ nghĩa, lớn lên thôi học, đi lính rồi tự nhiên viết văn. Bây giờ hỏi tại sao anh viết văn thì anh chỉ có thể trả lời: Tôi không biết tại sao tôi viết văn. Và anh chuyển câu hỏi ấy cho Nguyễn Xuân Hoàng để có câu trả lời tích cực hơn.

Nguyễn Xuân Hoàng nói rằng dù Hoàng Khởi Phong không trả lời câu hỏi tại sao anh viết văn nhưng anh đã viết rồi, vấn đề là anh đã viết rồi.

Trả lời câu hỏi ấy cho bàn tròn hôm nay, anh nghĩ là các câu trả lời sẽ không giống nhau, và thấy rằng không nên chờ một câu trả lời khẳng định, rành rọt, dứt khoát, là tại thế này, thế kia. Anh viết có thể vì thấy có một sự thôi thúc tự trong lòng, không giải bày không được; cũng có thể vì thấy nhiều chuyện ngoài xã hội cần phải viết ra; mà viết cũng có thể chỉ vì chữ nghĩa, do không thích hoặc không đồng ý về cách viết của người khác mà mình viết để thể hiện cách trình bày ngôn ngữ của riêng mình.

Tôn Thất Ngự nêu ra câu chữ Hán: *Bất bình tắc minh*, và giải nghĩa chữ bình là thăng bằng; mất thăng bằng thì lên tiếng. Khi nào tôi mất thăng bằng thì tôi viết. Vậy có lẽ viết là một hành động để tạo lập lại sự cân bằng chăng?

Nguyễn Mộng Giác cho rằng các điều tóm lược của Phạm Xuân Đài vừa rồi tạm đủ các mặt để trả lời câu hỏi tại sao viết văn. Riêng đối với tác giả *Sông Côn Mùa Lũ*, động cơ ban đầu của viết lách là do đam mê đọc sách và mê văn chương từ hồi nhỏ. Nhưng càng đọc nhiều thì càng thấy ngần ngại viết, vì cảm thấy mình còn quá non tay, mãi đến năm 31 tuổi anh mới bắt đầu viết, và cũng có cái may mắn là được các tờ báo quan trọng hồi đó đăng ngay. Được khích lệ, anh tiếp tục viết luôn.

Những điều nghị luận như là sứ mạng của kẻ cầm bút, viết cái gì, cho ai v.v... là những cái sẽ đến sau, khi một người cầm bút đã thành công rồi. Chỉ sau khi đạt được một số thành công người ta mới có khuynh hướng nhìn lại cái quy mô việc mình đã làm, hệ thống nói lại, mặc thêm cho nó các ý nghĩa để thấy tầm quan trọng của nó, hoặc sự thơ mộng của nó. Theo Nguyễn Mộng Giác, càng đặt nặng lý luận thì càng trở ngại cho người viết, vì viết cần đam mê, tự nhiên, sòng phẳng, thành thực, chứ không cần cái quanh co của lý luận.

Quỳnh Giao cất tiếng... Không như một ca sĩ, mà như một nhà văn, (tuy vậy trong tiếng nói vẫn nghe như có tiếng nhạc). Quỳnh Giao tâm đắc với câu nói của một nữ văn sĩ Tây phương: người đầu tiên bà muốn làm vui lòng khi cầm bút chính là bà ta.

Quỳnh Giao bắt đầu viết khá trễ, từ sau 75, sau khi đã cư ngụ tại nước ngoài, có lẽ như là một phản ứng bảo tồn tiếng mẹ đẻ. Viết, trước hết là viết cho mình. Nhưng một khi những gì trong chúng ta đã hiện ra thành mực đen trên giấy trắng thì nó bắt đầu có đời sống của nó. Những thể nghiệm rất riêng tư dần mở rộng ra đến người khác, và nếu người khác đọc thấy thích thì sẽ khuyến khích ta viết thêm nữa. Khi sáng tác thì mình viết cho chính mình, nhưng khi sáng tác xong và quyết định đưa điều mình viết cho người khác, Quỳnh Giao nghĩ mình đã làm xong công việc của mình. Tác phẩm lúc ấy có cuộc sống của chính nó, hình như không còn là của mình nữa.

Quỳnh Giao coi viết lách như một thú vui, nếu được chia sẻ thì sẽ thấy được khích lệ. Dù là chỉ viết cho mình nhưng viết xong nếu không ai phản ứng gì cả thì chắc không thể viết nữa. Nhưng nếu khi viết chỉ nhằm vào khuynh hướng của độc giả để mua sự đồng tình sau này thì người viết bắt đầu mất tự do và mất cả thi vị của viết lách.

Nối lời Quỳnh Giao, Nguyễn Xuân Nghĩa đọc hai câu thơ của Vũ Hoàng Chương:

Một ánh dao bay ngàn vẻ đẹp
Dù sai hay trúng cũng là dư.

Và luận rằng cái "đẹp" đó có thể thuần túy mỹ thuật, có thể mang tính chất luân lý. Mỗi người viết có thể thiên về một khía cạnh nào đó mà mình cho là sự thật. Nhưng tác phẩm muốn đến được với lòng người đọc thì bắt buộc phải có cái đẹp của nó, tức phải có nghệ thuật. Dù văn chương nhằm mục đích gì mà thiếu nghệ thuật thì không thể đạt mục đích mà nó mong muốn.

Nhà thơ Trần Hồng Châu nói rằng hỏi tại sao tôi viết thì cũng giống như hỏi tại sao tôi yêu, khi con người nghệ sĩ xuất hiện thì cũng xuất hiện câu hỏi đó, và biết vấn đề sẽ không bao giờ giải quyết nhưng người ta vẫn bàn tới hoài. Cho rằng phần thuyết trình của Phạm Xuân Đài tương đối đầy đủ, ông bổ túc: chính cá tính mạnh đã khiến một người cầm bút sáng tác, chính nó tạo ra lòng đam mê, một điều không thể thiếu được để sáng tạo. Bản thân ông được đào tạo trong nền giáo dục nước Pháp, dựa trên duy lý, cái gì cũng tìm ra nguyên lý, cái gì cũng lý thuyết hóa, rồi sau ra dạy học chuyên về lý luận văn chương nghệ thuật, đã sống, đã quen thuộc, đã miệt mài trong bầu không khí đó. Cả đời ông sống với lý thuyết văn nghệ, bây giờ ông đã cảm thấy bão hòa với nó, nhưng với sự sáng tạo thì ông sống bằng bản năng nghệ thuật của chính ông.

"Tôi làm thơ bằng cả tâm hồn, cả con người, chân tay tôi, với bản năng nghệ thuật của tôi, như cây táo sinh ra trái táo, nó chẳng hỏi tại sao, nó không có lý thuyết."

Mặc dầu bản thân mệt mỏi với lý thuyết, ông vẫn thấy nó là quan trọng cho giới sáng tác — nhất là cho những người mới cầm bút.

Đào Trung Đạo có thắc mắc là sau buổi gặp gỡ này chúng ta sẽ tiếp tục viết như cũ hay sẽ viết khác đi? Văn học chúng ta đang ở trong tình trạng trì trệ, vậy việc thảo luận của chúng ta hôm nay có sẽ thay đổi được tình trạng đó không? Chúng ta có làm cho độc giả say mê chúng ta hơn hay không? Đào Trung Đạo có ý "nhắc" mọi người như thế.

Anh cũng muốn phân biệt người viết chữ (*écrivant*) và nhà văn (*écrivain*). Cây bút phải có sự huấn luyện, tâm hồn phải có sự đam mê, thì mới là nhà văn, nếu không thì chỉ là người viết chữ. Nếu theo dõi tình hình văn học cả ở Việt Nam và hải ngoại thì có thể thấy người đọc đã chán chúng ta (nhà văn) lắm rồi. Phải làm sao chúng ta được như Raymond Carver, say mê với việc mình là nhà văn, không chịu đánh đổi nó với bất cứ cái gì; phá bỏ biên giới các loại văn để viết lại cuốn sách của thế giới; viết để nói cái không nói được; như Tony Morisson viết để giữ sự liên lạc của mình với thế giới, hay Phạm Thị Hoài viết như một lối ứng xử...

Nguyễn Xuân Hoàng kể chuyện hồi thi vào ban Triết Đại học Sư Phạm, Linh mục Cras chấm bài của anh nói rằng anh viết văn chương chứ không phải triết học. Vì câu nói đó mà anh đã thử viết văn, với truyện ngắn "Mù sương," và sau đó Võ Phiến đã in tập truyện đầu tiên của anh. Giống như Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng có nỗi đam mê viết lách.

Anh muốn nhắc lại mục đích cuộc gặp gỡ hôm nay là để trao đổi kinh nghiệm tại sao viết văn. Còn viết cái gì, viết thế nào lại là những vấn đề khác. Chúng ta sẽ không luận về lý thuyết văn học mà chỉ nói kinh nghiệm riêng tư về viết lách của mỗi người.

Anh Đào Trung Đạo khẳng định mình không nói lý thuyết, mà chỉ có đôi điều nhắc mọi người trước câu hỏi con đường nào đưa anh/chị đến viết văn. Các nhắc nhở đó cốt khuyến khích thêm nhiều người viết, nhiều người đọc, nhất là giới trẻ.

Trần Văn Nam cho rằng viết văn vì ý hướng truyền đạt và mong được cảm nhận. Truyền đạt những gì ta cho là hay, đẹp và mới. Và để được cảm nhận thì cách viết phải có giá trị. Giá trị ở đây là nghệ thuật mang cái độc đáo của cá nhân, không trùng lẫn với người khác.

Nhà văn Mai Kim Ngọc (tức bác sĩ Vũ Đình Minh) nói rằng nghề văn giống nghề thuốc, vì đều lấy con người làm đối tượng.

Những vấn đề lớn của con người như sinh lão bệnh tử lại là cơm gạo của nghề y. Người y sĩ hàng ngày cọ xát với cái đau cái chết, có rất nhiều dịp được thấy những hoàn cảnh mà con người xử lý mọi chuyện một cách rất trung thực, phơi bầy những diễn nội tâm rất đặc biệt mà thường ngày hoặc giấu kín hoặc không tiện lộ ra. Mỗi con người là một bài học về nhân sinh, và bệnh nhân bằng cách cư xử rất thật, đã gián tiếp đậy cho thầy lang bài học ấy.

Người y sĩ còn được học về sự sống qua gia đình bệnh nhân. Săn sóc người bệnh, phản ứng trước cái chết v.v... là những điều rất phức tạp, để lộ ra những cái thâm sâu mà bình thường ta không thấy.

Mai Kim Ngọc cho biết đã bắt đầu viết từ ngày còn trẻ, về những đề tài bình thường trong đời sống, nhưng không được người lớn và giới "hàn lâm" khuyến khích vì cho đó là những đề tài tầm thường. Anh không viết nữa và chỉ chuyên lo về y khoa. Mãi tới khoảng mười năm trở lại đây, có dịp đọc sách văn học trở lại, và thấy các tác phẩm lớn của thế giới cũng chỉ nói về những cái bình thường, anh mới quyết định viết văn trở lại.

Bùi Bích Hà đã có gởi bài đóng góp ý kiến trước nên chỉ "nói thêm" để bổ túc. Trước hết chị đồng ý với Quỳnh Giao, viết là tự do. Và nhân vấn đề Đào Trung Đạo vừa nêu: "có nên tiếp tục viết như trước không?" thì chị lại muốn đặt câu hỏi: "Tại sao không viết văn nữa?" Một người đang viết, bỗng ngưng lại không viết nữa, tại sao thế? Vì những gì ta viết ra nó cũ, nó mòn, nó nhàm rồi, nó không có sức sống nữa, mặc dầu nỗi đam mê vẫn còn đó. *"Tôi như người ngồi trên giếng nước mà chết khát, trước mặt là cuộc hành trình xa lạ mà không có phương tiện để đi."*

Nguyễn Hoàng Nam, một bạn trẻ, cho biết việc viết lách của mình khởi đầu ở trong trường của anh học khi các bạn lập một hội học sinh Việt Nam và cuối năm định ra một cuốn đặc san. Để thực hiện cuốn đặc san đó anh đã bỏ ra ba tháng vào thư viện tìm tòi tài liệu, và bắt đầu viết từ đó. Anh cho rằng người viết phải quan tâm đến người đọc.

Giáo sư Tôn Thất Thiện cho rằng viết là muốn chia sẻ với người khác về tình cảm, kỹ thuật, tư tưởng. Ông nghĩ câu hỏi của cuộc hội thảo này rất bổ ích cho cá nhân từng người viết.

Nguyễn Mạnh Trinh nói thoạt đầu viết là để đối thoại với mình, viết là viết cho mình, như là nhật ký vậy. Chỉ sau khi được đăng mới bắt đầu nghĩ tới chuyện viết cái gì. Anh cho rằng "cái gì" đây phải là cái người khác chưa biết, một điều xem ra rất khó, vì điều gì hình như cũng đã có người nghĩ tới, và viết ra rồi. Điều mình tưởng mới thật ra chẳng có gì mới cả. Nhưng mà rồi vẫn viết, vì lòng đam mê, và để cho đỡ buồn, vì khi buồn thì lại thấy có nhu cầu muốn viết.

Cây bút lão thành Trần Văn Kha nói viết là cái nghiệp, cái nợ. Nhiều người viết (trong đó có ông) chỉ gặp rắc rối hoặc tai vạ vì những gì mình viết, nhưng rồi vẫn phải viết. Phải viết cho xong cái nợ rồi mới có thể rảnh rang mà về hưu được.

Người trẻ tuổi Nguyên Phương kể rằng chuyện viết lách của anh khởi đầu bằng... chuyện tình. Anh mượn thơ để bộc lộ nỗi lòng với "người ấy" và thấy kết quả tốt đẹp, từ đó nhận thức ra cái mãnh lực của thơ văn, và bắt đầu viết. Nếu ngòi bút đã được tập luyện, khi gặp điều xúc động thì ta sẽ dễ dàng ghi lại để truyền đạt cho người khác. Theo anh, một thi văn phẩm khi in ra thì phải ít nhiều thích hợp với hoàn cảnh và thời đại mình đang sống, không phải thích hợp với thị hiếu mà là với lương tâm và đạo đức của xã hội đương thời.

Bích Huyền nhớ lại thuở bé mình mê đọc truyện, rồi thử viết bài và được đăng trên trang học sinh của báo *Ngôn Luận*. Năm Đệ Tam vì rãnh rỗi nên viết được nhiều, nhưng không mộng làm văn sĩ. Đến Hoa Kỳ mới bắt đầu viết lại vì được khuyến khích viết những gì đã xảy đến cho mình từ sau năm 1975, và cũng vì nhận thấy viết lách ở xứ này cũng chẳng khó là mấy. Thành ra trong đời chị có hai lần cầm bút cách nhau khá xa, lần đầu trong thời trong sáng của tuổi học sinh, lần sau viết là vì các nỗi khổ đau đã gặp trong đời. Và một lần nữa vẫn không có mộng làm văn sĩ, dù đã có sách được xuất bản.

Phạm Xuân Đài nói mình viết không do một nỗi đam mê tự thân mà do khi gặp các "vấn đề" tác động từ bên ngoài. Vì thế chỉ đóng vai một người cầm bút "tài tử", không đam mê khó thành nhà văn đích thực. Theo anh, ngôn ngữ, dù nói hay viết, một khi đã được sử dụng đều nhằm được chia sẻ hay truyền đạt tới người khác một điều gì đấy. Không thể nói hay viết mà chỉ một mình mình biết, một mình mình hay.

Lê Đình Điểu lên tiếng sau cùng nhận xét rằng suốt buổi hội thảo chưa có trao đổi, chỉ có mỗi người lần lượt đưa ra ý kiến của mình. Đó là lỗi của... số người tham dự quá đông, mà thì giờ quá ngắn. (Mười lăm người từ xa, và 28 người tại chỗ, trong hai tiếng rưỡi đồng hồ). Lê Đình Điểu hỏi riêng Đào Trung Đạo: "Ban nãy anh có nói, sau buổi thảo luận này liệu mỗi người trong chúng ta đem về được cái gì. Vậy, anh cho biết anh đem về được cái gì?" Đào Trung Đạo cho rằng cuộc họp mặt có phần thành công, ở chỗ tạo cơ hội cho các bạn văn gặp nhau, nói cho nhau nghe tâm tư của mình, thúc đẩy mình suy nghĩ thêm về các vấn đề văn học." Hỏi thêm, "thành công độ bao nhiêu phần trăm?" Mọi người cười, nhưng Đào Trung Đạo cũng đưa ra một đánh giá: 65 phần trăm.

Lê Đình Điểu đề nghị Nguyễn Mộng Giác và báo *Văn Học* chọn một đề tài khác, để kỳ tới làm "bàn tròn" nữa. Nguyễn Mộng Giác chỉ cười (như thường lệ). Các bạn nghĩ sao?■

BÀN TRÒN VĂN HỌC

'TẠI SAO ANH/CHỊ VIẾT VĂN'
NGƯỜI ƠI, NGƯỜI ĐỌC CÁI GÌ?

LÊ THỤY VI

Ui chà ! Câu hỏi này thật cũ-kỹ mà cũng thật mới-mẻ.

Nếu hiểu như thông thường thì có khi chúng ta có vài ba quyển sách cỡ như cuả Erskine Caldwell hay André Maurois. Hoặc giả, nếu hiểu nhà văn trong hoàn-cảnh nào mà sáng-tác thì chúng ta đã có ý-kiến cuả Steinbeck hay Yevtushenko. Nhưng xét kỹ lại câu hỏi trên đây cuả *Thế-Kỷ 21* rõ ràng nhắm đến các nhà văn trẻ Việt-Nam thế-hệ lưu-vong (hay thế-hệ 'tìm về nguồn-cội'?) tự nhiên người viết trẻ có cảm-nghĩ liên-hệ đến các "nhà văn đàng cựu" (chữ cuả hai ông Nguyễn Xuân Hoàng và Võ Phiến) với câu hỏi: "Nhà văn trẻ, tại sao thời buổi này mà chú mày còn viết văn?" Nghĩa là tại sao thiên-hạ đang chuộng xem video và TV hơn mọi thứ, thế mà còn có những chàng hay những nàng trẻ thích làm bạn với "cây bút" (bàn phím máy vi-tính) hơn là thích nhàn hạ như củ khoai trên băng ghế, bấm bộ viễn-khiển để thưởng-thức Scarlett tân-thời. Tự nhiên nhà văn trẻ thấy mình quả có lạc-lõng thật. Tưởng-tượng, cứ ra hỏi ngay một cô em nào ở Bolsa xem cô em giải-trí bằng cái gì thì sẽ được trả lời liền: "Don Hồ hay Khánh Hà" [Xin hai người sớm liên-hệ với tôi để trả tiền quảng-cáo nghe không !?]. Hỏi trèo-quéo hơn tị nữa: "Người ơi, người đọc cái gì hồi gần đây nhất?" thì hẳn là sẽ được trả lời rằng: "Hôm nọ ngồi đợi đến phiên làm móng tay, tui có đọc tờ Thời-Báo". Thế đấy.

Vậy thì nhà văn trẻ, anh hay chị viết cái gì ? Với tôi, viết là để hi-vọng rằng có người nào đó đọc, chia-sẻ những suy-nghĩ cuả mình, để đối-thoại với người đọc. Nếu làm dáng thì tôi cứ giả-vờ bảo rằng mình viết chỉ để thoả-mãn cái "nhu-cầu" thiết-tha với việc văn-nghệ cuả mình. Nhưng thật vậy không? Chưa chắc. Người đọc quan trọng lắm chứ, họ có ảnh hưởng rất lớn đến những gì mà nhà văn, cả trẻ lẫn "già", viết và sẽ viết. Nếu chỉ viết để thoả-mãn cái việc "thấy cần viết" cuả mình thôi thì thử nghĩ coi, nếu như vậy người ta gửi thơ, truyện đăng báo làm cái gì, tốn tiền in sách để làm gì? (Có lẽ ngoại trừ trường hợp Stendhal). Vậy thì với tôi, nhà văn trẻ viết là để cho người ta đọc. Người đọc ít nhiều sẽ thấy lớp người trẻ phản ảnh cuộc sống khác hoặc giống với các người đi trước như thế nào. Ngày xưa nếu Nhất Linh, Nguyễn Đức Quỳnh khác Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Thế Phong, Nguyễn Đức Sơn, Thế Uyên về cách phản-ảnh cuộc sống thế nào thì tôi chắc những người trẻ bây giờ cũng khác lớp đi trước như

thế nào. Ngày xưa nếu Nhất Linh, Nguyễn Đức Quỳnh khác Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Thế Phong, Nguyễn Đức Sơn, Thế Uyên về cách phản-ảnh cuộc sống thế nào thì tôi chắc những người trẻ bây giờ cũng khác lớp đi trước như thế. Người đọc sẽ tìm thấy mình, bạn bè trang-lứa cuả mình đâu đó trong truyện cuả nhà văn, nhà văn trình-bày giùm cho họ những gì mà họ không có cơ-hội nói ra.

Vậy vấn đề trở thành: Lớp độc-giả trẻ bây giờ đọc cái gì ? Tự nhiên là rắc-rối to. Sao vậy ? Có một điều đáng buồn phải nói ra là số người trẻ thời nay chịu khó đọc sách trở nên hiếm hoi quá. Nhà văn trẻ xuất-hiện rồi cụt hứng đi nhiều. May lắm là anh cho ra đời được một tập sách, rồi thôi. Còn về phần nhà phê-bình thì bây giờ họ không có cơ-hội làm đúng chức-năng cuả họ là làm gạch nối giữa độc-giả và tác-giả nữa vì nhiều lý-do khác nhau, nghe nói là vì nhà phê-bình khen thì sợ thiên-hạ bảo "ủng hộ gà nhà", mà chê thì có ông nhà văn trẻ lại tự ái đầm-đìa, viết bài phản pháo "ấy là anh chưa thấy hết cái hay cuả tôi, bày đặt chê cái gì?" Nhà phê-bình cụt hứng luôn.

Đã đành so với số-lượng nhà văn hải-ngoại, thì một Bùi Vĩnh Phúc, một Thụy-Khuê hay một Nguyễn Hưng Quốc là chưa đủ, chúng ta cần có nhiều thêm những nhà phê-bình khác nữa. Hồi xưa ở Việt Nam chúng ta có nhiều hơn gấp bội (Lê Huy Oanh, Nguyễn Nhật Duật, Cao Huy Khanh, Tràng Thiên, Lữ Phương, Vũ Hạnh...) Ấy thế mà nhà phê-bình hải-ngoại vẫn thấy mình thất-nghiệp. Thế thì nhà văn trẻ bây giờ viết cho ai đọc ? Có lẽ anh đang viết cho cái ghetto cuả mình đọc. Cái ghetto này gồm các bạn đang thích viết văn, đang viết văn trên một số các báo hải ngoại. Người này đọc người kia, buồn quá. Tôi có bi-quan quá chăng? Hay là tại vì độc-giả bây giờ thầm-lặng quá, ngại không muốn làm cái việc viết thư về toà báo khen, chê về cái truyện này, bài thơ nọ. Thời còn ở trong nước, khi nhà văn Duyên Anh xuất-hiện với cái truyện ngắn đầu tiên của ông trên báo, có độc-giả viết cho người chủ-nhiệm thân-mến này: "Ông Duyên Anh, tôi bắt đền ông đấy" chỉ vì truyện cuả nhà văn buồn quá. Rồi khi Hoàng Ngọc Tuấn xuất-hiện chẳng hạn, độc-giả vỗ tay khích-lệ ào ào. Hay sau đó khi Trần Thị Ngh, rồi đến Nguyễn Thanh Trịnh (tức nhà văn Đoàn Thạch Biền ở trong nước bây giờ) góp mặt trên báo, họ được sự tán-thưởng rất nồng-nhiệt, ít nhất là từ phía các nhà phê-bình. Còn bây giờ, may ra chỉ có Đỗ Kh hay Võ Quỳnh NH được người ta chú-ý đặc biệt, còn Vũ Quí Hạo Nhiên viết "Người đàn bà bị tai-nạn" hay là thế, Hải Vân viết "Đàn bà" hấp-dẫn vậy mà có thấy ai công-khai khen ngợi đâu.

Đã lâu, tôi có đọc thấy đâu đó câu trả lời trong một bài phỏng vấn nhà văn Võ Phiến, ông nói rằng khi ông thấy nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng hay Hoàng Ngọc Tuấn viết hay thì ông vỗ tay cho mọi người cùng chú-ý. Bây giờ hình như ông cũng ít khi vỗ tay thì phải. Bởi vậy mỗi khi thấy có độc-giả viết thư về toà soạn để phê-bình một bài thơ hay một truyện ngắn, tôi cảm thấy biết ơn vị độc-giả ấy, dẫu rằng đó là lời phê-bình người khác. Bởi vì độc-giả thân-mến ơi, chúng tôi muốn và cần sự đối-thoại với các bạn như với một người bạn thân chứ không phải với "quần chúng thầm-lặng". Khi đã nói nhà văn viết, hiểu theo nghĩa nào đó, là để "đối-thoại" với người đọc thì cuộc đối-thoại phải có hai chiều. Bạn chịu khó tốn tiền mua sách báo, dành thời-giờ vàng ngọc "tiếp chuyện" với nhà văn trong thời buổi tình-cảm do bằng kết-quả lợi-lộc, danh-vọng này, quý lắm, chúng tôi biết ơn lắm, nhưng xin tích-cực hơn chút nữa: Xin bạn hãy khuyến-khích chúng tôi tiếp-tục bằng lời đóng-góp cho toà soạn ý-kiến cuả bạn về bài viết cuả chúng tôi, hoặc bằng thư riêng nếu bạn muốn. Tôi tin chắc rằng bất cứ nhà văn trẻ nào nhận được một thư như vậy cũng lấy làm trân-quý và trả lời bạn ngay với lòng biết ơn. Khi độc-giả có công-khai lên tiếng về tác-phẩm cuả nhà văn trẻ thì mới mong các nhà xuất-bản chú-ý đến việc xuất-bản sách cuả các tác-giả trẻ ấy. Còn không thì sẽ còn hoài lời ta-thán cuả Hoàng Mai Đạt "Một lời trách-móc tỏ-tường còn hơn thương yêu giấu kín" bạn ơi.

Nói tới nhà văn trẻ và nhà xuất bản thì phải nhận là những tuyển-tập như Trăng Đất Khách cuả Làng Văn, Truyện hay Hải-ngoại cuả nhóm Nguyễn Văn Ba hay các tuyển tập tác-giả trẻ do Người Việt in hoặc sắp tới đây là một tuyển tập truyện ngắn gồm các truyện ngắn cuả Thế Kỷ 21 trong sáu năm qua. Tất cả đều là những đóng-góp, hi-sinh rất khích-lệ. Ước mong sao những giáo-Sư như Huỳnh Sanh Thông hay Nguyễn Đình-Hoà cũng góp thêm chút ít bằng cách dịch những tuyển tập truyện ngắn hay thơ cuả những tác-giả thế-hệ lưu-vong (cả trẻ lẫn "già") ra ngoại-ngữ để đánh dấu một giai-đoạn văn-học cuả người Việt thì quý lắm. Tôi có từng được đọc tuyển tập thơ-truyện cuả các nhà văn trẻ Phi-Luật-Tân, tuyển tập truyện ngắn cuả các nhà văn trẻ Trung-quốc bằng Anh-ngữ. Nhà văn Việt lưu-vong chúng ta chưa có những tuyển-tập như vậy (nhà văn Việt ở trong nước thì có tuyển-tập truyện ngắn cuả họ bằng Anh và Pháp-ngữ rồi).

Và...đến lúc này, có lẽ nhà văn trẻ sẽ nghĩ đến chuyện xuất-bản tác-phẩm cuả mình trên minidisk. Từ đó lối hành-văn sẽ phải khác đi, văn kể chuyện khác xa văn viết truyện bạn ơi. Hay là chúng ta nên có chương trình văn học nghệ thuật trên truyền hình như kiểu trên đài truyền hình THVN xưa kia do Đỗ Quý Toàn phụ trách để thông-tin về văn học nghệ thuật, để cho độc giả thấy tác-giả gần gũi với họ hơn, từ đó mối quan-tâm dành cho văn học nghệ-thuật cũng tăng lên. Từ đó nhà văn trẻ không thấy mình "chẳng giống ai" khi so với các bạn cùng trang lứa với mình. Một người bạn nào đó của nhà văn trẻ có lẽ sẽ nhắc nhở cho anh hay chị ấy nhớ rằng "Tao thấy mày làm chuyện vô-ích hết sức, thừa thì giờ mà thức đêm thức hôm gõ máy lọc cọc. Tao thừa thì giờ thì tao đi shop dưới Broadway hay bật TV coi soap chứ ai đọc sách cho nó mất công suy-nghĩ. Chờ kẹt xe trên freeway thì tao nghe 'thầy rên' Ý Lan cho nó hết giờ chứ không lẽ bắt tao đọc truyện cuả mày ?" ■

MỘT VÀI Ý NGHĨ NHÂN XEM LOẠI TRANH TẾT

THÁI TUẤN

Tranh giấy dó "Đám cưới chuột"

Hồi còn nhỏ có những con vật tôi rất sợ hãi, là chuột và cóc. Sự sợ hãi không biết từ đâu tới, tới vào lúc nào, chỉ thấy tự nhiên mà có; bám riết lấy tôi. Mọi lý lẽ xác đáng, mọi giải thích khôn khéo cũng không thể làm mất đi được.

Một ngày gần Tết, mẹ tôi đưa từ chợ về mấy bức tranh Tết; trong số đó có bức tranh đám cưới chuột, ông đồ cóc dạy học. Nhìn thấy những con chuột thổi kèn, cưỡi ngựa; những con cóc quạt nước pha trà, có con bị đòn chắc vì làm biếng học; bỗng tôi cất tiếng cười vang thích thú; thấy chuột cóc cũng đáng yêu và từ đó tôi hết sợ chúng.

Khi con người sợ hãi vật gì, thì không thể ưa thích; đã không ưa thích thì cũng không thấy là đẹp. Lý lẽ đó đặt ra cho tôi nhiều câu hỏi. Cái đẹp có thật ở nơi sự vật hay từ cái nhìn của tôi? Phải chăng là **những Hình Sắc** trong bức tranh đã hóa giải được sự sợ hãi? Hay sự **Nhân Cách Hóa** những con vật, do người vẽ bức tranh đã cho tôi thấy chúng gần gũi với tôi với con người, giúp cho lòng thương yêu nẩy sinh để tôi nhìn ra mọi vẻ đẹp?

Ở phạm vi hội họa, sự lựa chọn hình sắc và đề tài của người họa sĩ, khi từ ý thức, khi do vô thức, không hề có sự ngẫu nhiên. Sự chọn lọc trước hết do lòng yêu mến hình sắc và những sự vật gần gũi với mình. Cézanne đã chọn lựa những trái táo, để vẽ nên bức tranh tĩnh vật nổi tiếng, Utrillo đã thành công với đường phố Paris và Modigliani đã ca tụng vẻ đẹp của người phụ nữ Tây phương trong họa phẩm của ông. Từ lòng yêu mến thiết tha đối với cảnh vật quen thuộc trong xã hội mà mình sinh ra và lớn lên, đã giúp người nghệ sĩ nhìn ra muôn vàn hình sắc rực rỡ, đẹp đẽ. Song chỉ có cái tính chất nhân bản ở tác phẩm mới có thể làm cho con người gần gũi nhau hơn.

Thường là lòng yêu mến bao la của người nghệ sĩ không hề có sự phân biệt; song cũng là điều tự nhiên, nếu niềm tâm sự của họ chỉ có thể nhờ ở sự vật gần gụi quen thuộc hàng ngày để gửi đến người thưởng ngoạn.

Những tà áo dài, những cây chuối, bờ tre, những con ngõ hẹp đã gây niềm xúc động và tạo nguồn cảm hứng cho văn chương, thi ca và nghệ thuật Việt Nam cũng là điều hết sức tự nhiên. Phát huy và biểu hiện được những nét đặc thù của dân tộc mình, luôn luôn là khát vọng của bất cứ người nghệ sĩ nào.

Nhìn lại những bức tranh Tết, trong loại tranh dân gian của ta, có nhiều điểm tương đồng với những loại tranh dân gian của các dân tộc khác, ở cách vẽ hồn nhiên vụng về bởi chưa ảnh hưởng, gò ép trong một khuôn mẫu, một trường phái nào. Tranh dân gian thì dân tộc nào cũng có, song tranh của ta dưới hình thức mộc bản, sự phổ biến được rộng rãi và nhất là được sự mến yêu ưa chuộng của mọi từng lớp trong xã hội; không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, trí thức hay lao động. Đó là điều khó đạt được của bất cứ tác phẩm nghệ thuật nào.

Cũng chính vì điều đó làm cho các nhà nghiên cứu nghệ thuật ở nước ngoài phải quan tâm tìm hiểu. Những công trình nghiên cứu của họ đã nêu lên những nét đặc thù về hình sắc, về cảm quan đối với cái đẹp của dân tộc Việt Nam.

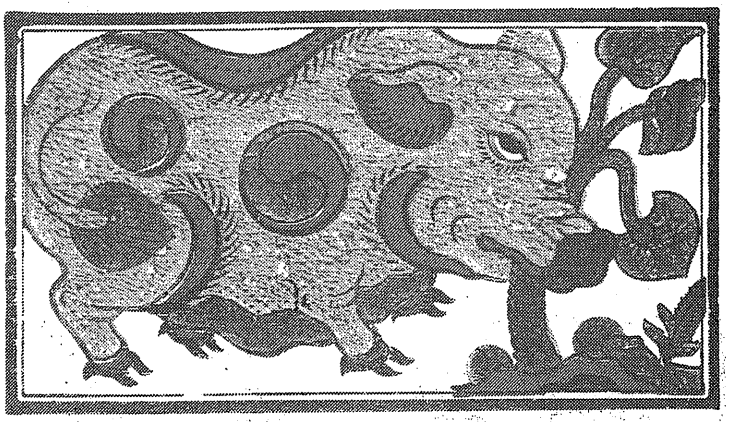

Vai trò của loại tranh dân gian, không thể thiếu vắng khi đề cập đến lịch sử hội họa Việt Nam; cũng như những tác phẩm nghệ thuật mà chúng ta đã góp phần xây dựng.

Mọi lời giải đáp về cái đẹp chỉ có thể tìm thấy ở tác phẩm nghệ thuật.■

Thái Tuấn

NGUYÊN SA

THƠ XUÂN

Mùa xuân em mặc áo vàng
Ở trong thơ cổ chim hoàng hạc bay
Em vừa xoay nhẹ vai gầy
Nhìn coi vũ điệu vào đầy giấc mơ
Nhìn coi chỗ cuối bài thơ
Nụ hôn màu đỏ trời cho rượu đào
Anh nhìn em mới bước vào
Nhìn xuân xuân bẽn lẽn chào đầu năm.

ĐI TÌM DẤU TÍCH CHÓ TÀU, CHÓ TA THỜI CỔ

PHAN QUỐC SƠN
NGUYỄN BÍCH

Từ ngàn xưa, trên vùng Hy Mã Lạp Sơn có sản sinh một loài chó lớn hung dữ, tương truyền đó là thủy tổ của các loài chó Á Châu. Người Tây phương gọi là chó Mastiff; người Tàu đặt nhiều tên: như Đại Thủ Cẩu (chó đầu bự); hay Tạng Cẩu (chó Tây Tạng); hay Man Cẩu (chó xứ Man Di); Đại Chủng Cẩu (chó giống lớn).

Thủy tổ loài chó này vốn là chó sói hoang lông đen, sống trên vùng núi cao, quanh năm tuyết phủ. Về sau bị các bộ tộc bắt giữ, huấn luyện thuần thục thành gia súc để giữ nhà, chăn bò, săn thú v.v... Các nhà khoa học ngày nay truy nguyên đặt tên khoa học là Canis Niger, sói đen Tây Tạng. Xứ Tây Tạng còn sinh sản nhiều giống chó khác nhau, được đặt tên khoa học chung là Canis Molossus Tibetanus, tiền thân các loài chó ngày nay ta được biết như chó săn xứ tuyết SL Bernara, chó Bắc Cực, chó Mặt Trâu (Bull dog) v.v... Trên những bức tượng phù điêu cổ xứ Assyrian, bảy thế kỷ trước công nguyên, ta còn thấy những hình tượng chó hung dữ, thuộc giống chó Tây Tạng đời xưa. Tại Ấn Độ, thế kỷ thứ ba trước công nguyên, có tượng mình sư tử, đầu chó, được các chuyên gia định là đầu giống chó Tây Tạng. Trông y hệt như thủy tổ loài "chó Cao Ly" ngày nay.

Nguồn gốc chó trong cổ thư Trung Quốc

Truy lục lại các cổ thư Trung Quốc, ta tìm thấy sử liệu xưa nhất về chó Tây Tạng này chép trong sách "Thủy Kinh Chú": Hồi ấy, phía Tây nước Tàu có giống dân *Lữu*, khoảng năm 1121 trước công nguyên dân ấy đem cung tiến cho vua *Vũ Vương* nước Tàu một loài chó lớn, tiếng Tàu là *Ngao*. Chó này thân cao bốn trượng, được huấn luyện để săn giết người. Một tập tục giống một thời của các dân tộc Trung Mỹ và Tây Ấn Độ.

Nhưng dây không chắc là lần đầu giống chó này được đưa vào Trung Quốc. Vì có những chứng tích lịch sử cho thấy giống chó Tây Tạng này đã du nhập vào các xứ vùng Lưỡng Hà Địa ở Trung Quốc trước đó rất lâu. Và sự giao lưu giữa nước Tàu và các xứ phía Tây đã xảy ra từ lâu trước đó, nhất là với các dân tộc Tây Tạng. Về sau, chó Tây Tạng càng được đề cập nhiều lần trong sử sách Tàu, kể từ 100 năm trước công nguyên cho mãi đến nay. Tuy tên giống chó đầu tiên là *Ngao*, nhưng tiếng chỉ chó của người Tây Tạng là *Khyi*, đồng âm tiếng Tàu là *Khuyển*. Chó *Ngao* mô tả cao bốn trượng, có thể dạy dỗ theo ý người, để chăn trâu bò cừu dê. Như thế nơi sinh quán ấy, có nhiều giống chó khác nhau, dùng trong nhiều việc khác nhau. Chó tên *Khuyển* dùng cho việc săn thú; chó *Ngao* dùng cho việc chăn dắt gia súc. (Theo English - Chinese Dictionary của Giles).

Văn sử cổ thời Trung Quốc không đề cập đến ai và thời nào người ta biết huấn luyện đã thú thành loài gia súc chăn nuôi. Chỉ biết sáu con vật (lục súc): ngựa, bò, gà, lợn, chó, cừu đã có từ thuở xưa, có lẽ từ khi có xã hội du mục hay nông nghiệp. Mà người đời sau vẫn chưa tỏ tường nguồn chủng. Và sáu con vật này được đưa vào 12 con giáp làm

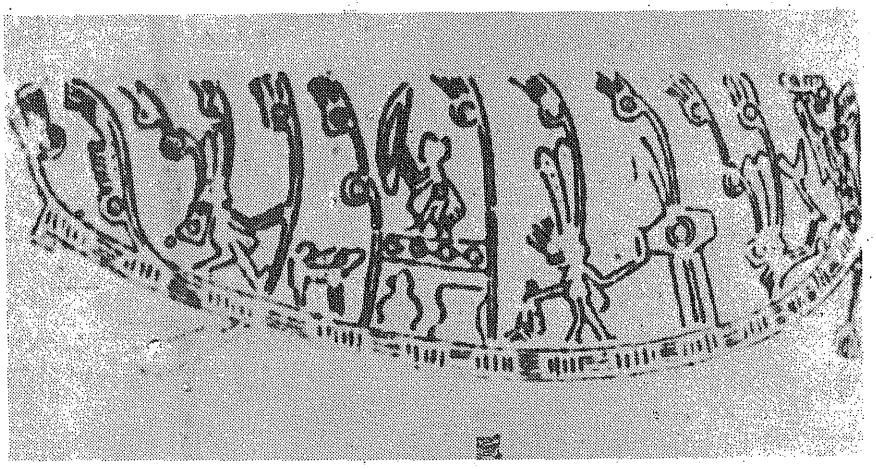

Hình chó đứng trên thuyền trên trống đồng Ngọc Lũ (Hà Nam, trống loại 1)

tên âm lịch. Sách Tư Mã Thiên kể chuyện vua Hoàng Đế là người đầu tiên biết luyện gấu, hùm beo, ác thú để dùng vào việc quân, mà không thấy nói đến việc luyện chó.

Trụ Vương (1154 - 1123 BC) đời Ngụy, thói tật tham tàn xa xỉ, thích nuôi rất nhiều chó, ngựa, thu tóm nhiều báu vật vào tư cung. Ấy là dấu vết đầu tiên đề cập đến chó trong sử ký Tư Mã Thiên. Như đã kể, chó *Ngao* hay *Ao* đã chép trong cuốn Thủy Kinh Chú. Sau khi diệt Trụ Vương, chấm dứt đời Thương, đời Châu lên ngôi cởi mở sự thông thương với các xứ láng giềng. Dân *Lưu* đi cống vua Vũ Vương (1122 - 1116 BC) chó Ngao, đặc sản xứ ấy. Sự tích dân *Lưu* lờ mờ, lời tả chó Ngao không đủ rõ. Chỉ biết dân Lưu lập thành một tộc ở xứ Tây Giang; phía tây của chín nước chư hầu triều đình. Và chữ Ao chỉ một loài chó chăn thú vật. Chó cao bốn trượng, chó hiểu ý người, có thể dạy dỗ thuần thục.

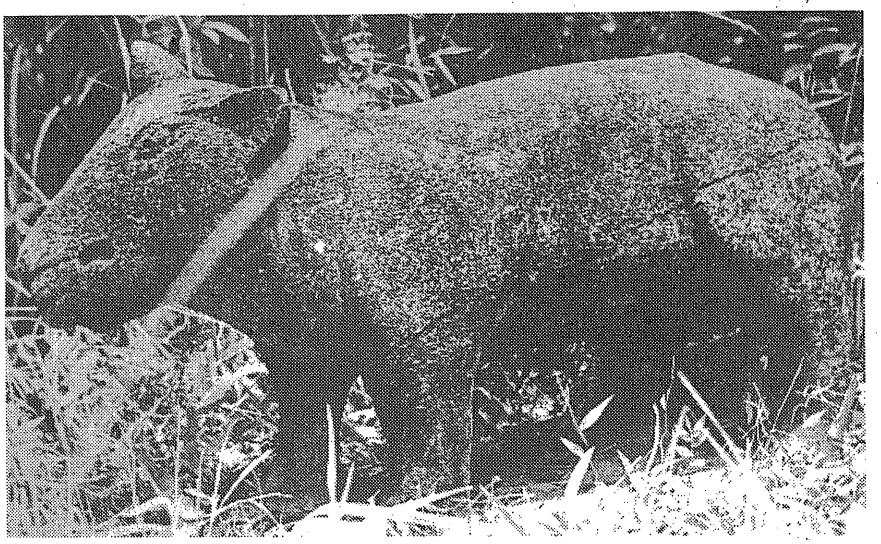

Chó đá đứng chầu hai bên đường thần đạo ở Lăng Lê Lợi (Lam Sơn, Thanh Hóa). Niên đại 1443)

Dò văn sử Tàu đời sau, nhất là trong thi phú không thấy dùng chữ Ao. Và có các nhà học giả đời nay cho biết không chắc đó là giống chó xuất phát từ Tây Tạng. Vì lẽ đơn giản là vào thời ấy chưa có dân và nước Tây Tạng như nay ta biết đến. Theo sự tích ghi lại lờ mờ về dân Lưu, có thể phỏng đoán, thời ấy Lưu là một giống người nguồn gốc từ dân Thổ Nhĩ Kỳ.

Cổ thư Tàu cũng so sánh sự tương đồng giữa chó nhà và chó sói: mô tả chân chó sói giống chân chó nhà (mao cẩu túc); sách khác tả sói hú giống giọng chó nhà (mao lương độc cẩu thanh). Sách của Trịnh Bình, đời Bắc Tống, chép: "Hai dân tộc Phùng và Tế vốn chuộng chó sói." Nên ta đoán dân Thổ Nhĩ Kỳ rất quen thuộc chó sói, thường sống lai cà gần vùng dân cư. Trong tự điển A Tibetan - English Dictionary (London, 1881) có mô tả: Ở Tây Tạng, nhất là vùng Spiti, chó sói sinh sôi nảy nở đầy đàn, gây sợ hãi cho loài cừu, nhưng đối với người thì lành, và dễ dạy bảo như các loài chó khác. Nếu so sánh hình chó nhà và chó sói trong sách "Mao Ký," thì thấy cả hai giống nhau nhiều chi tiết. Tự điển ông Giles, giải thích chó "mao" là chó lông xù, cho đó là một loài chó lớn Tây Tạng. Có lẽ người Tàu từ rất lâu đời, đã quen thuộc giống chó này.

Như thế, không biết giống dân nào đã nghĩ ra đầu tiên huấn luyện sói hoang thành chó nhà? Tây Tạng hay Thổ Nhĩ Kỳ? Đối với dân tộc sau này, sói là loài rất thân quen, vốn đóng một vai trò quan hệ trong sinh hoạt cổ truyền dân tộc họ và đã đi vào huyền thoại cổ tích họ thời rất xa xưa.

Trong lịch sử, chó là loài rất gần gũi với các dân tộc nam Tây Bá Lợi Á vào thời đồ đồng. Trên một di chỉ chạm đồng lưu lại có hình một con chó đi theo người săn thú. Cũng như một giống chó cực kỳ hung dữ tên là *Bí Ngưu* (giống chó Trâu), thường được chạm vẽ trên cửa ngục, tượng trưng sự canh giữ, được xem nguồn gốc từ chó Thổ Nhĩ Kỳ (tiếng Tàu xưa gọi xứ ấy là *Hồ Địa*). Sử Ký Tư Mã Thiên cũng chép: "giống chó dữ này có cũng có nhiều ở xứ rợ Tế."

Theo sách Tiền Hán Thư (A.D. 100) — Đất Hung Nô có sinh một giống chó lạ tên *Giáo Cẩu*, miệng rộng thân đen, đặc điểm chó Tây Tạng. Sách tả Giáo Cẩu là một loài chó bé con (thiếu phục). Sách *Sơn Hải Ký* thì tả chó *giáo* này bằng lời lẽ rất thần kỳ: "Trên núi đá ngọc, có loài thú mình tựa như chó, lông vằn như cọp, có sừng như trâu, tên gọi là *Giáo*, tiếng kêu giống chó sủa. Ở đâu có giống này, ở đó sản sinh rất nhiều chó." Sách *Thoại Ứng Khoa* có đoạn chép "dân Hung Nô cung tiến chó lông báo, mõm nhọn, thân đỏ, cao bốn trượng." Không biết đây có phải là loài Tây Tạng Cẩu hay không?

Nhà du hành Marco Polo, viết về xứ Tây Tạng (Sách II, chương 45): "Dân Tây Tạng sống rất cơ cực. Họ có nuôi một giống chó lớn bằng con lừa, dùng để bắt thú hoang (hay loại bò hoang hung dữ tên là Beyamini)." Ông còn thuật lại đạo binh chó Mông Cổ của triều đình Thành Cát Tư Hãn có hai vị tướng, chức tước gọi là Chunichi, chỉ huy hai ngàn binh sĩ. Mỗi quân trông một hay hai quân khuyển lớn. Như thế, thời ấy quả là đạo quân khuyển rất hùng hậu.

Hậu duệ chó Tây Tạng ngày nay tại nước Tàu lai giống ra sao, ấy là đề tài khảo cứu của các nhà cầm thú học. Ta chỉ biết truy tầm những ghi chép trong cổ thư để đi tìm dấu vết loại chó lớn này tại Trung Quốc thời xưa.

Khi tả về hạt Quế Châu, Marco Polo viết: "Ở đây có một giống chó to lớn hung hãn, nếu hai con hợp lại có thể đương đầu với một con mãnh sư." Đây có lẽ

giống chó người Tàu gọi là chó *Trúc Lâm,* sinh sản ở châu Trúc Lâm, tỉnh Quảng Tây. Chó rất cao lớn, tai cụp, đuôi không giống chó thường. Sách *Nhẫn Đức Phủ Chí* có đoạn chép "loài chó săn rất tinh khôn trong việc bắt dã thú." Tại Mông Cổ, nuôi rất nhiều loại chó này. Thân hình cao hơn con nai, ấy là giống mà Chu Bảo Trị, đời Nguyên, có tả trong một bài thơ trong tập *Nhật Thi Kinh Hành Trạng.* Sách *Không Luân Nội Chuyển* mô tả: "Trong các lữ điếm sang trọng, có nuôi bầy chó dữ, canh phục trước cửa phòng bọn ca kỹ. Khách lạ mới đến nếu đường đột xâm nhập, chó ùa ra cắn xé. Tiếng chó sủa như ma tru quỷ hờn, tánh hung dữ tựa hùm beo. Ấy là giống chó *Mạng Hải* xứ Triều Châu, Sơn Đông."

Di tích mỹ thuật chó tại Trung Quốc

Khoảng hai ngàn năm trước công nguyên, nước Tàu có tục khi vua băng hà, bèn chôn sống theo bọn nô tì, chó và ngựa. Đến đời hán (206 BC - 220 AD), khi vua quan hay hàng đại gia chết, của lễ dâng theo chỉ là những món đất nung thô sơ, như nối dài cảnh sinh tiền sang bên kia cõi âm. Mồ Hán giống như một sân khấu thu nhỏ cảnh dương thế với hình tượng nhà cửa, người, xe, gia súc, dĩ nhiên rất thường có hình chó, gà. Gà gáy báo trời sáng, chó sủa canh đêm đen, hoặc đuổi đi hồn ma bóng quế cõi âm. Đến nay, người ta khai quật vô số mồ Hán khắp Trung Quốc, hay cả mồ Hán tại bản địa Việt Nam, phát hiện rất nhiều hình chạm trên ngói gạch hoặc tượng chó đất nung...

Trước khi lược qua những di chỉ hình tượng tiêu biểu chó đời Hán, cũng cần nhắc qua một hình chó thuộc hàng xưa nhất trong mỹ thuật Trung Quốc đã tìm được. Ấy là hình chó chạm trên một chiếc lư đồng đời Chu. Hình chạm nhỏ và trang trí với các loài vật khác trên chiếc lư đồng chỉ cao 22.4 cm, tai vểnh, đuôi ngắn, hình như tả chó đang đi săn, trông giống loài chó sói. Giống này tại Trung Quốc, các nhà khoa học xếp vào giống chó để ăn thịt (tiếng Anh phiên âm theo lối Tàu là Chow Dog). Có tên khoa học là Canis Palutris, trải qua một thời gian đã được nuôi dạy thành gia súc.

Trong một mộ Hán tại Tứ Xuyên, một miếng gạch chạm đào được, tả cảnh sinh hoạt bận bịu một nhà bếp: người đang chặt cá cạnh một hàng móc treo nhiều cá. Một người đang lui cui nấu lò. Hai người sắp sửa làm thịt một con chó. Ngoài cửa một người đang cố lôi cổ một con chó khác vào. Nên nhớ tục ăn thịt chó đã có lâu đời tại Trung Quốc, cũng như Cao Ly và bắc Việt Nam.

Tại Sơn Đông, từ mộ Hán cũng tìm những miếng gạch chạm hình chó săn đang ngồi trước một cỗ xe ngựa, bên trái có hình người đứng. Đây là loài chó săn đặc sản xứ Sơn Đông. Hình chó săn tương tự cùng dáng ngồi, tìm thấy trên một bản chạm gạch khác, ngồi trước một cỗ xe ngựa không thắng dây cương. Hình một người có lẽ nài ngựa đứng phía trái chó.

Hình chạm trên bia ký tìm được tại núi Triệu Tùng tả cảnh chó đi săn. Toàn thể hình chạm rất khéo léo, được coi là một trong những tác phẩm chạm diêu luyện nhất thời ấy. Hình ảnh giống chó này khác giống chó ngồi đã tả ở trên. Theo một nhà học giả, đây là một loài chó săn gốc tích từ nam Trung Quốc, thấy có xuất hiện rất sớm ở Phi Châu. Những bích họa dưới lăng mộ Ai Cập chứng tỏ sự tiến hóa dài từ giống chó ấy để biến thành chó săn.

Riêng tượng chó đất nung, rất dồi dào ở các mộ Hán, thường thì để trơ đất, hoặc về sau có phủ men xanh lục. Một tượng chó tiêu biểu, có thể cho ta thấy phảng phất nét chó Tây Tạng đã đến Tàu từ cổ thời. Thân chó đúc rỗng, ráp lại bằng khuôn, diễn tả một con chó lớn, lực lưỡng, giống như chó mặt trâu (bull dog). Đuôi chó cong giống chó Tây Tạng, mặt rất chi tiết tả chân. Trừ đôi tai dựng đứng khác chó Tây Tạng tai cụp xuống. Tai dựng đứng, theo môn cầm thú học, là do kết quả huấn luyện nuôi thành chó nhà. Tư thế chó đang có vẻ khẩn trương, canh ngóng như diễn tả ý người nghệ nhân làm ra để canh giữ nấm mồ. Hai vòng buộc cổ và buộc bụng còn thấy giống như trên tượng chó ở nhiều mộ Hán khác, cho thấy đấy là loài chó sức rất khỏe.

Ngoài ra, đời Hán còn dâng xuống mồ tượng chó Tàu theo kiểu u mặc, chó thường ngồi, quay đầu nhe răng cười rất khôi hài. Tiêu biểu là con chó Hán men lục, trong sưu tập Robert Chang trưng bày tại bảo tàng viện Bowers Museum tại Santa Ana, California vào năm 1991.

Giờ ta hãy thưởng thức một vài tranh chó in theo mỹ thuật mộc bản trong sách xưa. Trong tranh in năm 1801, hình một chó săn được vẽ khắc hai lần: lúc bắt đầu săn và lúc quay về. Khi săn, tai dựng đứng; khi về, tai cụp xuống. Cả hai chó thân thon dài, đuôi hơi cong. Cả hai có đeo vòng lục lạc. Rõ ràng đây là loài chó săn *Greyhound*. Một hình khác in năm 1607, dưới mục *Thảo Trang* của tác giả Vương Trí. Lời chú thích liền đó chia ba loài chó: chó săn (Nhất chủ điền phục); chó giữ nhà (Nhị chủ khẩu phục) và chó để ăn thịt (Tam chủ thực phục). Và không nói rõ hình chó in thuộc loại nào, nhưng đoán có lẽ là chó săn, tai cụp, lông và đuôi xù. Một hình chó khác in trong cuốn *Kiến Bộ Súc Lục Khoa*, của Lý Tế Xương viết vào thế kỷ 17. Hình chó này rất giống sách của Vương Trí, chỉ khác là tai dựng, hình chó như sắp nhảy.

Trong sách "Mao Ký" có gọi tên loài chó là *Liệu*, và đưa ra cùng bức hình con chó vừa tả trên, mõm nhọn há rộng, tai dựng, đuôi và thân hình lông xù. Chó *Liệu* được tả là chó săn, đời Hán thuộc Thiểm Tây và Hà Nam, là chó nhanh nhẹn nhất của loài chó. Đời Tống, đất đông Hà Nam và An Huy, có giống chó lừng danh khắc lông trắng đen. Còn chó *Liệu* lông đen tuyền. Đây là hai giống chó được thiên hạ ưa chuộng nhất, gọi chung tên là *Lương Phục*.

Sự tích chó bông tí hon Trung Quốc

Nước Tàu xưa nay có một giống chó lừng danh, người Tây phương gọi là chó Bắc Kinh (Pekingnese). Ngày nay vẫn còn truyền giống, được ái mộ khắp thế giới. Người Tàu gọi là chó tay áo (Khúc Bả Cẩu Nhi), vì chó thường được ôm ấp vuốt ve trong kiểu tay áo rộng đời xưa. Chó còn có tên là *hapa* — gốc tiếng Thổ Nhĩ Kỳ — tên Tàu còn gọi là *Sư tử cẩu*, vì giống sư tử con. Chó này

thấy chép đầu tiên ở sử đời Đường: Vua Uigu nước Thổ (Turfan) năm 624 AD có cung tiến vua nhà Đường một cặp chó đực cái, mình cao sáu phân, dài một trượng. Chó biết làm trò kéo ngựa bằng dây cương, và biết dùng mõm ngậm tha đèn cầy. Tương truyền chó này giống ở nước Phù Lân, có lẽ là nước Byzantine thời ấy.

Một sử liệu khác trong sách *Tiểu Dương Chạ Chuỉ* viết cuối thế kỷ thứ tám, cho biết giống chó này từ Samarkand đến Tàu hồi giữa thế kỷ thứ tám. Sách kể dưới đời Thiên Bảo (742 - 755 AD), một buổi trưa hè nóng nực, phụ vương ngồi đánh cờ cùng hoàng thái tử, có công chúa em gái ngồi cạnh theo dõi. Khi quân cờ phụ vương sắp thua, thì công chúa thả chú chó từ tay áo ra, chó nhảy tứ tung đánh đổ hết các quân cờ, vua cha lấy làm dắc chí cười thỏa thích.

Loài chó bông này nay vẫn mang tung tích tên của xứ Thổ Nhĩ Kỳ. Sách *Thuận Thiên Phủ Chí* có chép lại dòng này, nói rõ xứ Thổ Nhĩ Kỳ hay vùng Trung Á: "có một giống chó tí hon nhanh nhẩu gọi là *Hồ Cẩu*, nay gọi là chó *hapa*. Chó còn có tên *Bát Nhi Cẩu*. Loại lông xù dài gọi là chó *Náo* (tên một loại khỉ lông vàng dài tựa sư tử). Dân ở đây gọi là *Sư mang cẩu* (nghĩa là chó xù dữ canh nhà). Loài chó tí hon này còn thấy lan đến vùng Tây Tạng. Ở đây người ta gọi là *Lags K'yei* (chó tay). Vì họ tin hoang đường nếu ai đặt tay lên một con chim ưng vừa mới nở, thì chim sẽ biến thành loài chó lông xù này.

Vậy phải chăng mọi loại chó bông tí hon ở Trung Á nhập vào Trung Quốc vào đời Đường? Sách *Cổ Chí Tịt Hoa* chép: Dưới đời Thuần Hóa (990 - 994), dân xứ Hà Châu có dâng chó tiến. Chó rất bé mà khôn lanh, thích nằm ngồi ở bệ ngọc, mỗi khi có kẻ đến chầu, nó quẫy duôi và sủa làm tăng vẻ uy nghi. Sách *Đông Can Bí Lục*, đoạn nói về đời Tống Chân Tôn (1041 - 1048 AD) có tả giống chó *Lô Trang*: Lông màu hung đỏ, đuôi bé tí teo, mà tiếng sủa lanh lảnh như ma tru quỷ hờn.

Di tích mỹ thuật chó tại Việt Nam

Tại xứ ta, vết tích chó đã tìm được ở những niên đại rất xa xưa.

Vào thời văn hóa Đông Sơn thời tiền sử (cách đây khoảng hai đến ba ngàn năm), ngay trên chiếc trống đồng nổi tiếng Ngọc Lũ, tìm thấy ở Hà Nam (thuộc hệ xếp hạng Heger loại I), đã có chạm hình một con chó lẫn vào đám người trên thuyền. Như vậy ít ra vào thời ấy chó đã thuần hóa thành gia súc thân cận như với ta ngày nay.

Trên những chiếc rìu thời Đông Sơn tìm được ở Vĩnh Phú và Nghệ An, mặt rìu có chạm hình người đi săn đứng cạnh chó, phía đối diện là một con hươu hay nai.

Ngoài ra tại Lãng Ngâm, Hà Bắc, có tìm được tượng chó bằng đồng.

Vào thời văn hóa Sa Huỳnh cách đây 2,500 năm, tại Dốc Chùa, tìm được khuyên đeo tai hình chó hai đầu tạc bằng đá.

Đến thời quân chủ dựng nước, sách Đại Việt Sử Ký có kể gốc gác đầy thần kỳ của người khởi nghiệp nhà Lý là Công Uẩn, tuổi cầm tinh con chó. Ngày nọ ở làng có chùa Ứng Thiên, có sanh một con chó trắng trên lưng lại mọc lông đen thành chữ *Thiên Tử*. Rồi đến năm Giáp Tuất, nhà vua được sanh ra. Thiền sư Lý Khánh Vân ở chùa Cổ Pháp xin về làm con nuôi mang cho họ Lý. Chuyện này làm ta nhớ lại đời nhà Tống bên Tàu, cùng thời với nhà Lý xứ ta, đất kinh đô rất quý chuộng giống chó lông trắng đen như đã kể đoạn trên.

Đến đời Trần, lăng mộ vua Trần Hiến Tông (thế kỷ 13, 14) ở Yên Sinh (Đông Triều, Quảng Ninh) có xây nhiều tượng đá người và thú chầu, trong đó có tượng chó đá khoanh tròn như đang nằm ngủ.

Tại một số di tích cổ còn lưu lại đất Bắc, có khi ta bắt gặp đó đây tượng chó đá, dáng ngồi xổm chống hai chân trước. Tượng thường được đặt tại cổng chính hay cổng phụ như khu di tích hành cung Cổ Bi (Gia Lâm) của họ Trịnh vào thế kỷ 17, 18, hoặc đình làng Đình Bảng (Hà Bắc) năm 1736. Đồng thời đại, trong khi người Trung Quốc thường tạc hình hai con lân để làm vật canh hai bên cửa, thì ở xứ ta lại dùng tượng chó đá, gần gũi thân quen hơn với thực tế dân gian.

Như thế, dương nhiên trong điêu khắc gỗ trang trí kiến trúc đình làng cũng ghi lại nhiều hình ảnh con chó quen thuộc. Chẳng hạn ở đình Hương Canh, đình Ngọc Canh (thế kỷ 17) tỉnh Vĩnh Phú có chạm lộng trên cánh cửa cảnh đoàn người đi săn trở về. Người cưỡi ngựa, kẻ vác súng, hai người khiêng con hươu, có chó đi theo sau.

Trong công nghiệp mỹ nghệ cổ nước ta, có những làng sống về nghề đẽo cối đá, tạc tượng chó đá bán để mưu sinh như làng Kinh Môn (Hải Hưng), vùng Tam Cốc (Ninh Bình), vùng núi Nhồi (Thanh Hóa) v.v... Tượng chó lớn tạc để bày bán chỗ di tích hay làng xã ngày lễ hội, tượng chó nhỏ tạc sơ sài đi rao bán các gia đình hay ngõ xóm.

Phong tục tập quán Đông Phương, đặc biệt Việt Nam ta, hầu như mọi nhà đều có nuôi chó trong nhà. Chó thật gần gũi thân quen với mọi người như một người trong gia đình, từ lê dân đến đại gia, vua quan. Thậm chí những gia đình sống lênh đênh trên sông nước cũng nuôi chó trên thuyền. Nơi nào thiếu chó, vậy thường trước cổng làng, đầu ngõ xóm hay trước cổng nhà, người ta thường đặt tượng một con chó bằng đá xanh, để vừa trang trí vừa biểu hiện ý nghĩa tượng trưng sự trang nghiêm. Tư thế chó ngồi xổm, chống hai chân trước. Tượng có khi được tạc đẽo rất tỉ mỉ tinh tế trông giống chó thật, có khi lại sơ sài tượng trưng hình dáng mà thôi. Tập tục và hình tượng đó nói lên ước nguyện của toàn dân, của nông thôn lẫn thành thị, cả người giàu lẫn người nghèo, về một xã hội thanh bình an ổn. Ngày nay ngay tại Hà Nội, trước vài nhà cổ vẫn còn thấy tượng chó cổ đặt trước cửa.

Người ta coi chó là gia súc trung thành với chủ, tinh khôn và có nghĩa tình. Chó là một hình ảnh tượng trưng của cái Thiện chống lại cái Ác (dạo tặc, trộm cướp). Khi người ngủ thì chó thức để canh phòng cho gia chủ, trong giấc ngủ của đêm dương thế ngắn ngủi này, hay giấc ngủ ngàn năm của loài chó đất vẫn còn sống mãi trong những hầm mộ tối om đời Hán, mà nay ta mang lên chiêm ngưỡng. ■

VỀ CÁI ĐIÊN TRONG VỞ KỊCH KIỀU LOAN (CÔ GÁI ĐIÊN) CỦA HOÀNG CẦM

PHẠM XUÂN ĐÀI

Vở kịch Cô Gái Điên của Hoàng Cầm tóm tắt như sau:

Thời Tây Sơn, có một cô gái tên là Kiều Loan, tiễn người chồng đi tìm giúp vua Quang Trung để thực hiện lý tưởng của cả hai vợ chồng là đem lại ổn định thống nhất cho non sông, xây dựng đời sống ấm no cho dân dưới triều đại của một vị minh quân.

Mười năm trôi qua, người thiếu phụ xinh đẹp ấy trở thành một cô gái điên, vì giấc mộng của nàng không những không thành mà thực tế lại diễn ra ngược tất cả những gì nàng mơ ước. Vua Quang Trung chết sớm, triều đại Tây Sơn sụp đổ nhanh chóng, Nguyễn Ánh toàn thắng, và nhất là chồng nàng, thay vì theo phò nhà Tây Sơn, đã đổi ý, đi giúp Nguyễn Ánh và trở thành một danh tướng của Nguyễn triều.

KiềuLoan tong vai "Kiều Loan"

Nàng Kiều Loan điên dại, cùng một ông già say rượu là thầy dạy cũ của chồng nàng, lên đường đi đến Phú Xuân để tìm hiểu sự thật về chồng nàng, tướng quân họ Vũ. Họ là đại diện cho những người còn lưu luyến triều đại cũ, hoàn toàn đối lập với thế lực chính trị vừa toàn thắng mới đặt kinh đô ở Phú Xuân. Trong không khí còn hỗn độn và ngờ vực của những ngày vừa thay ngôi đổi chủ ở kinh thành, những lời lẽ chống đối Nguyễn Ánh và ca tụng Tây Sơn của họ đã khiến họ bị bắt giữ như là những gián điệp của Tây Sơn đi gieo mầm mống phục hưng triều đại cũ.

Dựa trên lời lẽ của họ trong các cuộc khảo cung, vị quan lo về an ninh của triều Nguyễn đã đoán được Kiều Loan là vợ của Vũ tướng quân và giàn xếp cho họ gặp mặt nhau tại công đường. Chồng của Kiều Loan bị lâm vào tình huống khó xử, trước mặt mọi người không dám nhận ông già say là thầy dạy của mình, và cô gái điên kia là vợ của mình. Nhưng khi chỉ còn hai vợ chồng với nhau, chàng đã nói cho nàng rõ lý do khiến chàng không theo phò nhà Tây Sơn mà lại theo phò Nguyễn Ánh: Nguyễn Huệ chết, nhà Tây Sơn không còn xứng đáng với các lý tưởng của chàng như trước kia, và chàng theo giúp một thế lực đang lên, là chúa Nguyễn Ánh, để lập công đại định, nhanh chóng đưa nước nhà đến chỗ thống nhất, yên ổn, chấm dứt cảnh nội chiến liên miên kéo dài đã hơn nửa thế kỷ. Kiều Loan không chấp nhận luận cứ ấy, một mực cho chàng phản bội lý tưởng đã có trước kia, và theo Nguyễn Ánh chẳng qua vì danh lợi. Và cuối cùng, vì lo sợ chàng lại đem cái uy dũng của mình để đàn áp đám quần chúng nổi loạn ủng hộ nhà Tây Sơn, nàng đã cầm gươm đâm chết chồng, rồi tự vẫn. Cái chết của hai người chấm dứt vở kịch.

Khán giả xem vở kịch lịch sử ấy đúng 50 năm sau ngày nó được viết ra, vẫn cảm thấy gần gũi với câu chuyện trong lịch sử, tưởng như tác giả mượn lịch sử để nói chuyện của thời này. Vì sao có cảm tưởng ấy? Vì tác giả đã trưng bày ra một mối đau thương cốt tử đã đeo đẳng người Việt Nam từ nhiều đời nay: đấy là sự xung đột chính trị liên miên của nội bộ người Việt với nhau.

Các xung đột đẫm máu giữa anh em một nhà đã được lập đi lập lại nhiều lần trong lịch sử, càng về sau càng thảm khốc, khiến cho khung cảnh lịch sử có thể thay đổi theo thời, nhưng mối đau thương thì dường như vẫn vậy, khiến người đời sau cảm nhận tức khắc nỗi đau của người xưa như tự xương thịt mình, như chuyện thời sự của thời đại mình.

Câu chuyện dài xuyên lịch sử ấy có thể bắt đầu từ đâu nhỉ? Có lẽ từ ông "Machiavel" Trần Thủ Độ đoạt ngôi cho nhà Trần từ nhà Lý với khẩu hiệu "nhổ cỏ phải nhổ tận rễ," khiến cho một số tôn thất nhà Lý từ thế kỷ thứ 13 đã đóng vai những người tị nạn chính trị đầu tiên dùng thuyền trốn qua Cao Ly. Phải chăng đó là thủy tổ của một lớp người Việt Nam gọi là *thuyền nhân* trong thế kỷ 20? Nhưng chuyện nhà Trần với nhà Lý chỉ là chuyện giữa hai giòng họ, chưa lôi kéo quần chúng vào. Đấy mới chỉ là màn diễn tập đầu tiên, trên quy mô nhỏ, dù là có đủ cả các mục tàn sát, tự ải, vượt biên, tị nạn thì cũng mới chỉ là chuyện cục bộ.

Cũng là chuyện tranh giành quyền bính, nhưng nếu không xảy ra gọn ghẽ, êm xuôi, mà cứ nhùng nhằng, bất phân thắng bại, thì là tai họa cho dân. Quần chúng sẽ bị kéo vào, dưới mỗi "trướng" sẽ có vô số tầng lớp: kẻ sĩ sẽ chọn minh chủ theo lý tưởng của mình, sẽ đầu tư tim óc để dựng xây một sự nghiệp; kẻ thất phu cầm gươm giáo theo phò một phe tùy theo cảm tình của mình, hoặc có khi chỉ vì hoàn cảnh lịch sử địa lý thuận tiện. Rồi gia đình, vợ con, bạn bè sẽ dây dưa theo ảnh hưởng mà thành hình thế lực của các phe phái.

Vào thế kỷ 16, khi nhà Mạc soán ngôi nhà Lê là bắt đầu bi kịch nội chiến liên miên. Nhà Lê trung hưng ở phía Nam, đặt triều đình ở vùng Thanh Hóa, Nghệ An, tạo thành Nam Triều, đánh nhau với nhà Mạc (Bắc Triều) ròng rã 60 năm trời. Trong 60 năm ấy, nội tình của phe Lê Trung hưng cũng không phải là yên ổn đoàn kết: hai anh em Trịnh Cối, Trịnh Tùng đánh nhau để giành quyền lãnh đạo, đến đời con của Trịnh Tùng là Trịnh Tráng và Trịnh Xuân lại đánh nhau, thậm chí Trịnh Xuân lại còn mưu với vua Lê Kính Tông để đánh lại cha và anh mình.

Nạn Nam-Bắc triều vừa chấm dứt vào cuối thế kỷ 16, vua Lê được đưa về đặt yên vị ở Thăng Long với phủ chúa Trịnh ở bên nắm hết quyền hành. Sự chuyên quyền của chúa Trịnh đối với vua Lê, tuy thế, không gây ra chia rẽ sâu sắc, không tạo ra phe Lê và phe Trịnh, vì mọi người thời ấy xem cung vua và phủ chúa là chung một chính quyền, như quốc trưởng và thủ tướng vậy. Mầm mống chia rẽ nằm ở chỗ khác, nơi người họ Nguyễn với người họ Trịnh. Như một định mệnh, sự hiềm khích giữa hai họ diễn biến dần dần để thành cuộc Nam Bắc phân tranh. Từ cái sẩy nảy thành cái ung như thế không phải là tình cờ mà tất yếu phải do cơ thể chứa chấp quá nhiều mầm mống của ung nhọt.

Trịnh Nguyễn phân tranh thành phe miền Bắc và phe miền Nam, đánh nhau, trong 45 năm, cả thảy bảy lần. Sau đó ngưng đánh nhau, mỗi vùng cai trị riêng biệt, mãi đến hậu bán thế kỷ 18, Tây Sơn dấy binh mới tạo thành ngòi nổ cho các xung đột mới trong một trận tranh chấp tay ba, đưa nội chiến đến các chiến trường mở rộng ra khắp các vùng trong nước. Kể từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa năm 1558, cho đến khi Gia Long thống nhất đất nước vào năm 1802, thời kỳ tranh chấp giữa phe Trịnh và Nguyễn, rồi Tây Sơn với Trịnh và Nguyễn, rồi Nguyễn diệt Tây Sơn, kéo dài 244 năm. Nếu kể từ thời Nam-Bắc triều là đúng 275 năm, tức gần ba thế kỷ, dân tộc Việt Nam luôn luôn sống trong cảnh nội bộ xâu xé nhau.

Một thế kỷ rưỡi kể từ khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, người Việt Nam tạm thời không đánh nhau, nhưng trong nội bộ không phải là không sục sôi nhiều vấn đề, ươm mầm mống cho một cuộc tương tàn khốc liệt về sau. Nhà Nguyễn quá tồn cổ giữa một thế giới bắt đầu có nhiều đổi thay đã đưa đến việc mất nước vào tay người Pháp. Người Pháp đến, là thực dân nhưng đồng thời cũng là đại diện cho nền văn minh Tây phương, đem văn minh Tây phương giới thiệu cho một nước Việt Nam lạc hậu, khiến cho bài toán giải phóng dân tộc không phải lúc nào cũng đồng nhất trong tâm trí những người yêu nước. Lấy cái ta cổ truyền để đánh đuổi nó? Đã thất bại. Vậy phải học nó để đuổi nó? Hay là vừa hợp tác với nó, vừa học nó, khi đủ mạnh lên thì loại nó ra từ từ? Rồi phong trào Cộng Sản quốc tế với những ảo giác say sưa mà nó tạo ra cho những dân tộc bị trị đã len lỏi vào... Nhiều người lao theo, nhưng không ít người dị ứng, biết nó chỉ là ảo giác, và thế là cuộc tranh chấp quốc cộng xảy ra từ giữa thế kỷ 20, mãi tận đến bây giờ (và còn bao lâu nữa?).

Không ai biết do nguyên nhân sâu xa nào mà người Việt Nam, từ thế kỷ 16 đến nay cứ dấn mãi vào con đường đau khổ của sự phân hóa chém giết nhau, một tình trạng mà trước đó quốc gia này, khi chỉ mới gồm có các quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam, hầu như chưa hề xảy ra, trừ cái loạn mười hai sứ quân hồi thế kỷ thứ 10 do tình hình đặc biệt của thời mới giành được chủ quyền. Phải chăng khi sống trên mảnh đất cố hữu của tổ tiên để lại thì đám dân cư ấy quây quần đoàn kết nhau, còn đến khi dân tộc đã đông đúc, quốc gia đã hùng mạnh, bắt đầu có nhu cầu dòm ngó đất nước của người để mà bành trướng thì cái TÂM của người Việt đã khởi sự đổi khác? Các lãnh tụ trở nên tham lam hơn. Một khi đã trở nên nhẫn tâm chém giết đồng loại của mình ở nước láng giềng để giành lấy giang sơn của người ta thì dần dần cũng dễ làm việc đó với anh em trong nhà. Tinh thần trong sáng của một thời tam giáo đồng nguyên, trong đó đạo Phật chiếm ưu thế, nay không còn nữa; chỉ còn tinh thần Tống nho chật hẹp nặng về các kỹ thuật chặt chẽ để tạo các giềng mối khép kín cho các triều đình, tâm thức dẫn đạo linh hồn dân tộc đã bị ô nhiễm bởi các ràng buộc, bởi cái lợi, cái quyền. Lợi và quyền ấy ngày càng phát triển trong tinh thần các thủ lĩnh, khiến mỗi người tự xem *chỉ có mình* mới xứng đáng là lãnh tụ cao nhất, và muốn thế phải đánh bại các thủ lĩnh khác. Đặc điểm nổi bật của tâm lý Việt Nam từ giai đoạn này về sau, cho mãi tới bây giờ, là *không ai chịu ai.*

Khi một người Việt hô hào: "Chúng ta phải đặt đại nghĩa lên trên tất cả quyền lợi của phe phái," thì nên hiểu là đại nghĩa ấy đồng nhất với lập trường và quyền lợi phe phái của anh ta. Phải chăng người Việt không có khả năng thức tỉnh tự mình chủ động nhìn ra những cái cao cả lớn lao để hướng tâm thức theo đó mà hoạt động, mà cứ phải phản ứng tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể một — đời sống dân tộc

TRẦN TÚ UYÊN

ÔI AI MÁ ỬNG BÀI THƠ HOA ĐÀO

Anh nhìn hoa cải vàng tươi
nhìn em đi giữa trưa trời vàng Thu
áo em xanh thuở ban đầu
ngàn năm vẫn thắm mãi màu Xuân mơ!

Anh nhìn hoa cải vàng thơ
nhìn em đứng lại trên tờ Hoa Tiên
một bày bươm bướm làm duyên
đậu trên tà áo lụa mềm gió bay...

Anh nhìn hoa cải gió lay
thấy em bỗng hóa làn mây giữa trời
bất ngờ anh gọi Huế ơi
sông Hương núi Ngự mô rồi chiêm bao?

Anh nhìn hoa cải lao xao
vàng Thu chiếc lá rớt vào vườn hoang
anh như chợp giấc mơ màng
câu thơ. Dấu chấm. Xuống hàng. Xa xôi...

Anh nhìn hoa cải vàng tươi
tại sao cứ nhớ tưởng người Xuân xưa?
khứ niên kim nhật! Bao giờ?
ôi ai má ửng bài thơ hoa đào!

như là một chuỗi dài các phản ứng nối tiếp nhau. Đạo lý của Việt Nam là đạo lý của sinh tồn, có thể nhanh chóng tạo nên sức mạnh tổng hợp để chống kẻ thù khi nước bị ngoại xâm, và khi dân đã quá đông với mảnh đất xưa chật hẹp thì cũng có khả năng thanh toán nhanh chóng kẻ láng giềng để giành lấy đất sống, cũng giống như khi gặp chính quyền quá bạo ngược thì cũng sẵn sàng chấp nhận nguy hiểm để đi ra thế giới tìm đất sống...

Phải sống còn, phải sống còn, đó là sức mạnh thôi thúc nội tại mãnh liệt nhất trong con người Việt Nam. Có lẽ nhờ khả năng đó mà người Việt Nam phản ứng trước nghịch cảnh rất nhậm lẹ, nhưng lại thiếu những đặc tính cần thiết để đồng lòng cùng nhau xây dựng những cái dài lâu và lớn lao. Gặp cảnh nhà sa sút, đột ngột một người đàn bà hôm trước còn lên xe xuống ngựa, hôm sau đã có thể thích nghi ngay với vai trò một chủ quán cà phê nho nhỏ ở lề đường, hoặc một gánh cháo lòng đi bán rao, và có thể tạm ổn định ngay cuộc sống của gia đình. Thế nhưng có được công ty hùn hạp nào của người Việt Nam có tầm cỡ quốc gia hoặc quốc tế, có khả năng tồn tại lâu dài? Hình như là không. Người Việt Nam không có khả năng ngồi lại, đồng ý với nhau các nguyên tắc lớn và bền bỉ. Sự thành công của đảng Cộng Sản Việt Nam trong việc chiếm cả nước cũng không biện minh được sức mạnh tổng hợp của dân tộc, ngược lại, còn là hiện thân của chia rẽ trầm trọng nhất. Họ có lợi điểm lúc đầu là lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, vận dụng được cái sở trường số một của dân Việt Nam là chống ngoại xâm, nhưng đó không phải là mục tiêu tối hậu của họ. Họ là thành phần, là tên lính tiên phong của phong trào cộng sản quốc tế, có nhiệm vụ đem chủ thuyết ấy thí nghiệm lên dân tộc Việt Nam chứ họ không hoàn toàn vì dân tộc Việt Nam. Với kỹ thuật tổ chức đảng quốc tế, họ diệt trừ hết các thành phần chính trị yêu nước khác không phải là họ. Chủ trương ấy kéo dài từ lúc thành lập đảng cho mãi đến tận ngày nay, gây nên cho dân tộc một vết thương sâu, nặng, vẫn tiếp tục há miệng và chảy máu. Chưa bao giờ dân tộc Việt Nam bị một vết thương trầm trọng đến thế, *ngay cả những thời kỳ bị ngoại xâm*. Mà thực ra cộng sản Việt Nam cũng là một loại ngoại xâm — ngoại xâm ở dạng tinh vi nhất, dùng người Việt nhưng mang một linh hồn khác (linh hồn Stalin và Mao Trạch Đông: Hồ Chí Minh và tất cả lãnh tụ Cộng Sản khác của Việt Nam chỉ là sao chép, là phó bản của hai lãnh tụ quốc tế này), một kỹ thuật cai trị tàn ác và xa lạ, một tâm thức cằn cỗi, nông cạn, khác hẳn với những gì truyền thống Việt Nam.

Nam Bắc phân tranh là mối đau thương lớn lao nhất cho dân tộc Việt Nam, dù là ở thế kỷ 17 hay thế kỷ 20. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc rất thống nhất, về ngôn ngữ cũng như về nòi giống, đã từng ví mình là *gà cùng một mẹ*, thế mà trong lịch sử lại hay xảy ra tương tàn, đó là một điều khó hiểu. Hình như dân tộc ấy luôn luôn cảm thấy mình đang sống trong một khung khổ quá chật hẹp, từ vô thức tập thể luôn luôn có một sức mạnh thôi thúc mình phải cắn xé những người mình yêu thương nhất để phá vỡ một cái gì đấy, một sự tù túng về không gian, về phương

thức sinh sống hay về tư tưởng, hầu thoát ra...

Phân tranh Trịnh Nguyễn đưa lãnh thổ Việt Nam đến mũi Cà Mau, phân tranh quốc cộng đưa dân tộc Việt Nam ra đi khắp thế giới. Mỗi cuộc phân tranh như là một màn kịch của lịch sử để thực hiện một mục tiêu được hoạch định sẵn, cũng của lịch sử.

Phân hóa để tiến tới và lớn lên, nhưng có lẽ phải có một lúc tới giai đoạn *tổng hợp* chứ? Phân hóa đến như thế này thì đã đủ chưa, đã đến lúc tổng hợp chưa?

Khủng hoảng nào cũng gây đau đớn. Cái điên của cô gái điên trong vở kịch của Hoàng Cầm là hình ảnh cụ thể điển hình cho sự bế tắc tâm thức chính trị Việt Nam từ các cuộc khủng hoảng ấy. Cho đến khi một tổng hợp trọn vẹn được thực hiện. Trong cơn xáo trộn chính trị thế nào rồi cũng có phe thua phe thắng, có phe làm vua và có phe làm giặc, phe thua đương nhiên là đau khổ, mà phe thắng lắm khi cũng chẳng vui vẻ gì lâu. Trong cuộc phân tranh có biết bao cuộc chia ly, vĩnh biệt, một tiếng than dài đến mấy trăm câu thơ của Chinh Phụ Ngâm cũng chưa diễn đạt hết nỗi niềm. Bên cạnh nỗi nhớ thương còn mối hận thù, còn niềm oan ức, nói chung toàn là cái thống khổ.

Khi phân tranh, phe nào cũng xây dựng một chính nghĩa cho phe mình. Đó là một khí cụ quan trọng để giành phần thắng. Nó có thể là một mớ lý luận viễn vông nhưng hấp dẫn, có thể là các mơ ước thực tiễn hoặc không tưởng, có khi chỉ là một cá tính mạnh mẽ tự xưng mình có chân mạng đế vương. Bất cứ là cái gì, nhưng một khi đã thành lực lượng thì những người thuộc "phe ta" đương nhiên có tâm lý coi đó là lý tưởng để mình phụng sự. Kiều Loan khi đưa tiễn chồng thì đã có lý tưởng của mình, đó là Nguyễn Huệ và triều đại Tây Sơn. Và suốt đời cô cho đến lúc chết, niềm tin ấy của cô không thay đổi. Cô điên vì phe cô ngưỡng mộ bị thua, vì chồng cô không theo phe ấy mà lại theo phe đối nghịch. Cô điên vì một định kiến không chấp nhận bất cứ sự xét lại nào, dù tình thế đã thay đổi. Vua Quang Trung có chết, vua Quang Toản có bất lực, nội tình triều Tây Sơn có thối nát, mặc kệ. Đã chọn đó là lý tưởng thì bám lấy nó đến cùng. Cô xem sự khuông phò triều đại ấy là hành vi cao đẹp nhất, dù là đang ở bước đường tuyệt vọng. Cô không phải là người hành động, không tham dự trực tiếp vào công cuộc chống đỡ bảo vệ triều Tây Sơn, cô chỉ đại diện cho cái chính nghĩa đã qua của triều ấy. Ý thức cô đã hóa thạch. Cô điên là phải. Cô nhớ thương triều cũ:

Đây có phải thành Phú Xuân ngày trước?
Vua Quang Trung lẫy lừng đang cất bước
Khắp sáu cung vi vút nhạc quân thiều
Bây giờ thành quách cô liêu
Ngẩn ngơ một bóng mây chiều lang thang.

Và tâm trí đi vào chỗ bế tắc:

Càng say sưa chuyện đời càng chất nặng
Chỉ còn điên, điên dại để người quên.

Đó là *cái điên có ý thức* mà người trong cuộc chọn lấy để giải tỏa tâm trạng thất vọng và bất lực. Nó làm cho chúng ta nhớ đến Phạm Thái của Tiêu Sơn Tráng Sĩ, một thanh niên lỗi lạc, một thời thanh gươm yên ngựa, sa vào cái thế trận của phe phái tranh chấp. Chàng đại diện cho thế lực chính trị cố cựu đã suy tàn trên đất Bắc là nhà Lê, đã bị chính phe Tây Sơn của cô Kiều Loan đánh bại tan tành trước đó không lâu và cũng đã thành bất đắc chí, điên dại, chẳng khác gì cô Kiều Loan bây giờ:

"A ha, chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu... A ha chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy đôi mắt mỹ nhân!" (1)

Ông già say trong vở kịch Kiều Loan mang nỗi buồn ẩm đạm của một người đã trải qua cả một đời dài chứng kiến những biến đổi lớn lao của thời cuộc, nhìn triều đại mình yêu thương thành công huy hoàng rồi suy tàn nhanh chóng:

Ta quá say rồi ngậm ngùi cát bụi
Thiên địa mang mang kìa trăng mờ héo hon
Gươm thiêng vừa tắt, Đại Đế không còn
Than ôi, mặt đất chông chênh
Không dung hồn vĩ đại
...
Từ rừng xanh núi đỏ
Từ viễn phố, từ cô thôn
Những tiếng sáo bâng khuâng,
Chiều lại chiều véo von.
Từ lều mưa, từ quán gió,
Từ gác tía, từ lầu son,
Có những người điên cười thảm khóc ròn
Phơ phơ râu tóc mà như tuyết
Ngày tháng vu vơ mà nỉ non,
Áo bụi quần sương càng tài phiền tuế nguyệt
Nửa giấc chiêm bao dành gậy trúc phai mòn.

Đấy là tâm trạng mà ngôn ngữ ngày nay gọi là bất mãn thời cuộc. Sống không vui, không tích cực, không đóng góp. Cuộc thay ngôi đổi chủ nào cũng sản sinh ra một lớp người như thế trong xã hội. Người có học thì lui về ở ẩn để giữ khí tiết, mà nếu bị bắt buộc phải cộng tác với triều đại mới thì cũng chỉ làm việc cầm chừng, tiêu cực, như Nguyễn Du đã có lần bị vua nhà Nguyễn quở là sao mọi việc cứ ậm ừ cho qua chuyện. Người thường trong xã hội vừa lo sợ thế lực mới, vừa bất mãn, cứ ưa nhớ lại cảnh cũ người xưa, và hay chỉ trích châm biếm các biện pháp của chính quyền mới. Đấy là chưa nói vì dính líu với triều cũ họ còn bị lớp mới cầm quyền "đì" (trù dập), càng làm tăng thêm lo sợ và bất mãn. Mỗi triều đại mới thành công sau một cuộc tranh chấp phải trải qua một thời gian khá dài mới thu phục nhân tâm dần về một mối, các thù hận và bất mãn xưa mới tan đi theo một lớp người không còn nữa.

Các mối bất hòa trong nội bộ dân tộc Việt Nam từ xa xưa có vẻ cứ lớn dần với thời gian trôi qua. Thời gian không phải là yếu tố để làm lành bệnh và hàn gắn vết thương như người ta thường nói, mà có vẻ chỉ nung nấu cho chín hơn nữa cái mầm chia rẽ như là một loại bệnh ngầm lúc nào cũng có sẵn trong cơ thể dân tộc. "Người trong một nước phải thương nhau cùng" có thể là một câu ca rất xưa, như là một lời kêu gọi, có thể là báo động nữa, của tổ tiên đã cảm nhận được cái nguy cơ nội tại ấy. Điều mong ước đơn sơ đầy tình cảm chẳng có gì cao siêu ấy lại

trở thành một loại lý tưởng có vẻ chẳng bao giờ đạt được đối với người Việt Nam. Càng về sau gà cùng một mẹ càng đá nhau dữ dội hơn. Thế kỷ 20 chứng kiến những màn đau thương nhất vì khả năng chia rẽ kinh niên ấy đã vươn lên đến tầm mức thời đại, tức là hòa nhập ngay vào sự phân chia tranh chấp của nhân loại — chế độ thực dân và thuộc địa, đế quốc và thế giới, tư bản và cộng sản, chiến tranh nóng và lạnh... món nào Việt Nam cũng tham dự vào cả hai bên với tất cả sở trường đá nhau cố hữu của gà cùng một mẹ. Đến độ cả một dân tộc vỡ ra, tung tóe ra khắp thế giới.

Trực giác nghệ sĩ nơi Hoàng Cầm cảm nhận được nỗi đau dài ấy của sự phân tranh. Vở kịch được viết xong năm 1943, là thời điểm chuẩn bị cho một cuộc phân tranh mới, ghê người, không một cuộc phân tranh nào trong quá khứ có thể sánh nổi, vì đã được trang bị tư tưởng, vũ khí, kỹ thuật nhập cảng từ khắp thế giới. Kiều Loan là dự cảm của một tấn bi kịch lớn — bi kịch của kẻ thua đã trở thành bất đắc chí và điên loạn, bi kịch của kẻ thắng vì phải đối diện với cái tan tác đổ vỡ vật chất và tinh thần do chính chiến thắng của mình đem lại, bi kịch trong tâm thức của mọi người trải qua cuộc chém giết nhau mà khi xong rồi người ta thấy chẳng có ý nghĩa gì. Lương tri người Việt Nam hẳn có lúc đối diện với một nỗi ngạc nhiên: tại sao lại phải đến cái nước ấy nhỉ, chỉ vì mưu cầu một đời sống no ấm và tự do cho mình thôi, tại sao cả một dân tộc phải băm vằm đâm chém nhau lâu dài đến như thế? Tất phải có một cái gì không ổn đâu đây! Mà cái không ổn lớn nhất là cái vẫn nằm trong chủ quan của người Việt Nam, đó là khả năng phân tranh, đấu đá bất tận của những con gà cùng một mẹ.

Phạm Xuân Đài

Người nghệ sĩ lớn cảm nhận được bản chất linh hồn của dân tộc mình, cái vinh quang cũng như cái bi đát, và "đặt vấn đề" trước lương tâm mọi người bằng nghệ thuật. Sáng tác vở Kiều Loan, Hoàng Cầm dường như không chủ ý đặt ra phe chính diện và phe phản diện, giữa Kiều Loan và Vũ tướng quân ai là chính nghĩa ai là phi nghĩa. Lịch sử đã đủ xa để tác giả thấy điều đó không có nghĩa gì. Cái tác giả muốn nói là nỗi đau thương của phân tranh. Tác giả không đi con đường của triết lý để quy nạp các nỗi đau thương thành mệnh đề đạo đức: *lấy oán báo oán, oán oán chập chồng, lấy ân báo ân, oán oán tiêu tan.* Tác giả chỉ trưng bày *các vết thương* trong đời sống tinh thần, tình cảm và vật chất của dân tộc do phân tranh mang lại. Và tác giả giải quyết các xung đột bằng cái chết của các đương sự, không phải cho nhân vật chết để cho hết chuyện, mà dùng cái chết như một lời nhắn gởi mới.

Cô gái điên đã giết chồng là Vũ tướng quân, một hành động như là ám sát, ám sát chính trị, có thể nói như vậy. Và sau đó cô tự tử. Cô không muốn xa rời chồng, cô muốn đồng nhất hóa với chồng. Cô yêu chồng biết bao! Nàng thấu hiểu ý nghĩa câu nói cuối cùng của chồng trước khi chết:

Thôi nàng ở lại! Xin đừng kể
Câu chuyện đôi ta ở dọc đường
Tôi chỉ xin nàng hai giọt lệ
Cài lên lá cỏ... phía quê hương.

Chuyện đôi ta là chuyện xung đột chính trị, cái thần thức bỗng trở nên sáng suốt lúc sắp tắt thở mách cho Vũ tướng quân rằng chuyện xung đột ấy vô nghĩa. Cái có ý nghĩa nhất là tình yêu của chúng ta và tình yêu quê hương. Trong một bi kịch, cái chết như là cực điểm của bi đát mà cũng là cực điểm của một bùng vỡ ý thức. Ý thức của người đang chết và ý thức của người sống. Vì sự sống là quí nhất nên cái chết đánh động được một cách mãnh liệt nhất ý thức của người đời về ý nghĩa mà nó cần mang lại. Chết để giải bày, chết để cảnh cáo, để xác định một thái độ..., cái nào cũng đưa đến tột đỉnh điều mà nó muốn bộc lộ.

Trong hoàn cảnh lúc Kiều Loan gặp lại Vũ tướng quân, nàng chỉ có một cách duy nhất để gần gũi chồng là "theo" chàng đi vào thế giới bên kia. Cái chết cũng giải quyết cho sự xung đột chính trị giữa hai người, tượng trưng cho sự xung đột triền miên trên sân khấu và trên tâm thức chính trị của dân tộc. Hai linh hồn ấy thoát ra khỏi chỗ phân tranh tàn khốc liệu có hòa hợp được với nhau trong khối tình trong veo họ đã có với nhau từ ngày cưới? Nếu họ hòa hợp được với nhau trong tình yêu, mọi chuyện sẽ được giải oan. Chỉ có tình yêu của họ mới giải được nỗi oan khốc truyền kiếp trong trường chính trị Việt Nam mà họ chính là nạn nhân, giống như Roméo và Juliette nạn nhân của mối cựu thù giữa hai giòng họ phong kiến. Cặp tình nhân này chết đi đã giải được nỗi oán cừu của hai giòng họ, nhưng cặp Kiều-Vũ của Hoàng Cầm liệu có đem lại được gì? Mối xung đột oan khiên triền miên của dân tộc Việt Nam nặng nề như một cái tội tổ tông, cái chết của cặp trai tài gái sắc ấy, mà nghệ thuật và tâm thức nghệ sĩ của Hoàng Cầm đã đủ sức biến thành một hình tượng tượng trưng, có thành một sức mạnh đột phá vào cái thành trì chất ngất của oán hận? Nói cách khác, sự bi thảm được nghệ thuật hóa ấy có *đánh động* được tâm hồn đầy định kiến của mỗi người Việt Nam chúng ta? Làm sao mỗi cái chết trong tấn thảm kịch của chúng ta — chết trận, chết bom, chết thanh toán, thanh trừng, chết tù dày, chết biển khơi... — là một cái đàn giải oan nơi tận sâu đáy tâm hồn mỗi người Việt Nam!

Chẳng lẽ chúng ta mãi mãi không đủ trưởng thành để cảm nhận được dôi điều từ đó?■

11-1993

(1) Lời của Phạm Thái trong tiểu thuyết Tiêu Sơn Tráng Sĩ của Khái Hưng.

TRẦN HỒNG CHÂU

CENTRAL ILLINOIS, CHUYẾN TÀU CUỐI TUẦN VỀ TỪ TRƯỜNG CHICAGO

Chuyến tàu cuối tuần từ New Orleans về Chicago
Chở đầy hot jazz qua những ga mang tên một chuỗi nốt nhạc blues
Tuscola
Urbana
Centralia
Con tàu nhiều hoa
Bụi cỏ bờ cây
La đà tàu say...

Tôi thích ngồi lì ở toa phòng ăn với khăn bàn và ly thủy tinh trắng tinh
Tôi thích ngồi chờ Johnny người bồi bàn da đen thường quen mang cho chén cà phê đen quánh như đất đen vùng cornbelt
Bánh xe lăn lăn
Nhạc rock bàng hoàng
Bánh xe nghẹn ngào trên đường sắt gập ghềnh rên đau
Cột dây thép dây điện thi nhau chăng lưới đuổi bắt tàu say
Hay tàu mê man đuổi bắt cột dây say
Đúng hay không đúng, theo chân-lý-ngụy-biện Liệt tử, Zénon...?

Tôi chợt thấy mờ mờ mây khói
Bước chân choạng vạng trời tan loãng
Tôi về đâu?
Tôi đang mộng du trên Orient Express con tàu lãng mạn đi vào huyền sử mờ sương?
Con tàu trên đó người đàn bà nào cũng đẹp như một phiêu lưu tình ái, một ẩn ngữ tâm hồn
Con tàu quí phái với ghế đệm da kính hoa và màn nhung rung rinh màu sắc dục
Con tàu vượt qua mấy nhịp cầu sông Donau ngả nghiêng luân vũ về những trời tình nóng bỏng gió sa mạc Cận đông
Tôi lại thấy trở về quê hương rách nát trên con tàu xác xơ bò lê theo đường 5 từ cầu sông Hồng về bến Cảng
Con tàu thương yêu của tuổi ấu thơ rền rĩ niềm đau đất nước... hơn tám mươi năm loài lang thú...
Con tàu nghèo đói của đồng bào áo nâu màu đất ruộng của gà vịt khoai sắn và những em nhỏ... ai bánh đậu xanh Rồng vàng?
Hay đây là con tàu của bọn lưu đày, của đàn-người-súc-vật bị lùa đi đổi thịt xương làm phân bón đất hoang?
Con tàu của những ngón tay rét cóng trên lửa than hồng đang hỏa thiêu hơn một quá khứ thảm thương bên ven hồ Baikal
Con tàu băng qua những thảo nguyên nồng nực và hoang mạc mênh mông mình tuyết trắng
Dưới bầu trời mênh mông xám
Đè nặng lên hồn người mênh mông buồn
Con tàu của Zhivago và đồng hội trong chuyến lên đường bất đắc dĩ
Chắc anh đã phải bỏ lại tất cả để đeo trước ngực những con số phi nhân như một nghị quyết Trung ương Đảng nào đó
Để đi về vô định trong thân phận người trí thức muốn nói yêu nói ghét thẳng thừng không son phấn!...

Urbana
Centralia
lại trở về với chuyến tàu hò hẹn chiều thứ bảy
Central Illinois... con thoi tình ái của tuổi trẻ đêm đêm về từ trường Chicago
Bánh tàu lăn lăn nhạc rock bềnh bồng
Dây thép dây điện thi nhau chăng lưới chằng chịt tít mù
Như những mối tình không lối thoát
Như những huyền bí siêu linh không lời giải đáp

Johnny! cho thêm một ly scotch on the rock!
Tôi đi về đâu?
Đất trời nghiêng ngửa
Sông núi quay cuồng
Có phải đây Chicago trạm chót?
Không! đường rầy sẽ dài dài thêm mãi
Milwaukee
Green Bay
Rồi Ontario, Greenland, Bắc cực... và xa xa nữa...
Tôi là người xa trưởng hoang dã trên đất trời hoang mang
Tôi đang thêm tốc lực cho tàu quay theo sức ly tâm văng mình ra khỏi hấp lực địa cầu bấp bênh
Cho đi xa, xa nữa tới vùng siêu khí quyển
Cho đắm chìm trong những vũng thiên hà mịt mù sáng chói!

Có ai thấy người xa trưởng ngất ngây say
Trên miên trường thân thể con tàu say
Con tàu không định hướng
Vút mình sao băng qua tím ngắt màn đêm và trái tim vũ trụ không cùng...? ■

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ JOHN MOSQUEDA

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

Chúc Mừng Năm Mới

TRIỆU NGỌC TOÀN J.D.

- Tốt nghiệp Tiến-sĩ Luật Khoa Hoa-Kỳ (W.S.U)
- Giáo sư, 11 năm trong hệ thống giáo dục, hành chánh Hoa-Kỳ.
- 6 năm claims negotiator,
- Điều hành văn phòng

L.S. JOHN MOSQUEDA
L.S. GILBERT MATURINO

- Luật sư litigation và trials
- Một tổ hợp luật sư chuyên về tai nạn, thương tích cá nhân.

KHANH TANG

ĐÒI BỒI THƯỜNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH

VÌ XE CỘ:

- Đòi bồi thường đền xe cấp tốc.
- Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV.
- Đòi bồi thường thương tích tối đa, nhanh chóng.

TRƯỢT NGÃ SIÊU THỊ.

HÌNH LUẬT: DO L.S. JON ALEXANDER, ESQ.

Nguyên Public Defender Tòa án Westminster với Record thành công nhiều vụ trials đại diện thân chủ Việt Nam :

- Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị.
- Các tội tiểu hình, đại hình.
- Thiếu niên phạm pháp.

KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN

- Brankrupcy cá nhân, công ty.
- Chận đứng chủ nợ phiền nhiễu.

DI TRÚ, ĐOÀN TỤ

LUẬT THƯƠNG MẠI :

- Tranh chấp về khế ước.
- Cố vấn thành lập về Corporation.

LUẬT GIA ĐÌNH :

- Ly dị, cấp dưỡng, quyền giữ con, chia tài sản.

DI CHÚC, THỪA KẾ

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LÝ CỦA QUÝ VỊ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

(714) 892-2154

RIVERSIDE OFFICE :
5850 Etiwanda Ave., Suite 208
Mira Loma, CA 91752

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2-7: 9AM-7PM.
Chủ Nhật Theo Hẹn.

ORANGE COUNTY OFFICE
9211 Bolsa Ave., Suite 222
Westminster, CA 92683
(Trong Khu Chợ 99)

ĐÂY, THƠ TRONG NƯỚC HÔM NAY: VŨ CẬN "MƯA NGUỒN"

THÀNH TÍN

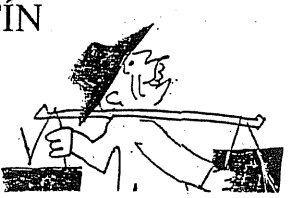

Xin gửi anh và bạn đọc *Thế Kỷ 21* mấy bài thơ từ trong nước. Tác giả là một nhà báo, một nhà thơ, một dịch giả (anh hiểu tiếng Pháp, tiếng Anh, Quốc tế ngữ...).

Anh đã biết luật xuất bản và được ban hành ở Hà Nội khe khắt ra sao. Cấm tư nhân in sách, cấm sách "nói xấu chế độ," cấm gửi bản thảo ra nước ngoài... Anh Vũ Cận đã phải đánh máy rồi photocopy, ghi rõ đây là tủ sách Song An, tủ sách nội bộ của Chi họ Vũ làng Láng, với tên sách là "Mưa Nguồn," gồm 103 bài thơ, phần lớn là ngắn — mười câu — hoặc rất ngắn (ba hoặc bốn câu).

Anh Vũ Cận đang ốm, những căn bệnh khó chữa khỏi — tiểu đường, sưng khớp — và hiểm nghèo: tắc động mạch. Ở tuổi 65, chưa cổ lai hy, nhưng anh cảm thấy cuộc đời đang rút ngắn lại. Trong lời tựa dưới hình thức: *"Thư gửi các con"* (anh có bốn con, hai trai, hai gái) anh viết: "Quỹ thời gian của bố — lúc vui đùa trong nhà, các con vẫn giễu thành ngữ bố hay dùng — ngày càng co lại như tấm da lừa, lúc này cũng chỉ còn bằng hai bàn tay ghép lại."

Anh cho biết suốt 30 năm qua, anh "làm thơ chủ yếu để ký gửi cho ngăn kéo" và nay anh quyết định mở ngăn kéo bản thảo cho người thân.

Biết là việc công bố hơn 100 bài thơ là nguy hiểm cho bản thân và liên lụy đến người thân, anh tìm cách che chắn: "Để bảo đảm an ninh tư tưởng — , bố có bổn phận làm một công dân kiểu mẫu, vì năm nay bố tròn 45 tuổi đảng — , bố sẽ tuyệt đối tránh vi phạm độc quyền xuất bản của Đảng ta và Nhà Nước ta, đúng như đã ghi trong bộ Luật xuất bản vừa được Quốc Hội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua." Anh tự nhận là học trò của Tú Xương, nên câu văn trên dây với những mỹ từ viết hoa, xin nhớ cho rằng anh đã nắn nót viết với nhiều lần nhếch mép với cười khẩy.

Anh hiểu rõ thân phận của những người từng dấn thân trước anh: "Bạn bè của bố — khá đông đấy — chỉ vì nhận ra hướng đi trước ông tài xế, tự cho phép cầm đèn chạy trước ô tô, mà bị xe lao thẳng vào người, cán nát cả đời mình, đời vợ, đời con, thậm chí đời cháu..." Có bạn ngoài nước khi đọc thoáng qua khó nắm bắt được hết ý của nhà thơ; xin được nói cho rõ ý: *ông tài xế* chính là muốn chỉ người lãnh đạo, là đảng (luôn tự nhận là người cầm lái). Chính cỗ xe và ông tài xế ấy đã nghiền nát Hoàng Minh Chính (vì đã dám sáng suốt hơn đảng, chỉ rõ tư tưởng Mao là tư tưởng nông dân, không dính dáng gì đến cách mạng, trong khi toàn đảng suy tôn tư tưởng Mao trong điều lệ đảng) cũng như hàng trăm, hàng ngàn kẻ sỹ khác...

Giọng anh thâm trầm biết bao, bỡn cợt một cách tinh tế biết bao nhiêu nói tiếp: "Cho tận những năm kết thúc thế kỷ XX này, ở nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa quang vinh của chúng ta, với nền tự do và nền dân chủ cao hơn gấp triệu lần các nền tự do và dân chủ tây phương, một phần tử bị Đảng và Nhà Nước kết tội, cho dù oan uổng, vẫn thường gây di lụy cho không biết bao nhiêu người thuộc diện "liên quan"."

Theo dòng tư tưởng và suy luận ấy, anh dấn bước phê phán và lên án thẳng cánh: "Chủ nghĩa xã hội chẳng qua là cái lá nho dậy lên mặt một hệ thống phong kiến kiểu mới, mang tính tập đoàn và bè phái, với một bộ máy chuyên quyền bất lực và thối nát, ngày càng lưu manh hóa ở thành thị và cường hào hóa ở nông thôn, cai trị chủ yếu bằng thủ đoạn và trấn áp."

Phải sống rất lâu trong cái chế độ ấy, phải bao đêm ròng chong mắt nghĩ rất lung về nhân tình thế thái, phải đau xót vô cùng với những bất công, phi lý và khổ đau của bà con phố thường dân... mới có thể khái quát đầy đủ, chuẩn xác, gọn ghẽ đến vậy về cái chủ nghĩa xã hội kỳ quặc như quái thai mà cho đến nay họ vẫn còn ôm ấp và áp đặt cho xã hội.

Và đến năm nay, 1993, năm thứ 7 của đổi mới (kể từ đại hội 6 năm 1986), nhà thơ Vũ Cận không thể chịu đựng nổi nữa; anh quyết định dấn thân, công bố những bài thơ máu lửa của anh. Máu sôi trong tim anh; lửa đốt trong lòng anh. Máu từ tuổi trẻ hừng hực sôi động trong huyết quản cho đến tuổi 65 này. Ngọn lửa bập bùng soi sáng chân lý, công bằng và lẽ sống trong lòng anh ngày càng thêm dượm, giữa một xã hội tha hóa và tàn lụi, tài nguyên quốc gia bị cướp đoạt, mọi giá trị tinh thần truyền thống bị tiêu

tán...

Hóm hỉnh và sâu sắc, anh làm một bài thơ chỉ gồm có hai chữ để vịnh đổi mới, để nhại cách tân:

Vịt vịt vờ vờ vịt vịt vờ
Vờ vờ vịt vịt vịt vờ vờ
Vờ vờ vịt vịt vờ vờ vịt
Vịt vịt vờ vờ vịt vịt vờ!

Tôi vừa nhận được lá thư của một anh bạn ở Hà Nội, cũng là một nhà báo, một nhà thơ, có đoạn viết rằng: "Họ khoe đổi mới. Đổi mới cái khỉ gì? Mấy chục năm trước, xã hội đang làm ăn, nhà kinh doanh đang dệt áo, chị hàng xáo đang xay lúa, ông hàng phở đang quẩy gánh, bác nông dân đang cày cấy. Họ đến. Họ dẹp hết. Bắt nông dân đi làm theo đội, theo tiếng kẻng. Họ diệt nhà kinh doanh, họ dẹp tiểu thương, làm điêu đứng và bần cùng xã hội. Nay họ buộc lòng phải trả lại xã hội quyền tư hữu và quyền kinh doanh vốn có từ xưa. Mới cái gì? Thành tích cái gì? Cả xã hội đang hổi tội họ!"

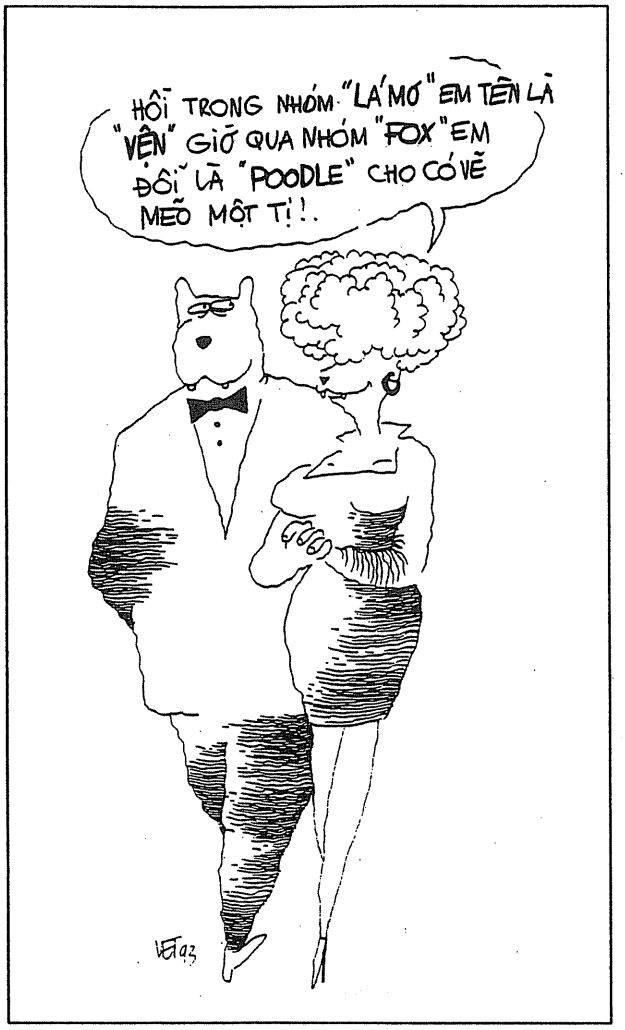

Và cũng theo luồng nghĩ ấy, nhà thơ Vũ Cận dấn thân bằng tác phẩm tâm huyết của mình. Tôi không sao cầm được nước mắt khi đọc đến đoạn gần cuối của lời tựa: "Các con sẽ tha thứ cho bố, nếu vào lúc cuối đời, không cưỡng nổi thôi thúc bên trong, bố xuất hiện nguyên hình là bố và tiếp tục gây thêm khó khăn cho các con. Song bố không còn lựa chọn nào khác. Các con thân yêu của bố, bố đang đi trên cung đường chót và đã thấy thấp thoáng bóng cây thập tự cuối đường. Thời gian không chờ bố nữa. Bố có nhu cầu nhanh tay đào bới những ký ức bị chôn vùi, phanh phui những sự thật mà bố đã chứng kiến và thể nghiệm. Để chúng mất mát đi lúc này là một tội ác và chứng nhân, trước lịch sử, trở thành tội phạm."

Các độc giả *Thế Kỷ 21* quý mến,

Chúng ta hãy nghe nốt lời cuối cùng của nhà thơ Vũ Cận gửi cho bốn con anh, cũng là gửi gián tiếp đến chúng ta: "Hoài bão của bố thật đơn giản: làm một người thư ký khiêm nhường của thời đại, trong chừng mực những phương tiện của chính mình cho phép, cố gắng khách quan, trung thực, kiềm chế, vững tin tâm mình trong sáng và óc mình không thiên lệch. Những nỗi niềm của bố, nếu được công khai bày tỏ, sẽ được chia sẻ rộng rãi và bức thông điệp đánh đi nhất định sẽ thu được hồi âm.

Được thế là bố thỏa lòng.

Hà Nội 01-09-1993

(ngày tác giả tròn 65 tuổi)."

Thông điệp của anh thật rõ. Chúng ta, mọi người tán thưởng, quý yêu nhân cách, tư tưởng của anh hãy hồi âm đến anh cho thỏa lòng.

Tôi ước mong các anh chị ở *Thế kỷ 21* cùng với các anh chị ở *Hợp Lưu, Trăm Hoa, Trăm Con*... hãy cùng nhau bàn bạc để in một cách nhanh chóng và trang trọng tập "*Mưa Nguồn*" của anh. Các dịch giả có tài năng và tâm huyết hãy dịch thơ anh ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Espéranto... Và tất cả chúng ta hãy nhiệt thành tham gia việc bảo vệ anh trước đòn thù chắc chắn sẽ tới của cường quyền. Hãy mời các nhà thơ, nhà văn, nhà báo có uy tín của toàn thế giới tham gia việc bảo vệ anh. Tôi nghĩ rằng những kẻ sỹ đã và đang dấn thân như Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế, như Hoàng Chinh Chính, Nguyễn Kiến Giang, như Vũ Cận có được ủng hộ và bảo vệ mạnh mẽ mới khiêu khích được những dấn thân mới cho sự nghiệp dân chủ và phát triển đất nước.

Để kết thúc, tôi xin được kể vài kỷ niệm riêng về anh. Anh từng cùng tôi đi dự quốc tế ở Úc (Brisbane) và ở Philippines (Manila). Tôi còn giữ những bức ảnh kỷ niệm cùng anh bên bờ Thái Bình Dương. Sau chuyến đi Pháp về năm 1985, anh đọc cho tôi nghe bốn câu thơ:

Phương Tây phỏng có gì hay
Chẳng qua phồn vinh giả tạo
Gió Đông thổi bạt gió Tây
Bằng phồn vinh hư cấu!

Thơ anh rất ngắn, giàu ý, chấm phá đơn sơ mà sâu, có chất cười cợt, mỉa mai, pha khá nhiều chất đắng. Nhìn cuộc sống ở Pháp, với nền văn hóa và dân chủ khá phát triển cùng những quyền lợi xã hội người công dân giành được anh chạnh nghĩ đến "chủ nghĩa xã hội ưu việt" và tìm ra chữ "*hư cấu*" rất đắt. Hư cấu là cấu tạo từ hư vô, là bịa, là phịa ra, là dựng đứng lên, là không thành có!

Chúng tôi cũng cùng nhau sang Cambốt, tìm hiểu về cái chủ nghĩa cộng sản diệt chủng ở đây. Anh viết những bài báo tiếng Pháp nói về chủ nghĩa Mao, chủ nghĩa Polpot, chủ nghĩa cộng sản kiểu nông dân pha với chất phong kiến (như ở Việt Nam ta). Anh nhận xét: nếu nói ở xã hội tư bản, người với người là chó sói thì ở ta, nhiều khi người vớingười là đồng chí chó sói!

Chưa chừng bài báo này về đến Hà Nội, anh sẽ bị cơ quan an ninh "mời đến làm việc" để bị thẩm vấn rằng: "quan hệ với Bùi Tín ra sao?", như khá nhiều anh chị em Việt Kiều và người trong nước bị tra hỏi cùng một câu ấy gần ba năm này. Xin được nói rõ anh không hệ quan hệ gì với tôi từ tháng 9-1990. Và tập thơ này, anh cũng chẳng gửi cho tôi. Thời buổi in ấn, thông tin tùm lum, người đi đi về về tấp nập hiện nay, những câu hỏi như thế thật là ngớ ngẩn!

Tôi như thấy anh ở trước mắt: qua đôi kính cận khá dày, anh mỉm cười, nụ cười hóm hỉnh, và giọng anh dù nói tiếng Việt, tiếng Pháp hay tiếng Anh, bao giờ cũng thủ thỉ, êm êm, khác hẳn với vóc dáng anh cao lớn. Chúng ta hãy tưởng tượng nụ cười hóm, đôi mắt cận thị nheo nheo, và giọng tâm sự thủ thỉ của anh qua 11 bài thơ, tôi xin mạn phép anh lựa chọn để trình làng dưới đây.

Thành Tín
Paris 18-11-1993

GIEO VÀ GẶT

Nhân hai năm Thiên An Môn

Gieo gió thì gặt bão
Gieo bão thì gặt gì
Hỏi mấy người gieo bão
Họ phớt lờ không nghe.

Láng 04-06-91

HIỂU MÌNH

Y phục xứng kỳ đức
Như ta nên ở trần
E với còn cao quá
Hay ta bỏ nốt quần!
Nước nhà thời đức thịnh
Ăn mặc cứ phân vân.

Láng, đông 92

VUI TẾT

tặng mấy người bạn nghèo

Nghe pháo người ta đốt
Ngắm hoa người ta chơi
Ngửi nước hoa người xức
Tết vui ơi là vui!

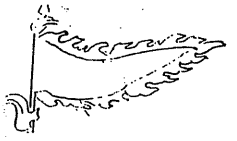

Láng, đông 92
Ngày giáp Tết Quý Dậu

TRANH TẾT

Đàn lợn trong tranh lợn
Đàn gà trong tranh gà
Chúc mừng nhau năm mới
Thơm thịt hơn năm qua

Láng, đông 92
Ngày giáp Tết Quý Dậu

SÒNG PHẲNG

(về những nền lão trị vì nhân dân)

Ông nói ông yêu nhân dân tuyệt đối
Nên còn tại vị tuổi dù cao
Những tưởng nên có đi có lại
Nhân dân không yêu ông thì sao?

Láng, đông 92

VÀO LỊCH SỬ

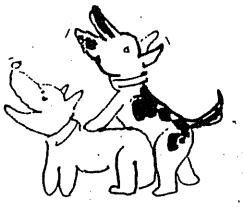

Nhắn hôn quân bạo chúa
Lịch sử như thiên đường
Cửa vào hẹp nhưng có
Duy cửa ra chưa từng

Hà Nội, đông 92

(*bị chú của Thành Tín*: Khi bọn hôn quân bạo chúa đã được ghi vào sử sách thì muốn chuồn ra, muốn độn thổ thì cũng chịu! Đây mà một lời cảnh cáo.)

VUI THỌ

Thượng thọ mừng siêu thọ
Cụ con họa cụ cha
Mỗi cụ rên một xó
Đầy nhà khúc thọ ca

Láng, hè 93

(Thân sinh Vũ Cận hơn 90 tuổi. Vũ Cận tuổi 65, ở cùng nhà. Cụ thân sinh mới mất cuối hè 93).

LÒNG TIN

Anh hay Chị có tin
Một người nói dối
Anh hay Chị có tin
Một hội người nói dối
Khi sử sách trước bạo quyền
Cũng cúi đầu nói dối
Anh hay Chị còn tin?

Láng, hè 93

KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên — Kèo Văn Cột
Bí danh — Đại Thanh
Thành phần — Bần nông phố phủ
Chuyên môn — Tất cả các ngành
Văn hóa — Khổng lồ học tại chức
Nguyện vọng — Vì nhân dân anh hùng
Phục vụ đến hơi thở cuối cùng
Của ai hơi thở cuối cùng
Bản khai ghi chưa rõ
Hay của nhân dân anh hùng

BVVX, thu 93
(Bệnh viện Việt Xô)

(*Bị chú của T.T:* Lý lịch có nghĩa quyết định đối với mọi người dưới chế độ CS. Đưa nhau khai man là bần nông vì bần nông được trọng dụng ngay. Cho nên có lời diễu: bần nông phố phủ, hay dân cày đường nhựa... Hơi thở cuối cùng của ai? Của nhân dân, nghĩa đương sự quyết ở lỳ "phục vụ" cho đến khi nhân dân cực khổ đến kỳ chết hết!)

MỪNG THỌ VÀ MẶC CẢM

Nhân thất tuần đại khánh một danh họa.

Tặng Phan Kế An

Bảy mươi năm từng trải
Nhu đấy mà rất cương
Sự đời dù sành đá
Huynh phóng bút ngang tàng
Đệ tuổi chưa sang đông
Đã hết là đàn ông
Làm đàn bà không được
Làm hề hoạn không xong
Huynh sơn mài đồ họa
Đệ chữ chơi lông bông
Mừng thọ thèm hoán vị
Bút bi đổi bút lông.

BVVX 09-03-93

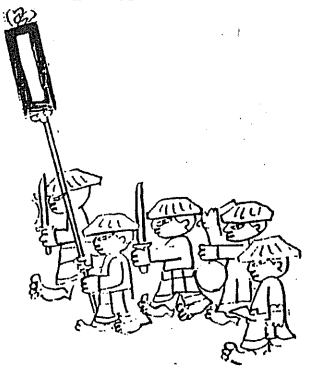

CHỚP BIỂN

Trời đông rần rật chấp
Mù mịt mưa nguồn
Ào ào cơn nối cơn
Vườn nhãn dơi bâu kín quả
Chiều đỏ ngầu thịnh nộ
Lừ lừ con lũ những dòng sông
Bậc lão nông
Hỏi mây và hỏi nước
Nhìn đêm chong mắt
Thân đê vẫn tổ mối
Chân đê hang chuột tầng tầng.

BVVX 19-08-93
(48 năm cách mạng thành công)

Bài *Chớp Biển* là bài cuối. Tên tập thơ "*Mưa Nguồn*" cũng từ bài này ra. Toát lên cảnh khủng hoảng xã hội gay gắt. Dơi bâu nhãn kín là ẩn dụ của tham nhũng? Thịnh nộ là của nhân dân? Chế độ bạo quyền thối nát suy yếu như đê đầy hang chuột, ổ mối vậy...■

MÙA XUÂN VÀ VŨ TRỤ

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Mỗi lần mùa Xuân tới, lòng con người sống trên hành tinh này nở rộ hoa Xuân, với biết bao ước mơ và hy vọng. Hết cơn bỉ cực đến tuần thái lai, kỳ diệu thay bộ máy vận hành theo chu kỳ của đấng Cao Xanh: Hết Đông rồi lại tới Xuân, và rồi lại Hạ, lại Thu...

Các nhà Thiên văn học đã tính đúng được từng phút từng giây sự vận hành của Trái Đất quanh Mặt Trời và đã biết tại sao có bốn mùa. Các nhà Vật lý học đã nói đến những định luật của thiên nhiên trong vũ trụ chi phối không gian và thời gian, những "lực" điều hành năng lượng và vật chất, từ cái cực vi cho đến cái cực đại, như một bộ máy có những bánh xe cơ khí chạy đều đúng theo những luật của Tạo Hóa.

Thế nhưng, không biết từ bao ngàn năm nay, con người trước độ Xuân về, dưới nắng Xuân đầy hoan lạc, đã kính ngưỡng nhìn lên bầu trời và tự hỏi: Phải chăng có một đấng Vạn Năng ở trên cao thẳm đó đã đặt ra những luật của thiên nhiên để vạn vật phải tuân theo.

Xuân đến giữa loạt bài về vũ trụ học liên tiếp đăng trên Thế Kỷ 21 từ nhiều tháng nay, chúng tôi cũng muốn nhân dịp này trình bày một vài suy tư riêng về Mùa Xuân và Vũ Trụ.

Nếu con người chúng ta vẫn thường coi mùa Xuân là khởi điểm, là sự bắt đầu của một năm mới, thì câu hỏi tự nhiên đến trong vũ trụ quan phải là: Vũ trụ bắt đầu từ bao giờ và mùa Xuân của vũ trụ như thế nào?

Từ thuở thiếu thời, tôi đã bị tiêm nhiễm quá nhiều về cái học của phương Tây, hiểu theo triết lý Tây phương từ thời Hy Lạp Cổ, nên cũng giống như mọi người trong thế hệ, chúng tôi đã quen với lối suy luận của người Tây phương.

Thế nhưng, căn bản chúng ta vẫn là người Á Đông, trong con người của chúng ta vẫn tiềm ẩn — có thể là do những "gien" di truyền —, ở một góc thầm kín nào đó của trí tuệ và ở trong tâm hồn chúng ta vẫn có một cánh cửa rộng mở để đón nhận dễ dàng những triết lý sâu sắc của cái học Đông phương.

Trong khi các nhà bác học Tây phương bị "đóng khuôn" (*conditioned*) trong học vấn của cái gọi là "khoa học được thiết trì" (*established sciences*), họ đã ngại ngùng khi đề cập đến siêu hình học (*metaphysics*) mà trong thâm tâm, họ vẫn coi như hoang đường. Để rồi vào những năm của cuối Thế kỷ 20 này, họ bàng hoàng nhận thấy những cái gọi là luật thiên nhiên, luật vật lý đó mỗi lúc lại lần ra những manh mối (*clues*) khác nữa làm bí mật của Tạo Hóa dày đặc thêm,... "huyền diệu" thêm. Bằng chứng của những sự bàng hoàng đó là những cuốn sách của các nhà bác học nổi danh viết ra, thí dụ như "*The Tao of Physics*" (Đạo của Vật lý), hay "*The Dancing Wudi Masters*" (Các vị chúa tể của Vật lý đang khiêu vũ)...

Tôi nghĩ chúng ta, người Á Đông không bàng hoàng như họ. Cái gốc Á Đông của chúng ta đã sẵn có một cánh cửa của tâm hồn giúp chúng ta dễ dàng đi vào những Công án của Thiền học, dễ dàng thâu thái phần "hình nhi thượng học" của đức Khổng, những triết lý cao xa của Ấn giáo, Phật giáo, Lão giáo và lần mò được dễ dàng trong mê hồn trận của Dịch học, để phối hợp với học vấn phương Tây hiện đại.

Chúng ta hãy trở lại với Vũ trụ học và câu hỏi: Mùa Xuân

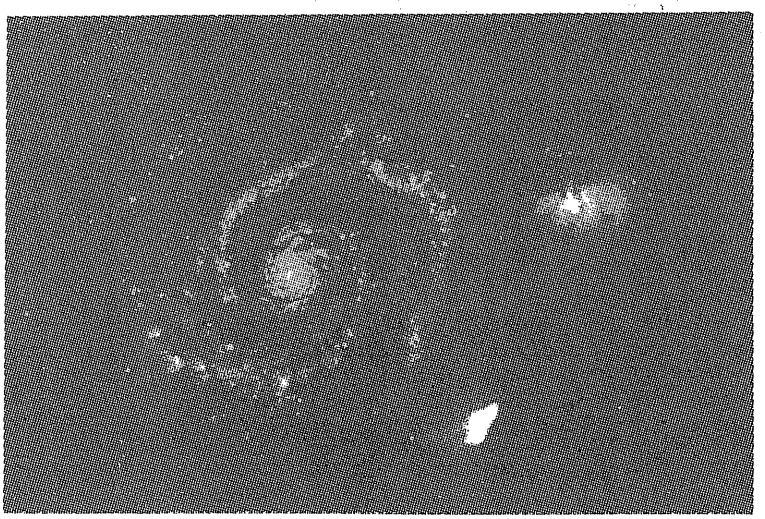

của vũ trụ?

Sách "Sáng thế ký" (*Genesis*) trong Cựu Ước, nguồn gốc Do Thái, và cũng là cơ sở của Thiên Chúa giáo ngày nay, cho biết Thượng Đế sinh ra Trời Đất, Ngài chỉ cần hô một tiếng là có ánh sáng (Mặt Trời), hô một tiếng là có đất, có cây, có vạn vật... Theo tôi nghĩ, bất cứ tôn giáo nào, chẳng cứ Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo, cũng đều có những "lý thuyết" về mùa Xuân của vũ trụ. Bà La Môn giáo, Phật giáo ở phương Đông cũng vậy.

Đó là những "lý thuyết" tùy theo suy tư, tín ngưỡng hay khoa học. Chúng tôi rất tôn trọng các tín ngưỡng và thành kính trước những đức tin của tôn giáo. Tuy nhiên con người của thời đại ngày nay, trước khi nắm chắc được bằng cớ hiển nhiên, vẫn chỉ muốn coi đó là "lý thuyết" (*theory*).

Ngay cả những lý thuyết của khoa học hiện đại về sự phát sinh của vũ trụ vẫn chỉ là những "lý thuyết" không hơn không kém, bởi vì khoa học tân tiến nhất của loài người ở cuối thế kỷ này vẫn chưa đưa ra được bằng cớ cụ thể, không thể chối cãi rằng cái gọi là Big Bang (vũ trụ bùng nổ) lúc khởi thủy đã xảy ra như thế nào.

Đưa ra một lý thuyết theo sự tưởng tượng là chuyện dễ. Nhưng không phải các lý thuyết đều có giá trị như nhau.

Tôi xin kể sau đây một mẩu chuyện vui về Thiên văn học.

Một nhà bác học tên tuổi của Thế giới (hình như là Bertrand Russell) một hôm diễn thuyết trước một cử tọa đông đảo về môn Thiên văn học. Ông đã mô tả Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời, và chính Mặt Trời cùng lũ con là các hành tinh trong Thái Dương hệ cũng cùng chạy theo một quỹ đạo trong một khối sao vô cùng to lớn là giải Ngân hà.

Cuối buổi diễn thuyết, một bà cụ già ngồi ở cuối phòng họp, đứng lên nói: "Anh chỉ nói toàn chuyện bố láo. Thế giới là một mặt nền phẳng như mọi người đang đứng trên đây. Cái nền Thế giới này nằm ở trên mu một con rùa."

Ông bác học nọ mỉm một nụ cười... kẻ cả, rồi thủng thỉnh hỏi lại: "Thưa cụ, thế con rùa đó đứng trên cái gì?"

Bà cụ già đáp: "Này anh bạn trẻ, anh khôn lắm, khôn lắm đó. Nhưng tôi nói cho anh biết: con rùa đó nằm trên con rùa khác, và con này lại nằm trên con rùa nữa... cứ thế xuống hoài không hết."

Bà cụ già đó cũng đưa ra một "lý thuyết" về vũ trụ đó. Chúng ta không nên cười bà ta, bởi vì mỗi cá nhân đều có quyền suy tư và lý luận theo niềm tin của mình. Dĩ nhiên có nhiều lý thuyết khác nhau, nhưng điều dễ hiểu là một lý thuyết có giá trị, đáng để suy ngẫm, phải dựa trên những gì đã thấy có thật, trên những quan sát mà mọi người đã biết là không thể chối cãi được.

Hiện nay vũ trụ đang nở rộng (expansion), đó là điều đã quan sát được. Điều đó có nghĩa là vũ trụ đang ở trong thời kỳ nổ, và điều được xác nhận là đúng, có nhiều bằng chứng cho thấy, rằng thuyết Big Bang (Vũ trụ bùng nổ) là thời kỳ khởi điểm, là mùa Xuân của vũ trụ vậy. Năm 1965 hai nhà vật lý học Mỹ ở Bell Telephone Laboratories tại New Jersey, là Arno Penzias và Robert Wilson, đã tình cờ khám phá được những bức xạ của vụ nổ Big Bang mà ngày nay còn tàn dư trong vũ trụ, sau khoảng 15 tỷ năm đã trôi qua. Người ta gọi đó là những "bức xạ hóa thạch."

Nếu vũ trụ bắt đầu bằng một vụ nổ và bây giờ vũ trụ đang nở rộng thì điều đó cũng không trái ngược gì với niềm tin của các tôn giáo cho rằng chính Thượng Đế, hay một đấng vạn năng nào — tùy theo ngôn ngữ sử dụng — đã khai sinh ra vũ trụ, cũng như Ngài đã nhấn một cái nút cho nổ và tạo ra vũ trụ.

Nhưng có một câu hỏi hơi rắc rối: Thế trước khi có Big Bang thì có cái gì?

Về điểm này có một giai thoại — có thể là một huyền thoại — xin kể ra sau đây cho vui:

Trong sử sách của Công giáo, thánh Augustine sinh thời là một nhà bác học — có lẽ là một tu sĩ vật lý học đầu tiên ở vào khoảng thế kỷ thứ 6. Bình thường Ngài hay đi giảng đạo và nói đến Thiên Chúa đã tạo ra vũ trụ.

Có một anh chàng nghe giảng rồi hỏi: "Thưa Cha, thế trước khi Thiên Chúa hóa phép ra vũ trụ, Trời và Đất, chắc Người rảnh rỗi lắm. Vậy Người làm cái gì?"

Thánh Augustine đáp: "Người xây dựng... nhà tù. Để bỏ tù những đứa hỏi cắc ké như nhà ngươi."

Câu chuyện trên đây có thể chỉ là chuyện đùa, do các ông bác học ngày nay bịa ra để nói cho vui mà thôi. Có lẽ thánh Augustine — một nhà bác học của hơn một thiên kỷ trước — chỉ nói rằng thời gian là đặc tính của vũ trụ mà Thượng Đế tạo ra, bởi vậy trước khi có vũ trụ thì không có thời gian.

Tôi không phải là người Công giáo. Tôi lại không có cơ duyên đi vào ngành học uyên thâm của Phật pháp vô biên và đọc được nhiều kinh điển của Bà La Môn giáo. Nhưng tôi nghĩ như thế này:

Vũ trụ, không gian và thời gian, cũng chỉ nằm trong một kiếp luân hồi, với những chu kỳ đều đặn.

Từ một điểm trong một phần ngàn tỷ của giây đồng hồ — hoặc như các nhà bác học nói, trong *một cronon* — vũ trụ bùng nổ; từ đó đồng hồ thời gian mới tích tắc bắt đầu chạy, và không gian mới bắt đầu nở rộng. Vũ trụ nở ra bao nhiêu thì không gian mới có đến bấy nhiêu.

Câu hỏi thường đặt ra: Thế người vũ trụ có cái gì? Câu trả lời đơn giản: Đối với loài người chúng ta, không thể có cái gọi là "ngoài vũ trụ." Bởi vì vũ trụ nở đến đâu, không gian — và dĩ nhiên cả thời gian — mới có đến đó. Không có cách nào nhìn ra ngoài vũ trụ được, nghĩa là con người không thể nào quan sát được ở nơi không có không gian mà cũng chẳng có thời gian.

Vũ trụ là một kiếp luân hồi. Hết chu kỳ nở rộng, lại đến chu kỳ thu vào, gọi là sụp đổ (*Big Crunch*), để rồi lại bùng nổ (Big Bang) và nở rộng... cứ thế mãi.

Câu hỏi "trước khi Thượng Đế tạo ra trời đất Người làm gì" cũng vô nghĩa, bởi vì trước đó không có thời gian, không có không gian. Tất cả chỉ là một chuỗi những chu kỳ như những vòng xích liên hoàn bất tận và bất diệt.

Thế Thượng Đế ngồi ở đâu? Người — đấng Vạn Năng, đấng Tạo Hóa — ngồi ở chỗ mà trí tuệ bình thường của con người không thể hiểu nổi nữa là nhìn thấy. Đấy là nơi không có thời gian và không gian. Người đã đứng ngoài kiếp luân hồi và các chu kỳ của vũ trụ.

Liệu có cách nào khoa học — hay trí tuệ của con người — nhìn thấy được, hiểu thấu được nơi quái đản nhất là "không có thời gian, không có không gian" đó không?

Tôi có một niềm tin. Đó là sức vạn năng của trí tuệ con người. Nếu đấng Vạn Năng (*Omnipotence*) đã thổi vào con người khi còn là một cục máu trong bụng mẹ, một cái gì thiêng liêng nhất mà ta gọi là linh hồn, để trở thành một sinh vật có tri giác thông minh, làm chủ trên Hành tinh nhỏ bé này, thì tức là Người cũng đã ngầm ban cho loài người chúng ta một huệ nhãn vạn năng, một sức mạnh tiềm ẩn mà các học giả Tây phương thích gọi là một "tri thức siêu việt" (*Transcendent consciousness*).

Có mở được huệ nhãn vạn năng đó không, đó là vấn đề của chúng ta, chớ không phải là vấn đề của NGƯỜI.

Tôi thành thật nghĩ rằng trong suốt lịch sử của nhân loại, đã có những đấng Tiên Tri, những bực Giáo Chủ, những vị thiên tài siêu việt, tự mở được cái huệ vạn năng đó. Và họ đã ra khỏi kiếp luân hồi của vũ trụ. Cái sống cũng như cái chết đối với họ hoàn toàn vô nghĩa, cũng vô nghĩa như câu hỏi: "Trước khi Thượng Đế tạo ra Trời Đất, Người làm gì?"

Làm thế nào mở được cái huệ vạn năng đó? Đây không phải là vấn đề học vấn, dùi mài kinh sử, hay nghiên cứu tìm tòi trong các phòng thí nghiệm với những dụng cụ ghê gớm mà khoa học Tây phương đã tạo được. Đây cũng không phải là vấn đề tu hành, theo ý nghĩa đức hạnh mà ta thường hiểu. Có chăng, "học" và "tu" cũng chỉ là những bước tất yếu, nhưng quá khiêm tốn để đạt đến mục tiêu tối hậu là huệ nhãn vạn năng mà thôi.

Để kết luận bài này, và cũng để kết luận loạt bài nói về nhà bác học Stephen Hawking, tôi chỉ xin trở lại niềm tin của tôi: đó là sức mạnh của lý trí và tư duy, sức mạnh vô biên của trí tuệ.

Cuộc đời của nhà bác học tật nguyền người Anh, ông Stephen Hawking, là một thí dụ điển hình. Toàn thân ông tê liệt, vì một chứng bệnh quái lạ mà người Mỹ gọi là bệnh Lou Gehrig. Chứng bệnh này làm tê liệt các bắp thịt, nhưng rất từ từ. Năm nay ông 52 tuổi, nhưng ông đã bắt đầu mắc bệnh từ tuổi ngoài 20, nghĩa là gần 30 năm trước đây, ông đã biết ông đi vào cõi chết bất cứ lúc nào.

Đến nay Stephen Hawking không còn nói được nữa, trên toàn cơ thể, chỉ còn một ngón tay có thể cử động được nho nhỏ, đủ để nhấn vào các nút "yes" hay "no," hoặc những nút khác tiêu biểu cho một câu nói rút ngắn theo từ ngữ của khoa học.

Nói trắng ra, Stephen Hawking là một "hoạt tử nhân." Vậy mà tinh thần của ông thật ghê gớm, ông không chịu chấp nhận sống để chờ chết, ông đã học và học để cướp thời gian. Và đến ngày 29-4-1980, các nhà bác học, các bậc khoa bảng đại học đã ngồi lấp đầy Đại giảng đường "Cockcroft" của trường khoa học lừng danh Cavendish trong Viện Đại Học Cambridge của Anh Quốc, trước tấm bảng đen rộng lớn và một màn hình chiếu ảnh "Slide." Đây là buổi diễn giảng đầu tiên của một vị tân giáo sư Lucasian môn Toán: nhà Toán học và vật lý học Stephen William Hawking, năm đó ông vừa đúng 38 tuổi.

Khu khoa học Cavendish (tên một nhà bác học trứ danh thời trước) thực ra được gọi là Cavendish Labs (Phòng thí nghiệm), được xây dựng lại năm 1974 từ tòa nhà cổ kính hơn ba thế kỷ trước đây, là một trong những trung tâm nghiên cứu vật lý quan trọng nhất Thế giới. Chính ở nơi đây, nhà bác học J.J. Thomson đã tìm ra được hạt điện tử (electron) và rồi nhà bác học Ernest Rutherford đã khám phá ra cấu trúc của nguyên tử. Danh sách còn dài nữa. Và xa xưa hơn, chính nhà bác học Sir Isaac Newton đã từng ngồi trên ghế "Lucasian Professor" của trường này mà hiện nay là ghế của Stephen Hawking.

Bài giảng đầu tiên của vị tân giáo sư Toán-Lý Stephen Hawking có tựa đề là một câu hỏi:"Phải chăng chúng ta đã nhìn thấy chỗ tận cùng của môn Vật lý lý thuyết học? (*Theoretical Physics*)."

Hơn mười năm qua, trí tuệ của con người tật nguyền, toàn thân tê liệt này, đã có một sức xuyên phá khủng khiếp. Đó là những mũi dùi chọc thủng những màn bí mật ghê gớm của Tạo Hóa.

Đó là một sức mạnh có khả năng vượt ra ngoài biên cương của vũ trụ là không gian và thời gian.

Chúng tôi cúi đầu thán phục và trong tâm có thêm niềm tin tưởng, một chân lý bất diệt: trí tuệ chính là bảo vật vô giá mà đấng Tối Cao đã ban cho những loài thông minh như loài người chúng ta vậy.■

Anaheim đầu Xuân 1994

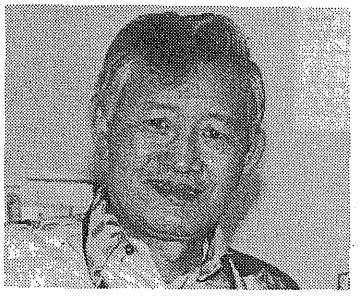

Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh

RẤT NHIỀU NGHĨ SUY VỀ 'MỘT VÀI SUY NGHĨ...' CỦA ÔNG KB

(Xem *Thế Kỷ 21* số 55, tháng 11-93)

ĐỖ QUYÊN

(Ngàn Lau, Đức)

"Nghề văn sĩ giống như nghề võ sĩ
Muốn nên tài cần phải chịu đòn đau."

Tôi không thích thơ NGUYỄN CHÍ THIỆN lắm (dù rất kính phục ngục sĩ này), vẫn chép tặng ông **TRẦN NGỌC TUẤN** (TNT) hai câu trên vì thấy nó hợp với ông — khổ chủ trực tiếp trong câu chuyện chúng ta đang theo dõi.

Và bây giờ xin có tiếng vọng lại ông KB cùng các độc giả TK21.

A- Về sự liên quan của tôi đến câu chuyện

Không ngoài việc khẳng định trách nhiệm về những gì sẽ viết dưới đây, tôi thấy cần nói trước đôi điều có liên quan. Tôi là người khởi xướng và là một trong số vài người lập ra báo CÁNH ÉN (CE), là một trong hai người thực hiện phỏng vấn trực tiếp ông TNT và viết ra bài phỏng vấn đó (CE số 19, tháng 12-92; sau đó TK21 số 50 tháng 6-93 đăng lại toàn văn trừ phần lời dẫn) với tựa đề là "Tôi Chỉ Có Một Chỗ Để Đi Về: Việt Nam!" Bài này, về bổn phận của người phỏng vấn, chúng tôi tự thấy mình đã làm rất cẩn thận. Ông TNT được nghe đọc lại toàn bộ những gì chép lại từ máy ghi âm và được đọc bản thảo cuối cùng. Sau khi bài báo đã đăng cũng không thấy có ý kiến chê trách gì từ phía ông TNT, nên có thể nói rằng tôi hiểu không sai những gì ông ấy muốn nói hôm đó... Người làm phỏng vấn, theo tôi, có ba nhiệm vụ chính: đặt câu hỏi, dẫn dắt câu chuyện theo mục đích của mình; và nhuận sắc lại toàn bộ từ nội dung, câu chữ cho đến bố cục. Cho nên, đã đành được người phỏng vấn là tác giả, là người chịu trách nhiệm chính... nhưng chỉ là về mặt nội dung, còn tác-giả-của-linh-hồn câu chuyện là thuộc về người phỏng vấn. Một khi bài phỏng vấn có chỗ sai trái... hoặc bị xem là sai trái... ở cả phần "xác" lẫn phần "hồn" của bài, thì tùy nơi chỗ mà ai phải chịu trách nhiệm.

Vì thế, tôi nghĩ mình có chút "thẩm quyền" để được "xuống bút" cùng ông KB về những điều ông đã **hiểu sai hoặc chưa đúng ở một số điểm mà ông TNT đã nói**, cũng như về những gì ông viết ra, đặc biệt là về thái độ và phương pháp để viết bài "Một Vài Suy Nghĩ..."

Tất nhiên, việc đi nói hộ người khác nghĩ gì (mà ở trường hợp này chưa chắc người đó đã cần khiến!) không thể nào "trúng phoóc" được. Nếu như có chỗ nào hơi hơi lệch khỏi ý của ông TNT định nói trong bài phỏng vấn, cũng mong ông, và tất nhiên cả ông KB cùng bạn đọc, châm chước.

Trong nhiều nhận định của mình, tôi xin được xem tác giả KB ở độ tuổi 50-55 và đang sống tại Đức. (Đấy cũng chỉ là phỏng đoán qua bài ông viết).

Để cho khách quan, lại phải nói thêm: từ gần nửa năm nay tôi không có liên lạc cùng ông TNT, và từ sáu bảy số báo nay tôi không còn làm báo CE nữa.

B- Nhận xét chung về bài "một vài suy nghĩ về những câu trả lời của ông Trần Ngọc Tuấn" của ông KB

Nếu chỉ đọc lướt lướt hoặc nếu chưa đọc bài EC phỏng vấn thì thấy đấy là một bài góp ý nghiêm túc và thẳng thắn, chi tiết và rành mạch, có mở và có kết... Với không ít chỗ ông KB tỏ ra khúc chiết ở câu chữ, văn phong, thâm sắc trong suy tư, đọc nhiều biết rộng về tri thức bằng các luận cứ, dữ kiện, các trích dẫn ở nhiều thể loại từ nhạc tới thơ, từ văn học hiện đại đến nhiều tác giả cổ-tân, Âu-Á, Cộng Sản-Phi Cộng Sản v.v.. Hơn hết, điểm son tôi ghi nhận được là ông thể hiện sự tự nhiên, thực lòng khi tâm sự từ các chuyện riêng của gia đình cho tới tư cách bản thân về chính trị.

Nhưng, đáng tiếc lắm thay! Chỉ cần đọc từ tốn, nhớ hoặc xem lại những điều ông TNT nói, cũng không khó nhận thấy trong 12 lần đưa ra các ý lớn thì **chỉ có được một lần ông KB phê trúng** (xin xem dưới đây, phần C mục 4). Còn lại là: ba ý lớn với mục đích chung chung (hoặc không đi ngược lại, hoặc không có liên hệ với nội dung bài phỏng vấn) và có tới chín ý lớn bị sai hoặc có các ý

nhỏ bất ổn! **Trong sáu ý liên hệ tới ông TNT thì có năm là sai lạc so với điều ông ấy đã trả lời.** Trong cả bài của ông KB có ba loại dẫn đến các sai lạc và bất ổn: a) lập luận không chắc, bất nhất; b) quan niệm cũ, lạc điệu; c) trích dẫn lời ông TNT khiên cưỡng, không đầy đủ.

Trước khi đi vào từng ý lớn, mỗi điểm nhỏ... trong bài của ông KB, ta hãy thử xét các khiếm khuyết đó trên hai bình diện chung.

1- Cái lỗi "thanh thiên bạch nhật" nhất ở bài của ông KB là việc trích dẫn lời ông TNT một cách thiếu trung thực. Ba lần (C.3, 7 & 8) ông KB dùng trò chơi "rồng rắn lên mây": chỗ thì ông chém "khúc đầu vùng xương vùng xẩu," nơi ông lại chặt "khúc giữa vùng máu vùng mê"... để mà tha hồ đuổi đồn ông TNT đến ngõ cùng của sự phi lý, phi tính! Có hai lần (C.1 & 9) được ông trích dẫn trúng nhưng lại dùng nó phục vụ cho các suy nghĩ sẵn có của mình mà không chịu hiểu nó trong toàn cảnh của cả câu chuyện dài xuyên suốt bài phỏng vấn. Cả hai cách như thế đã làm ý của ông TNT bị bóp méo!

Tôi nhìn nhận đó là chuyện "tày đình" (chứ chả phải chuyện chơi!) của bài "Một Vài Suy Nghĩ..." Thú thực, **nếu không vì chuyện đó** thì tôi đã chẳng lao công khổ tứ thế này, bởi với các loại lỗi a) và b) đã nêu ở trên tôi tin là tự bạn đọc cũng nhận ra dù có quên (hay không đọc) bài phỏng vấn. Nó "tày đình" vì là vấn nạn chung của báo giới xưa nay, phải đâu chỉ là riêng giữa hai ông TNT và KB. Cho nên tiện dịp tôi tính khoét sâu thêm chút nữa...

Không nói đến chuyện người ngoài (họ cũng chả tránh khỏi "nan y" này!), chỉ nhìn lại báo giới Việt trong và ngoài nước, Nam lẫn Bắc, thủ pháp trích dẫn thiếu trung thực là cái nôi cho các trò chụp mũ và vu khống, tuyên truyền để mị dân v.v... Người Cộng Sản chỉ là kẻ vận dụng thủ pháp này điêu luyện nhất chứ họ không phải là kẻ đầu tiên và càng không phải là kẻ cuối cùng vận dụng nó... Ba tuần trước, trong dịp phỏng vấn bà IRINA ZISMAN tôi bị bà phàn nàn rằng báo chí Việt hải ngoại đã nhiều lần trích dẫn bà rất không đầy đủ và khách quan. Chưa rõ hư thực ra sao, tôi chỉ còn cách an ủi IRINA bằng một câu đã khá nổi tiếng, đại ý: Nếu chỉ qua các lời trích dẫn thì mọi tác giả đều đáng... chém đầu!

Cũng là mượn dịp, tôi muốn chia sẻ cùng ông NGUYỄN GIA KIỂNG ở việc ông xem một tờ báo là đứng đắn khi nó đăng lại toàn bộ bài viết cần phê bình ở ngay dưới bài phê bình. (Cố nhiên, **họa** hoằn lắm mới làm được **việc này**, không thì mỗi tờ báo, **tạp chí**... đều phải "thoòng" theo hàng chục trang Phụ lục!) Xét cho cùng, chỉ có lương tâm và trình độ của người phê phán (hay biểu dương) mới làm vật bảo đảm bằng vàng cho công việc trích dẫn các tác giả.

2- Vấn đề lớn thứ hai đặt ra ở bài "Một Vài Suy Nghĩ..." là cái TÂM của người cầm bút. Thì đây cũng lại là một "nan y" của làng báo chí. Giới bút mực... mà không dễ gì "chỉ tận mặt, bắt từng tay" được... Cái Tâm của con người ta nó nổi chìm, mông lung lắm! Tôi thì ví cái TÀI của một người viết như SẮC còn TÂM thì như HƯƠNG của hoa... Từ một tác phẩm văn học nghệ thuật, nhất là thuộc thể loại phê bình, nhận định... nếu người thưởng thức là người trong cuộc thì anh ta có thể "ngửi" ngay được cái TÂM của người sáng tác đối với mình ở cung bậc nào của tình cảm: nể trọng hay khinh bạc, mến quý hay ruồng rẫy, thương yêu hay oán ghét, thiện cảm hay ác cảm v.v và v.v...

Toàn bài phỏng vấn "Tôi Chỉ Có Một..." gồm cả thảy 22 ý lớn, ông KB đề cập chín ý, tức là ông "im lặng" đối với 11 ý lớn còn lại. Dẫu thế, tôi vẫn **không xem là trọng** ở việc trong suốt cả bài dài ba trang của mình ông không dành cho ông TNT, hay cho bài phỏng vấn, một điểm ưu nào, từ ý đầu tiên cho chí câu cuối cùng của ông.

Thế cũng chả sao! Đâu phải cứ "tí ti jaune (vàng), tí ti noir (đen)" mới làm nên bức tranh? Tôi hiểu đây là loại bài chỉ để phê bình **các điểm** mà tác giả cho là đối tượng của mình sai hoặc các điểm hai người không thấy hợp nhau. Kiểu bài này hơi ít thấy (dù rất **cần thiết!**) vì đa số người phê bình thường cả nể: muốn khen lắm lại phải giả đò chê bai vài cái lẻ tẻ, vô hại; và ngược lại. Sự khen-chê trong một bài phê bình đúng ra là phải có liên hệ khăng khít với nhau. Không thì thôi, cứ "nhất biên đảo" mà làm (như bài của ông KB). Song le, tôi muốn nhấn mạnh: bao trùm lên cả bài "Một Vài Suy Nghĩ..." — bức tranh "đen" — là một loại tình cảm không thể gọi là sáng sủa. Nhiều lần tôi tự hỏi vì sao? Không nhẽ giữa hai ông có một quan hệ cá nhân nào đó không đẹp mà tôi chưa biết? Khả năng này tôi đoán là vô cùng nhỏ bé... Hay là ông KB có ác cảm sâu xa nào đó với lớp người không "*bình thường*" như tụi tôi — "*lớp người được chế độ tài đãi*" và "*đứng lên chống lại chế độ độc tài này*"? (1) Điều này dám có một xác suất nào đó lắm chớ! Nhưng thế thì có gì là lạ với chúng tôi? Gần bốn năm rồi, chúng tôi "chịu đòn" nhiều về sự không-bình-thường ấy, và đã chấp nhận (không thì ba cái vụ báo chí, hội đoàn.. này phải dẹp tiệm từ lâu!) Nhưng chúng tôi chỉ chấp nhận các "đòn đẹp": chỉ trích hẳn vào việc "được chế độ ưu đãi," bài kích thẳng với sự "đứng lên chống lại chế độ độc tài." Mà hai kiểu ấy lại không được nói trắng ra ở bài viết của ông KB... Thế cho nên tôi cứ thấy nó mù mờ thế nào ấy: mù mờ trong bài viết của ông và trong cả đầu tôi lúc này... Ai làm sáng tỏ được dùm nếu không phải là ông?...

Tất nhiên, cho kín kẽ, người ta có thể bảo rằng ông KB có quyền được không thích ông TNT sau khi đọc các câu trả lời của ông TNT, như là ông ấy không thích một ông X., một cô Y. nào đấy ở đời. Tôi hiểu chứ... Nhưng là một người cầm bút (dầu có bút danh hay không) đã dám đăng đàn (dù với tên không phải là thật) thì người đó vô tình hay hữu ý đã để tiếng cho đời, không được trên bia đá cũng là trên bia... giấy! Anh ta không thể mượn quyền tự do ngôn luận mà đánh giá đối tượng của mình (dù là kẻ thù!) bằng một tình cảm chủ quan để phục vụ mục đích không chính đáng của mình. Nếu lạm dụng quá quyền này tới mức vi phạm pháp luật (vu khống, "*bêu rếu đời tư*"...) thì có tòa án xét xử. Còn ở mức nhẹ thì sao? Đó là lúc tòa-

án-lương-tâm của mỗi người cầm bút phải làm việc (chính ông KB cũng đề cập sơ sơ tới chuyện này ở ý nói về Dương Thu Hương!). Vậy mà...

Vẫn chưa hết: ở đây có sự hiểu nhầm chăng? Cũng có thể... Riêng tôi thì thật khó tin một người có độ tuổi chín đậm, có ít nhiều khổ đau (dưới chế độ CS), có khả năng kể chuyện hấp dẫn, lại am tường các vấn đề từ thời sự đến nghệ thuật, và đặc biệt lại là một người làm khoa học (tức là được trang bị một phương pháp luận để đánh giá các hiện tượng, sự vật, đối tượng... sao cho lô-gíc và khách quan) như ông KB lại có sự hiểu nhầm ông TNT qua một bài rất phổ thông như bài "Tôi Chỉ Có Một..."

Bây giờ là chút tâm sự của tôi với ông KB như là những đồng nghiệp... Khác với ông TNT được đào tạo để làm các chuyện báo chí văn chương, tôi, cũng như ông, từng là một người "*làm trong một ngành khoa học.*" Vậy chúng ta có thể đồng ý với nhau rằng: người làm khoa học cần có khả năng phủ định để đi tìm chân lý. (Tôi nhớ ở đâu đó có ai định nghĩa vui vui rằng "khoa học là... khoa học của sự phủ định!"). Nhưng đó chỉ là điều kiện cần số một. Điều kiện cần số hai, ấy là lương tâm của nhà khoa học. Bởi nhà khoa học chi phối tri thức, tức là cầm sinh mạng (hiểu theo các nghĩa nhân loại trong tay mình...) Ông còn nhớ hay ông đã quên câu chuyện A. EINSTEIN từng tự dằn vặt mình khốn khổ ra sao về bức thư ông ta đã "chót dại" gởi cho tổng thống Mỹ TRUMAN trong đó có liên quan đến bom nguyên tử? Cho tôi được nói rất thật cùng ông và cả bạn đọc: bài "Một Vài Suy Nghĩ..." như một trái bom nhỏ dội vào TÂM, vào TRÍ tôi trong suốt bốn ngày qua...

... Nhưng mà thôi, thôi... Hãy cho qua mục khác... Tôi đang nghe thấy "Cụ cố"... TIÊN ĐIỀN gắt ỏm tỏi lên từ chốn thiên thu: "Lại vẫn chỉ cái TÂM với chả cái TÀI! Biết rồi... Khổ lắm! Ta đã nói mãi từ 300 năm nay rồi..."

C- Phê và bình các điểm cụ thể trong bài của ông KB

Ta sẽ theo thứ tự xét hết 12 ý lớn và các ý nhỏ có vấn đề trong mỗi ý lớn của bài "Một Vài Suy Nghĩ..."

1- Ngay mở đầu, để cho "ngôn thuận" ông KB đã lập tức thực hiện "danh chính" khi đính chính lại lời tòa soạn TK21. Ông viết: "*CE là tờ báo của một số người Việt tỵ nạn tại Đức,*" và giải thích rất khẽ, gọn rằng ông "*chỉ xin thêm vào đó hai chữ "một số" cho đủ và rõ ràng*"!

Đây là ý lớn duy nhất trong bài không liên quan đến các câu trả lời của ông TNT... Bề ngoài có giản dị ở việc thêm có hai chữ "một số," nhưng ngay với độc giả thờ ơ nhất cũng nhận chân ra thái-độ-rất-chính-trị của tác giả. Trộm nghĩ, chính thái-độ-rất-chính-trị ấy đã ảnh hưởng tới toàn bộ thái-độ-tình-cảm của tác giả ở cả bài viết cũng như len lỏi vào từng câu chữ khi phê phán ông TNT. Do tính quan trọng (và cũng để danh chính ngôn thuận) tôi xin được cố gắng nêu thật gọn, cho thật "*đủ và rõ ràng*" về những gì liên quan đến hai chữ "*một số.*"

Nhưng hơn cả, và nằm trong phạm vi của cuộc đối thoại này, là việc lần đầu tiên giới thiệu đến bạn đọc TK21 về báo CE để qua đó phần nào về những người Việt Nam tỵ nạn tại Đức ra đi nhờ việc mở cửa bức tường ô nhục BERLIN mà đến hôm nay là vừa chẵn bốn năm: 9-11-1989. Và vì ông KB xác định rõ ông không chống lại chế độ độc tài "*mà chỉ bỏ chạy ra ngoại quốc*" nên ở đây sẽ không cần đề cập đến mặt chính trị của báo CE. "**Tiếng Nói Của Người Việt Tỵ Nạn tại Đức Sau Ngày Sụp Đổ Bức Tường BERLIN**". (Nói thêm: danh xưng này cũng bị ông KB trích không đầy đủ khi bỏ đi chữ "tiếng nói").

Công bằng ra ông KB đã làm một cử chỉ rất thông thường, nhưng giá như ông có một thái độ chừng mực và cao thượng thì, ở khả năng của ông, thiếu gì cách diễn đạt. Không may cho ông là cái "thâm thúy" trong cách diễn đạt này lại bất ổn cả về phương pháp luận và về nội dung! Người đọc có thể hiểu ông KB thêm hai chữ "một số" với hai hậu ý. Một là ông xác định "tọa độ" của mình không thuộc diện, hay không giống như, một-số-người làm báo CE. Tôi xem đấy là quyền tự do tư tưởng trong các sinh hoạt dân chủ: Một người nào đó hoàn toàn có quyền không chấp nhận một tổ chức, một tờ báo... là đại diện cho anh ta cho dù tổ chức, tờ báo... đó do chính những người cùng tầng lớp, hoàn cảnh... với anh ta làm ra và làm vì tầng lớp đó. Nhưng như thế cũng không có nghĩa anh ta được quyền "khiếu nại" về danh xưng của tờ báo, tổ chức đó nếu như không có gì thực sự quá đáng ở danh xưng đó. Tôi chắc rằng ông KB sẽ không đủ thì giờ để tiếp tục "*thêm vào*", kiểu như: "Hội-Một-Số chuyên gia Việt Nam tại Đức" dù giả sử ông không là hội viên của "Hội chuyên gia Việt Nam tại Đức" v.v... và v.v...

Tôn trọng quyền tự do cá nhân về tư tưởng như thế, thoạt đầu tôi, và một vài bạn khác trẻ hơn cùng tỵ nạn trong vùng chỉ buồn cười vì sự chi li của một người có tuổi. Mà tôi còn nói thêm với các cô, cậu đó rằng dù sao đi nữa thì ông KB vẫn làm một việc có ích trước nạn "sinh đẻ" tràn lan của các hội đoàn, tổ chức, báo chí... Việt hải ngoại đã làm mất lòng tin của rất nhiều "*người bình thường.*"

Hậu ý thứ hai của ông KB mới là điều tôi thực sự buồn. Buồn cho mình, và cho cả ông... Buồn vì dù cùng là người tỵ nạn kể từ ngày tường BERLIN bắt đầu đổ, vậy mà ông KB đã chưa hiểu, hoặc chưa có điều kiện hiểu, về tờ báo do chúng tôi làm và làm vì chúng ta. (Còn nếu như ông đã hiểu đúng rồi mà lại có biểu hiện như thế thì tôi... buồn hơn nữa!) Bây giờ xin được nói vài lời về báo CE... Đã từng là người trong cuộc và nay là người ngoài cuộc, tôi thấy danh xưng vừa được in đậm ở trên của báo không có gì là quá đáng, nếu chưa nói là đủ xứng đáng. Danh xưng này luôn có trên trang nhất của báo kể từ số chào đời cho đến nay. CE là một tờ báo từng làm theo phương châm tự lực, tự tâm; do những người đang xin tỵ nạn tại Đức làm ra và làm vì những người đang xin tỵ nạn (chứ không phải vì quyền lợi của chính "**một số**" những người làm báo CE!). Xét về hai chỉ tiêu "**Ai làm?**" và "**Làm vì ai?**" của một tờ báo, hội đoàn... nào đó ta có thể xem nó đủ tư cách để được là tiếng nói "**của ai**" chưa...

Nói về "Ai làm?"... Đầu năm 1990, khi mới vào nhập Trại tạm cư, đọc bốn năm tờ báo của hải

PHÒNG MẠCH KẾT HỢP NỘI THƯƠNG - SẢN PHỤ KHOA

PHÒNG MẠCH KẾT HỢP NỘI THƯƠNG - SẢN PHỤ KHOA - 9118 BOLSA, WESTMINSTER, CA 92683

PHÒNG MẠCH KẾT HỢP NỘI THƯƠNG - SẢN PHỤ KHOA - 9118 BOLSA, WESTMINSTER, CA 92683

Bác Sĩ BÙI ĐẮC LỘC, M.D.,

Tel.: (714) 897-2623

- *American Board of Internal Medicine*
- *Member of American College of Physicians*
- *Tốt nghiệp hậu đại học Nội thương, San Francisco*
- *Nguyên BS Phó trưởng khoa chấn thương chỉnh hình B.V. Bình Dân, Saigon*
- *Cựu Nội trú các bệnh viện Saigon.*

PHÒNG BỊNH HƠN CHỮA BỊNH: Khám nghiệm định kỳ hàng năm, truy tầm ung thư, đo điện tâm đồ, huyết áp, đo chức năng Phổi, Gan, Thận, Cholesterol và đường trong máu. Hướng dẫn ngăn ngừa bệnh AIDS. Thử Máu tiền hôn thú. Chích ngừa.

CHỮA TRỊ: Y khoa tổng quát, BS Gia Đình, Bệnh Nội Thương, Bệnh Người lớn tuổi.

Trực tiếp săn sóc bịnh nhân khi nằm bệnh viện.

THẦN KINH: Nhức đầu, chóng mặt, động kinh, ngăn ngừa stroke.

TIM MẠCH: Cao máu, yếu tim, hồi hộp, tức ngực, khó thở, ngăn ngừa bịnh tim.

HÔ HẤP: Ho, suyễn, khó thở, sưng phổi, lao phổi.

TIÊU HÓA: Đau, loét bao tử, ói mữa, ăn không tiêu, đầy hơi, đau, viêm gan, tiêu ra máu.

BỊNH VỀ MÁU: Dư máu, thiếu máu, loãng máu, ung thư máu.

BỊNH NỘI TIẾT và BIẾN DƯỠNG: Đái đường, sụt ký, lên ký, bịnh về bướu cổ.

THẬN: Sạn thận, nhiễm trùng, đường tiểu, hoa liễu, tiểu ra máu.

DỊ ỨNG: Sổ mũi, viêm mũi, nổi mề đay, ngứa, các bịnh ngoài da.

ĐẶC BIỆT: Các chứng bịnh về phong thấp, đau nhức lưng, tứ chi, trật xương, bong gân, các bịnh về khớp, chấn thương.

TIỂU GIẢI PHẪU: Nốt ruồi, bướu, sửa các sẹo lồi, vết cắt đứt da, mụt cóc.

CHÂM CỨU theo hẹn.

GIỜ LÀM VIỆC:
THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:30 AM 0 6:00 PM
THỨ BẢY: 9:30 AM - 2:00 PM

9118 BOLSA,
WESTMINSTER,
CA 92683

NHẬN MEDICARE, MEDICAL, BẢO HIỂM.
ƯU TIÊN CHO KHÁCH CÓ HẸN TRƯỚC.

Bác Sĩ LÊ NGỌC BÍCH, M.D.

Tốt nghiệp chuyên môn sản phụ khoa tại Hoa Kỳ

Tel: (714) 890-9283

- ** Sinh viên du học tốt nghiệp trường Đại Học Y Khoa tại SF, School of Medicine, University of California, San Francisco.*
- ** Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại New York Albany Medical Center, New York*
- ** Nguyên giảng huấn viên khu sản phụ khoa Albany Medical Center, New York.*
- ** Cựu Thường Trú các bệnh viện Columbia Hospital For Women tại Washington D.C., Providence Hospital tại Washington D.C.*
- ** Hội viên Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ và tiểu bang California.*

CHUYÊN TRỊ

- ** Thăm thai, đích thân đỡ đẻ.*
- ** Bệnh hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn (nối lại ống dẫn trứng). Truy tầm Ung thư Tử cung và Ngực.*
- ** Giải phẫu bệnh Tử cung, Bướu, Sa tử cung.*
- ** Kinh nguyệt bất thường, đau bụng lúc có kinh.*
- ** Bệnh huyết trắng.*
- ** Ngừa thai, cột ống dẫn trứng.*
- ** Giải phẫu bằng tia Laser.*
- ** Giải phẫu âm đạo nhỏ lại theo ý muốn.*

PHÒNG MẠCH
2740 S. Bristol St.,
Suite 204
Santa Ana, CA 92704
(714) 549-4294

MỞ CỬA:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
10 AM - 12 PM, 2 PM - 5 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 2 PM.

9118 BOLSA, WESTMINSTER, CA 92683

ngoại có trong Trại, tôi đã nung nấu ý muốn làm một tờ **báo của những-tường-nhân**. Phần vì thấy việc làm báo ở đây được tự do quá, phần vì thấy lớp người tỵ nạn mới này còn sẽ đông mà những tờ báo, tổ chức... của người Việt tỵ nạn đi trước không thể nói thay họ được. Họ phải có tiếng nói của mình — tiếng nói của một lớp người ra đi có liên hệ với sự tan rã của chủ nghĩa cộng sản ở phạm vi toàn cầu. Di chuyển đến Trại nào tôi cũng để ý tìm người "cùng mộng." Mãi đến khi về vùng NUERWBERG mới rủ được gia đình anh chị NGUYỄN LÊ. Nhưng chẳng có cớ gì để cho ra báo, vả lại ít người quá nên còn run! Nhân vụ chính quyền Đức có chính sách ép người tỵ nạn đến từ Đông Đức trở lại Đông Đức để lĩnh 3000 Mác và trả về Việt Nam, chúng tôi thấy cần có thông tin chính xác về chuyện này tới những người cùng cảnh ngộ mà đa phần không đọc được tiếng Đức hoặc không hiểu được thực chất "rung cây dọa khỉ" của chính sách này. Và rồi thêm được ba bạn nữa chịu nhập hội... Thế là có cái gọi là "Ban biên tập." Mỗi biên tập viên góp 30 Mác (vùng tôi dạo đó Trợ cấp xã hội là 84 hoặc 68 Mác cho một người!); Cơ quan từ thiện đạo Công Giáo Đức trong huyện tôi ở cho 200 Mác; có hai anh chị "kiều" giúp 100 Mác, một anh "kiều" khác cho "mượn dài hạn" chiếc máy chữ vẫn còn tốt nhưng kiểu cổ... Đó là cơ ngơi cho tờ CE số 1 ra vào ngày 17-2-91 với MỘT SỐ (chính xác là 5) người như thế! Đến số báo có bài phỏng vấn TNT, số 19, MỘT SỐ này lên thành 19-20 người, tất cả đều là những người đang xin tỵ nạn và ở khắp nước Đức chứ không chỉ ở vùng NAM ĐỨC như trước.

Còn về "Làm vì ai?"... Tạm nói đến số 19: báo CE có ba nhiệm vụ, gọi tắt là "tỵ nạn"; "đấu tranh dân chủ" và "liên kết cộng đồng." Xin thưa ra đây các dữ kiện chính quanh nhiệm vụ tỵ nạn: Tất cả các số báo CE cho đến số 18 đều in ở phần đầu của báo các bài, tư liệu, tin tức... thiết thực về vấn đề tỵ nạn ở Đức và phần này thường chiếm 1/2 - 1/4 số lượng trang báo; Tổ chức hội thảo Đức-Việt tại ERLANGEN 9-5-92 về chuyên đề "Người Tỵ Nạn Việt Nam tại Đức"; Là nơi khởi xướng và là một trong ba thành viên chủ chốt của Ủy Ban Bảo Vệ Người Việt Tỵ Nạn tại CHLB Đức được ra đời hôm 16-8-92 để đối phó với Hiệp định hồi hương người Việt 9-6-92 (Sau kỳ họp thứ V hôm 23-10-93 mới rồi Ủy Ban này sẽ hoạt động dưới hình thức thu gọn mà báo CE đảm trách nhiệm chính); Đã cung cấp cho hàng trăm lượt bạn đọc gần mười ngàn tờ thông tin, tư liệu... có liên quan về việc xin tỵ nạn tại Đức; Tuyên truyền và yểm trợ ở HÀ LAN hồi cuối 91 - đầu 92; Tuyên truyền tích cực cho cao trào chống cưỡng bách hồi hương thuyền nhân ở Hồng Kông 11-92 và thường xuyên đăng tải các tin tức về thuyền nhân ở Đông Nam Á; 2/3 số bạn đọc của báo (và là nơi ủng hộ tài chánh góp phần quan trọng nuôi sống báo) là những người đang xin tỵ nạn tại Đức; Là báo phục vụ cộng đồng, không bán, số tiền để làm báo cũng còn dựa vào đóng góp hàng tháng của các thành viên CE và của rất nhiều nhà thờ, hội từ thiện... ở nhiều vùng trên nước Đức; Sau CE có sáu tờ báo khác (còn sống hay đã chết) cũng do những người đang xin tỵ nạn làm ra nhưng CE vẫn là tờ duy nhất quan tâm đến vấn đề tỵ nạn trên phạm vi khắp nước Đức v.v...

Với 28 số báo và gần ba năm hoạt động, rất nhiều biểu hiện cụ thể (mà tôi không cần nêu ra đây) cho thấy báo CE thực sự chiếm được lòng tin trong làng báo Việt cũng như trong dư luận cộng đồng tỵ nạn, nhất là trong lớp người tỵ nạn mới tại Đức. Và, như một lẽ thường tình của làng báo, CE đã nhận về không ít những chê trách và phê phán, bài bác và hăm dọa... từ mọi phía và ở mọi thái độ. Cá nhân tôi cho rằng việc nhận "búa rìu dư luận" cũng là bổn phận của những người đã dám làm báo. Có điều mọi chuyện cần phải được **minh bạch** mà bài báo này hầu góp một phần vào việc đó. Cũng muốn than dài ra đây một tiếng: quả là chúng tôi đã làm gần như hết LỰC mà vẫn thấy "bất tòng tâm" lắm lắm! Bởi TÀI của mình vẫn hèn? Bởi TIỀN mình có được còn mọn?

Trong bối cảnh của những người đang xin tỵ nạn tại Đức, đến tận ngày giờ này, còn bê bết: việc ở hay về rất bất định, luật pháp xử xét thì lung tung, lòng người lại vô phương, tản mát... (Ông KB hẳn tường hơn ai hết!). Vậy mà vẫn còn MỘT SỐ đó cứ cố gồng để gánh "cái ngà voi" này (1/3 số anh chị em làm CE còn phải "ăn cơm xã hội"!). Quý vị nghĩ sao?

2- Ông KB viết: "*Tôi cũng như ông TNT đã "nằm" ngoài cái "chăn" ấy từ lâu rồi. Tôi e rằng nếu ông muốn chỉ cho ai đó về "chăn có rận" sẽ là chỉ trỏ vu vơ.*" Tôi nhận ra hai điểm không ổn ở ý này. Một là, hãy đọc lại cả câu của ông TNT: "Nói cho hình ảnh thì các tờ báo của chúng tôi đã chỉ cho thanh niên Việt Nam ở TIỆP thấy "trong chăn có rận." Ông KB hiểu đúng được ông TNT chỉ có ở mỗi một hình ảnh "chăn" tức là chế độ cộng sản độc tài, là chủ nghĩa xã hội! Tôi không rõ ông đã đọc số nào chưa trong 41 số báo DIỄN ĐÀN (PRAHA) có từ tháng 5-1990 đến nay, cũng như các báo khác của thanh niên Việt Nam ở TIỆP KHẮC như ĐIỂM TIN BÁO CHÍ (PLZEN), THỜI MỚI (OSTRAVA) và TỰ DO (BRNO), mà ông đi đến kết luận đó? Nếu ông chưa biết nội dung các tờ báo đó và chưa được nghe nói rằng phong trào báo chí đó đã làm thay đổi tinh thần của rất nhiều công nhân, sinh viên, nghiên cứu sinh... Việt Nam tại TIỆP KHẮC, nếu ông chưa biết Đại Sứ Quán Việt Nam tại đấy và cả Bộ Nội Vụ ở Hà Nội từng nhiều phen "đau đầu" ra sao vì các tờ báo đó, mà chỉ dựa vào cách suy diễn thuần túy như trên, thì xin ông nhận về hai chữ "*vu vơ*"! Hai là, câu ông KB viết chẳng sai lắm, nhưng hoàn toàn là thuần lý, không có gì bảo đảm nó đúng cho mọi trường hợp. Thêm vào đó nó còn luẩn quẩn so với ý ở câu khác của ông khi ông viết rằng trong nước còn lo miếng ăn, còn kém về trình độ dân trí... Ông dư biết (vì ông đã bị "rận" đốp đau) khi còn ở trong "chăn" mà loạng quạng chỉ trỏ "chấy" với chả "rận" thì "rận" nó... bỏ tù mút mùa! Mấy ai dám chỉ trỏ được cỡ như NGUYỄN CHÍ THIỆN, NGUYỄN ĐAN QUẾ, ĐOÀN VIẾT HOẠT...? Chỉ trỏ được mà như DƯƠNG THU HƯƠNG, PHÙNG QUÁN... thì còn khá là may! Ông TNT chả

anh hùng, liệt nữ gì nên phải ra đến "ngoài chăn" mới dám chỉ trỏ. Chẳng "bờ-ra-vô" vài cái động viên thì thôi ông lại phán kiểu "đi khỏi rồi, biết gì chuyện ở nhà mà nói!" Ông ta chỉ còn chào thua ông! Nhưng tôi muốn hỏi: vậy ai chỉ trỏ rằng "chăn có rận" thì ông mới chịu? Hay là ông chờ một ngày đẹp trời nào đó "những con rận" kia sẽ tự thú: "Bớ lũ người nằm trong chăn, ta là rận đây!"? Ở đoạn cuối bài, ông KB còn như dạy dỗ ông TNT về việc "gặt hái các sàng khôn" trong bước đường "đi ngày đàng" của ông TNT. Vậy cho tôi thắc mắc: Do tận mắt thấy được cuộc cách mạng Nhung ở Tiệp Khắc "*đổi bỏ*" không thương tiếc cái "*chăn XHCN*", ông TNT cùng bạn bè của mình muốn học cách đó để xử lý với cái "chăn XHCN" ở đất nước mình, điều đó có được gọi là một điều "khôn" không ạ?

Ông KB còn viết: "*Nhân danh bất cứ cái gì để kêu gọi "đổi bỏ cả cái chăn đó đi" khi mình nằm ngoài chăn, không còn chỉ là thái độ quá khích nữa.*" Lại càng không ổn rồi, thưa ông KB cùng bạn đọc... Tại sao một ông TNT không có quyền **nhân danh chính bản thân mình**, với tư cách là một-người-Việt-Nam, đòi ĐCSVN phải trả tổ quốc Việt Nam cho người dân Việt Nam tự quyết định chế độ chính trị của mình? Tổ quốc Việt Nam không thể là tài sản riêng của ĐCSVN, của ba bẩy hai mươi mốt vị trong Bộ Chính Trị như hiện nay. Các vị ấy chỉ muốn hóa trang dân tộc, đất nước theo thẩm mỹ của họ! Ông KB có biết rằng một trong các khẩu hiệu nổi bật được anh chị em công nhân, sinh viên... Việt Nam ở Tiệp hôm 15-6-91 giương lên trước cổng Đại Sứ Quán Việt Nam ở số nhà 6 HOLECKOVÁ, PRAHA, trong buổi trao kiến nghị cho Đại hội VII ĐCSVN 24-6-91 (và ông tham tán ĐSQVN đã phải nhận để chuyển về!) là thế nào không? Đó là: "Tôi yêu Việt Nam nhưng không yêu chủ nghĩa xã hội!"... Và tại sao ông lại vặn ông TNT rằng "khi mình đã nằm "ngoài chăn" thì không còn quyền "kêu gọi"? Có lẽ nào khi người ta phải bỏ ra khỏi nước, dù ở mọi lý do, thì không còn quyền lợi gì để đòi tự do cho dân tộc, cho những người còn ở lại? Với ông TNT càng có quyền để "kêu gọi," về ít nhất ở bài phỏng vấn, ông ta khẳng định rõ: tôi-chỉ-có-một-chỗ-để-đi-về: Việt-Nam! (Câu này được chọn làm tựa đề cho bài phỏng vấn, không phải là ngẫu nhiên). Tức là ông ta chỉ có thể chọn mảnh đất cuối cùng của mình là Việt Nam, vừa ở ngôi nhà chung đó đang còn chiếc "chăn có rận" nằm ềnh ra thì làm sao ông ta về nổi? Việc làm báo dân chủ ở Tiệp là một cách để ông TNT góp phần (dù là còn rất nhỏ) dẹp đi chiếc chăn bẩn đó và sớm về với ngôi nhà Việt Nam của mình.

Tiếp với câu trên, kết thúc ý lớn này của ông KB, là câu: "*Cá nhân tôi không bao giờ đặt sinh mạng 70 triệu đồng bào của mình ngang với sinh mạng của một nhóm những người cầm quyền sắt máu.*" *Có lẽ đây là sự hiểu nhầm ông TNT, do cách suy luận máy móc kiểu "tam đoạn luận" của ông KB: CNXH là cái chăn có rận; mà bà con trong nước còn phải nằm trong chăn, chưa thể đạp ra khỏi được; vậy nếu đốt chăn tức là bà con ta sẽ... chết thiêu cả! Ông TNT đúng là "mắc tội"... dùng hình ảnh so sánh khập khễnh (!) Thấy chưa, ông nhà văn họ Trần, ví von văn vẻ cho lắm rồi có ngày chết oan! "Chăn" với "rận" làm chi cho rắc rối, nên ông phải thanh minh đi!... Chẳng hạn: "Tôi chỉ muốn* **gạt phắt** *đi chế độ xã hội chủ nghĩa chứ có dọa trừng phạt những người cầm quyền đâu? Việc bỏ đi CNXH bằng cách như thế sao có thể đe dọa toàn thể nhân dân được?"*

Vậy đó, trong ý lớn này, với khoảng 210 chữ, ở năm ý nhỏ thì đã có bốn ý ông KB hiểu sai hoặc hiểu lầm. Chỉ có được một lần hiểu đúng ông TNT khi ông bảo ông "*không chủ trương đốt cái chăn ấy*" đi. Tôi không dám lạm bàn sự đúng-sai của quan điểm này ở đây...

3- Sang ý lớn tiếp, tôi thấy nên chép lại hết các câu mà ông TNT trả lời khi CE hỏi quan niệm riêng của ông về văn học: "Tôi nghĩ ở xã hội nào cũng vậy, văn học là tiếng nói của dân tộc. *Người dân biết đau nhưng không biết kêu*, họ chỉ thở dài. Chức năng của nhà văn là kêu hộ người dân và đánh thức trong họ tình thương yêu." Chỉ nhặt ra một đoạn ngắn mà tôi vừa nhấn mạnh, ông KB đã đi đến kết tội tác giả TNT là "*coi thường dân chúng tôi quá!*", là "*Người dân Việt đâu đến nỗi quá dốt nát như ông tưởng*". v.v... Không chỉ trích dẫn thiếu ông KB còn hiểu chưa trọn nghĩa hai chữ "biết kêu" trong đoạn ông trích ra. Tôi thực sự... rùng mình ngạc nhiên về điều đó! Ngay ở ý lớn này, cũng như ở nhiều chỗ khác, ông KB đã dẫn chứng rất nhiều tục ngữ, văn học cổ Hán cũng như Nôm, chứng tỏ có sự thẩm thấu về tiếng Việt ở ông. Thế mà sao ông chỉ chịu hiểu nghĩa đen của cụm từ BIẾT KÊU, còn nghĩa bóng thì ông lại lờ đi? (Ông "giải thích" BIẾT KÊU, như một người... Đức học tiếng Việt phổ thông: "*Một người dân bình thường nhưng không ngọng sao lại không biết kêu, khi đau người ta chỉ cần kêu "ái"*; hoặc: tệ hơn thì cũng "kêu" được là "*ấy ái uông*" như thằng ngọng của Hồ Xuân Hương (!)) Chuyện thì cũng chả lớn với chúng ta, nhưng với thế-hệ-thứ-hai của người Việt hải ngoại tôi e có sự hiểu nhầm về tiếng của cha ông chúng, nên xin nói rõ hơn cho các cháu, các em... tường. Ở tiếng ta, viết cũng như nói, khi bảo: "Hắn cũng là dân BIẾT MẶC đấy!" thì dâu phải cùng nghĩa với câu: "Papa ơi, con BIẾT MẶC quần rồi!" ở cụm từ đang được nhấn mạnh? Thâm thúy hơn nữa, thuật dùng từ này hay gặp trong KIỀU, ví như: "Chơi hoa, đã dễ mấy người BIẾT hoa!" Dưới cấp độ thấp hơn, song chắc có chung một gốc gác, ở tiếng Pháp hình như có được hai chữ ghép hai động từ mà từ đầu là BIẾT: "SAVOIR-FAIRE", "SAVOIR-VIRVE"... Còn trong tiếng Đức, tôi tra hoài trong tự điển WAHRIG không thấy có cái vụ này. (Vốn chẳng BIẾT gì về ngữ học, biết tới đâu tôi cứ xin nói tới đó...).

Trở lại câu của ông TNT. Theo tôi, ở đó tác giả đã nói được hai chức năng của văn học là phản ánh và hướng dẫn — giáo dục (chức năng thứ ba là thẩm mỹ). Đây là điều được số đông các nhà phê bình, CS hay không CS, tạm chấp nhận. Khi nói rằng người-dân-không-biết-kêu, cụ thể là: không biết cách thức, phương pháp... để bày tỏ phản ứng, nguyện vọng... của mình về các

nỗi đau đang phải chịu sao cho hiệu quả nhất, điều ấy đâu có gì là "*coi thường dân*"? Nó chỉ chứng tỏ khả năng thực của dân mà những người đứng ra vì dân phải biết để tìm ra các phương pháp "kêu" giúp dân. Người dân trong nước hiện nay, nhất là ở Sài Gòn, có thể "nói xấu chế độ" thả dàn, thậm chí trên cả một số mặt báo.

Thế đã phải là BIẾT KÊU chưa, hay chỉ mới là những chuỗi "thở dài"? Có khá hơn một chút, nhưng ở lớp người tỵ nạn (của tôi và ông KB) có bao nhiêu phần trăm BIẾT được mình đã bị "rận cắn đau" ra sao, BIẾT được rằng cần phải KÊU và đã gọi là BIẾT KÊU? Trình độ chính trị và ý thức dân chủ ở 30 ngàn tường nhân của chúng ta không "*đến nỗi quá dốt nát*" nhưng... thê thảm lắm ông KB à! (2) Mà dù có khá hơn đôi chút nữa, điều ấy ở cộng đồng Việt Nam hải ngoại với thâm niên gần 20 năm, với số lượng gần hai triệu người có bị coi là đáng buồn không? Các câu hỏi khó ấy dành cho ai nếu không phải là những tổ chức, tờ báo, cá nhân... đã tự "*nhận thấy rõ phần trách nhiệm của mình đối với quê hương*"?

Đọc các câu tiếp hẳn không ít độc giả cũng nhận ra không chỉ lối phê bình khiên cưỡng, trích dẫn lung tung mà còn quan niệm cứng nhắc ở ông KB về việc hiểu người nghệ sĩ nói riêng, người sáng tạo nói chung, trong đời thường và trong tác phẩm của họ.

Ông KB cho rằng dân chúng cần phải nhờ thì "*cũng nhờ những vị miệng "có gang có thép" hay ít nhất cũng nhờ những người thông minh, sắc sảo hơn mình chứ sao lại đi nhờ văn nghệ sĩ nói hộ nếu đúng như lời của ông TNT: "Bản chất của văn nghệ sĩ là nhẹ dạ, cả tin."*

Vì sao? Rất "dễ hiểu" như ông KB lý giải rằng những người cả tin như họ "*thực chất là người khờ,*" rằng người dân (như ông) không khờ "sao lại nhờ anh khờ nói hộ thì ăn cái giải gì"... Cuối cùng ông KB hạ một câu hơi nặng (vì thế nó rơi vào chính ông!): "*Chẳng hóa mình lại thành Idiote hay sao?*"

Tôi không tin là ông KB phủ nhận vai trò của văn nghệ sĩ trong chức năng "nói hộ," "kêu hộ" dân chúng. (Bằng chứng là ông đã trích dẫn năm nhà thơ, ba nhà văn, một nhạc sĩ và một nhà văn hóa để nói-hộ-lòng-của-ông). Các câu và ý vừa được dẫn trên chẳng qua chỉ để phê phán một ý của ông TNT mà ý này lại ở tít tận đoạn nói về Dương Thu Hương (DTH). Tôi mạo muội bảo ông KB chơi trò "xin khúc giữa vùng máu vùng mê" là thế! Toàn bộ câu, ý trả lời của ông TNT về chức năng văn học, về chuyện "biết kêu," "kêu hộ" v.v... như tôi đã trích dẫn. Còn đây là bối cảnh thực của câu mà ông KB dùng để chỉ trích ông TNT... Khi được hỏi về hiện tượng DTH, với tư cách là người đồng nghiệp (viết văn) ông TNT cho rằng DTH đã tự nói lên chính kiến chứ không phải là con bài của ai, nên trước các vụ việc Hà Nội dựng ra để bôi nhọ bà ta, bà ta phải công bố thư ngỏ. Rồi ông TNT kết luận: "Tôi nghĩ đó là sự nổi giận chính đáng. *Bản chất của văn nghệ sĩ là nhẹ dạ, cả tin.* Hơn nữa DTH lại là một người phụ nữ."

Thì cứ giả sử rằng bỏ qua lỗi trích dẫn "đầu NGÔ mình SỞ", rằng tư tưởng của ông TNT phải thống nhất trong cả bài phỏng vấn... suy diễn trên của ông KB cũng đầy mâu thuẫn. Chắc là giận quá hóa... quên: ông KB quên một nghịch lý rất phổ cập của cuộc đời là tuyệt đại đa số các văn nghệ sĩ, hay những ai làm công việc sáng tạo như các nhà tư tưởng, nhà khoa học, trong cuộc sống thường nhật đều là những người "*khờ,*" "*nhẹ dạ, cả tin*"... Chính bị (hoặc là được) cái bản-chất-con-trẻ ấy mà họ lại có được cái ý nghĩ "*thông minh, sắc sảo*" hơn người bình thường ở trong các hoạt động sáng tạo của họ. Ngành tâm lý học sáng tạo đã chứng minh được nghịch lý đó bằng cả lý thuyết lẫn qua các cuộc đời riêng của nhiều nhân vật. Tôi thử minh họa bằng vài ba ví dụ để hầu chuyện bạn đọc trẻ... Chính cánh nhà thơ đã tự thú thẳng thừng: "Tôi khờ khạo lắm, ngây thơ lắm! Chỉ biết yêu thôi chả biết gì." Cái-biết-yêu ở người nghệ sĩ đã làm nên các tác phẩm của họ cho dù giữa đời họ "chả biết gì!" Còn ỨC TRAI tiên sinh, người mà ông KB viện dẫn ở cuối bài, nếu không "*nhẹ dạ, cả tin*" đã chẳng bị nhận chìm trong vụ án ngập máu LỆ CHI VIÊN bởi bàn tay của những kẻ nịnh thần nhưng "*thông minh, sắc sảo*" hơn ông trong những trò chính triều? Có ai "*nhẹ dạ, cả tin*" như vị tiến sĩ trẻ tuổi TRẦN ĐỨC THẢO "nghe lời Đảng, Bác" để rồi trở thành ông già THẢO lờ khờ, cô độc... ở ngõ HÀNG CHUỐI rồi ở khu tập thể KIM LIÊN (HÀ NỘI) cho đến khi gần chết? Và mấy bộ óc người Việt Nam có được sức nặng kiểu như bộ óc của triết gia TRẦN ĐỨC THẢO khiến nền tư tưởng Tây phương này phải nâng cả hai tay?... Không chỉ họ KHỜ đâu các bạn ạ, các nhân tài hay KHÙNG, hay ĐIÊN lắm: DOSTOIEVSKY của NGA, MAUPASSANT của PHÁP, rồi BÙI GIÁNG của Việt Nam là các ví dụ đầy cảm kích... Để kết thúc câu chuyện khù khờ — thông minh này, tôi tặng các bạn đọc trẻ đang, hoặc sẽ là, các nhà khoa học câu nói nửa đùa nửa thật sau mà tôi đọc được khi mới bước vào nghề: "Nhà khoa học có thể lý giải tường minh quỹ đạo của các vì sao trên trời trước hoặc sau cả trăm năm, nhưng lại mù tịt về hành trình mà người vợ yêu của mình đã thực hiện trong một ngày đêm."

4- Phần nói về nhạc Trịnh Công Sơn (trong bài "Một Vài Suy Nghĩ..") là phần duy nhất ý của ông TNT được ông KB hiểu đúng. Hai quan điểm khác hẳn nhau đã được thể hiện bằng những lời phê và bình thấu đáo và bằng những minh họa tương xứng. Tôi muốn được ký tên cùng tác giả KB ở dưới phần này...

5- Ở phần nói về DTH, ông KB thể hiện đúng là "vài suy nghĩ" của ông chỉ về nhà văn nữ này và không có liên hệ với câu ông TNT trả lời. Có thể xem đấy là những lời bình của ông KB về các tiểu thuyết cũng như về khả năng cầm bút của bà DTH. Nhưng trong các lời bình đó lại có vài chỗ thiếu căn cứ... Xin nói trước là tôi hoàn toàn không khoái văn DTH, nhất là ở các tiểu thuyết. Tôi chỉ thích thơ của bà hồi xưa, sau đó là một vài truyện ngắn. Hơn hết, tôi thực sự khâm phục lòng quả cảm của bà qua các hành vi phản kháng chế độ và rất mến mộ sự sắc sảo trong hàng loạt các tác phẩm chính luận mà nữ văn sĩ này viết trong bốn năm năm nay.

Trong cả đoạn dài 41 dòng

ông KB bình về hai cuốn "Bên Kia Bờ Ảo Vọng" và "Những Thiên Đường Mù" với lời lẽ khá dữ dội, song vẫn chấp nhận được. Vả lại, đó là cách ông KB hiểu văn DTH bằng kinh nghiệm đời ông... Không phải bênh gì họ Dương, tôi chỉ đơn thuần mách ông KB rằng chính bà ta cũng nhận ra thiếu sót ở các tiểu thuyết của mình... Khi người bạn văn VƯƠNG TRÍ NHÀN kêu trời rằng DTH viết nhiều, viết vội... nhà văn nữ này đáp, với ý: "Mình sợ mình không có thời gian, và mình cũng chưa đủ tài. Mình chỉ muốn là người cuốc đất vỡ hoang trên các vùng đất xưa nay bị cấm kỵ."

Tới đoạn về cuốn "Vô Đề" thì ông KB luôn gặp trục trặc. Vì không tin vào nhiều tình tiết trong truyện, ông KB đặt một loạt câu hỏi nhằm phủ định DTH... Ông hỏi: "*Vị giáo sư đại học nào ở Việt Nam được mang hộ chiếu ngoại giao?*" Phải nói lại vài lời về cái sự cấp hộ chiếu "ngoại giao" — một thứ đặc quyền, đặc lợi của chế độ CSVN. Về hình thức cuốn hộ chiếu này không khác nhiều lắm so với hai loại hộ chiếu công vụ và hộ chiếu phổ thông. Nó có bìa đen bọc ni-lông cứng (nhưng dân "đen" vẫn cứ thích gọi là hộ chiếu "đỏ"!) với hàng chữ Việt-Pháp (hoặc Việt-Anh). Hộ chiếu Ngoại giao 1 Passeport Diplomatique. Trừ hàng ngũ chóp bu của Đảng (Bộ Chính Trị, Ban Bí thư, Ủy viên T.U, các ban của TU Đảng v.v...), của nhà nước (thứ trưởng trở lên) và cán bộ ngành ngoại giao có chức phận ngoại giao (tức là không kể các nhân viên phục vụ) còn thì việc cấp hộ chiếu "Đỏ," do Vụ Lãnh Sự Bộ Ngoại Giao đảm nhiệm, **khá "linh hoạt"** như mọi thứ chính sách, quyền lợi... khác ở Việt Nam. Với quyền miễn trừ ngoại giao (immunité diplomatique) mà quốc tế ban hành, tấm hộ chiếu "đỏ" mang lại nguồn lợi kinh tế cho nhiều lớp người còn gắn bó với chế độ. Trong khung cảnh đó, một "*vị giáo sư đại học nào ở Việt Nam*" mà lại có hàm chức, được "Đảng ta" tin cậy... thì vẫn có thể "*được mang hộ chiếu ngoại giao*" như thường! (Bản thân tôi cũng đã đi tiễn hai vị giáo sư như thế từ các sân bay ở Đông Âu về nước qua cửa VIP với tấm hộ chiếu "đỏ"). Dù sao thì số người này vẫn là hiếm vì trí thức bị "kiểm soát" chặt hơn...

Ở một câu hỏi sau đó, ông KB tỏ ý cho rằng không thể có ai (như vị giáo sư đại học nọ!) lại dám "*nhận xằng công lao*" đưa chủ nghĩa Mác-Lê vào Việt Nam của ông HỒ CHÍ MINH (HCM). Luận cứ ông KB dùng là các câu thơ CHẾ LAN VIÊN (mà tôi được học từ hồi lớp 9!). Thực ra, đây sẽ là đề tài hấp dẫn giá như ông KB không chủ quan tin vào cái kiến thức cũ của mình về ông Hồ Chí Minh. Sẽ đến một lúc, lịch sử Việt Nam cận — hiện đại phải được viết lại, tức là lịch sử ĐCSVN và cả tiểu sử ông HCM cần được tìm hiểu lại... Sự đổi mới của đất nước đang cần những người "*dở hơi dở hám*" dám "*mang vạ vào thân,*" như vị giáo sư nọ, để đặt ngược lại lịch sử. Qua sách báo từ nhiều phía, theo tôi hiểu, hiện nay hình như chưa có bằng chứng lịch sử chân xác nào chứng tỏ HCM là người đầu tiên đưa CNCS vào Việt Nam. Thi sĩ tài hoa mà ông KB vừa trích dẫn từng là quan văn nghệ nên thơ của ông ta có đoạn chịu "tính Đảng," "tính Bác"... là lẽ thường. Cố chấp làm gì những vần thơ đó, thưa ông KB. Trong dịp gặp gỡ Cụ HOÀNG KHOA KHÔI / Nhóm TRỐTSKÝT VN dạo tháng 6 vừa rồi, vấn đề ấy cũng bị chúng tôi "bới" ra khi mọi chuyện các bậc tiền bối đó. Bài phỏng vấn ấy (hiện đang trong "kho" của tòa soạn TK21) có ý cho rằng ông HCM chỉ là một trong những người đưa CNCS vào Việt Nam

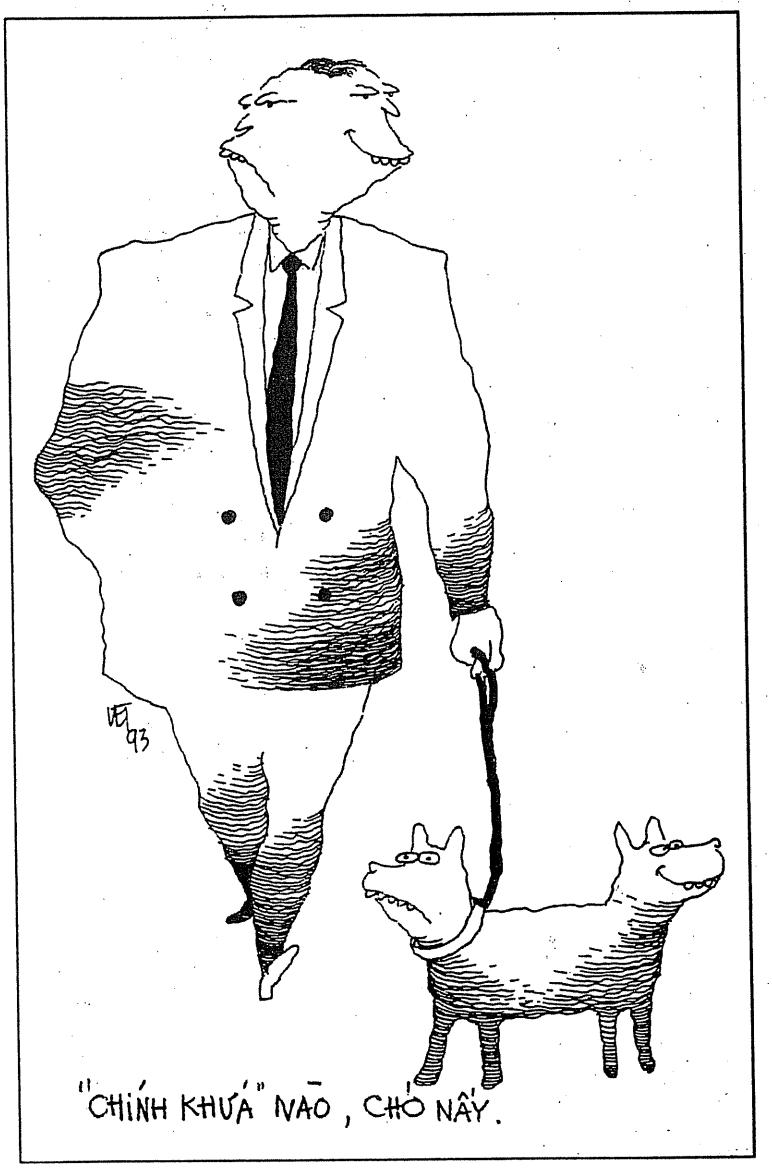

nhưng là người đầu tiên thành công, và về mặt tri thức văn hóa thì cố học giả ĐÀO DUY ANH từ năm 1925-26 là người đầu tiên phổ biến cho độc giả Việt Nam biết về CNCS. Có chi là quá mức nếu như DTH tạo nhân vật của mình theo mẫu từ các vị giáo sư NGUYỄN KHÁNH TOÀN, TRẦN VĂN GIÀU... (là những người, cũng như LÊ HỒNG PHONG, được đào tạo ở đại học Đông phương Moskva trước cả NGUYỄN ÁI QUỐC), hoặc theo mẫu từ ĐÀO tiên sinh?

Sau nữa, cái mà tôi không đồng ý với ông KB ở phần này là hai câu cuối cùng ông "ra roi" với DTH: "*DTH còn phải học nhiều lắm mới hiểu được phần nào tầng lớp trí thức Việt Nam trên cả hai miền Nam Bắc. DTH không đủ tư cách để đòi dạy dỗ trí thức phải thế nọ, phải thế kia.*" Hiếm có những lời phê phán của những người... TRÍ THỨC lại ít tính TRÍ THỨC đến thế! Tôi tưởng như ông KB đem cả nỗi hậm hực ở đâu đó của mình dồn tới con người nữ sĩ họ Dương. Mặt khác, các lời phê đó rất bất định, đem ra nói với ai cũng thấy đúng, kể cả với chính người viết ra các lời đó!

6- Nếu muốn bắt bẻ, xét nét... tới cùng thì ông KB nhiều phần có lý hơn ông TNT ở đoạn (nói về)... toa-lét! Nói gì thì nói mà đem chuyện ị tè văng ra giữa chốn chữ nghĩa thánh hiền là không xong với các cụ rồi, ông TNT ạ! Dạo bài mới in trên CE, cũng có một "ông cụ" non tứ tuần (như tôi và ông) không chịu ông ở câu này. Tôi đã giải thích với tư cách là người nghe trực tiếp bật ra từ sự phẫn ộ, bất cần của người bị phỏng vấn, nên tôi thấy câu "Nhưng cái đó không quan trọng. Xin lỗi: Tôi ngồi trong toa-lét cũng có thể viết văn, làm thơ được, chứ không cần phải "ngồi" trong Hội Nhà Văn!" có một moment cho phép nó tồn tại. Bột phát, tự nhiên nó phản ánh tâm trạng thực, có lý của người trong cuộc mà không cần tới sự lịch sự giả tạo. Riêng tôi quan niệm, người thực hiện cuộc phỏng vấn cần chớp được các scène đó. Thiếu chúng các bài phỏng vấn sẽ bèn bẹt như ra từ một khuôn mẫu, và nhất là người đọc không thấy được **cá tính (hay, dở)** của nhân vật họ đang theo dõi. Tôi nhớ là ở đâu đó từng có người khen một chữ tục của tiếng Pháp, chữ "Merde!", khi nó được bắn ra từ miệng Napoléon I lúc người hùng ấy đọc xong tối hậu thư gọi đầu hàng của kẻ thù. Dẫu vậy, đọc xong sự nổi giận của ông KB, tôi lại lo cho một ý định của mình: đang dự tính phỏng vấn bằng thư một gương mặt quen thuộc của TK21, nhà văn "ngổ ngáo" ĐỖ KH. thử phen chơi... Nếu như cái ông này lại phăng kiểu "Làm thơ khó bỏ mẹ!", rồi "Với lại, không có sách thì lấy gì mà châm củi?", và scène chót là "Tôi rất thích đĩ (...) Nào. Em chống mông lên" (3) thì cái "nghiệp phỏng vấn" của tôi có ngày tiêu tùng!

Thôi, nói nghiêm túc... Tôi nghĩ không nên "nâng quan điểm" rằng bảo thế tức là ông TNT coi thường Hội Nhà Văn (như anh bạn của tôi phản ảnh), càng không nên tổng quát hóa rằng như vậy là coi khinh chữ nghĩa, văn chương (như ông KB phê bình). Ông TNT (với bản tính ương bướng của mình) đã có phần thô tục hóa về mặt hình thức một quan niệm lành mạnh về nội dung. Quan niệm đó là: Không để ý chức vị, danh vọng, người cầm bút lúc nào, ở đâu cũng muốn thể hiện ý định sáng tác không thể nào cản lại được của anh ta... Bây giờ là đôi lời bình về câu cuối của ông KB trong ý lớn này... "*Báu vật đó* (chuyện chữ nghĩa - ĐQ) *chắc chắn không bao giờ người ta có thể tìm thấy được ở trong Toilette!*" Điều ông vừa khẳng định như đanh đóng cột ấy liệu có cứng nhắc và chủ quan không? Hiểu theo mọi nghĩa, ý trong câu đó không có gì bảo đảm là "*chắc chắn,*" là đúng hết với mọi "*người ta.*" Việc đọc sách, hưởng thụ các sản phẩm văn hóa xưa nay tùy theo điều kiện sống, tập quán và cá tính của người hưởng thụ. Ông là người được dạy dỗ theo nề nếp cũ, lại có nhà cửa "*kín cổng cao tường*" thì ông cứ việc diện com-pờ-lê cổ cồn, nhâm nhi tách trà và thưởng ngoạn chữ nghĩa. Thế còn vạn triệu người khác ở gia cảnh nhà người ta, họ đọc sách kiểu nào ông làm sao mà ép họ như ông được! MAXIME GORKI thời trai trẻ vẫn ngốn sách báo trong các căn hầm ẩm, hẹp cùng chuột và dán. Các ông VÕ PHIẾN/NGUYỄN XUÂN HOÀNG đã viết đến chuyện pho sách bẻ cong đánh dấu đang đọc trong cầu tiêu, bồn tắm... như ông đã biết v.v... Chúng có gì là "*tiếu lâm*" giữa cuộc đời đa diện này? Được ông tâm sự chuyện nhà, chuyện cửa... tôi cũng thảo lòng mở lại cùng ông một vết tủi đời có liên hệ 100% với câu chuyện đang nói... Hồi là học sinh, tôi thường phải đọc sách vụng trộm bố tôi: Phần vì tôi hay có các sách "cấm," phần vì trốn học bài, trốn việc nhà... Khu tập thể của chúng tôi có dãy nhà xí công cộng rất xa nhà ở, phải mất mươi phút đi bộ. Và tôi hay trốn ra đó để đọc sách với "lý do chính đáng"! Tôi không bao giờ quên cái tát (đúng là từ trên trời giáng xuống!) mà bố tôi đã trừng phạt, ngay tại trận khi bắt quả tang được thằng con mình trốn nhà ra cầu tiêu để xem "văn hóa đồi trụy và phản động (!)." Đó là cuốn sổ tay chép thơ VŨ HOÀNG CHƯƠNG được bạn bè anh trai tôi chuyền nhau. Gần 25 năm rồi, tôi còn nhớ được chắc chắn là có hai bài "Phương Xa" và "Yêu Mà Chẳng Biết" ở trong cuốn đó... Thân phụ giờ đã thành người thiên cổ... Chế độ cấm đoán mình đã ở sau lưng. Mỗi khi chợt nhớ lại chuyện cũ, tôi chỉ còn biết cười-mếu-máo...

7- Đây là trường hợp mà "đầu" ông TNT bị rụng không kịp ngáp dưới lưỡi dao trích dẫn vô lối của ông KB. Ông đã "chôm" độc một câu "*khi chế độ CS bị tiêu ma, mọi giá trị nhân bản sẽ đến*" để rồi "cả vú lấp miệng"... ông TNT bằng gần một tá các dẫn chứng khá cụ thể và hùng hồn với ý rằng ở các nước không có chế độ CS vẫn đầy rẫy các biểu hiện phi nhân bản.

Sự thật là: khi đang bàn chuyện ở Việt Nam dù hận thù Quốc Cộng còn nặng ông TNT cho rằng "Chúng ta không còn thời gian để mà kết tội lẫn nhau. Chỉ có một cái đích: lật đổ chế độ CS độc tài hiện hành!" "Và sau đó?", CE hỏi tiếp. Ông TNT đã đáp lại bằng câu mà ông KB "chôm" ra đó. Rõ ràng, ông KB đã nhắm mắt để nhìn nhận bối cảnh của câu nói LÀ Ở VIỆT NAM nên cứ tràng giang đại hải lôi các chuyện ở Anh, Nhật, Brazin... ra mà gán vào! Thế rồi, ngay cả ở VIỆT NAM, câu đó cũng chưa phải là nơi kết thúc ý chung của ông TNT. Hãy theo dõi

tiếp cuộc đối thoại... CE: "Liệu có một chế độ độc tài khác ra đời không? (Có thể hiểu ý nói về sự phi nhân bản khác — ĐQ giải thích). TNT: "Cũng có thể. Nếu sau CS vẫn còn những kẻ chụp mũ, khủng bố, gây hận thù, bị ám ảnh bởi quá khứ... Và chúng tôi sẽ lại tiếp tục chống chế độ đó." Ý tứ hiển hiện ra thế, vậy mà vẫn bị lãnh "mũ cối đá" của ông KB rằng *"hứa hẹn quá dễ dàng cái giá trị nhân bản, chỉ cần CNCS sụp đổ."* Quả là một ví dụ điển hình cho cách *"đãi chữ để tìm nghĩa"* của độc giả KB!

8- Còn đây là "pha" cuối cùng ông KB phạm lỗi "việt vị" trong cách trích dẫn kiểu phê lấy được! Được hỏi có suy nghĩ gì khi là người từng cầm súng ở bên này chiến tuyến mà gặp những người bên kia chiến tuyến, ông TNT đã dẫn ra chuyện về hai bà mẹ Hồng Quân và Đức Quốc Xã có con chết trận nhưng đã ôm nhau và khóc, ông cho rằng mình cũng ở trong khung cảnh vậy, và nói tiếp: *"Gặp lại những cựu chiến binh trong quân lực VNCH, tôi thấy mình và họ không khác gì nhau. Sự nổi giận của họ là chính đáng, cũng như sự cam phận của tôi.* Chúng tôi đã nhận ra nhau, tìm được nhau." Như thế, ông TNT chỉ giới hạn sự *"không khác gì nhau"* ở trong một ý niệm chung về nguồn gốc chiến tranh: cả hai bên đều phản đối cuộc chiến phi lý! Ông KB đã gạt toàn bộ các mối liên hệ cần thiết, trích ra trần trụi một câu (vừa được nhấn mạnh) để rồi kết luận ông TNT nói *"nghe nó trơ tru quá, trơn đến thành khó tin!"* ông lặp lại thủ pháp quen thuộc: cô độc hóa một câu, một từ... của đối phương và tới tấp đập vào bằng đủ loại minh chứng. (Cũng có đôi chỗ chưa thỏa đáng trong các minh chứng ở phần này nhưng nó cũng nhỏ thôi!).

9- Dù có lời bình và phê không phù hợp, vẫn nên xem như đây là lần mà ý của ông TNT được ông KB hiểu đúng. Lần này tác giả "Một Vài Suy Nghĩ..." đã dọc một "cua" về "mo-ran" cho nhà-văn-nam-giới họ TRẦN rằng phải biết yêu thương phụ nữ, rằng vai trò của người đàn bà là vô cùng quan trọng cho người đàn ông (như cái đuôi đối với con chó, nếu theo câu tục ngữ nọ của Đức), rằng các cô gái hôm nay sẽ là các bà mẹ ngày mai mà *"đời thiếu mẹ hiền, không phụ nữ/Anh hùng thi sĩ hỏi còn đâu"* v.v... Số là vì ông nhà văn họ Trần có tiết lộ: *"Cái đẹp của tôi là tâm hồn mà "tâm hồn" với con gái Việt Nam lúc này lại là xa xỉ phẩm."*

Toàn bộ các phê bình của ông KB ở phần này "rất đúng đường lối," hợp lẽ, chỉ tiếc là thiếu sức thuyết phục vì chúng giáo điều và... vô duyên!

Vì sao vô duyên? Trong một bài thực sự gọi là phỏng vấn thường có đôi chút về **đời tư**, về các tâm sự thầm kín của đối tượng phỏng vấn. Đây là lúc người đó được thoát khỏi vai ông giáo sư hay cô ca sĩ, vị tổng thống hoặc nhà trượt băng để làm con-người-của-chính-mình. Nên đấy cũng là những "phút nói thật" (chữ của TUỲ HỒNG) nhất trong cuộc phỏng vấn. Là người nghe tế nhị làm sao ta lại nỡ lý sự về những cái gọi là sở thích, riêng tư ở một người khác? Nếu giả sử dọc thấy ở đêm đó có nữ ca sĩ nọ thổ lộ: "Tôi rất lười đánh răng!" thì liệu ông KB có hăng hái làm một "cua" về vệ sinh học và thẩm mỹ học không nhỉ? Câu trên của ông TNT ở hoàn cảnh tương tự. Con người ta, dù là người bình thường về mặt sexuel, vẫn được khoa tâm-sinh lý học cho "quyền" có một lượng nhất định trong sự yêu, ghét người cùng hay khác giới. Ấy là những cái bẩm sinh giời-cho. Và rồi, mỗi người có mỗi trường đời, trường tình... khác nhau khiến họ sùng bái hay căm thù đàn ông (nữ sĩ họ Dương coi đàn ông là "rẻ rách"!), yêu thương hay khinh rẻ đàn bà (văn hào L. Tolstoi tâm sự là phụ nữ chỉ được... "của ấy"!). Đó là những cái giời dạy họ! Văn sĩ cũng là con người, họ cũng có những cái giời cho và những cái giời dạy như bất kỳ ai ở nghề nghiệp, giới sắc... khác. Hơn nữa, tâm sinh lý của người nghệ sĩ rất phức tạp. Sự yêu, trân trọng đối với phụ nữ ở họ **trong đời thường** và sự thành đạt trong sáng tác không phải *"thường theo tỷ lệ thuận"* (như ông KB nhận xét). Và sự yêu, trân trọng phụ nữ của người nghệ sĩ trong đời thường và trong tác phẩm cũng không hẳn theo tỷ lệ thuận. Nhưng mối quan hệ sau đây thì chắc là tỷ lệ thuận: sự trân trọng đối với phụ nữ **trong tác phẩm** và sự thành đạt ở các tác phẩm của người nghệ sĩ. Vấn đề này khá lý thú và cần thiết cho cả chính những người thưởng ngoạn như chúng ta, bằng không sẽ có nhiều ngộ nhận, trách cứ... đáng tiếc. Mong được nghe những ý kiến của quý vị!

Và vì sao phê bình của ông KB ở đây giáo điều? Cuộc sống mới với những biến động mới khiến con người Việt Nam phải đau lòng bước sang **trang xấu** của giá trị đạo đức và văn hóa. Còn ông KB vẫn "mũ ni che tai" trước vấn nạn đó! Nói rằng "tâm hồn" đối với các cô gái (hay các chàng trai) Việt Nam **lúc này** là điều xa xỉ, tôi thấy vẫn còn nhẹ! Làm sao ông TNT có thể ngợi ca tâm hồn người Việt Nam lúc này khi mà ở trong nước các cuộc hội thảo về nạn mại dâm, về tệ bồ bịch... đang phải trở thành một sinh hoạt văn hóa quen thuộc? Lẽ nào ông KB không hề biết về các oán cảnh ở không ít người mẹ trẻ Việt Nam hôm nay từng khiến NGUYỄN THỤY KHA phải trầm bút dưới những dòng thơ ứa lệ.

... "Tôi ngồi dưới gốc cây ngồi lẫn vào đêm
họ cũng đến bên gốc cây ngồi xuống cỏ
nơi họ loang đến tôi lay động yêu đương
thời này hiện đại... ăn liền.
Nhưng không phải yêu đương...
Một chuyện khác hoàn toàn
Vang vẳng tai tôi thương thương giọng cô gái:
"Anh làm nhanh dùm... Sắp đến giờ con bú...
Vắng em là con khóc đứt hơi."...?

Còn tôi, làm sao tôi có thể bỏ qua những lời răn dạy giáo điều đó của ông KB khi biết được rằng thanh niên Việt Nam ở Đông Âu từng "yêu nhau theo hợp đồng" ra sao, rằng nhiều nam thanh, nữ tú Việt xin tỵ nạn ở đây đang chơi trò lấy "chồng" Tây, "vợ" Tây... (chỉ để được ở lại!) như thế nào? Chẳng hay hớm gì khi phải liệt kê các nỗi đau ấy của thế hệ trẻ Việt Nam. Ý tôi muốn nói là: khi nhắc đến hai chữ tâm hồn trong các năm không may này của dân tộc, phải trăn trở, ngập ngừng... nhiều lắm... Đâu có thể cứ trơn tru, một chiều... như xưa được?

Đoạn cuối "cua mo-ran" đã có nhiều câu, ý vẻ cao đạo, kẻ cả chê ông TNT chưa *"có được chút vốn liếng quý báu để có thể viết về những cô gái hôm nay..."* Chẳng lẽ chỉ qua cái câu ông nhà văn họ Trần thổ lộ như trên ông KB đã vội vã và cực kỳ chủ quan khua bút để thẩm định đời tư, cũng như việc sáng tác, của người cầm bút khác? Ông KB ạ, ở vài dịp dòm ông TNT mở lòng tôi thấy rõ ông ta có *"vốn liếng quý báu"* đó dư dả đáo để, ông khỏi cần lo! Thử dẫn vài câu thơ sau của ông ta viết dạo tháng Hai xem ông có chịu không:

"Thơ tôi đi qua sự phản bội gái trai

Không thèm khóc, rưng đùi cười ha hả

Nàng Tô Thị họ phá nấu thành vôi

Thì đừng trách trái tim người nhuốm bạc."

10- Hệt như một bản cáo trạng, các tội mà ông KB buộc cho "bị cáo" TNT có thể diễn đạt như sau: 1- Quá khích, thích bạo lực (phần C, mục 2); 2- Coi khinh quần chúng (C.3); 3- Ngộ nhận về chế độ CS (C.7); 4- "Hòa giải" giả dối (C.8); 5- Coi thường phụ nữ (C.9); 6- Khinh rẻ văn hóa (C.6)!!! Vì sáu tội cụ thể đó thuộc vào hai loại trọng tội: *"Đi ngược lại lẽ đạo làm người"* và *"đi ngược lại truyền thống của cha ông,"* cho nên, dù "bị cáo" có là... ông Giời đi chăng nữa, bản án phải chịu cũng sẽ như *"những người CS hôm nay"!!!* Gần sang thế kỷ 21 rồi, ngay chốn Tự Do mà cứ tưởng như trong một phiên tòa đấu tố cải cách ruộng đất 1957-1958 giữa một vùng chiêm trũng Bắc bộ!

Vì lẽ phải và vì sự trong sạch của các trang báo, cực chẳng đã tôi vừa sắm vai trạng sư (tự nguyện!) bác bỏ sáu tội danh trên vì chúng sai sự thật! Do đó tôi đề nghị: a) phải nhận cái kết luận hắc ám (vừa đã trích dẫn ở trên) trong đoạn cuối bài "Một Vài Suy Nghĩ..."; b) hãy đọc lại bài "Tôi Chỉ Có Một..." nếu bạn đọc thực sự quan tâm đến vụ này.

D- Đôi điều cuối bài

1- **Tác hại lớn nhất của bài "Một Vài Suy Nghĩ..."** sẽ không phải là với cá nhân ông TNT hay với một số người liên hệ (tôi hoặc các anh chị em đang làm CE), cũng chưa hẳn là với công việc phê bình trên báo chí nói chung. Tác hại lớn nhất của nó **là dự phần vào việc làm mất thêm niềm tin trong giới trẻ Việt Nam hiện nay đang vất vả tự khẳng định mình** để tìm chỗ đứng, lối đi trên con đường chung hướng về tương lai của mình và của cả dân tộc. Là những người đi sau và nhận trách nhiệm thừa kế, chúng tôi có nghĩa vụ lắng nghe và học hỏi những người đi trước để có các tri thức thích hợp. Quá trình này cần được thực hiện trên nguyên tắc bình đẳng và thiện chí mà cái nền của nó là **có tấm lòng đối với nhau (trước khi có tấm lòng đối với đất nước)**. Tuổi trẻ thường không dấu các dốt kém, sợ các sai lạc thường có trên mỗi bước đi... Mấy hôm trước, một cây bút nữ ký danh THU PHƯƠNG (NL, Mỹ) gởi tới đây bài viết có đoạn gần kết như sau: "Hỡi các bậc cha anh còn say sưa trên chiến thắng, ngủ quên trong tiếng vọng vinh quang! Thanh niên chúng tôi bị hào quang của ánh sáng làm chói lòa mất trẻ, đến khi đối diện với ánh sáng ban ngày chúng tôi quờ quạng, bám víu: đâu mới là ánh sáng thực? Giờ đây chúng tôi đi trong sự tự ti của nỗi bất lực trước vận mệnh nước nhà cuối thế kỷ 20. Các bậc cha anh, ai còn sức nói, sức vượt, hãy đốt lên ngọn đuốc niềm tin trong thời đại sống gió này!" Vì bài viết là dành cho tờ báo chỉ để gởi về trong nước (tờ LÁ THƯ ĐÔNG ÂU) nên có đôi ba chữ có vẻ khác "gu" với người ngoài nước, song nội dung của nó vẫn thích hợp cho thế hệ cha anh hôm nay ở khắp mọi nơi. Ông KB sẽ nghĩ sao về tiếng kêu cứu đó nếu ông đã viết rằng ông tự thấy mình chưa là kẻ thất phu, rằng thấy rõ phần trách nhiệm đối với quê hương, rằng mong cứu chuộc phần lỗi của mình bằng những việc dù nhỏ nhưng cụ thể? Tôi biết sẽ làm ông giận nhưng không vì thế mà không nói: cá nhân tôi xin được phép không coi bài "Một Vài Suy Nghĩ" là một trong các việc mà (có thể) ông nghĩ là để "cứu chuộc lỗi."

...Tôi viết bài này với nhiều mục đích, trong đó cái cao hơn cả là mong tạo thêm một dịp để hai thế hệ hiểu nhau hơn.

2- Về mặt học thuật cũng như về hình thức sinh hoạt báo chí, ngôn luận... bài "Một Vài Suy Nghĩ...," như các phân tích ở trên, đã phạm **các nguyên tắc cơ bản** của việc góp ý, phê bình, chỉ trích... — các biểu hiện bình thường ở những người dân sống trong môi trường tự do, dân chủ. Nhiều phân tích, minh chứng trong bài tôi viết này không có gì mới mẻ, nhưng trước các "nan y" thường xuyên tái phát như thế thì chúng vẫn là cần thiết. Về câu chuyện giữa các ông KB-TNT và giữa tôi với ông KB, cũng là dễ hiểu rằng nó phải có, bởi cả ba chúng ta chỉ mới có được quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận... ba, bốn năm nay. (Nếu như nó không có thì là vì có sự giả dối, buông..xuôi... của chúng ta với nhau!) Và, nghĩ cho chậm hơn tôi cũng không bị ngạc nhiên, bởi với thời gian chưa lâu đó tôi đã phải nghe, đọc, chứng kiến và chịu... nhiều sự việc khác "phạm nguyên tắc cơ bản" còn dữ dội hơn, trong dư luận cộng đồng và báo chí Việt hải ngoại — nơi đã có độ tuổi trưởng thành trên các xã hội văn minh và dân chủ.

Nói chung, tôi tự cảm thấy mình đã lớn lên một chút nữa sau khi đọc bài "Một Vài Suy Nghĩ..." và nhất là sau bài viết đáp lại này. Xin cám ơn tất cả...■

9-11-1993

Chú thích:

(1) Các chữ in nghiêng trong bài là trích từ bài "Một Vài Suy Nghĩ..."

(2) Ở dịp khác, sẽ thảo luận kỹ hơn vấn nạn này. Có thể mời ông KB cùng bạn đọc coi trước một số bài mà vấn đề đó được trình bày khá sát thực. Ví dụ: "SONG THÂN," truyện vừa của ĐỖ QUYÊN, TRĂM CON số 14, tháng 9-93; **"KẺ ĐÀO TẨU,"** ký sự của TRẦN HỒNG HÀ, HỢP LƯU số 11, tháng 6 & 7, 1993. (Nói thêm: TRẦN HỒNG HÀ là một trong những người chịu trách nhiệm chính của tờ DIỄN ĐÀN (PRAHA), tờ báo đã được nhắc tới nhiều trong bài CE phỏng vấn TNT. Ông THH viết tác phẩm độc đáo này khi là phiên dịch viên cho Trại tỵ nạn ở TIỆP).

(3) Các câu thơ, câu văn.. của Đỗ Kh.

HUẾ

MAI KIM NGỌC

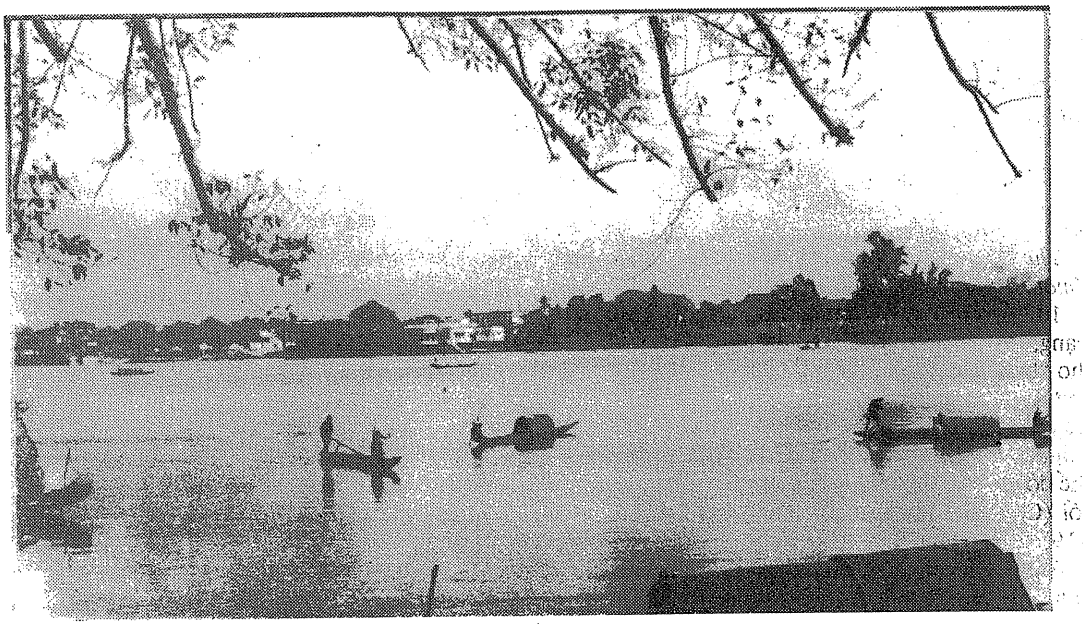

Tôi về thăm Huế sau hơn ba thập niên xa cách. Thật vậy, tôi xa Huế không những từ 75, mà từ còn trước nữa. Tốt nghiệp trung học, tôi vào Sài Gòn học tiếp đại học và không bao giờ trở về, cho đến năm nay.

Tôi đã ngần ngại nhiều trước khi về thăm Huế. Văn chương cũng như chuyện thực ngoài đời đều như căn dặn tôi là đừng bao giờ trở lại những cảnh cũ mà mình quý mến. Từ truyện 'Quê Cũ' nổi danh của Lỗ Tấn cho tới câu chuyện tâm phào với một du khách Do Thái gặp giữa hai chuyến bay tại một phi trường Đông Âu mấy năm trước, tất cả đều nhắc nhở tôi điều ấy. Ông khách gốc Ba Lan, lưu lạc sang Mỹ từ thuở nhỏ vì nạn Đức Quốc Xã. Ông trở về Ba Lan công tác cho một ngân hàng lớn của New York, luôn tiện ghé thăm sanh quán. Có chút gì đanh thép nơi ông, có lẽ tại nghề nghiệp ông thường ngày đòi hỏi cứng rắn lạnh lùng. Vậy mà khi nhắc đến ghetto cũ, ông bất thần thay đổi sắc diện. Buông thả cho những xúc động dồn nén sau chuyến thăm quê, ông bộc lộ nỗi lòng với bạn đường mới quen. Ông kể nhà cũ của ông, một tòa biệt thự khang trang cha ông xây hồi gia đình làm ăn trù phú, bây giờ đã bị ngăn thành nhiều hộ nhỏ chia cho cán bộ ở... Phòng ốc suy sụp tồi tệ không ai buồn sửa chữa. Cây táo chính tay ông trồng đã không còn dấu tích, chắc đã cỗi hay đã bị chặt làm củi một mùa đông thiếu sưởi nào đấy trong những năm cùng quẫn của xã hội chủ nghĩa Ba lan... Họ lạnh nhạt khi ông trở về. Thật ra họ còn có vẻ sẵn sàng gây hấn vì sợ ông đòi lại nhà... Hàng xóm láng giềng cũ chẳng còn ai ngoại trừ một ông già độc nhất theo cộng sản từ nhỏ, bây giờ dấm dẳn như người bất đắc chí... Bà vợ tuy có ấm áp hơn ông chồng, nhưng sự niềm nỡ săn đón chẳng qua là để nhập đề cho việc rủ ông mang tiền về đầu tư... Họ cũng cho ông hay là cô bạn gái hàng xóm của ông đã bị Đức bắt đi cùng với bố mẹ, và cả gia đình ấy đã chết thiêu trong trại tập trung... Mắt đỏ hoe, ông tâm sự, "Tôi đoán anh là người Việt lưu vong... đúng phải không? Vậy thì nghe tôi đi, đừng bao giờ trở lại cố quốc nhé. Buồn lắm..."

Đó là chuyện đời. Còn chuyện nhà văn Lỗ Tấn lặn lội hai ngàn

dặm đường đất về làng mà không tìm lại được quê cũ, gặp lại Nhuận Thổ mà cũng không tìm lại được người bạn thân thuở thiếu thời, thì sách vở đã nói nhiều và câu chuyện đã thành một điển tích văn học quốc tế khỏi cần nhắc lại ở đây.

*

Tầu đến Huế vào buổi trưa.

Nhìn qua cửa sổ, tôi chỉ thấy sân ga tầm thường, đã xoàng xĩnh lại vô trật tự. Tất nhiên là nó không to lớn ngăn nắp và tiện nghi như những ga tại những thủ đô như Paris hay Washington, mà cũng không duyên dáng như những ga nhỏ trên một triền núi tuyết phủ, hay một vùng thôn dã mộc mạc... Tệ hơn nữa, nó không giống gì cái ga Huế trong trí nhớ của tôi, cái ga Huế của rạo rực sắp được về với gia đình vào dịp Tết hay Hè, hay của nôn nóng gặp bạn cũ những mùa nhập học. Cảnh cũ đã vậy, chuyện người cũ cũng không khả quan gì hơn. Tôi nghe lại được giọng Huế ngày xưa các bạn tôi vẫn nói, nhận diện lại được những gói kẹo mè sửng Huế, những chùm nem Huế, những chai xá-xị Huế, trong mấy quầy hàng giải khát. Thậm chí những bao thuốc lá Huế với nhãn hiệu 'Cố đô'— chưa sản xuất hồi tôi rời Huế — cũng không làm tôi xa lạ... Nhưng rõ ràng là những người Huế ở sân ga này không nhận tôi là cố nhân. Những cái nhìn tò mò của họ — lộ liễu hay kín đáo — nhắc nhở cho tôi là mình là Việt kiều, là những cái gì xa lạ... Tôi đoán phần nào được suy nghĩ của họ, và thái độ họ dành cho tôi tất đã bị chi phối bởi những thành kiến hay kinh nghiệm tốt xấu cũ với những Việt kiều trở về trước tôi...

Vậy mà tôi có cả một kho tàng những chuyện cố nhân cố sự cần chia sẻ, những câu chuyện mà tôi sẵn sàng ôn lại trong dịp thăm viếng cố đô này... Biết bao kỷ niệm của cả một thời trung học... Nào ngày xưa vào mùa mưa, đi học phải lội nước qua đập đá... Nào những thứ Bẩy, Chủ Nhật lấy ca-nô đi từ Vĩ Dạ sang bến Đông Ba để uống một tách cà phê Phấn hay xem một xuất xi-nê Tân Tân... Nào cảnh đêm sao trên sông Hương hay chuyện bắt ve trên mấy gốc sung Vĩ Dạ... Nào chuyện đạp xe lên Kim Long thăm bạn, không phải vì mối tình học trò, mà vì nhà bạn có vườn thơm và thế nào bà mẹ bạn cũng bẻ thơm gọt cho ăn... Nào chuyện kèm 'trẻ' tại gia... Chuyện này chuyện nọ nôn nức trong lòng, ai biết, mà biết kể với ai giữa cái ga Huế này...

*

Trước khi đi, một bạn tôi ở Cali đã lo giới thiệu chu đáo với người nhà ở Huế để hướng dẫn trong chuyến thăm cố đô. Nhưng vì sơ suất của chính bản thân cũng như của bưu điện, tôi lạc lõng giữa ga Huế, ngơ ngác và mệt mỏi trong cái nóng nung người của cố đô vào tháng Sáu. Chẳng mấy chốc, tôi trở thành đối tượng cho giới phe phẩy bắt đầu xấn tới đề nghị những dịch vụ, từ chính thức cho đến bán chính thức, lương thiện hay xem xém lương khương. Tất nhiên những phiền toái như vậy rất thông thường cho mọi bến ga bến tầu trên thế giới, nhưng dưới nhiệt độ gay gắt của trưa hè nhiệt đới, đối chiếu với sự chờ mong ít nhiều lãng mạn của người trở về, sự việc có khả năng tạo ra bực dọc đáng kể...

Sau cùng, người hướng dẫn tới, giải thoát cho tôi khỏi những khó khăn nhất thời của chuyến thăm quê. Từ đó trở đi mọi chuyện suông sẻ. Trong chốc lát, tôi có phòng trọ chu đáo, có xe đi, có tài xế, và có một chương trình tham quan đầy ý nghĩa, phản ảnh kiến thức thâm sâu cũng như sự hiếu khách tế nhị của bạn.

Trên đường về khách sạn, tôi nhắc đến những chuyện chung chung về Huế, về những món ăn Huế như ché, như bánh bèo Tây Thượng, như bánh canh Nam Phổ, hay những lăng tẩm cung điện cùng những địa danh tôi còn nhớ lõm bõm qua một vài câu hò phố thông của Huế... Tôi không ngờ anh bạn hướng dẫn đã kín đáo ghi nhận những chi tiết ấy để bổ sung chương trình. Và rất tế nhị, những địa danh và những món ăn tôi vô tình kể ra lần lượt xuất hiện trong mấy ngày thăm Huế của tôi. Tôi rất cảm động, chỉ mong bao giờ anh có dịp sang Mỹ, tôi sẽ hết lòng đáp lễ bằng

BÙI DUY THUYẾT

VÔ NGÔN

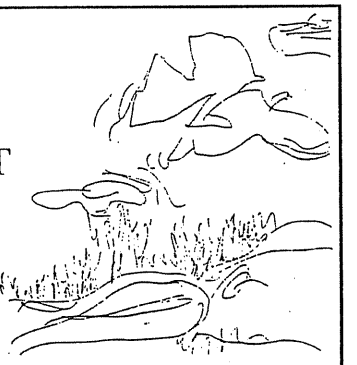

Giờ như hành giả vào Thiền
Thân mình an lạc ưu phiền sạch không.
Giờ như trời rộng mênh mông
Đi về thư thái tâm không mong chờ.
Giờ như ở chốn sơn khê
Không phiền không trách không nghe khóc cười.
Giờ như sen nở xanh tươi
Xuân về thơm ngát cho đời thêm vui.
Giờ như biến cố đất trời
Bốn phương tám hướng thành rồi lại không.
Giờ như biển cả mênh mông
Nước mang vị mặn đục trong sá gì.
Giờ như cát bụi siêu vi
Hợp tan giả tạm sinh li vô thường.

một chương trình tham quan chu đáo như vậy.

*

Về lăng tẩm, tôi thích nhất là lăng Tự Đức, ông vua cuối cùng của một nước Việt Nam chưa mất chủ quyền, một ông vua siêng năng hiếu học có thiện chí nhưng sinh chẳng gặp thời, một mình gánh chịu những khó khăn dồn lại từ những đời trước, về ngoại giao cũng như nội trị... Có người mong ước giá mà vua Tự đức khôn ngoan như chúng ta bây giờ về chính trị thế giới, về cách đối xử với giáo dân hay với người Pháp, hay giá vua đã làm những chuyện canh tân như Minh Trị Thiên Hoàng của Nhật đã làm, thì vận mệnh đất nước đã đi theo một chiều hướng khác.

Nhưng đấy là những chuyện 'nếu thế này' hay 'nếu thế nọ' của lịch sử. Riêng ở đây, tôi chỉ muốn nói đến những cảm nghĩ về Khiêm Lăng... Và ngay cả trong phạm vi nhỏ hẹp của Khiêm Lăng, tôi cũng không muốn mà cũng không có kiến thức để khai triển sự thưởng ngoạn theo những đề tài trường quy của môn kiến trúc hay khảo cổ.

Tôi chỉ thấy cái đẹp thanh tú nho nhã của nhà vua, và cái chất thơ thoát ra từ những chi tiết nhỏ riêng biệt cũng như cái không khí chung bao quát của Khiêm Lăng. So sánh với đền đài của những văn minh khác như Hy Lạp hay La Mã, Khiêm Lăng rõ ràng đã khai triển cái đẹp theo một đường hướng khác. Ở đây cột kèo mảnh dẻ trang nhã như tháp bút, mấy con rồng uốn khúc trên mái nhà mềm mại như sương khói đang phủ mặt hồ sen. Không, đây không phải là Athenes hay Rome với những cây cột cẩm thạch vĩ đại sừng sững dựng đứng lên nền trời, không có những mái nhà nặng nề vuông vức, thách thức thiên nhiên với những đường nét cứng rắn một cách không khoan nhượng như những định luật kỷ hà học của Euclide hay Thales... Ngắm cảnh ở Khiêm Lăng, tôi cảm thấy như tìm lại được những nét thâm sâu trong đáy tâm hồn Việt Nam của mình, không phải những nét chai sạn từ đời sống thực tiễn hàng ngày, mà những nét êm đềm nhất của những giây phút êm đềm nhất của một người Việt Nam.

Nhưng nếu ai hỏi những cái thanh thoát ấy ở đâu mà cảm thấy, thì tôi không minh định được. Phải chăng đó là mùi hoa đại trồng dọc những lối đi, hay hương sen đang nở trong những ao hồ nhan nhản trong khuôn viên lăng... Hay là cái mềm mại nhung gấm của rêu xanh mọc viền theo những phiến đá vuông vức lát sân lăng hay bám trên những bức tường cổ kính... Hay là nắng chiều phản chiếu trên men ngói những mái nhà uốn cong mềm mại...

Tôi trân trọng nghe anh bạn đọc trên bia đá những lời thành khẩn và nhún nhường của chính nhà vua khi bình về triều đại mình. So với các chính khách sau này đã dùng những bút hiệu bí mật để tự suy tôn, những lời nhà vua tự kiểm thảo quả thật xứng danh với tên Khiêm Lăng ngài đã chọn cho nơi an nghỉ cuối cùng... Anh bạn nhắc lại bài thơ tuyệt tác ngài đã làm để khóc Bằng phi. Từ thủa đi học tôi đã mê bài thơ ấy, nhất là hai câu năm và sáu:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi.

Bài thơ đem lại nét tình tứ lãng mạn rất người, rất gần gũi cho một niềm tiếc thương cao sang vương giả. Mặt khác, tôi nghĩ nó cũng đem lại nét vương giả cao sang cho nỗi tiếc thương của mọi thiên tình sử trong văn học chung của tất cả mọi người. Mỗi tấm gương tróc thủy còn sót lại Khiêm Lăng bỗng như có thần, tựa hồ như một ma lực huyền ảo bắt ta phải nhìn vào gương, mơ hồ hy vọng thấy được dung nhan liêu trai của một trang quốc sắc thiên hương yểu mệnh. Và tôi nghĩ đến tất cả những chiếc gương của tất cả những tình lang bất hạnh trên thế giới thương tiếc khôn nguôi những mất mát trong cái vô thường của thân phận con người.

*

Tôi ít có cảm tình với lăng Khải Định. Khuyết điểm của lăng, như nhiều người đã nhận xét, nằm trong sự Tây hóa kỳ dị và vụng về của nhà vua. Nghe nói lăng Đồng Khánh xây cất dưới triều Khải Định cũng bị ảnh hưởng đáng tiếc bởi khiếu thẩm mỹ kỳ quặc này...

Tuy nhiên, lăng Khải Định cũng có một sự việc làm tôi ghi nhớ, là căn nhà gỗ ọp ẹp sau lăng, nơi trú ngụ của một bà phi già. Tôi đã được gặp bà phi, một bà cụ lưng đã còng, nhưng dung nhan còn phảng phất những nét đều đặn của một thời đã qua. Lúc tôi gặp, phi đang ngồi xổm, chân đất, lúi húi giặt quần áo trên phiến đá xanh kê gần vại nước. Phi được trả lương, nghe nói tương đương với vài Mỹ kim một tháng, với nhiệm vụ chăm lo hương đèn cho vua. Mỗi buổi sáng, phi pha trà mới và têm trầu tươi dâng lên bàn thờ quân vương, đều đặn như vậy đã hơn nửa thế kỷ. Trong cảnh kinh tế eo hẹp của đất nước, sinh hoạt của phi cũng túng thiếu lắm, và chút quà du khách tặng cũng kể như một cải thiện quan trọng cho ngân sách khiêm nhượng của phi. Lại nghe nói đức vua suy nhược nam tính từ nhỏ, và cuộc sống của phi khi vua còn cũng như sau khi vua băng hà, kể như chay tịnh như cuộc sống của một nữ tu.

Nhìn phi, tôi nghĩ đến một kiếp người thiệt thòi, một cuộc đời lãng phí, một mất mát đáng thương cho cuộc sống, dù cuộc sống riêng của một người đàn bà ít may mắn. Tôi thoáng thắc mắc phi là tiểu thư con vị quan nào, ngày bé quen ai biết ai trước khi được — hay bị — mang vào cung cấm... Tôi ngắm phi, cố gắng hình dung một trang quốc sắc, đã có hồi trẻ trung vui tươi, đã có hồi mơ ước một đời sống lứa đôi bình thường hạnh phúc... Nhưng vô hiệu... Trước mặt tôi chỉ là sự nghiệt ngã của một số phận bất hạnh và tấm lòng chung thủy mà tôi sẽ không bao giờ hiểu nổi...

*

Sau lăng tẩm là hoàng thành với các đền đài dinh thự đang hay sắp được trùng tu nhờ sự trợ giúp của Liên Hiệp Quốc. Tôi leo lên kỳ đài, ngắm nhìn cột cờ cao, bất giác nghĩ tới những người lính trẻ đã chết, đêm kinh thành thất thủ ngày xưa hay trận đánh Mậu Thân gần đây, và những lá cờ khác nhau đã bay ở đấy, kể cả lá cờ tam tài của Pháp...

Tôi không nhớ hết tên hay sự

tích của mỗi dinh thự, chỉ nhớ con đường Trung lộ lát đá phiến xanh trồng hoa đại, với hai bên là những hồ sen đang trổ bông thơm ngát. Rồi đến cấm thành, với những khu khác nhau, ngày xưa dành cho những nhân vật khác nhau của hoàng gia. Tôi ngạc nhiên ghi nhận mức sống không lấy gì làm xa hoa của hoàng gia nước ta thuở ấy. So với cung điện của Pháp tại Paris, của Trung Hoa tại Bắc Kinh, thậm chí của những nước nhỏ hơn như Áo hay Hung bên Âu châu, các vua chúa ta xem ra sống một cách thanh đạm lắm.

Cảm giác mạnh nhất khi thăm cung điện Huế là sự cô đơn của hoàng gia ngày xưa trong cấm thành. Tôi tưởng tượng cuộc sống thiếu sinh khí của những công chúa, những hoàng tử, sau những tường cao hào sâu hay những cánh cửa lim nặng nề. Lại còn những phi tần tháng ngày chôn vùi tuổi xuân, có khi một đời chưa thấy mặt rồng. Nơi vườn thượng uyển hình như chim ít hót và ánh mặt trời cũng ít sáng. Và tôi nghĩ tới những nhân vật của Cung Oán Ngâm Khúc, hay những vì vua bị bức tử, không phải hiếm hoi trong lịch sử triều Nguyễn... Số kiếp của những người sinh ra trong hoàng tộc không hẳn là không nặng nề.

*

Cuộc thăm viếng kết thúc bằng chùa Linh Mụ. Nơi đây, tôi đã bắt được linh hồn của cố đô mà tôi đã không tìm lại được nguyên vẹn trong những đền đài cung điện vừa thăm viếng xong.

Kỳ lạ nhất là linh hồn ấy tôi không tìm được trong sân chùa, trong lầu chuông với chiếc chuông vĩ đại mà hồi trọ học ở Bến Ngự, mỗi khi thức giấc thật sớm để học bài tôi vẫn được nghe, hay cả trong những tượng Phật bầy nơi chính điện... Quả thật, hôm ấy cửa Thiền tạm mất cái không khí trầm tư lắng đọng thường lệ vì một biến cố lịch sử. Một khoảng sân chùa còn xám đen vì một Phật tử vừa mới tự thiêu mấy hôm trước, và khẩn trương còn in rõ trên nét mặt sư sãi trong chùa.

Tôi tìm lại được cái chất Huế khi ra khỏi chùa ngồi nghỉ tại tam cấp trước cửa tam quan. Trước mặt tôi là sông Hương. Lúc ấy chiều đã xuống, và những rặng tre bên kia cánh đồng Nguyệt Biều đã bắt đầu lẫn vào bóng hoàng hôn. Những ngọn đồi gần đã xậm lại thành màu quan san, còn mấy rặng núi xa đã mất đường nét và nhuộm màu tím than như sẵn sàng đón chờ đêm tới. Trên trời lác đác vài vì sao mọc sớm, và đôi ba chiếc thuyền trên sông đã lên đèn. Tôi lẩn thẩn nghĩ không biết họ về đâu, chở gì, như ngày xưa tôi vẫn lẩn thẩn nghĩ mỗi khi có dịp ngắm những con đò qua lại trên sông Hương.

Một chiếc thuyền nhỏ bơi qua gần bờ làm tôi chú ý. Trên thuyền, một cô gái còn trẻ lắm, chắc độ mười sáu mười bẩy, đang chèo. Cô chèo đứng, bằng một mái chèo, lối chèo đặc biệt của Huế, bán diện hiện ra rõ ràng trong chút nắng quái chiều hôm. Cô vươn mình theo mái chèo, chiếc áo cánh ngắn kéo căng ôm lấy người, tấm thân con gái Huế mới lớn kín đáo khiêm nhường mà đầy nữ tính... Và cô cất tiếng hò.

"Thuyền về Đại Lược
Nối ngược Kim Luông,
Nơi đây chỗ rẽ của lòng...
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào..."

Quá khứ như hiện về, và tôi tưởng lại xứ Huế ngày xửa ngày xưa, hơn ba thập niên trước, giữa những hôm học thi, có lần tôi đã được nghe một người con gái Huế hò như vậy... Và trong huyền ảo của giây phút, tôi khám phá ra người con gái ấy cũng là cô gái bây giờ... Cô là ý là hồn của Huế, của chất Huế hiện thân thành người... Cô vĩnh viễn mười sáu mười bẩy tuổi, và cô hò hôm nay cũng như cô vẫn hò hơn ba mươi năm trước hay ba trăm năm trước...

Cô tiếp tục hò, tiếp tục chèo... Tấm thân bé bỏng như con chim nhỏ, cô đè lên mái chèo mà như thể mái chèo tự nó kéo cô theo, mềm mại duyên dáng như dòng nước sông Hương. Tôi vẫn biết Hương giang bao giờ cũng êm ả, nhưng tối nay không gian như không còn định hướng, và tôi không biết sông chẩy từ Đại Lược về Kim Luông hay từ Kim Luông về Đại Lược... Thuyền cô xa dần nhỏ dần, phút chốc chỉ còn mấy nét chấm phá trên mặt sông phẳng lặng, và trong bóng đêm vừa đổ xuống, ngọn đèn mũi thuyền cô lấp lánh như một vì sao...

Bỗng chốc tôi khám phá ra câu trả lời cho mối thắc mắc mơ hồ bấy lâu... Nhờ cô, tôi đã biết những con đò trên sông Hương chở gì... Dễ lắm... Chúng chở những vì sao mượn từ trời sao xứ Huế, và quan trọng hơn nữa chúng chở giọng hò của người con gái Huế...

Mười năm nữa, năm mươi năm nữa, một trăm năm nữa, hay mãi mãi, khi bà phi già trên lăng Khải Định đã chết từ lâu, khi thành quách cung điện Huế chỉ còn là những cổ vật không công dụng thực tiễn, khi kỳ đài sẽ được thay thế bằng một kỳ đài khác, khi ga Huế trở thành một nhà ga hiện đại với những chuyến tầu siêu vận tốc, khi những sôi động kinh tế hay chính trị hiện tại chỉ còn là những trang sử...

Mười năm nữa, năm mươi năm nữa, một trăm năm nữa, hay mãi mãi về sau, giá dù người Huế có quên ăn nem Huế, quên kẹo mè sửng, quên bánh canh Nam Phổ... và những lưu dân nhớ Huế phải về Huế sưu tập tất cả những tấm gương cổ để đập ra mà tìm lại những ảo ảnh ấy, thì tôi vẫn đoan chắc rằng linh hồn của Huế vẫn còn trong hình bóng một cô gái nhỏ trên sông Hương, tối tối chở một vì sao mượn từ trời sao xứ Huế, và chở tiếng hò của cô...

Về đâu ư? Đại Lược hay Kim Luông? Hay về một bến tiềm thức sâu xa của những người đã sống ở Huế, hay đúng hơn những người vì một duyên nợ kiếp nào đã nhiễm chất Huế vào hồn...

Mai Kim Ngọc

CHUYỆN GÌ XẢY ĐẾN CHO QUỲNH GIAO?

TRẦN CÔNG SUNG

Tôi đang ngồi tán gẫu chuyện trên trời dưới đất với mấy cô đồng nghiệp Pháp thì khách sạn cho hay có người kiếm. Tôi đảo mắt khắp cái hall mông mênh của The Grand Hyatt Hotel và nhận ra khách. Một người đồng hương, cận thị nặng, gầy tong, lưng còng còng, đứng gần cái bồn nước chảy róc rách, nách ôm kè kè một bọc ny-lông dầy cộm.

Viễn Cận! Tôi reo vui trong lòng. Bởi vì đó chính là Viễn Cận, tự Xa Gần, tự Viễn Kiết, tự thi sĩ mù. Xa Gần là do bạn bè diễn nôm từ chữ Viễn Cận. Viễn Kiết vì lúc nào người cũng không một xu dính túi. Và cái bọc ny-lông ôm kè kè bên nách là thi-phẩm sáng tác trong mấy chục năm lêu bêu ở Mỹ.

Viễn Cận bóp chặt hai vai tôi, lay mạnh:

"Tiên sư cậu, kiếm cậu mấy chục năm, hộc xì dầu. Có hồi sang Pháp cả tháng, đi lùng khắp nước Tây mà kiếm không ra. Đùng một cái không chờ, cậu đến. Tối qua cô Hạnh gọi cho hay, tưởng là cô ấy nói giỡn."

Tôi biết Viễn Cận cảm động thực tình. Chỉ trong những lúc tình hình khẩn trương, y mới dùng đến chữ "tiên sư cậu." Khi Viễn "phải lòng" Quỳnh-Giao, y bao tôi đi ăn thịt bò khô, sau khi quật ngã 14 chai "33", y lè nhè:

"Tiên sư nó, không hiểu nó có cái gì mà khiến mình mất ăn mất ngủ."

Nói là bao cho nó hách, chứ người trả tiền không bao giờ là

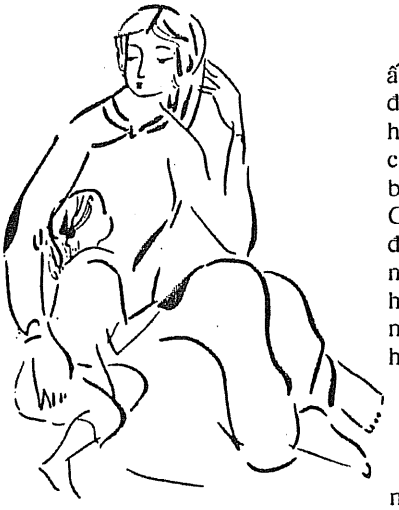

Viễn, vì một lẽ đơn giản: không bao giờ Viễn có một xu. Tiền và Viễn Cận là hai thứ rất kỵ nhau. Như lửa với nước, mặt trăng với mặt trời. Có bao giờ mặt trăng với mặt trời gặp nhau, tay bắt mặt mừng? Viễn là người không đội trời chung với tiền bạc.

Mỗi lần gặp bạn bè, y nói: "A! Để tôi bao cậu một bữa." Y nói với cái giọng rất sư, rất cha nhà thờ, làm như chuyện được y bao cho là một vinh hạnh, một thứ ân sủng.

Chúng tôi nhìn nhau, ghi nhận những thay đổi trên khuôn mặt kẻ đối diện.

Viễn có vẻ cận hơn trước (Viễn có thể cận hơn trước?), vì mặc dù đôi kính dầy đến không thể dầy hơn nữa, y phải nheo mắt để nhìn. Thời gian là một cái anh tàn nhẫn, bao giờ cũng để lại dấu vết tàn phá khi ghé qua. Dấu vết ấy trên Viễn là những sợi tóc lốm đốm bạc, và một vẻ mệt mỏi in hằn trên trán, trong ánh mắt. Lần cuối cùng khi Viễn bao tôi ăn thịt bò lúc lắc với rượu đế ngâm rắn ở Chợ Lớn, tóc Viễn còn xanh và đôi mắt ấy lúc nào cũng long lanh những đam mê. Sau mấy năm hốc hác cải tạo, y vẫn còn cái vẻ ngơ ngác của một người chưa hoàn hồn.

Viễn phán:

"Tôi bao cậu đi ăn cơm Mỹ."

Tôi mỉm cười. Viễn trấn an:

"Bao thực đấy. Tôi không kiết như hồi xưa đâu. Nếu muốn, tôi có thể mua một nửa New-York."

Với thời gian, Viễn Cận đã điềm đạm và khiêm tốn hơn trước; nếu không, y đã mua cả New-York hay bốn phần năm thành phố.

Tôi nói chắc khó đi ngay được, vì sắp phải họp với mấy người đồng nghiệp. Y gạt ngang:

"Quan hệ mẹ gì. Không mợ thì chợ cũng đông. Hàng trăm người, cậu cứ lỉnh đi, ai biết đâu."

Tôi nói cả trăm người nhưng toàn là đàn bà con gái, chỉ có bảy, tám anh đực rựa tồng ngồng, tôi lại là người Giao Chỉ duy nhất, da vàng mũi tẹt, có trốn đằng trời. Viễn nói, anh ta lúc nào cũng làm chủ tình hình:

"Cậu cứ khai bệnh. Tôi cũng khai bệnh nghỉ việc tới đây. Bệnh tật là do Trời Phật quyết định, ai cưỡng lại được?"

Tôi nhận ra Viễn luôn luôn gọi cậu, xưng tôi, không mày tao như xưa nữa. Sự thay đổi ấy nhắc cho

tôi hay là chúng tôi đã bỏ lại tuổi trẻ xa lắc xa lơ ở sau lưng.

Ra khỏi khách sạn, cái nóng oi nồng khó chịu của New York tháng Tám phả vào mặt. New York là một thành phố của tương phản trắng trợn. Một cánh cửa kiếng chia cái mát lạnh của khách sạn điều hòa không khí với cái nóng hừng hực của đường phố. Bên cạnh những cửa tiệm sang trọng là những người đói khát ngửa tay xin 25 xu. Thành phố của những ông Tổng giám đốc lương tháng bằng sáu, bảy năm lương người thợ. Thành phố của hàng ngàn nhà chọc trời, ban đêm bỏ trống khi hết giờ làm việc, trong khi người ta ngủ lây lất ngoài đường như những con vật.

Từ một máy điện thoại công cộng, tôi gọi một cô đồng nghiệp ở khách sạn, cho hay là tôi bị đau bất ngờ. Chắc là ăn phải cái gì khả nghi, bụng đau nhói, người lạnh toát, mồ hôi đầm đìa, chân tay run lẩy bẩy, chắc phải nằm nghỉ suốt ngày trong phòng.

Con nhỏ nói: phải rồi, ăn đồ Mỹ là khả nghi lắm. Tối hôm qua tôi cũng không ngủ được vì ba cái của nợ ấy. Tây Đầm, vốn hãnh diện vì cái ăn cái mặc của họ, lấy làm hài lòng có dịp chỉ trích cách ăn uống thô kệch của người Mỹ. Nhận xét đầu tiên của mấy cô đầm Pháp khi ngồi trên xe ca từ phi trường vào thành phố, là việc dân địa phương đa số đi đầy bát-két. Trong con mắt họ, không có gì nhà quê hơn là diện quần áo bảnh bao mà dận giày vải trắng. Dân New York lội bộ huỳnh huỵch suốt ngày, chuyện quan trọng với họ là làm sao cho đỡ đau chân. Người Mỹ, người ta ăn cho no, mặc cho ấm, chuyện thanh lịch là một ý niệm rất đỗi mơ hồ.

Ngồi trong tiệm ăn, tôi hỏi:

"Quỳnh-Giao đâu?"

Viễn lúng túng ra mặt. Y hỏi: "*Ketchup?*" Tôi lắc đầu. Đổ *ketchup* vào món ăn, cái hành động bạo tàn ấy phải là người Mỹ mới nghĩ tới:

"Quỳnh-Giao đâu?"

Viễn loay hoay với đĩa thịt bò, loay hoay với chai *ketchup*, loay hoay lấy kiếng ra lau, cuối cùng trả lời:

"Quỳnh Giao không ở đây. Moa sống một mình."

"Sao vậy?"

"Chuyện dài lắm. Moa sẽ kể cho toa sau."

Viễn lắc lắc cái chai *ketchup* một cách nóng nảy. Tôi nói: cậu đổ một nửa cái chai của nó rồi đó nghe.

Viễn mở cái bao ny-lông ra, đặt lên bàn một cọc giấy dầy cộm, đủ khổ, đủ màu sắc:

"Thơ tôi làm từ hai mươi năm. Nếu không gặp lại cậu, chắc tôi không đọc cho ai nghe."

Tôi nói làm thơ mà không cho người khác đọc thì có gì thú, Viễn cãi:

"Cũng thú chứ. Thú một mình. Cũng như thủ dâm vậy. Tính tôi, cậu biết đấy. Nếu không có đàn bà sáng giá, tôi nằm thủ dâm một mình, chứ không tầng tịu lăng quăng. Một cu mà không ích lợi cho quốc gia dân tộc."

Đó là Viễn: cái gì không ích cho quốc gia dân tộc là không làm. Giống như JFK: "Đừng hỏi Hoa Kỳ có thể làm gì cho bạn. Hãy tự hỏi bạn có thể làm gì cho Hoa Kỳ."

Viễn cầm từng trang giấy, lên giọng ngâm thơ. Mới đầu còn thầm thì, dần dần cao hứng, gào bô bô trong tiệm ăn, bất chấp những người bên cạnh đưa mắt nhìn. Viễn ngâm liên miên hết bài thơ này đến bài khác, trong khi tôi ngồi đánh vật với mấy chai Budweiser, cái thứ bia Mỹ nhạt tanh như nước đái bò. Đó cũng là một cách ví von. Ai đã nếm nước đái bò, biết đâu nó không có mùi vị. Ăn nói hồ đồ, nhiều khi tội cho con bò.

Viễn Mù mải mê đọc thơ như người lên đồng. Đôi mắt cận của đương sự đột nhiên long lanh và tôi bất gặp Viễn của mấy chục năm trước. Mặc dù mái tóc điểm bạc, những nét nhăn chém hằn trên trán, chiếc lưng còng xuống của người bạn, tôi chợt có cảm tưởng như đang ngồi nhậu thịt bò lúc lắc với Viễn Mù ở Cầu Ông Lãnh.

Tôi đọc ở đâu đó rằng con người giống như một giòng sông, lúc nào cũng biến đổi không ngừng, nhưng lúc nào cũng là một. Khúc sông lúc nào cũng là khúc sông ấy, nhưng có lúc nào nước ngừng trôi?

Viễn hỏi:

"Cậu thấy thế nào?"

"Cũng được."

"Cũng được! Ăn nói hỗn láo như vậy mà không thẹn với trời đất. Nếu còn một tí tâm hồn, nghe thơ tuyệt đến như thế, phải nhảy lên bàn mà gào thét. Ta e rằng tâm hồn cậu nó cũng chết héo như trăm ngàn người khác."

Tôi nói thơ Viễn không phải bài nào cũng là thơ để đời, nhưng thỉnh thoảng có những hình ảnh đẹp, thỉnh thoảng có những cây hay bất ngờ. Tôi nói như vậy đã là nhiều, vì có nhiều người làm cả đời không viết được một câu thơ hay, đủ để véo đùi mà ngâm cho thỏa.

Thơ, nhạc, nó cũng như người đàn bà tuyệt sắc, nó đến với mình một thoáng rồi đi. Cả đời, Lưu Trọng Lư cũng chỉ làm được một bài *Tiếng Thu*, Thâm Tâm một bài *Tống Biệt Hành*, Vũ Đình Liên một bài *Ông Đồ*, Lê Thương một bản *Hòn Vọng Phu*. Tôi có thể tiếp tục cái danh sách ấy nếu Viễn đã không đứng dậy, ngâm thơ như gào lên. Tôi không khỏi bùi ngùi nhận thấy thơ Viễn không còn cái đam mê bừng bừng của Xuân Diệu mà đã bắt đầu cái buồn Huy Cận, cái buồn mang mang của một người đứng nhìn nước chảy, "bèo giạt về đâu hàng nối hàng."

Viễn Cận mải mê đọc thơ, không để ý đến đĩa thịt nấu theo kiểu Mỹ, mùi vị đậm đà như một chiếc đế giày Reebok. Tại sao những người có đầu óc sáng tạo ra đủ thứ máy móc tối tân, mà không đủ khả năng nấu một miếng thịt cho có tư cách. Phải chăng món ăn là một hình thức văn hóa, và văn hóa nó không như khoa học hay kinh tế, nó cần thời gian. Không thể đốt giai đoạn. Không phải anh trúng số tối hôm nay, rồi sáng hôm sau anh trở thành một người lịch lãm. Về cái môn ẩm thực, lịch sử con người chia làm nhiều giai đoạn. Giai đoạn một: ăn lông ở lỗ; giai đoạn hai: kiếm ra lửa; giai đoạn ba: kiếm ra đồ gia vị và biến chế các món ăn, biến món ăn thành một thứ nghệ thuật. Người Mỹ đang ở giai đoạn hai, giai đoạn khám phá ra lửa, biết nướng thịt cho chín. Người Pháp, người Tàu, người Nhật, người Việt họ đã đến giai đoạn hai mươi tám. Phải cầu kỳ rắc rối lắm mới như người Tây ngồi tọng thức ăn vào họng con ngỗng để nuôi cái gan ngỗng làm *foie gras*, như người Tàu cho ngựa

ăn búp trà trên sườn đồi rồi chém cổ ngựa để lấy trảm mã trà, như người Nhật ngồi uống một ly trà với tất cả cái nghi lễ trang trọng, như người Việt ngồi tỉ mẩn chọc đít con cà cuống để lấy cái tinh hoa của đất trời, làm nước chấm bánh cuốn, một thứ món ăn lạ kỳ không một máy điện toán nào có thể nghĩ ra. Cái người đàn bà Việt Nam, họ phải thương chồng, thương con lắm, mới ngồi nặn đầu óc nghĩ ra chuyện nghiền gạo thành bột, rồi tráng trên nồi hơi nước, một thứ bánh tráng đủ dày để bọc nhân, đủ mỏng để giữ cái vẻ trang nhã, quý phái, đủ trong để thấy cái nhân thịt bên trong, nhưng không quá trong để giữ cái vẻ mập mờ nửa kín, nửa hở, khiêu gợi. Giống như chiếc quần dài trắng mỏng của người đàn bà Việt, vừa che vừa đậy, vừa phô trương đôi chân dài và đôi mông tròn lẳn, hồng hào. Có cái gì khiêu gợi hơn cái quần ny-lông mỏng của người đàn bà Việt Nam? Cái bánh tráng tế nhị ấy ôm lấy miếng nhân, cái thứ nhân người ta chế biến cách nào để thịt không còn cái vị trần tục của thịt. Rồi đè ngửa con cà cuống ra, chọc đít, lấy cái hương cay quái dị ấy cho đĩa bánh cuốn trở thành một bản hòa tấu vẹn toàn. Tại sao cà cuống, tại sao có hàng triệu con vật, con ong, cái kiến, ai đã đưa ra cái ý thần tình là chọc đít con cà cuống? Tại những xứ không có bánh cuốn, đố ai biết mặt mũi con cà cuống nó ngang dọc ra sao. Bởi một lẽ giản dị: trời sinh ra con cà cuống làm gì, nếu không có bánh cuốn?

Tôi đẩy đĩa thịt Reebok sang một bên và nói: "Tự nhiên thèm bánh cuốn lạ."

Viễn thất vọng: "Mẹ kiếp, đang dọc thơ mà cậu nói chuyện bánh cuốn. OK, tôi đưa cậu đi ăn cơm Việt Nam. Có cái tiệm này được lắm."

Ngồi trong xe, trong khi Viễn tiếp tục ngâm thơ, tôi nghĩ đến Quỳnh Giao. Chuyện gì xảy đến cho Quỳnh Giao? Tại sao Viễn lúng túng, lảng tránh khi tôi đề cập đến Quỳnh Giao?

Ở California, tôi hỏi một người quen hồi này làm ăn gì, anh ta lúng túng, gãi đầu gãi tai. Một người bạn kéo tôi ra một góc, căn dặn:

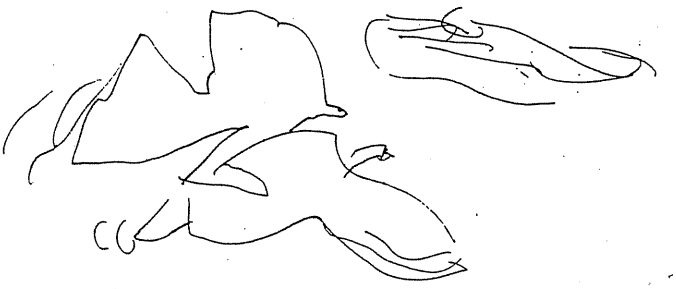

DIỄM CHÂU

BA BÀI CA CỦA MỘT ÔNG GIÀ MÙ TRÊN BẾN BẮC

Tôi đi tìm con tôi trên chiếc xe đạp này
Chiếc xe còn lại của cả một đời tôi hơn 80 năm...
Tôi không còn nhớ mình đã ăn sáng ăn trưa hay chiều tối
Tôi đi tìm con tôi, đeo tấm bảng: "tôi đi tìm con tôi..."
Tôi mải coi người cá
Khi cha mẹ tôi tìm tôi không thấy
Đã bỏ đi...
Bây giờ tôi trở thành người cá
Tôi đi tìm cha mẹ tôi không thấy
Có lẽ họ đang mải nhìn tôi
Tôi là một con rùa
Khi tôi tới nơi thì lũ thỏ đã trở thành Anh Mỹ Pháp
Úc Ý Canada
Tôi nhớ cát biển Đông và hàng dừa
Đứa con gái có tên "Người cá"

"Ở bên này, đừng hỏi nghề nghiệp của nhau. Có những nghề nghiệp kỳ quái, không liên hệ gì đến nghề nghiệp người ta làm bên nhà. Cũng đừng hỏi thăm vợ con người ta. Nhiều chuyện dối dời, phiền lắm."

Ý nói chúng ta như những ngọn cỏ bị bứng rễ, theo gió cuốn đi, trôi giạt chân trời góc biển. Giá trị cũ tàn rụi, giá trị mới chưa thành, không có gì bám víu, con người mất quân bình, đưa đến những ly tán, đổ vỡ.

Trong xã hội Việt Nam, người ta sống cho mình thì ít, cho gia đình, xã hội, làng xóm thì nhiều. Cá nhân con người bé nhỏ, xóa nhòa. Trong một cặp vợ chồng hòa thuận, bao giờ cũng có một người hy sinh. Ở Việt Nam, cái người hy sinh ấy thường thường là người đàn bà. Sang bên này, người ta chới với trước tự do vừa tìm thấy, khi người đàn bà "đòi quyền sống," tự nhiên đưa đến tan rã. Trong xã hội Việt Nam, tình yêu nó có nhạt đi cũng không sao. Vẫn còn gia đình, họ hàng, còn cụ Khổng, cụ Mạnh đứng lù lù đó canh chừng. Bây giờ không còn gì giữ lại, tất cả rã rời, theo nước cuốn đi, như những cánh bèo dưới cơn giông. Cái anh Việt Nam ly hương, anh ta thấy cả một nếp sống cũ tan rã, một xã hội mới lạ

TRẦN THIỆN HIỆP

THƠ Ở BUỔI SÁNG TRÊN ĐỒI

Trong sinh diệt, rừng kia thay màu lá
Những đời trăng nối xuân-hạ vào thu
Ta thấy em mây ngàn nằm trên tóc
Tóc nhạt nhòa, mây tan hóa đời mây

Rồi đâu có những ngày hồng hạnh ngộ
Lộc đơm cành, hoa nở rộ trần gian
Cánh chim xuân cũng từ đâu về lại
Nắng soi em huyền hoặc bóng dung nhan

Từng bước chậm lên đồi nghe gió hát
Gặp mặt trời đỏ rực ở trên vai
Ta nghĩ đến kẻ thiền sư tìm đạo
Đạo vô bờ giữa trần thế chông gai

Miền nhân thế có em, ta yêu dấu
Có ta qua chín kiếp nẻo luân hồi
Từ biển gió thuyền trôi bao cửa sóng
Vẫn còn em nụ ngọt ở vành môi

Cõi sinh diệt đời đời thơ lồng lộng
Nhật nguyệt tròn-vòng-nối khúc thiên ca
Kẻ thiền sư tìm chân nguyên đường ngộ
Ta tìm nguồn thiện mỹ giữa muôn hoa

hoắc, không thể thích nghi, anh ta ngẩn ngơ, anh ta lạc lõng, mười hai con giáp không giống con giáp nào.

OK, tôi sẽ không hỏi Viễn hồi này làm ăn gì. Viễn làm Phó Tổng thống Mỹ (Phó, vì Tổng thống Mỹ thì tôi biết tên: Bill Clinton), hay quét rác ở đại lộ số 5, chuyện ấy không quan hệ gì. Đằng nào thì anh cũng chỉ là một người ngoại cuộc, đứng ngơ ngác không ăn nhậu gì đến xã hội chung quanh. Tôi sẽ không hỏi Viễn làm ăn gì để mua một nửa New York, nhưng tôi không thể không thắc mắc về những gì đã xảy ra giữa Viễn và Quỳnh Giao.

Bởi vì chuyện tình của họ, tôi là người chứng thường trực, ngay từ những ngày đầu.

Tôi nhớ như hôm qua, Viễn tìm tôi, "bao" đi ăn thịt bò khô đu đủ và nói:

"Cậu phải giúp tôi chuyện này. Cậu trả tiền rồi theo tôi."

Chuyện của Viễn thế này: tháng trước, một người bạn giáo sư tại một trường trung học bị đau, nhờ Viễn dạy thế một tuần. Trong đám nữ sinh, có một con bé, Quỳnh Giao, Viễn vừa trông thấy đã xây xẩm mặt mày. Y nói: "Tao nghĩ rồi nó cũng qua đi, vì đàn bà, tao coi như pha. Mỗi tuần tao yêu hai, ba mợ, cú nào cũng tưởng là *coup de foudre*. Đi nhậu một chầu, quên ngay. Nhưng lần này, lạ lắm. Tối ngủ không được, ngày ngủ không được (y là vua ngủ ngày). Cứ nghĩ đến nó hoài. Tại sao một đấng trượng phu phải thất điên bát đảo vì một con nhỏ?"

Đấng trượng phu đọc cho tôi hàng chục bài thơ về Quỳnh Giao, nồng nàn, sôi nổi, gây cấn. Tôi hỏi tôi làm gì được trong cái chuyện cải lương lẩm cẩm này, y nói:

"Từ hai tuần nay, ngày nào tao cũng chờ nó ở cửa trường, nhưng không sao lại gần được. Lúc nào nó cũng đi một bầy với mấy con bạn. Mình dù sao cũng là thầy, *Nhất nhật vi sư*, khó làm ăn quá. Tao theo nó đến tận nhà, nhưng hai thằng anh nó, thằng nào cũng ta như Tarzan, bố bảo mình cũng không dám bén mảng.

Viễn nhờ tôi đến chờ ở cổng trường lối con bé ra góc đường cho Viễn... tán. Chúng tôi đứng bên kia đường, chờ giờ tan học. Viễn nóng nảy đi đi lại lại, như chờ vợ đẻ lần đầu. Lần đầu, vì tôi quen một ông, khi vợ đẻ lần thứ tám thì ông ấy không đợi ở nhà bảo sanh nữa, dặn vợ: "Khi nào đẻ xong, em gọi giây nói, anh lên đưa về." Lần thứ chín, y đưa cho vợ 100 quan:"Khi nào đẻ xong, em đi taxi về."

Khi đám học sinh ùn ùn kéo nhau ra cửa trường sau tiếng chuông rền rĩ, Viễn chỉ một đám nữ sinh đang líu lo bên kia đường:

"Đó, cái con bé bên cạnh gốc me đó."

"Cái con bé mắt lé?"

"Nói hỗn đi. Cái con bé áo dài trắng, dắt chiếc xe đạp xanh."

"Hàng trăm con bé áo dài trắng, dắt xe đạp xanh."

"Nó không giống con nhỏ nào khác. Mày nhận ra nó giữa năm triệu người đàn bà bình thường. Nó đi đến đâu hào quang rực rỡ đến đó. Nó đi đêm không cần đèn vì hào quang sáng rực. Đó, đó, cái con nhỏ đưa tay lên vuốt tóc đó. Lẹ lên, nó trèo lên xe là toi."

Tôi sang đường, đi lại phía con bé đi đêm không cần đèn, hào quang rực rỡ, đang tíu tít với mấy nhỏ bạn. Tôi reo lên:

"A! Quỳnh Giao! May quá, gặp Quỳnh Giao ở đây. Hai bác nói đến đây gặp Quỳnh Giao, vì chiều nay tôi về dưới rồi."

Quỳnh Giao đưa tay che nắng, nheo mắt nhìn tôi, lấy làm bỡ ngỡ. Tôi giải thích:

"Tôi là Sơn, con bác Chân đây. Bác Chân dưới Mỹ Tho."

Mấy nhỏ bạn trèo lên xe, một

lúc sau cái biển xe đạp kêu kính koong và những tiếng cười ríu rít xa dần, để lại Quỳnh Giao và tôi trên con đường vắng, giữa những tiếng ve kêu nhặng xị, inh ỏi trên những cây me. Giao nói: "Bác Chân? Giao đâu biết bác Chân nào?"

Tôi nói, để từ từ tôi cắt nghĩa. Giao dắt xe đạp, đi bên cạnh. Tôi nói thực ra không có bác Chân, bác tay gì, chỉ có ông thầy triết tuần trước, nếu ông ấy không gặp được Quỳnh Giao chắc ông ấy mổ bụng ngay tại chỗ, ngày mai báo *Sàigòn Mới* sẽ đăng hình Giao trên trang nhất, tai tiếng cả nước. Tốt nhất là nên gặp y, xem y âm mưu gì. Quỳnh Giao nói "chuyện chi dị hợm," nhưng cũng tò mò theo tôi ra hàng nước mía, nơi Viễn đứng chờ.

Buổi chiều, tôi hỏi Viễn cuộc gặp gỡ diễn tiến ra sao, y nói có hơi trục trặc một tí. Y mời con nhỏ uống nước dừa, sau mới hay là cả y, cả con bé không đứa nào có một xu. Con nhỏ phải để lại cây bút máy.

Viễn đưa tôi đến một tiệm ăn ở Canal Street. Canal Street là khu thương mại sầm uất của người Việt và người các chú. Tôi không khỏi mỉm cười nghe thấy, giữa lòng New York, trong cái đám du khách đủ quốc tịch đi lại quần quật, tiếng một người đồng hương lanh lảnh: "Đù mẹ, làm ăn như vậy thì bỏ mẹ rồi. Buôn bán không lo, bỏ qua rút bài với mấy thằng cô hồn!" Cùng giờ này, trên khắp xó xỉnh trên thế giới, nhiều người đang đù mẻ om xòm.

Viễn nói bánh cuốn ở đây không bảo đảm, nhưng phở thì rất có tư cách. Sau tô phở, Viễn hỏi:

"Sao?"

"Cũng được," tôi nói. "Nhưng cậu có nhận thấy điều này: phở không ở đâu ngon bằng ở Việt Nam. Ở bên ngoài, cậu muốn làm gì thì làm, nó vẫn thiếu cái gì đó. Cái mùi phở. Hồi mình còn nhỏ ở Hải Phòng, buổi sáng, mỗi khi gánh phở đến đầu đường đã "nghe" thấy mùi phở ngào ngạt. Hình như nấu phở, ngoài thịt, ngoài gia vị, ngoài kỹ thuật, còn phải có cái tình. Cái tình của người nấu, nó làm cho những thứ ấy nó quyện lấy nhau để thành mùi phở. Nếu không, nó rời rạc, thịt ra đằng thịt, bánh ra đằng bánh. Cậu có nhớ cái mùi phở của Quỳnh Giao?"

Tôi nhìn Viễn, dò hỏi. Nhưng y không rơi vào bẫy. Y không trả lời. Bình thường mỗi lần nghe nói đến Quỳnh Giao, y tham dự, bàn cãi sôi nổi.

Lần cuối cùng tôi ăn phở Quỳnh Giao là cái lần họ gây nhau dữ dội. Sự thực chuyện hai đứa gây nhau là chuyện cơm bữa. Họ không thể sống mà không gây nhau. Những cuộc gây gỗ không ngớt là một thứ ớt cay để tăng gia vị cho bát phở. Đã bao nhiêu lần Quỳnh Giao đến gặp tôi, khóc mùi mẫn, thề sẽ không bao giờ trở về với Viễn nữa, rồi 15 phút sau tôi thấy hai đứa ríu rít, bên cạnh một hàng cơm tấm, hay một tiệm bánh tôm. Viễn kể chuyện tếu và con nhỏ ôm bụng cười.

Lần cuối cùng tôi ăn phở Quỳnh Giao là lần họ gây nhau kịch liệt. Buổi tối, Viễn đến tỵ nạn. Y chỉ mặc một cái quần xà lỏn. Y nói may mà toàn mạng tới đây. Quỳnh Giao đang đốt quần áo của y, ném xuống đường, và đập hết đồ đạc. Nguyên do là Viễn bỏ đi ba ngày liền và một cô bạn cho hay gặp y rước đèn với đào ngoài phố. Viễn nói, trong khi mặc quần xà lỏn chạy suốt thành phố, y đã suy nghĩ rất chín. Lần này là thực sự chấm dứt, không thể kéo dài thêm một giờ. Y quen một người làm hiệu trưởng ở Đà Nẵng có thể kiếm ra chỗ dạy. Sáng mai, y sẽ lên đường. Chỉ có cách đó mới thoát.

Viễn nhờ tôi lên nhà xem tình hình, có thể Quỳnh Giao đang đốt cả khu phố. "Cần nhất là cứu mấy tập thơ. Nhà cửa tao đếch cần."

Tôi mặc quần áo hối hả. Lên đến nơi, từ đầu đường đã ngửi thấy mùi phở thơm ngào ngạt. Người mở cửa là một Quỳnh Giao tắm rửa sạch sẽ, diện áo dài mới toanh, trang điểm gọn ghẽ như một cô nữ sinh ngày phát phần thưởng cuối năm, tươi như đóa tuy-líp. Nhà cửa dọn dẹp sạch sẽ, ngăn nắp, không còn dấu vết gì của chiến cuộc buổi chiều. Trên bàn một đĩa bánh phở trắng ngà, thịt tái hồng, thịt nạm vàng, thịt chín nâu, rau thơm và hành tươi xanh ngát, ớt hiểm đỏ rực rỡ. Tất cả những màu sắc táo bạo ấy hòa hợp với nhau như một bức tĩnh vật của Matisse.

"Anh coi, gây nhau có một tí mà ông ấy bỏ biệt nhà cửa. Anh đi kiếm ông ấy, lôi về cho em."

Tôi nói có kiếm đằng trời.

"Thế còn nồi phở của em?"

"Mặc cô. Lần sau, cô cũng nổi khùng vừa vừa phải phải thôi. Lần này, nể tình nghĩa bạn bè, tôi đứng ra giúp cô thanh toán cái nồi phở ấy."

Trong khi tôi "giúp" ăn tô phở, Quỳnh Giao chất vấn:

"Anh nghĩ ông ấy có làm bậy không?"

"Chuyện đó thì chắc rồi. Nó dám giết vài chục mạng rồi tự thiêu. Cô ức hiếp nó quá. Thằng ấy, khi nó lên cơn..."

Về đến nhà, căn phòng sặc sụa mùi thuốc lá, phải năm phút mới tìm thấy ông thi sĩ mù sau màn khói dầy đặc. Y hỏi: "Sao?" Tôi nói:

"Lôi thôi lắm. Cả khu phố náo loạn, xe chữa lửa, xe cứu thương rầm rộ. Y thị đốt cả phố rồi tự sát. Hara Kiri. Ruột gan treo tòn teng trên dây điện ngoài đường."

Buổi sáng, đang ngủ vùi, thì có người gõ cửa. Quỳnh Giao thản nhiên như không hề có chuyện gì xảy ra:

"Giờ này còn ngủ. Không dậy đưa em đi mua đồ. Nhà không còn một cái chén ăn cơm, tối nay lại mời hai vợ chồng anh Nhã."

Viễn cười hề hề, ríu ríu mượn một bộ quần áo, đưa vợ đi chợ.

Chuyện Viễn rước đào đi diễu phố chắc là tin đồn vô căn cứ. Viễn không phải là người nhảy từ đàn bà này sang đàn bà khác. Trước khi gặp Quỳnh Giao, tôi gọi y là Người-Có-Cu-Chỉ-Dùng-Để-Đái. Khi Quỳnh Giao đi tỉnh, lo cho bà nội đau nặng, ngoài giờ đi dạy, y nằm bẹp trong nhà, đọc sách. Hôm vợ về, y tắm rửa sạch sẽ, vỗ cu, lẩm bẩm: "Sắp bận rồi. Sắp bận rồi." Y có cái vẻ hý hửng của một đứa nhỏ chờ mẹ về chợ.

Buổi tối, khi chúng tôi đi dọc bờ sông Hudson, nước đen với những ngọn đèn nhập nhòe, tôi hỏi:

"Ngoài những lúc đi cày cho Mỹ và thủ dâm, cậu làm gì cho hết ngày?"

"Thiền."

Y đốt một điếu thuốc, nuốt khói, hỏi:

"Thiền. Cậu ngạc nhiên hả?"

Không, tôi không ngạc nhiên. Tôi khám phá ra là dù xa nhau vạn dặm, chúng tôi vẫn đi cùng một con đường. Cái gì đã khiến

chúng tôi xích lại gần một ông hoàng Ấn Độ, cách đây 2,500 năm, rũ áo từ bỏ mọi chuyện đế vào rừng tĩnh tâm dưới cỗi bồ đề? Phải chăng cái gì đó là nỗi cô đơn lạc loài nơi xứ lạ, một nền văn minh vật chất, phương tiện dư thừa nhưng bế tắc, ứ đọng bốn bề? Phải chăng cái gì đó là những tang tóc, những bất hạnh, những chia ly và những nỗi bất toàn của đời sống?

Chủng tôi đã bỏ xa cái tuổi tam thập nhi lập mà chưa "lập" được gì. Viễn vẫn chạy theo một bài thơ để đời. Tôi suốt đời âm mưu cái chuyện văn chương mà mỗi lần viết xong một trang giấy, đọc lại thấy ngượng với mình, và tủi cho chữ nghĩa.

Viễn đã vượt qua, và tôi chập chững đi vào, cái tuổi tri thiên mệnh, nghĩa là hiểu mệnh trời, nghĩa là hiểu đời, nghĩa là hiểu rằng mình sẽ không hiểu gì về đời sống. Viễn nói:

"Mấy năm sau này, rảnh rỗi, moa đọc lại hết. Platon, Socrate, Kant, Goethe, Nietzsche, Heideggen, Sartre, Khổng, Mạnh, Lão Trang. Chỉ thỏa mãn một phần. Mỗi ông chỉ cho mình một câu trả lời trong muôn ngàn thắc mắc. Chỉ có Phật Giáo là một câu trả lời thỏa đáng và toàn diện. Mình như được giải thoát."

Viễn búng tàn thuốc xuống con sông đen và nói, giọng bình thản:

"Cũng may mà có ông Phật, nếu không... Đã nhiều lúc mình nghĩ đến chuyện tự tử. Cậu ngạc nhiên hả?"

Không, tôi không ngạc nhiên. Bởi vì cái ý nghĩ ấy đã đến với tôi. Rất nhiều lần.

Tôi thấy ái ngại cho cô đơn của Viễn, mặc dù với tôi, sự cô đơn, từ lâu, đã trở thành chỗ quen biết. Tôi hỏi:

"Thỉnh thoảng cậu có gặp lại vợ chồng Hạnh?"

"Không," Viễn lắc đầu. "Mệt lắm. Tụi nó toàn nói chuyện tiền bạc. Dollars là một phương tiện sống, với họ đã trở thành một tôn giáo."

"Như vậy, họ đã đổi đạo. Trước kia, họ là Phật Tử."

Hình như Viễn mỉm cười. Đó là lần đầu tiên Viễn mỉm cười từ hôm gặp lại.

Hôm trước, tôi ngồi ăn với hai vợ chồng Hạnh trong cái phòng ăn rộng mông mênh ở nhà Hạnh. Họ nói chuyện huyên thuyên về chuyện làm ăn, mua nhà, mua xe, mua đất. Trong hai giờ đồng hồ, chữ dollars được nhắc tới 76 lần. Như tín đồ đọc kinh. Nam Mô A Di Đà Phật; Nam Mô... Tôi ngồi yên, nhìn hai người hào hứng nói chuyện kinh tài, nghĩ đến câu một người bạn gặp ở Paris nói về Hạnh với một thoáng ghen tị: "Cậu đến nhà nó coi, nó ở cái nhà như là Elizabeth Taylor." Hạnh nhận ra suốt bữa cơm tôi không mở miệng.

"Anh nghĩ gì mà đần ra vậy?"

"Tôi nghĩ đến Liz Taylor."

"Cái ông này, vẫn không chừa cái tật ăn nói dấm dẳn, đầu ngô mình sở."

Tôi thực tình không biết nói gì với Hạnh, mặc dù lúc ngồi taxi đến đây, tôi hồi hộp nghĩ đến cái giây phút tái ngộ. Biết bao nhiêu kỷ niệm để gợi ra, kể lại. Khi ngồi uống cà phê trong cái phòng khách giống phòng khách Liz Taylor, khi Hạnh sắp sửa nhắc đến dollars lần thứ 77, tôi đưa cho Hạnh coi một tấm hình cũ. Hình chụp một buổi tối văn nghệ ở một buôn Thượng trên cao nguyên Trung Phần cách đây hai mươi mấy năm, lúc chúng tôi còn là sinh viên, hoạt động xã hội, giúp người thiểu số học chữ quốc ngữ, chữa bệnh, trồng cây, đào giếng. Trong cái buôn Thượng đìu hiu trên đỉnh cao, ngọn lửa bập bùng, những chiếc bắp ngô nướng vàng ngọt, tiếng ca của Hạnh trong vắt quyện với tiếng đàn guitar nhịp nhàng. Hạnh ngồi bên cạnh tôi, vai Hạnh nóng ấm, dùi Hạnh nóng ấm, mắt to, đen, phản chiếu ánh lửa bập bùng.

Hạnh nhìn tấm hình, yên lặng một lúc, mắt ươn ướt và nói: "Những ngày đó vui thật, anh há?" Trong một thoáng Hạnh quên dollars, quên tụng niệm. Tôi gặp lại đôi mắt ướt, đen, của người bạn gái rất xinh và đầy nhiệt tình một đêm nào trên đỉnh cao nguyên heo hút. Tôi lại không khỏi nghĩ đến câu chuyện của dòng sông.

*
* *

Tối hôm sau, Viễn đưa tôi xuống Greenwich Village, la cà trong mấy cái bar nghe nhạc Jazz. Tiếng nhạc blue buồn, những giọng hát tuyệt vời, nghẹn ngào, buồn cái buồn da đen ray rứt. Tôi ngồi nghe nhạc, nhìn Viễn lờ mờ sau khói thuốc. Trong cái ngà ngà say của whisky, tôi gợi chuyện:

"Nếu Quỳnh Giao ở đây, chắc là cô ấy mê lắm."

Tôi nhìn Viễn dò xét, chờ đợi. Nhưng Viễn làm như không nghe thấy. Y nói lảng:

"Để tôi đọc cho cậu nghe một bài lục bát. Thơ lục bát làm đến thế này là cùng."

Viễn đọc thơ và tôi tự hỏi chuyện gì đã xảy ra cho Quỳnh Giao. Mỗi người chúng ta vừa sống một cơn mộng dữ. Biết bao nhiêu gia đình ly tán, biết bao nhiêu chuyện đổi dời. Tôi nghĩ đến cảnh một người bạn khác, sau mấy năm cải tạo, trở về, khám phá ra vợ con đã thành vợ con người khác.

Ra khỏi quán nhạc Jazz, không khí về đêm đã bớt oi nồng. Đường vắng. Thỉnh thoảng một vài chiếc tắc xi, xe cảnh sát còi hụ vun vút đi qua, xé tan cái yên tĩnh của đêm hè. Viễn vung tay, gào lên:

"Chúng tôi đi
Nhà trọc trời vây phủ
Nỗi tủi hờn không tìm được lối ra."

Mấy người Mỹ đen ngủ ngoài đường lồm cồm bò dậy. Một anh Mỹ đen khổng lồ tiến lại phía chúng tôi, với một vẻ hung tợn. Y hỏi bằng một cái giọng Mỹ ồm ồm: "Chuyện chi vậy?" Viễn "*Sorry, Sorry*" rối rít. Anh Mỹ đen ngửa tay: "*Give me a quarter, please.*" Viễn móc túi, đưa 25 xu. Anh Mỹ đen nhìn nắm tiền cắc trong tay Viễn: "*Give me a buck, please.*" Y nói "*please*" với cái vẻ đe dọa. Viễn nhìn anh Mỹ to lớn, hai chúng tôi cộng lại cũng không bằng một phần ba đối thủ. Viễn đếm một dollar vào tay ông Schwarzenegger đen rồi kéo tôi đi. Vừa đi vừa chửi thề: "Mẹ kiếp, phải nộp tiền mãi lộ mới có quyền đọc thơ. Xứ sở mọi rợ!"

Chúng tôi cuốc bộ suốt đêm. Broadway, 14th Street, Morton Street, Washington Square, Grover Street... Đến bảy giờ sáng, chân đau buốt, tôi tuột giày ra, xách tay. Tôi thỉnh cầu:

"Tôi buồn ngủ quá. Ông tạm ngưng cái chương trình Tao Đàn ở đây đi."

Viễn tiếc rẻ:

"Ngày mai cậu về à?"

Tôi gật đầu, hy vọng Viễn hiểu đã đến lúc cho tôi hay tin tức về Quỳnh Giao. Viễn nói:

"Hay là cậu ở lại vài ngày."

Dịch ra Việt văn: Hay là cậu ở lại vài ngày, nghe tôi đọc nốt hai ký lô rưỡi thơ còn lại.

Tôi nói: "Máy bay mà ông làm như xe đò Sàigòn - Lục tỉnh, muốn đi lúc nào thì đi."

Tôi về đến khách sạn gần tám giờ sáng, vừa đủ thì giờ cạo râu, uống vội một ly cà phê đắng, theo bọn đồng nghiệp vào phòng họp. Tôi chọn một chỗ kín đáo trong cái phòng mông mênh, nói với con nhỏ bên cạnh: "Tao ngủ một giấc, chừng nào đến giờ "*pause café*" nhớ gọi tao dậy."

Trong giấc ngủ chập chờn, tôi cứ loay hoay nghĩ cái gì đã làm cho Viễn và Quỳnh Giao xa nhau. Chắc chắn không phải cuộc tình đã đến hồi lãnh lẽo. Một anh nhà văn Tây nói trong một cặp, bao giờ cũng có một người đau khổ và một người rầu thúi ruột. *Dans un couple, il y a toujours un qui souffre, et l'autre qui s'ennuie*. Bởi vì không có gì sầu hơn là tiếp tục sống với một người mình không còn yêu nữa. Và không gì đau khổ hơn thấy cái tình của người mình còn yêu nó bay dần đi như hơi rượu cay. Nhưng giữa Viễn Cận và Quỳnh Giao, không ai có thì giờ để rầu rĩ: họ gây hấn, lục đục, hòa giải suốt ngày, lấy thì giờ đâu để buồn nản. Đó là một cuộc tình sôi nổi, liên hồi, không có *pause café*, không có *entracte*, một cuộc tình *non stop*, túi tụi.

Tôi nhớ một buổi sáng chủ nhật, Viễn tới lôi tôi dậy, nhờ tôi đến nhà y, khuân dùm hành lý. Y nói đêm hôm trước, Quỳnh Giao gây vì một chuyện rất vô lý (làm như tình yêu là một chuyện hữu lý). Nổi nóng, y bốp tay vợ một cái và con nhỏ bù lu, bù loa suốt đêm. Y nói sau khi suy nghĩ, y đi đến kết luận là nhất quyết chia tay. Y nói nếu không chắc có ngày sẽ có án mạng. Y nói y đã quyết định ghi tên đăng lính, ra đi vĩnh viễn.

Đến trước nhà, y nói cậu lên lấy dùm tôi vài cuốn sách, tập bản thảo và một bộ quần áo. Tôi từ chối. Tôi đã tham dự vào chuyện họ quen nhau, không muốn đóng góp vào chuyện họ bỏ nhau. Viễn nói nếu vậy, cậu đứng chờ tôi năm phút. Năm phút, đủ để y thu dọn vội vàng những thứ cần thiết.

Tôi đứng chờ ngoài hiên, nhìn những chiếc bong bóng mưa rơi vỡ trên mặt đường, dạ không khỏi bùi ngùi nghĩ tới cái cảnh chia lay trong truyện cổ. Ở đây thiếu con sông vắng, thiếu quán rượu để đề thơ, và thiếu bầu rượu nóng. Nhưng có người tráng sĩ lên đường, có người cô phụ ở lại và có cơn mưa rả rích của một ngày đầu tháng bảy.

Mười phút, ba mươi phút, bốn mươi lăm phút, vẫn không thấy Viễn. Tôi đọc hết tờ báo, từ tin chiến sự ở Đồng Xoài, danh sách tân nội các (đi vô đi ra, thằng cha khi nãy), tới mục gỡ rối tơ lòng cho một độc giả thối chân, hôi nách bị vợ bỏ, mục gia chánh dạy nấu sườn xào chua ngọt, tin người đẻ ra khỉ ở Cà Mau, đít đỏ, lông lá xồm xoàm.

Sốt ruột, tôi đi vào xem xét tình hình. Áp tai vào cánh cửa gỗ mỏng manh, tôi nghe tiếng giường kẽo kẹt. Tiếng Quỳnh Giao rên rỉ: "Mạnh vô! Mạnh vô. Í, đừng cắn vú em đau." Viễn Cận thở hào hển như vừa chạy marathon 42 cây số. Tiếng Quỳnh Giao: "Khoan, để em kê cái gối dưới mông!"

Tôi đội mưa ra quán cà phê ngồi, nhìn người qua lại, nghĩ đến một câu ca dao thần sầu và tự hứa tối về sẽ viết cho xong bài báo tuyên dương ca dao Việt Nam "Kim đâm vào thịt thì đau, thịt đâm vào thịt nhớ nhau trọn đời."

Hôm sau, tôi hẹn Viễn ở phi trường JFK ba giờ trước khi máy bay cất cánh. Tôi muốn Viễn có đủ thời giờ để tâm sự. Tôi dự trù sẽ hỏi thẳng, mất nhìn mất. "Bây giờ, không úp mở gì nữa, ông cho tôi hay chuyện gì đã xảy ra cho Quỳnh Giao."

Viễn sẽ không có lý do gì để thối lui, vì chính y đã hứa sẽ cho tôi hay sau, vì chuyện dài lắm. Trong suốt tuần lễ ở New York, tôi đã kiên nhẫn, không muốn đẩy Viễn vào chân tường.

Tôi nghĩ đến Hiển. Tôi gặp lại Hiển ở một tỉnh miền Bắc nước Pháp. Hiển già trước tuổi, tóc bạc phơ, mắt trũng xuống. Nếu không có mái tóc bạc phơ người ta có thể nghĩ đó là một cái đầu lâu. Trong suốt weekend hai đứa gối đùi nhau trong cái studio hẹp của Hiển, chúng tôi nói với nhau đủ thứ lăng nhăng, nhưng mỗi lần hỏi đến vợ con thì Hiển nói lảng. Tới hôm đưa tôi ra ga, năm phút trước khi tàu chạy, Hiển cho tôi hay chuyện gia đình. Họ xuống thuyền vượt biển, thuyền đắm, hai đứa con chết chìm. Vợ Hiển bị hải tặc hiếp. Đến Pháp, hai vợ chồng sống bên nhau như hai cái bóng ma, suốt ngày không mở miệng. Người đàn bà, một buổi tối chịu không nổi sự cô đơn, chịu không nổi cái nhìn của chồng, đã uống hết mấy lọ thuốc ngủ. Khi tôi rời Việt Nam, đứa con thứ hai của Hiển chưa sanh, đứa con gái đầu lòng mới ba tuổi, tròn như hạt mít.

Tôi quyết định sẽ hỏi thẳng Viễn ở phi trường về chuyện Quỳnh Giao. Nhưng mọi chuyện ít khi xảy ra đúng như dự định. Chúng tôi vừa đến phi trường, trong lúc lúi húi cân hành lý thì gặp một cô bạn cũ. Nàng reo mừng: "Trời! Không dè gặp anh ở đây. Nghe nói anh sang Cali thăm bạn bè khắp nơi mà không liên lạc với em." Tôi đang lúng túng tìm câu trả lời thì Viễn chen vào:

"Thôi, tôi để hai người nói chuyện cho yên, nhé. Thế nào hè này tôi cũng mò sang Paris, mình sẽ nói chuyện sau."

Không để tôi có thì giờ phản ứng, Viễn bắt tay tôi, chào cô bạn và quay gót. Nhìn Viễn Cận ra khỏi phi trường như chạy trốn, tôi tự hỏi cái gì đã khiến Viễn quyết định để tôi lại với cô bạn. Cái biết sống của một người lịch lãm, hay chỉ là cái cớ để khỏi phải điều trần về Quỳnh Giao.

Máy bay rời New York vào giờ tan sở. Hàng triệu người từ những ngôi nhà chọc trời đổ xô ra đường, đen ngòm, lúc nhúc như kiến, đi đi lại lại, đi ra đi vào, đi lên đi xuống, đi ngang đi dọc, hối hả, vội vã, tất tả, ngược xuôi.

Trong cái đám chúng sinh lúc nhúc ấy, trong cái đám chúng sinh còn đầy nghiệp chướng ấy, có ông Viễn Cận, cô độc, ngẩn ngơ ôm kè kè cái bọc hai ký rưỡi thơ, chờ đợi vô vọng một người tri âm.

Và tôi, trong suốt chuyến bay New York - Paris, tôi không khỏi bâng khuâng tự hỏi chuyện gì đã xảy đến với Quỳnh Giao.■

Tuyển tập truyện ngắn. Sẽ in)

THƯ GỞI MINH

MỘT CHUYẾN VỀ VIỆT NAM

TIỂU LINH

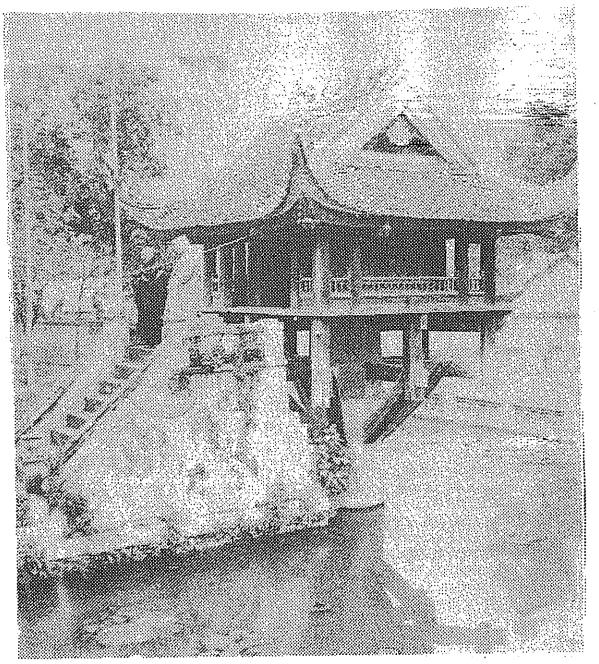

Máy bay hạ cánh xuống Nội Bài vào lúc xế chiều. "Gió thổi mùa Thu vào Hà Nội," nên dù phải xách đồ đi bộ vào phòng khách phi trường, tôi cũng thấy mát mẻ dễ chịu. Chú em bà con ra tận sân bay đón, thì thào: "Em quen với Hải Quan (Custom), chị cứ yên tâm." Tuy vậy, tôi cũng phải chờ đợi nhân viên di trú hơn một tiếng đồng hồ mới tới lượt trình giấy, dù xếp hàng trước tôi chỉ chừng hơn mươi người. Không biết có phải vì chưa quen máy điện toán hay vì chưa quen việc, mà một nhân viên di trú Việt Nam coi xét giấy tờ của du khách lâu gấp mười lần đồng nghiệp tại Hồng Kông.

Xe chạy ra khỏi phi trường ít phút là tôi gặp lại ngay những hàng cau, ruộng mía và vườn chuối quen thuộc. Đúng là mình trở về Quê đây! Những lạch nước ven đường nay có ít tre soi bóng hơn xưa, nhưng những bãi cát nhỏ nhô lên đây đó dọc theo bờ sông thì, chao ôi là giống những bãi sông trong trí nhớ. Hơn 40 năm trước, tôi thường cùng mấy anh chị em sung sướng nô đùa trên những bãi sông như vậy, khi theo người lớn tản cư từ Bương, Cấn sang Chèm, Vẽ. Thời gian di tản chỉ vài ngày, nhưng là những ngày thần tiên được tắm sông, được theo các chị ra ruộng tìm hái lá khúc về làm bánh...

Vào tới thành phố thì gặp giờ tan sở. Đúng như lời một ông Tàu Đài Loan ngồi cạnh trên máy bay nói "Bà sẽ thấy dân Hà Nội đông đảo và giao thông hỗn loạn lắm. Một nhà báo Trung Hoa đã viết: Ở Hồng Kông người ta lái xe bên trái, tại Bắc Kinh người ta lái xe bên phải, còn tại Hà Nội thì người ta lái xe ở cả hai bên! — Tôi không hiểu sao, việc nhỏ như vậy mà chính phủ Hà Nội không điều khiển được, thì làm sao phát triển để tiến bộ!"

Xe đạp, xe máy hai bánh (Honda, mobilette đủ loại), xe xyclo, và xe hơi chen chúc trên những con đường rất hẹp, theo một quy tắc giao thông thật lạ lùng: mạnh ai nấy đi, cứ việc len lách, lấn đường sao cho không đụng người khác thì thôi. Riêng xe hơi thì phải nhấn còi liên tục, y như xe đám cưới bên Âu Mỹ. Hầu như người ta không cần biết đâu là bên phải, ai là người có ưu tiên hơn mình. Cứ tiến xe lên, gặp ai thì tránh hay vượt đại... Nhìn cảnh giao thông này, Minh biết không, tôi nghĩ tới một lũ cua mới đượt thoát khỏi rọ, mỗi con đều hăm hở bò ngang bò dọc, đánh hơi thấy con khác thì đổi hướng cho khỏi dẫm đạp nhau. Có lúc tôi lại tưởng tượng người ta di chuyển như những con thoi, tự đưa đẩy như đan lưới. Mỗi người là một con thoi tự do di chuyển chứ không có ai điều khiển, không cần theo một quy tắc nào, miễn sao không đính mắc vào nhau là được. Người đi bộ cũng băng qua đường trong dòng xe liên tục và ít kỷ luật đó, một cách rất an nhiên tự tại.

Công An có mặt ở những ngã tư chính, nhưng họ chỉ đứng nhìn chứ không giơ tay chỉ đường hay can thiệp gì vào sự đi lại kỳ cục ấy. Họ đứng nhìn và chỉ huýt còi phạt những anh đi xe "xịn" (xe đắt tiền), vì theo người địa phương, khi bị hỏi thăm thì ai nấy đều ít nhiều phải làm thủ tục "đầu tiên" (tức tiền đâu?), nộp phạt thẳng cho các ông ấy mà đừng thắc mắc biên lai chi cho mệt. Dân Hà Nội nếu đi thi xe lái khéo, thì chắc sẽ chiếm giải quán quân thế giới một cách dễ dàng.

Suốt hai tuần lễ sống và di chuyển bằng đủ loại xe trên đất Thủ Đô, lúc ngồi cyclo, lúc ngồi đèo sau xe máy, tôi hết hồn nhiều lần nhưng chưa hề gặp tai nạn lưu thông nào cả! Khi đi thăm các tỉnh xa, ngồi trên xe du lịch do các tài xế kinh nghiệm lái đường trường, tôi thường phải niệm Bụt liên tục vì cứ tưởng như xe mình sắp cán mấy người đi xe máy sát bên. Nhất là mỗi khi xe vượt hay tránh xe ngược chiều, thì coi rùng rợn vô cùng. Có khi hai chiếc xe hơi đồng ý (từ lúc nào?) tránh nhau kiểu Anglais, lái vèo qua bên trái một cách ngon lành. Trên xa lộ, ngoài người đi bộ, rất đông xe máy, còn có vô số các em nhỏ loạng quạng đèo nhau trên xe đạp, đâm từ trong làng ra lộ. Và có cả loại "xe cải tiến," vốn là đầu máy xe thồ Liên Sô, nông dân ta đóng thùng lớn để chở gạch, lúa, phân bón v.v... chạy nghênh ngang. Người lái thường là các thanh niên làm ruộng, không hề theo học lớp học nào về luật lệ giao thông, vì lái xe đó không cần bằng cấp chi cả!

Đường hẹp và đông đảo như vậy, nên bữa đi chơi Vịnh Hạ Long (cách Hà Nội trên dưới 180km), xe Lancruiser Toyota mới tinh mà phải đi mất sáu tiếng, kể cả một tiếng chờ phà (ferry)!

Lưu thông vô trật tự và hình như không có luật lệ gì cả, có lẽ cũng là một biểu tượng cho sinh hoạt chung tại Hà Nội 1993. Trên công lộ, người ta chỉ thấy một ít những khẩu hiệu "Lái xe an toàn, tuân hành theo luật lệ giao thông," chữ viết đã nhạt nhòa trên bục gỗ ở giữa những ngã tư lớn. Không còn ai "sợ" những khẩu hiệu đó, cũng như người ta thường mạnh miệng chỉ trích chính quyền trong các buổi họp mặt gia đình. Nhưng cái "SỢ" của dân Hà Nội đối với các công nhân viên nhà nước thì vẫn rõ nét lắm. Một buổi, Minh biết không, tôi chỉ gọi điện thoại hỏi thăm cách liên lạc về Canada thôi, mà cậu cháu của tôi lé mắt: "Dì oai thật, ở đây, chưa ai dám nói năng như vậy với các cô điện thoại viên!" Thật ra, tôi có nói gì khác đâu, ngoài những câu hỏi thăm thông thường, như mình vẫn hỏi một telephonist! Tôi còn nhớ có "xin lỗi, cảm ơn" như thói quen bên đây nữa cơ. Tôi thật tình kinh ngạc khi thấy một cậu kỹ sư, đã từng ra trận, mà cũng sợ công (nay là tư) chức như vậy. Mấy câu hỏi thông thường, họ đã coi là mình oai phong lắm rồi! Hỏi ra mới biết, các công chức, cán bộ thời chưa đổi mới, dù chỉ là nhân viên của các cửa hàng quốc doanh, họ cũng hành xử hách dịch và bắt nạt dân thường kinh lắm. Từ vài năm nay, họ mới bắt đầu đổi thái độ, học cách cư xử tử tế với khách hàng, nói năng lễ độ hơn chút đỉnh. Nhưng người dân thì vẫn giữ thói quen sợ sệt, không biết tới quyền công dân của mình!

Một trong những sinh hoạt vô trật tự nhất có lẽ là các công nhân viên không còn cần tới sở đúng giờ, không mảy may quan tâm tới công vụ nữa mà chỉ lo "chạy dịch vụ," bươn chải cùng nhau kiếm tiền để sinh tồn. Theo dân Hà Nội, từ hồi chính phủ CS không còn viện trợ của Nga, Tàu, thì họ không còn phát lương nuôi nổi các cán bộ, nhân viên (một cách chết đói dở) như thời bao cấp. Họ bèn công khai cho các cơ quan tự xoay sở, làm bất cứ cách nào để có thể kiếm tiền phụ trội mà chia chác với nhau. Tùy sáng kiến của các ông đầu sở, nơi thì lập công ty làm dịch vụ thầu xây cất, bán mấy làm kem, mở cửa hàng bán vải; nơi thì buôn đồ sắt, bán gạch, hoặc làm nhà cho thuê, làm các minihotel... thượng vàng hạ cám, cơ quan nào cũng phải sinh tồn. Có nhiều cơ quan giỏi hơn, trúng mối thì làm nên giàu có, các nhân viên được chia lương dư sống.

Dịch vụ thông thường nhất mà các công sở hay làm là mua một lô xe cho khách thuê đi du lịch. Tổ chức Từ Thiện của bà Võ Văn Kiệt cũng làm một công ty cho thuê xe du lịch rất nổi tiếng tại Hà Nội. Một loại dịch vụ hiếm hoi là làm nghiên cứu về lâm sản, nông sản, y tế... cùng với sự tài trợ từ các cơ quan ngoại quốc. Những trung tâm nghiên cứu Việt Nam nếu liên lạc được với những tổ chức của các nước Thụy Điển, Úc... để xin họ tài trợ cho những dự án trồng rừng, làm biogas, làm thuốc chủng ngừa v.v..., thì họ là những cơ sở may mắn được làm đúng công việc chuyên môn mà cũng có lương phụ trội. Các kỹ sư điện toán, hóa học... nay đi làm khách sạn, lái xe cho khách du lịch, bán kem... là chuyện thường ở Hà Nội. Lương căn bản của công chức chỉ vào khoảng 150 tới 350 ngàn Việt Nam (15-25 US$), mỗi tháng; nhưng lương phụ trội có thể thay đổi từ vài trăm ngàn tới cả mấy triệu, tùy dịch vụ. Chỉ có nghề làm thầy giáo là kẹt nhất. Các thầy cô, để có đủ ăn, đã phải bán bánh kẹo, giữ xe hay bắt học trò tới học tư mình, dù học trò mới chỉ vào lớp một tiểu học! Nghề làm thầy vừa mệt vừa đói, khiến cho kỳ thi tuyển sinh viên vào Sư Phạm năm nay tại Saigon phải lên báo vì số người ghi tên học ít hơn số cần tuyển!

"Vậy thì việc công ai lo? Làm sao guồng máy hành chính, tư pháp... chạy được trong khi mọi người đều chỉ lo việc tư, kiếm tiền nuôi nhau?" Câu trả lời thông thường là "làm gì có việc công mà làm? — Cũng có người nói "Cả sở tôi, chỉ cần để lại mấy thằng ngu đần là làm xong những việc thông thường. Nếu cơ quan nào cần mình, thì họ lại phải biết "thủ tục đầu tiên," bọn tôi sẽ làm sớm cho, còn không thì cứ chờ cái đã!" Câu trả lời này giải thích vì sao anh Tài bạn tôi khi về quê trình giấy tờ để xin tạm trú (thủ tục thông thường mà ai cũng phải làm khi di chuyển tại Việt Nam), vì anh không lót tiền vào thông hành, nên mấy ông Công An phường đã để anh ngồi chờ đúng năm tiếng đồng hồ mới ký cho! Nơi đây, họ còn bận chuyện "kinh doanh tự túc," bận nói chuyện, uống trà... việc công thì có gì mà vội! Tất nhiên khi đã quen dùng trụ sở công, thời giờ công và quyền thế của công sở để làm ra các dịch vụ tư, thì người ta cũng có thể coi việc công với việc tư là một. Thí dụ nhân viên sở ngoại vụ thì lập ra công ty lo chuyện giấy tờ xuất

ngoại. Công An bắt bớ để moi tiền cũng là một thứ "dịch vụ" luôn!

Tôi cũng có nghe chuyện một cô Ba thợ may vượt biển sang Pháp, sau dăm năm cặm cụi may vá kiếm đủ tiền về thăm nhà tại Củ Chi. Lần về quê đầu tiên (năm 1986) là một niềm hạnh phúc vô biên cho cô và cả đại gia đình cô. Tiền dành dụm được đem ra tặng cho bà con ăn uống, tiêu sài... Cô được cả họ chiều chuộng như một bà hoàng. Bốn năm sau, cô lại xách valy về thăm quê hương lần nữa. Khi người nhà đem trình giấy để khai tạm trú cho cô, thì Công An phường mời cô lên "làm việc," cho biết cô còn thiếu một số thuế là sáu cây vàng (khoảng 3000 US$), vì trước khi vượt biên, cô cũng đã làm nghề thợ may mà đóng thuế chưa đủ! Cô thợ may cãi không lại với những lý luận sắc bén của mấy anh công an, và sổ thuế "ma" mà họ tạo dựng, nên bị buộc tội trốn thuế, bắt giam. Gia đình cô chỉ còn nước điện thoại qua Pháp xin gửi về gấp số tiền đó để lãnh cô ra, tiễn ngay lên máy bay rời quê hương mà không hẹn ngày trở về! Cô Ba vừa sợ vừa hận, thề sẽ không trở về nữa! Làm tiền các Việt Kiều từ ngoại quốc về thăm nhà, biết đâu không phải là chính sách "làm dịch vụ" mà sở công an Củ Chi đã bàn thảo và biểu quyết? Và Cô Ba chỉ là một trong số bao nhiêu nạn nhân cay đắng bị "cướp cạn"?

Báo chí bên Úc tháng 10/93 vừa qua cũng đăng một lá thư của một ông kể chuyện về thăm nhà (miền quê Việt Nam), cũng bị Công An mời lên làm việc vì có người thưa kiện ông ta nợ 5 cây vàng từ trước khi vượt biên. Nay người đó đòi lại vốn và lời, tính ra là 10 cây, có cả hai người làm nhân chứng. Công An giữ giấy tờ hộ chiếu, và mạnh miệng dọa dẫm ông, khi ông cãi lại về sự vu cáo dựng đứng này. "Anh dám nói là chúng tôi ủng hộ người này vu cáo anh? Anh dám bảo người Cách Mạng chúng tôi làm việc tắc trách chăng? Anh cứ vô tù đã, rồi ra tòa mà cãi lý..." Ông Việt kiều này vốn hiền lành, cũng không biết đi đâu mà thưa kiện, chạy chọt cho thoát cái hệ thống "cướp ngày" này, nên ông chọn giải pháp gọi về Úc vay tiền trả nợ, rồi lên máy bay rời xứ ngay. Cuộc ra đi lần này tuy không cực khổ như lần vượt biển, nhưng trong lòng rớm máu, ứa lệ. Không biết sự thật của hai câu chuyện trên đây là bao nhiêu phần trăm, nhưng tại Canada thì khá nhiều người về thăm Việt Nam, chính tôi chưa thấy ai kể những chuyện tương tự. Tuy nhiên, nếu tôi biết trước những câu chuyện trên đây, thì chắc tôi đã phải suy nghĩ lung hơn trước khi quyết định về thăm quê hương.

Cảnh trí Hà Nội so với 1954, là năm tôi ra đi, nay đã khác nhiều. Nghe nói thủ đô cũng rất khác so với những năm 1986, 1987, thời chưa đổi mới kinh tế. Lúc này nhà lầu xây lên ở nhiều nơi, cũng có nhiều con đường mới mở hay được nới rộng ra. Vùng ngoại ô nay rộng hẳn và nối Hà Nội vào các tỉnh phụ cận. Con đường vào quê ngoại của tôi (làng Mọc), xưa phải đi qua một cánh đồng, nay là một ngõ hẻm buôn bán đông đúc như một cái chợ nhỏ. Suốt từ Hà Nội vào Hà Đông, hầu như không còn thấy vườn cây hay đồng lúa. Nhà ở và cửa hàng san sát hai bên đường.

Hà Nội cây cao bóng cả, Hà Nội mát mẻ những hàng cây sấu cây me không còn nữa. Những cây bàng ven đường thì bị bụi phủ đầy khiến mình không còn nhìn ra màu lá vàng nâu của mùa Thu. Xe điện cũng đã đẹp. Khoảng hơn một triệu dân cư sinh hoạt trong một thành phố mà ngày xưa người Pháp xây dựng, chỉ trù tính cho hơn một trăm ngàn người. Đường xá lúc nào cũng đông đảo, tấp nập. Nhất là hàng quà thì cứ dăm ba nhà lại có một cửa hàng bán miến, phở, bánh cuốn, bún chả, cơm bình dân... Hơn năm giờ sáng là mọi người đã lục tục sửa soạn làm hàng bán quà sáng rồi. Ngay trên một con đường nhỏ gần phố Huế, tôi cũng đếm được tới mười hàng bán đồ ăn. Chỉ cần một vài cái bàn thấp, một cái lò than, dăm chiếc ghế ngồi sát đất, là người ta có thể nấu nướng và bán đồ ăn suốt ngày. Hình như sống tại Hà Nội, người ta có thể không cần lo nấu cơm nhà mà có thể ăn hàng cả ba bữa. Sớm ra tôi thường thấy các em nhỏ ngồi ngay trên lề đường, thái từng gánh hành lá. Hành còn nguyên từng nạm lớn, để trên mặt đất, và họ cầm thái thật nhỏ nhiễn trong những chiếc mẹt. Tôi cứ thắc mắc không biết họ rửa hành lúc nào, nhưng không có dịp hỏi.

Buổi sớm tôi hay đi bộ, vừa thở chút khí trời còn trong lành, vừa coi thành phố thức giấc, và nhất là đi mua (hay ngắm) những thứ quà sáng "đặc sản" của Hà Nội. Xôi lúa, kê, bánh cuốn thanh trì, bún riêu, bún ốc, bún mọc, cốm, hồng v.v... món gì họ cũng bán trong gánh hàng rong được hết. Suốt từ đường Bùi thị Xuân ra tới gần chợ Hôm, tôi có thể mua hàng mấy chục thứ đồ ăn bán trên quang gánh hay trên các sạp. Ra tới công viên Lénin (mới làm mươi năm nay) giữa hồ Thuyền Quang và hồ Bảy Mẫu, tôi đã thấy già trẻ lớn bé đang đi bộ, tập tài chi hay chơi vũ cầu khắp nơi rồi. Người ta sinh hoạt đông đảo ở khắp mọi nơi, suốt từ sáng sớm tới tối mịt. Già trẻ lớn bé đều có vẻ rất chịu khó hoạt động. Một bữa đi chùa Quán Sứ, tôi phì cười khi thấy một cái cân (loại để trong phòng tắm) bên trên có hàng chữ "Cho cân thuê". Khi nhìn thấy một bà cụ chừng trên bảy mươi tuổi ngồi cạnh đó, thì tôi hiểu ra, nên bước lên "thuê" cân một cái coi sao. Biết giá thuê là $200 (2c Mỹ), tôi biếu cụ tờ giấy nhỏ nhất có trong túi rồi hỏi thăm cụ về cách làm ăn mới mẻ này, cụ cho biết "Tùy hảo tâm của người," cũng có ngày cụ kiếm được tới năm bảy ngàn đồng Việt Nam, đủ tiền chợ cho cả nhà ba bà cháu.

Sức sống của dân miền Bắc bừng bừng. Tôi tưởng như mình cũng được bồi đắp thêm rất nhiều sinh lực trong những ngày về quê nhà. Đó là một điểm để mình lạc quan, nhưng những điều bi quan thì nhiều lắm. Phố xá lộn xộn, bụi bậm và dơ dáy. Không có dấu hiệu gì chứng tỏ thành phố đang phát triển theo một quy luật. Cửa hàng bán quần áo, đồ nhựa, soong nồi, cho tới radio, TV, computer... mở cùng khắp. Hầu như phố nào cũng là phố buôn bán, trừ vài con đường phía gần Hồ Tây, nơi có nhiều công sở và tư dinh các ông lớn. Tôi nghe nói cũng có vài khu như Láng hạ, Quảng bá..., người ta xây nhiều villa rất "hiện đại", là những khu dân cư cho người giàu thủ đô.

Tôi ở tại nhà một người cháu tại phố Bùi Thị Xuân. Trong nhà có máy bơm nước, có vòi hoa sen nước nóng, khá đủ tiện nghi. Nhưng ngay sát vách là một căn nhà cũng

hai từng, xây trên 30m vuông mà có tới bốn hộ (gia đình) cùng tá túc. Sớm ra là họ đã phải đứng chờ nhau để đánh răng rửa mặt ngay ngoài phố. Nước máy chảy quá yếu nên họ phải đào một cái hố vuông ngay chỗ có ống nước chảy qua, hạ vòi nước xuống thấp hơn mặt đường chừng ba tấc, rồi lồng ống cao su lấy nước lên dùng. Chùi nồi, giặt rũ, rửa rau, rửa thịt... đều làm tại ngoài cửa hết. Chỉ có tắm là họ vợi nước vào trong thôi! Cầu tiêu của họ cũng là thứ cầu tiêu đổ thùng cổ xưa. Có một buổi sáng, vừa mở cửa, tôi đã thấy một chiếc xe đạp đèo hai thùng phân đậu ngay trước nhà. Chắc ông đổ thùng còn đi ăn quà sáng nên để "hàng" đó.

Khi ở tại Hà Nội, tôi được mấy ông anh họ chở đi cùng khắp mọi nơi bằng xe gắn máy. Có lẽ đó là phương cách di chuyển nhanh và gọn nhất tại Việt Nam lúc này. Ngồi thử xích lô thì luôn luôn tưởng như mọi người sắp tông vào xe và nhảy lên ngồi cùng với mình vậy. Hãi lắm! Tôi cũng đã thuê xe hơi đi chơi xa. Ba trăm ngàn Việt Nam (gần $30 US) là giá thuê một chiếc xe bốn chỗ ngồi, có máy lạnh và có người lái cho mình đi bất cứ đâu. Các vị tài xế này, đa số còn rất trẻ, có người tốt nghiệp đại học xong không có việc làm, có người thì muốn lái xe vì tiền lương và típ khả trợ hơn nhiều việc khác.

Mấy lần thuê xe, tôi đều gặp những thanh niên nói chuyện tỏ ra hiểu biết và rất đứng đắn trong công việc. Nhưng tại Hà Nội, tôi cũng đã gặp nhiều người, trong bất kỳ câu chuyện bình thường nào cũng thao thao nói một cách thuộc lòng những điều lý thuyết, y như bài tuyên truyền ở đài phát thanh nhà nước. Cũng có những anh hướng dẫn du lịch mà không có chút văn hóa nào. Một bữa vào thăm Văn Miếu cùng ông anh họ, tôi đi phía sau một cặp khách du lịch nói tiếng Anh, có hướng dẫn viên người Việt đi cùng. Ông khách chỉ lên cái cổng ngoài cùng của Văn Miếu hỏi: "Sao người ta lại vẽ hai con cá trên cổng vậy?" Anh chàng hướng dẫn ầm ừ mấy giây rồi cương ẩu: "Vì ngày xưa, các học trò đi thi, đi học thì hay thích ăn cá! You know fish is very good!" — Tôi chờ khi đi vào sâu trong miếu thờ Khổng Tử mới có dịp nói riêng với chú ta: "Người ta tạc hình hai con cá để tượng trưng điển tích cá vượt vũ môn. Người học trò đi thi đỗ thì cũng như cá vượt cửa sông biến thành rồng, tượng trưng cho sự thăng tiến. Chú liệu mà cải chính cho du khách kẻo người ta cười cho đấy."

Khi rời xa Hà Nội, tôi còn nhỏ, nhưng đã có ấn tượng khá rõ ràng là mấy ông anh họ con nhà bác tôi là những người có văn học, tư cách đàng hoàng, mấy bà chị thì hiền lành, nhân hậu... Nay gặp lại, trong

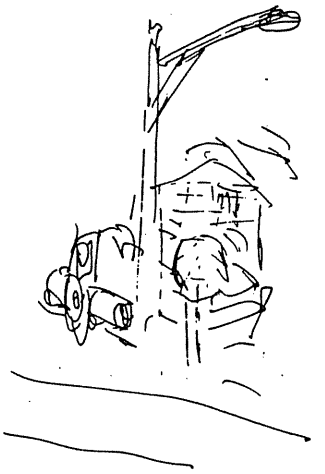

nhiều câu chuyện, tôi vẫn thấy họ lộ ra những điều căn bản đó. Chỉ tội một cái là họ sống rất nghèo khổ, từ vật chất tới tinh thần. Chỉ có một số các cháu lanh lẹ biết xoay trở trong buổi giao thời này thì có xe máy, có nhà cửa đủ tiện nghi, còn đa số vẫn sống rất thiếu thốn, so với dân Sàigòn.

Một bữa tôi đến thăm hai vợ chồng Tá và Đào, cùng là bác sĩ y khoa. Tá ra trường gần năm năm, nay đã xin được giấy phép mở phòng mạch tư. Đào thì mới tốt nghiệp một năm, nay còn bán thuốc tây, dùng bằng của bà mẹ dược sĩ. Cặp vợ chồng trẻ này sống cùng với đứa con trai ba tuổi trong một căn nhà rộng hai mét, dài bốn mét. Trên gác là một cái giường lớn để ngủ cả ba người, nhà dưới thì chứa đồ lặt vặt. Cửa hàng thuốc tây chỉ là một cái tủ kính chừng 60cm x 1m20, cao khoảng 1m20, lèo tèo mươi lăm thứ thuốc thông dụng. Sau giờ làm việc tại bệnh viện, Tá đạp xe đạp đi thăm bệnh cho dân trong xóm nghèo. Tùy tình trạng gia cảnh người bệnh, Tá lấy thù lao từ $2,000 tới $4,000 Việt Nam (khoảng 20c tới 40c US). "Nhiều lúc cháu thấy họ nghèo quá, không nỡ lấy tiền thăm bệnh, mà chỉ bán thuốc cho họ thôi," Tá nói với tôi như vậy.

Khi thấy tôi đứng trước cửa, cháu Đào chào hỏi xong thì vội vã mời: "Để cháu đóng cửa hàng rồi mời cô đi uống nước." Vừa nói, Đào vừa đẩy cái tủ thuốc vào trong nhà. Tôi dợm bước theo vào bên trong thì bị cháu ngăn lại "Nhà cháu nhơm nhếch lắm, không dám mời cô vào đâu ạ. Để cháu đưa cô sang quán bên kia ngồi chơi." Đào cho biết, hàng ngày vẫn về bên bố mẹ ăn cơm, vì "có chỗ đâu mà nấu nướng ạ." Nhưng sau mấy năm làm việc bất kể ngày đêm (bệnh nhân có thể đánh thức ông bác sĩ bất cứ giờ giấc nào), các cháu đã để dành được tiền để mua một miếng đất 3m x 10m, đang xây một căn nhà một tầng để ở và làm phòng khám bệnh, bán thuốc luôn. Thấy tôi tỏ vẻ thương cảm cho hoàn cảnh các cháu, Đào cười "Thưa cô, bây giờ chúng cháu được sướng gấp trăm lần những năm trước rồi đấy. Nếu hồi đó không có gia đình tiếp tế từ nước ngoài, thì chúng cháu còn nhịn đói liên miên cơ."

Nhìn cảnh sống hiện tại và nghe kể về những khổ ải của 30 năm khó khăn, ai cũng phải rùng mình. Sự thích ứng của con người đối với hoàn cảnh, hầu như không có giới hạn. Hoàn cảnh nào người ta cũng vẫn sống được. Và lạ hơn nữa, dù nghèo khổ tới đâu, một số người vẫn giữ được cốt cách gia phong.

Ông anh họ tôi coi vẫn an nhiên thư thái, vẫn cười nói ròn rã như hồi còn trai trẻ. Ông cho biết dân Hà Nội sống cơ cực suốt mấy chục năm có lẽ còn khổ hơn loài vật. Có thời gia đình ông (tám người) và gia đình bà chị ruột (10 người) cùng bà Bác tôi, đã phải co quíu trong hai căn phòng 4m x 4m, trên căn gác ngôi nhà rộng của chính ông trước kia. Mấy phòng còn lại phải chia cho các hộ khác. Có hộ nuôi heo ngay trong phòng, nên mùi hôi thối nồng nặc xông lên sang các phòng khác, khi trời nóng thì khổ sở lắm. Từ thời đổi mới gia đình ông (nay gồm sáu người) được ở cả hai phòng, thật là dễ chịu, tuy cầu tiêu và bếp vẫn chung với ba gia đình khác. May là thiên hạ

không còn phải nuôi heo nữa. Các anh tôi đều tiếc là bác tôi đã mất sớm quá, không được thấy thời kỳ mát mày mát mặt như thế này, lúc Trời đã bắt đầu thương dân Việt! Lúc sinh thời, bác tôi thường nói "Trời đày đấy con ạ!"

Kỳ này về Hà Nội, tôi cũng được gặp một bà bạn thời trẻ của mẹ tôi. Cụ Hiếu là người đã từng giúp mẹ tôi tiếp tế cho anh Ba của tôi, khi gia đình tôi đã hồi cư về Hà Nội mà anh còn đi kháng chiến ngoài khu. Anh tôi mất từ cuối năm 1951, nhưng mẹ tôi và bà bạn cùng không biết, nên mẹ tôi vẫn gửi bà mấy chỉ vàng nhờ đưa cho anh. Ba chục năm sau, hồi 1980, cụ Hiếu viết cho mấy anh em tôi một lá thơ nhắc chuyện này. Cụ biết mẹ tôi đã mất, nên muốn trả lại cho chúng tôi mấy chỉ vàng mà cụ vẫn còn giữ đó. Kinh qua thời kỳ thiếu thốn mấy chục năm, cụ Hiếu vẫn nhất định không tiêu vào số vàng mẹ tôi gửi...

Minh ạ, kỳ này tôi đi thăm khá nhiều chùa chiền ở miền Bắc. Ngay tại Hà Nội, tôi tới chùa Hòe Nhai để đảnh lễ tổ Đồng Đắc, một vị cao tăng nay đã trên 90 tuổi. Nhưng tôi không có duyên nên tới chùa vào lúc Hòa Thượng vừa mới trở vào bệnh viện. Tôi chỉ được gặp sư chú gọi tổ là Sư Ông, tuy nhỏ tuổi nhưng sư chú hiểu biết và có hạnh tu rất đáng phục. Trong chùa có một ngôi tượng Phật cưỡi trên lưng vua, do vua Lê Hy Tông tạc (khoảng năm 1703). Vị vua này được thiền sư Chân Dung khai ngộ, nên cho tạc bức tượng trên để bày tỏ lòng sám hối, vì trước đó ông thường coi rẻ đạo pháp...

Tổ Đồng Đắc và các đệ tử của ngài, có lẽ là những vị thiền sư hiếm hoi còn lại sau mấy chục năm Cộng Sản cầm quyền tại Bắc Việt. Còn đa số, tại các chùa chiền, hầu như chỉ là các tăng ni "quốc doanh," nguyên là các cán bộ được bổ sung vào đó mà thôi.

Tôi tới thăm chùa Trăm Gian (còn có tên là Quảng Nghiêm tự) gần Hà Nội. Ngôi chùa được lập nên từ đời vua Lý Cao Tông (1185), có cả thảy 100 gian (khoảng giữa bốn cột gọi là một gian). Chùa nằm trên đồi thông, nổi tiếng là có gác chuông hai tầng, tám mái rất đẹp. Sau khi chúng tôi lễ Phật ở chánh điện xong, đi qua mấy chục gian thờ các Bồ Tát và La Hán, thì xuống tới nhà tổ. Lúc đó không hiểu vị ni trụ trì làm sao, mà cụ cầm cái dùi chuông, gõ leng keng một hồi chuông vội vã, rồi vứt cái dùi đánh phịch trên chiếu, cụ quày quả đi sang bàn thờ khác! Trong khi đó thì mấy Phật tử chúng tôi đang kính cẩn đứng chờ tiếng chuông để lễ lạy.

Bữa đi thăm chùa Dâu (cũng có tên là chùa Pháp Vân hay chùa Diên Hựu) tại phủ Thuận Thành, Bắc Ninh, tôi được gặp một vị sư ni khác, coi chân chất, quê mùa, nhưng cách nói năng, hành xử thì mình còn thấy đạo vị hiển hiện. Chùa Pháp Vân chưa được trùng tu nhiều nên cũng còn nguyên vẻ cổ kính, đơn giản của một ngôi chùa xưa. Theo sách vở, thì chùa Dâu là một trong mấy ngôi chùa cổ nhất nước Việt Nam, được xây lên từ thời Sĩ Nhiếp (thế kỷ thứ II), nằm ngay tại trung tâm Luy Lâu, là trung tâm đầu tiên của Phật giáo Việt Nam. Chùa Pháp Vân cũng là nơi nhiều vị Thiền Sư danh tiếng trụ trì hoặc tới giảng pháp, như quý Thầy Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Pháp Hiền Quan Duyên (thế kỷ thứ VI); Vô Ngại, Sùng Phạm (thế kỷ XI)... Chùa được dựng lại vào thời Lý (thế kỷ XII), có tháp Hòa Phong chín tầng, nay bị tàn phá, chỉ xây lại được có ba tầng thôi, nhưng nom vẫn rất bề thế.

Cùng ngày đó, tôi cùng mấy anh em họ thăm chùa Hàm Long. Cái xe chúng tôi thuê bị gãy nhíp bánh trước sau khi đi trên một đoạn đường rất xấu, nên tôi có dịp đi bộ mấy cây số vô chùa. Một buổi đi bộ ven ruộng khoai, cạnh một lạch nước nhỏ, gió thu hây hây, thật là một kỷ niệm thú vị.

Chùa Hàm Long là nơi có thờ tượng cụ Đốc Đỗ, cụ nội các cháu. Nghe kể trong gia phả, thì sau khi quân Pháp chiếm Bắc Kỳ, cụ cáo quan về ở chùa năm năm, sau mới ra làm lại chức đốc học tỉnh Bắc Ninh. Cụ đã góp nhiều công của vào chùa nên sau khi cụ mất, nhà chùa đã tạc tượng thờ. Thế đất của chùa Hàm Long rất đặc biệt, có hình thể như sáu hiền sĩ tụ hội và đủ tứ linh (long-li-quy-phượng) chầu hầu. Ngay trước lối vào chùa là một cái hồ nước trong vắt, tên là Minh Kính Đài. Trên bờ hồ trồng toàn tre. Tôi thật cảm động, không ngờ có ngày mình được chiêm bái một cảnh chùa danh tiếng như vậy, lại cũng là nơi lui tới của các cụ khi xưa.

Khi vào trong chánh điện, tôi đang cung kính lễ các bàn thờ thì bị "sốc" nặng vì ông Sãi mở cửa chùa lên tiếng giục giã: "Lễ xong chưa? Lễ xong rồi thì ra cúng dường ở ngoài kia!"

Ra ngoài nhà khách, chúng tôi chờ cho "Sư Cụ" trụ trì cơm nước xong, từ phòng ăn ra tiếp khách. Mặt mũi đỏ gay, vị sư này coi còn rất trẻ so với tuổi 60 và chức Hòa Thượng mà ông mới được phong hồi đầu năm 1993. Câu chuyện xoay quanh quá trình tu tập của sư cụ. Thấy tôi hỏi trong thời gian toàn dân "kháng chiến", thì sư cụ tu ở đâu, ai cho phép tu tại chùa?... Ông sư bèn chỉnh "bà cũng sắc mắc lắm nhỉ?" Ông ta khoe, ông là một trong hai người tại Hà Nội mới được giáo hội (quốc doanh) phong cho làm hòa thượng. "Hòa thượng" không biết gì nhiều về vị thầy bổn sư của mình, không biết mình thuộc dòng tu nào và các sư huynh sư đệ còn mất những ai. Hòa thượng cũng cho treo trên tường một tấm bảng tóm lược về lịch sử chùa Hàm Long, có câu viết khiến cho người đọc có thể hiểu lầm là chùa đã có từ hơn 4,000 năm trước! Khúc dưới, lại có chỗ ghi năm xây chùa là 1158! Ông sư này cũng cho biết chỉ có nhà tổ là còn nguyên, ngôi chùa chính đã bị phá hủy gần hết, vì "có thời người ta coi được phá một ngôi chùa còn có công hơn là phá được một cái đồn Tây cơ mà."

Khi tôi đặt 200 ngàn Việt Nam (khoảng $20 US) cúng dường trước mặt sư cụ, ông ta nhìn chăm chẳm xuống số tiền đó rất lâu, mặt lộ vẻ vui mừng. Tôi bèn nhân cơ hội, xin phép vào đọc lại tấm linh vị bằng đá để cạnh tượng cụ Đốc. Tôi cúi lễ, khấn khứa xin phép cụ, mang linh vị ra sân để ông anh tôi đọc dùm hàng chữ Hán. Khi thấy tên hiệu cụ, tôi mới yên tâm!

Minh ơi, vào chùa mà mình nảy sinh lòng nghi ngờ như vậy, thật là có lỗi phải không? Tôi hy vọng cụ nội cũng hiểu cho mà tha thứ cho tội bất kính này. Bữa đó tôi cũng không đừng được, phải nêu ý kiến, đề nghị ông sư cụ nên cho viết lại tấm bảng vô lý về năm tháng thành

lập chùa. Ông sư nói: "Tôi về đây thì người ta đã có tấm bảng này rồi, đâu phải lỗi tôi!"

Mình biết không, ngay tại quê nội tôi (làng Cấn ở Sơn Tây), ông sư trụ trì cũ đã phải lên đường tòng quân từ 1948. Mãi tới 1965, mới có một cán bộ vào ở trong chùa, cũng cạo đầu, mặc áo nhà sư. Nhưng ông sư này lấy vợ, có con, coi chùa như nhà mình vậy! Khi ông ta chết, bà vợ đem thờ ống trong nhà Tổ luôn. Nay thì dân làng tôi đã phải đóng cửa chùa, chỉ mở ra cho mọi người tới vào những ngày lễ lớn, không cho vợ con ông sư đó coi việc thờ cúng Phật nữa.

Một thắng cảnh nổi tiếng mà chúng mình ai cũng mong được thăm viếng là chùa Hương, cách Hà Nội khoảng 60km. Tôi bị mấy anh cán bộ vừa bán vé, vừa "đòi hỏi" công khai một số tiền phụ trội gần bằng số tiền vé, rồi họ mới xếp đò cho đi sớm. Muốn cho chuyến đi đỡ phiền trược nên hầu như du khách nào cũng "thí" cho họ để đỡ mất thì giờ, vô hình chung nuôi dưỡng cái tệ nạn tham nhũng khắp nơi như vậy...

Tôi thuộc lòng bài thơ *Đi Chùa Hương* của Nguyễn Nhược Pháp từ nhỏ, và cũng đã được nghe chuyện trẩy hội chùa Hương bằng thuyền từ quê tôi, do các bà đi, các cô say sưa kể lại. Hôm đó, tôi cùng mấy anh em họ vừa leo núi vừa đọc bài thơ "Bầu trời cảnh bụt, thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay..."

Sau khi mua vé, xuống đò ở bến Đục, mình được ngồi thuyền ngắm phong cảnh sơn thủy hữu tình suốt mấy cây số dọc theo khe Yến. Hơi tiếc là chiếc cầu gỗ (tên là cầu Hội) nên thơ ngày xưa, nay bị thay bằng một chiếc cầu bê tông coi rất thô. Thuyền ghé vô đền Trình, nằm dưới chân núi Ngũ Nhạc, để cho Phật tử vào trình thưa Sơn thần, xin phép đi ngoạn cảnh chùa Hương. Tại đền Trình, người ta thờ thần Cọp và một dũng tướng đời Hùng Vương. Miếu thờ thánh mẫu bên ngoài đền cũng treo một bức hoành phi ca tụng viên võ tướng. Ông anh họ tôi cho biết, ngày nay rất ít người biết chữ Nho, và các ông cán bộ cứ thấy bảng chữ nho nào dùng được là đem gắn đại lên, nhiều khi không đúng chỗ, rất tức cười! Sau đền Trình, thuyền đổ bộ khách du lịch lên bến chùa Chò, để họ theo đường mòn leo lên núi. Con đường càng lên cao càng dốc và đẹp. Nhiều hòn đá lát trên đường bóng láng, in dấu bao nhiêu là bước chân của người xưa đã đi trẩy hội chùa.

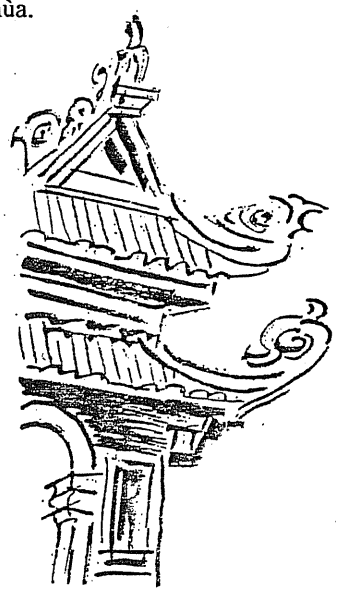

Bước chân lên những tảng đá nhẵn thín, tôi tưởng như mình đang được thừa hưởng biết bao nhiêu năng lượng của đạo pháp, tự mấy trăm năm nay. Những tấm lòng thành, niềm tin kính tự nhiên của bao thế hệ ông bà; lòng tín ngưỡng tinh khôi của bao nam thanh nữ tú đi trẩy hội chùa Hương đã in dấu lên những hòn đá này... Suốt mấy cây số, từ bến đò trở lên, có rất nhiều thắng cảnh rất đáng coi như chùa Chò (hay chùa Thiên Trù, rất lớn và đẹp, nơi có cả hai dãy nhà cho khách cư trú vài ngày), chùa Tiên, chùa Giải Oan, chùa Cửa Võng... và cuối cùng là Nam Thiên Đệ Nhất Động. Cửa động nằm trên đỉnh một ngọn núi, có lan can đứng ngắm cảnh nhấp nhô của các đỉnh núi kế bên. Khi tới cửa động rồi, phải đi xuống bằng 120 bực thang mới vào tới động. Động Hương Tích này xứng danh đệ nhất trời Nam vì nó rất rộng và cao. Một tảng thạch nhũ từ trần rớt xuống ngay cửa động coi như một người khổng lồ khoác áo trùng, chỗ lõm vào cũng giống như một cái động nhỏ khác... Tiếc thay, các ông cán bộ cai quản động chùa Hương chưa có ý thức gì mấy về việc gìn giữ cảnh này, nên họ cho bán đồ ăn thức uống ngay trước cửa động. Hàng quán thì lùi xùi, xập xệ kiểu Xã Hội Chủ Nghĩa. Trước kỳ quan thạch nhũ kể trên là một cái thùng phước sương thật lớn, rỉ sét, coi còn tệ hơn cái thùng rác cũ bên xứ người, trên đó người ta bày lỏng chỏng một chồng vàng mã cũ kỹ, mấy cái lọ hoa, chỉ có một cái cắm vài bông hoa héo queo, một con voi bằng sứ, và một cái bình hương thật lớn... không có một chút trật tự cũng chẳng có ý nghĩa hay có chút hài hòa nào với cảnh thiên nhiên kỳ vĩ như vậy! Lối vào phía trong động có một cái bàn nhỏ, mấy ông cán bộ để những tấm giấy cầu Phúc Lợi thay cho lá sớ ngày xưa. Họ mời du khách điền tên tuổi, đóng tiền rồi họ sẽ đem ra van vái qua loa trước bàn thờ và đốt như đốt vàng mã.

Dù không phải là ngày hội, nhưng khói nhang trong động khiến chúng tôi ngộp thở, không thể ở lâu trong đó để chiêm ngưỡng những thạch nhũ và nhiều hình tượng nổi tiếng từ đời xưa.

Trước khi ra về, tôi lại "không dừng được", phải "đưa ý kiến" cho mấy ông thủ từ tại đó, hy vọng họ vì thể diện quốc gia mà giữ cửa động cho sạch sẽ, bày biện thờ cúng cho đàng hoàng, chứ không thì "nhục quốc thể" lắm ta! Leo trèo cả mấy tiếng đồng hồ, mang lên sự thành kính của mình và của bao bạn bè "nhờ đi dùm," lên tới nơi để thấy cái cảnh thờ cúng lem nhem, hàng quán nhơ nhớp ngay cửa động như vậy, Minh ơi, làm sao tôi không bày tỏ ý kiến cho được? Vì nhu cầu hấp dẫn khách du lịch, nhà nước Cộng Sản nay cho trùng tu nhiều chùa chiền, thắng cảnh. Nhưng thực chất mấy vị trụ trì tại những nơi đó không những chưa biết đạo, mà có khi còn hành xử kiểu "kiếm tiền chụp giật" ngoài chợ, thì Chùa đâu còn là Chùa? Tôi nghe nhiều người nói, các sư quốc doanh đa số còn ăn mặn, làm ô uế cả chốn thiền môn! Nếu thật sự như vậy thì chùa chiền miền Bắc khác nào những cái "xác" vô hồn. Bao giờ có được những vị chân tu về trụ trì, thì tiếng chuông chùa mới lại có Thiện duyên, sớm tối làm thức dậy tấm lòng Thiện của mọi người. Dân tộc chúng ta cần điều này biết bao! ■

Montréal 20/12/93

CHUYỆN TRÒ VỚI TRƯƠNG ANH THỤY

'TÔI KHÔNG TIÊN TRI, MÀ CHỈ DÁM ƯỚC MƠ THÔI.'

LÊ TAM CA ghi

Trương Anh Thụy

Photo by Nguyễn Huy Sâm

LTS.- Trương Anh Thụy, con gái của hai nhà thơ Trương Cam Khải và Kim Y Phạm Lệ Oanh, hiện ngụ tại vùng Hoa Thịnh Đốn, vừa cho in cuốn đầu trong bộ trường thiên tiểu thuyết "Chuyển Mùa." Du học và ở lại Mỹ từ năm 1961 tới nay, Trương Anh Thụy hiện dạy học và hoạt động xã hội.

Tại thư viện nhật báo Người Việt, tối thứ Tư 15 tháng Chạp 1993, Trương Anh Thụy gặp và trao đổi ý kiến với một số bạn cầm bút, do sự sắp xếp của các ông Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Xuân Hoàng và Hoàng Khởi Phong. Trong buổi gặp gỡ, có các nhà văn, nhà báo: Phạm Quốc Bảo, Cao Xuân Huy, Phạm Phú Minh, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Đình Khánh (báo Việt Luận, Úc), Vũ Thùy Hạnh, Hà Tường Cát và Lê Đình Điểu.

Sau đây là nội dung những phát biểu, ghi lại từ băng ghi âm, có lược bỏ một số chi tiết trùng lắp, hoặc những phát biểu ngoài lề.

Nguyễn Xuân Hoàng: Hôm qua, nhân có buổi họp mặt với nhà văn Phan Nhật Nam, cũng tại đây [LTS: xin đọc "Chuyện trò với Phan Nhật Nam," do Hoàng Khởi Phong ghi, trên TK 21 số 57], chị Trương Anh Thụy đã gửi tới các bạn cuốn sách mới in của chị, có tựa là "Trạm Nghỉ Chân." Đây là cuốn đầu trong bộ trường thiên tiểu thuyết "Chuyển Mùa." Hôm nay, chị Thụy muốn nghe ý kiến của các bạn, và sẵn sàng trả lời những thắc mắc của các bạn về tác phẩm.

Trương Anh Thụy: Tôi biết các anh bận ghê lắm. Từ mấy hôm nay, ở Hoa Thịnh Đốn sang đây, tôi đến tòa báo là thấy các anh bù đầu với công việc. Biết rằng bắt các anh đọc sách và cho ý kiến như thế này là đòi hỏi hơi nhiều, nhưng chắc các anh cũng nể tình khách phương xa...

Nguyễn Xuân Hoàng: Bạn nào đã đọc xin cho ý kiến.

Hoàng Khởi Phong: Tôi mới đọc hết ba chương và cái tựa. Nhưng tôi có câu hỏi là chị có thể nói rõ lý do việc biến một truyện ngắn thành truyện dài, rồi cuối cùng là một trường thiên?

Trương Anh Thụy: Tôi đã viết thành truyện ngắn rồi, với nhiều chuyện nhỏ, nhiều nhân vật, nhiều khuynh hướng, sau thấy đề tài có vẻ miên man...Tôi đưa cho vài người bạn đọc thử, ai cũng nói nên khai triển thành một truyện dài, vì không gian của truyện trải dài từ Hoa Thịnh Đốn sang tới Đông Âu, Liên Xô, về cả Việt Nam. Tâm lý nhân vật thay đổi nhiều, cần có thời gian. Nhiều chi tiết bỏ đi thì uổng...

Lê Đình Điểu: Tôi không phải nhà văn, xin góp ý với tư cách người đọc. Tôi đọc một mạch cuốn sách của chị. Câu chuyện được kể theo thứ tự thời gian, không có đột biến gay cấn, nhưng vẫn hấp dẫn. Mới viết truyện dài đầu tiên mà đã lôi cuốn được người đọc, tôi nghĩ chị sẽ thành công.

Phạm Phú Minh: Sau 1975, chị có về Việt Nam không?

Trương Anh Thụy: Từ 1961, tôi chỉ về thăm Việt Nam một lần vào năm 1974, trong chương trình chính phủ VNCH tổ chức cho sinh viên về thăm nhà. Từ đó đến nay chưa về thêm lần nào.

Phạm Phú Minh: Sở dĩ tôi tò mò, là vì đọc truyện của chị tôi thấy chị rất tinh tế trong cách dùng từ. Sinh viên Hà Nội du học nói khác sinh viên miền Nam di tản. Chẳng hạn nhân vật Nga nói "đi Niu-Oóc" thì Tường nói "đi Nữu Ước."

Nguyễn Xuân Hoàng: Tôi thấy chị cho nhân vật người Hà Nội đặt tên con là Mimi. Có vẻ Mỹ. Người Hà Nội có lối đặt tên như thế không?

Trương Anh Thụy: Tôi đặt đại, chứ cũng không biết có hay không!

Nguyễn Đình Khánh: Chị bắt đầu viết từ bao giờ?

Trương Anh Thụy: Gia đình tôi toàn những người cầm bút nên tôi viết rất sớm. Thời gian du học tôi

chỉ làm thơ. Để giải buồn thôi.

Lê Đình Điểu: Nhân mới đây Thế Kỷ 21 có mở một "bàn tròn văn học" đưa ra câu hỏi "tại sao bạn viết văn?" Cũng xin hỏi chị, tại sao chị viết văn?

Trương Anh Thụy: Tôi xúc động vì một biến cố trong đời sống — có thể ở Việt Nam (như phong trào đòi tự do dân chủ), có thể ở Mỹ (như kỳ thị chủng tộc)... Xúc động bị dồn nén, không nói ra với ai được thì trải ra trên giấy...

Nguyễn Đình Khánh: Chị đã ở Mỹ hơn 10 năm trước khi về thăm nhà một thời gian ngắn, sau đó lại ở Mỹ, ít gặp người Việt, vậy chị có gặp khó khăn khi viết tiếng Việt? Chẳng hạn, chị có phải "nghĩ" bằng tiếng Anh rồi dịch ra tiếng Việt không?

Trương Anh Thụy: Tôi không có vấn đề, vì khi tôi đi du học tôi cũng đã lớn rồi.

Nguyễn Đình Khánh: Chị có tiếp xúc với những người từ Hà Nội sang?

Trương Anh Thụy: Có, nhưng không thường xuyên. Nhiều người lắm.

Nguyễn Mạnh Trinh: Nhân vật Nga là người Hà Nội. Làm sao chị biết được tâm tư của những người như Nga?

Trương Anh Thụy: Tôi tiếp xúc và làm việc chung với nhiều bạn trẻ, nhất là những người đi làm hoặc du học ở Đông Âu.

Nguyễn Mạnh Trinh: Trong truyện có 12 chương, chị dùng tới 10 bức thư trao đổi giữa bạn bè, vợ chồng, mẹ con. Có phải đó là một kỹ thuật để nối kết sự kiện, diễn biến, qua không gian, thời gian, hay chỉ là kết cấu tự nhiên?

Trương Anh Thụy: Cũng có phần kỹ thuật, chẳng hạn nếu để Nga kể cho Tường biết về quá khứ của mình thì không tự nhiên bằng để cho Nga kể qua trung gian nhân vật Nhàn, bạn thời thơ ấu của Nga.

Hoàng Khởi Phong: Chị dự định viết mấy quyển thì trọn bộ?

Trương Anh Thụy: Không biết (mọi người cười). Tôi không kể chuyện quá khứ, mà viết về chuyện đang xảy ra, cho nên tôi sẽ mang "máy ảnh" đi theo các nhân vật của tôi khắp chân trời góc biển, theo dõi những hoạt động và những tâm tư thay đổi của họ. Mà cuộc sống của đồng bào chúng ta, ở đây, ở Đông Âu, ở Việt nam, chắc chắn sẽ có nhiều thay đổi, và thay đổi lớn.

Hoàng Khởi Phong: Phải đợi lúc tình hình Việt Nam cho phép Tường và Nga lấy nhau chăng? Chị có một tiên đoán nào cho tương lai Việt Nam khi viết cuốn sách này? Nhà văn nào cũng là một tiên tri...

Trương Anh Thụy: Thời sự có chuyển biến thì nhà văn có xúc động để viết thành truyện. Tham vọng của tôi lớn hơn chuyện chính trị: tôi nghĩ đến con người, cuộc sống của con người, trong đó có tôn giáo, đạo đức, tâm lý, tình yêu, cơm áo, kinh tế, chính trị... Chính trị chỉ là một mặt của đời sống.

Phạm Phú Minh: Biến chuyển trong nội tâm của Nga và Tường cho thấy có thể phá vỡ những định kiến về chính trị. Phải chăng đó là mơ ước tương lai Việt Nam, cả hai phía có thể phá vỡ những định kiến và có thể yêu thương nhau?

Trương Anh Thụy: Vâng, ước mơ. Tôi không dám tiên đoán. Ước mơ. Trong dòng sống miên man, cần có những lúc ngưng lại để suy tưởng — y như chúng ta đi trên con đường dài xuyên tiểu bang, cần có những trạm nghỉ chân, những "rest areas" đó. Ngay khi chưa viết cuốn truyện này, những lần đi xa, ghé vào một "rest area" nào đó, tôi cũng nghĩ "những chỗ nghỉ chân như thế này cần thiết cho chuyến đi dài biết là bao!" Nếu cứ cắm đầu cắm cổ đi miết, có thể mình đi lạc, có thể mình mệt mỏi quá, rồi gây tai nạn...Những người Việt Nam cũng nên có lúc ngừng lại, nhìn nhau, tìm hiểu ngay cả bạn đồng hành, rồi lại đi tiếp.

Phạm Quốc Bảo: Chị chọn hai nhân vật Nga và Tường ở hai tuyến đối nghịch và đưa vào một tường thiên tiểu thuyết, phải chăng là một gợi ý về một giải pháp cho Việt Nam: phải dùng tình yêu để giải quyết?

Trương Anh Thụy: Con người là quan trọng. Tình yêu của con người có thể làm thay đổi nhiều thứ. Thế giới chuyển biến không ngừng, tôi nghĩ, trong nước cũng đang biến chuyển. Như vậy, tâm lý con người cũng phải thay đổi.

Nguyễn Xuân Hoàng: Từ nãy chúng ta chỉ nói về "viết cái gì." Nhưng theo tôi, điều quan trọng nhất đối với nhà văn là "viết như thế nào." Đề tài có thể giống nhau. Có thể một đàn ông, một đàn bà, kiểu Tây. Có thể một đàn ông, nhiều đàn bà, kiểu Tàu. Có thể nhiều gút mắc, kiểu Nga. Vấn đề là viết cái gì. Lúc nãy anh Điểu có nói, chị viết xuông đuột, theo lối tuần tự nhi tiến. Theo tôi, cách bố cục như vậy chưa ổn. Chị coi đề tài là chính, bỏ quên phần văn chương?

Trương Anh Thụy: Văn chương quan trọng chứ. Nhưng đạt được hay không, phải chờ độc giả cho biết. Tôi làm thơ trước khi viết văn, nên tôi cảm thấy tôi có cân nhắc khi chọn chữ, đặt câu. Xin các anh cho biết ý kiến về điểm này. Nhất là anh Hoàng, khi anh đặt câu hỏi đó, chắc anh đã có câu trả lời. Xin anh cho ý kiến.

Nguyễn Xuân Hoàng: Tôi hỏi là vì từ nãy chúng ta chỉ xoáy vào đề tài. André Gide có nói: "Thường thường, với những ý tưởng tốt đẹp, người ta không làm văn chương hay được." Vả lại, người ta không nên đặt trên vai nhà văn những trách nhiệm quá lớn. Nói rằng văn chương của anh hay chị có thể làm thay đổi một nếp sống, một thế chính trị, chẳng hạn, theo tôi, là một ước vọng quá lớn. Văn chương, trước hết, như Nguyễn Du nói, chỉ để "mua vui" thôi. Chẳng hạn khi người ta nói tới Dương Thu Hương, là người ta noái tới "vấn đề Dương Thu Hương" chứ không thấy ai nói tới "văn chương Dương Thu Hương." Có người nói "văn chương Phạm Thị Hoài," nhưng thực ra, Phạm Thị Hoài bắt chước Trùng Dương thôi. Nhưng Nguyễn Huy Thiệp thì quả thật ghê gớm — cả văn chương lẫn đề tài.

Hoàng Khởi Phong: Truyện của chị ít tả cảnh. Nó làm cho truyện khô khan hẳn đi.

Trương Anh Thụy: Có lẽ tại anh ngừng ở chương ba. Thực ra, tôi tả cảnh rất nhiều.

Nguyễn Mạnh Trinh: Chị tả cảnh sân ga rất hay.

Phạm Phú Minh: Đây này, tôi vừa giở trang 141, chị tả cảnh nhà thờ trên đồi, thật đẹp...

Hoàng Khởi Phong: Tôi xin rút lại ý kiến, và hứa sẽ đọc hết và bàn lại với chị về vấn đề văn tả cảnh. Còn về người, tôi nghe nói

TRẠM NGHỈ CHÂN

Tập đầu trong bộ tường thiên tiểu thuyết "Chuyển Mùa" của TRƯƠNG ANH THỤY

Nga, một sinh viên Hà Nội, được học bổng của Ford Foundation du học tại Hoa Kỳ, gặp Tường, tại đại học Georgetown, thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tường là con cả trong một gia đình Việt Nam tị nạn có sáu anh chị em, đang chuẩn bị thi tiến sĩ.

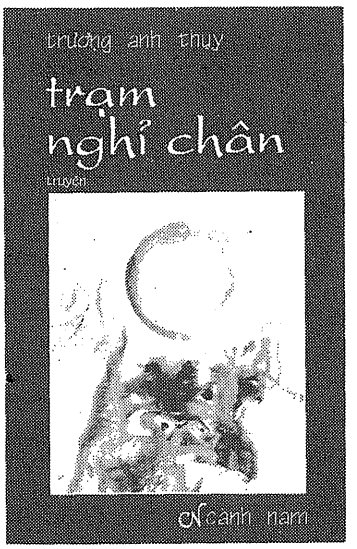

Tường được mô tả như một trí thức trẻ, hoạt động tích cực trong môi trường văn hóa xã hội, có tinh thần chống Cộng tích cực.

Nga sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, nhãn quan bị đóng khuôn theo đường lối tuyên truyền của đảng Cộng sản. Nhưng nhờ có dịp du học, cô hiểu biết hơn về tình hình thế giới và thực trạng đất nước. Qua những biến chuyển lớn ở Đông Âu và Liên Xô, qua tác động của một người bạn thuở thiếu thời, Thanh Nhàn, du học ở Liên Xô, và nhất là qua mối tình với Tường (nảy nở tự nhiên sau những tháng ngày cùng học dưới mái trường Georgetown), Nga "đổi mới tư duy," nhưng cô không quay 180 độ, cô vẫn về nước khi học xong, và vẫn coi Tường là người"đứng bên kia chiến tuyến."

Câu chuyện dừng lại ở đoạn Nga và Tường tạm chia xa — Nga về Hà Nội. Qua mẩu đối thoại ở sân ga, giữa Nga và Tường, người đọc hiểu rằng Nga cũng chia sẻ hoài vọng canh tân đất nước theo hướng tự do dân chủ, như Tường, nhưng chưa biết cô sẽ làm những gì, và làm như thế nào.

Cuộc tạm biệt của Nga và Tường kết thúc "Trạm Nghỉ Chân," nhưng cũng chính là một "trạm nghỉ chân" để chuẩn bị cho những biến động sắp tới trong "Chuyển Mùa" — mà tác giả Trương Anh Thụy nói rằng bà cũng "chưa biết sẽ ra sao."

Muốn mua

TRẠM NGHỈ CHÂN

tập 1 trong bộ trường thiên tiểu thuyết "Chuyển Mùa" của TRƯƠNG ANH THỤY

Liên lạc nhà phát hành THẾ KỶ
PO BOX 2054-H39 -
WESTMINSTER CA 92684 USA
Giá 10 MK.

các bà, các cô miền Bắc dữ lắm, chứ đâu có hiền như cô Nga của chị?

Phạm Phú Minh: Theo tôi biết, tôi đã đi Hà Nội năm 1990, trước khi rời Việt Nam qua Mỹ, quả thật trong lối nói, các cô gái Hà Nội có những câu chữ mạnh bạo, thiếu cái vi tế của Hà Nội xưa mà tôi biết qua văn chương, nhưng hình như mỗi ngày một chút, sự thanh lịch đang trở lại với Hà Nội. Đặc biệt, ở những gia đình gốc Hà Nội từ xa xưa, một nền nếp nào đó vẫn còn. Thành ra, nếu bảo cô Nga của chị Thụy dịu dàng quá, thì nhận xét đó cũng hơi quá đáng đấy.

Lê Đình Điểu: Trở lại vấn về văn và đề tài. Đọc truyện của chị Thụy, tôi thấy có văn. Truyện tuy kể theo lối tuần tự nhi tiến nhưng không nhàm. Tình tiết không có nhiều bất ngờ, nhưng vẫn lôi cuốn. Còn đề tài, tôi nghĩ, là điều rất quan trọng. Bằng cớ trên nhiều tờ báo văn học, cả trong nước lẫn ngoài nước, gần đây đều lên tiếng về một hiện tượng là "đứng lại," "chựng lại," vì thiếu đề tài. Đọc truyện của chị Thụy, tôi đồng ý với anh Phạm Quốc Bảo, tôi thấy đề tài là đi tìm một giải pháp cho vấn đề tranh chấp giữa hai bộ phận dân tộc. Tôi muốn hỏi thêm một chút, vì theo tôi, nhà văn là thượng đế của nhân vật trong truyện của mình, chị cho họ hoạt động, suy nghĩ, vẫy vùng trong một cái khuôn do chị định sẵn. Cái khuôn trong trường thiên "Chuyển Mùa" như thế nào?

Trương Anh Thụy: Như tên của truyện, "Chuyển Mùa," cho thấy truyện sẽ nói về những chuyển động. Trong đó có cả các anh đấy! Tôi sẽ chiếu ống kính "máy ảnh" của tôi vào các anh. Nhưng như tôi đã nói từ đầu, và tôi đã bị anh Hoàng phản đối, là tôi thả nổi các nhân vật và biến cố. Biết đâu, trong những ngày tháng sắp tới, ở Việt Nam có một biến động lớn — một cuộc đảo chánh chẳng hạn — khiến cho Nga và Tường mất liên lạc, Tường sẽ cuống lên, vân vân và vân vân... Nhưng mặt khác, tôi cũng lồng vào truyện của tôi những ước mơ cho một đất nước Việt Nam tươi đẹp và con người Việt Nam sung sướng chứ. Có nhiều nhân vật tôi không hề có

trong đầu lúc mới viết truyện, khi ngồi vào bàn, trước máy computer, nhân vật xuất hiện...Như cô Nhàn, một nhân vật mới đầu tôi định là rất phụ, nhưng bây giờ theo diễn biến của truyện, đóng vai trò quan trọng, vì trở thành cái gạch nối giữa Tường và Nga, sau khi Nga tốt nghiệp và trở về Hà Nội, còn Tường tiếp tục ở Washington DC.

Hoàng Khởi Phong: Xin mở một dấu ngoặc, hỏi một câu tò mò: chị viết bằng bút thích hơn, hay bằng computer?

Trương Anh Thụy: Tôi viết thường phải sửa với chữa nhiều lắm, thành ra computer là cứu tinh của tôi. Viết bằng computer tha hồ sửa chữa, thay đổi...

Lê Đình Điểu: Trở lại câu hỏi về cái khuôn của câu chuyện. Chắc hẳn trong đầu, ngay khi khởi viết, chị đã có một cái hướng giải quyết cho Tường và Nga. Giữa mốc khởi đầu và cái đích, chị có thể dựng nên vô vàn biến cố, nhưng chị muốn kết cuộc Tường và Nga sẽ sống với nhau? Hay chị dự trù mối tình này sẽ tan vỡ?

Trương Anh Thụy: Nếu định, tôi cũng muốn có một "happy ending." Nhưng biết đâu, giữa chừng câu chuyện lại nẩy ra một nhân vật khác. Hay biết đâu Tường lại sẽ yêu Nhàn, một người không bướng như Nga! Ngay như những truyện ngắn tôi đã viết, có nhiều truyện cái kết không giống như ý tôi định viết lúc đầu.

Lê Đình Điểu: Giả thiết như "Trạm Nghỉ Chân" bị một nhóm nào đó chụp cho cái mũ "cổ võ hòa hợp hòa giải có lợi cho Cộng sản," và đánh phá tơi bời, liệu điều đó có làm đổi hướng câu chuyện của chị — chẳng hạn sang đến cuốn 2 là mối tình của Nga và Tường đã tan vỡ?

Trương Anh Thụy: Tôi không có lý do gì mà phải bẻ bút hay viết khác với ý mình. Vả lại, trong truyện, hai nhân vật chính của tôi là Tường và Nga có "hòa hợp hòa giải" gì đâu! Mỗi người vẫn có lập trường và đời sống riêng của mình.

Nguyễn Mạnh Trinh: Nhân vật của chị phần lớn là lớp trí thức tầng lớp cao. chị có ý định đưa một số nhân vật "thấp" hơn vào truyện không?

Trương Anh Thụy: Trong một trường thiên có biết bao nhiêu nhân vật. Tôi sẽ nói tới cả những nhóm băng đảng, những người thất bại, những người kém may mắn...

Nguyễn Mạnh Trinh: Tôi đọc Mai Kim Ngọc chẳng hạn, thấy ông ấy tả những nhân vật khốn khổ, tôi vẫn thấy họ...sướng sướng sao đó...(mọi người cùng cười). Người viết bị ảnh hưởng bởi chính cuộc sống của mình...

Trương Anh Thụy: Ngay trong cuốn đầu tôi đã có những đoạn tả khung cảnh và lối sống trong một nhà trọ nghèo, bà chủ nhà là một bà giáo già phải dạy học thêm mới đủ sống, các cô ở thuê trong nhà cũng là những sinh viên nghèo hoặc công nhân lương tối thiểu...

Cao Xuân Huy: Nhưng nếu chị tả nhân vật và sinh hoạt các băng đảng, chị có kinh nghiệm bản thân nào không?

Trương Anh Thụy: Tôi hỏi thăm, tôi đọc sách, báo. Thì cứ xem như anh Nguyễn Xuân Hoàng đây, con người và đời sống xem ra lúc nào cũng hào hoa phong nhã, mà trong truyện của anh ấy thiếu gì cảnh và người cùng khổ...(mọi người cười, nhìn Nguyễn Xuân Hoàng).

Nguyễn Xuân Hoàng: Anh Huy nói đúng. Tôi đã từng sống những cảnh mà tôi tả đấy!

Phạm Phú Minh: Chị có là một nhân vật nào trong truyện của chị không? Tôi có cảm tưởng chị là cô Phượng làm ở thư viện trường Georgetown, thân mật với đám sinh viên Việt Nam trong trường.

Trương Anh Thụy: Không. Tôi không chủ trương nói về tôi trong truyện này.

Nguyễn Mạnh Trinh: Khi viết truyện này, nhân vật hay đề tài đã gợi hứng cho chị?

Trương Anh Thụy: Nhân vật.

Nguyễn Mạnh Trinh: Còn đề tài?

Trương Anh Thụy: Nhân vật có đời sống của họ, vào thời đó, ở nơi đó, trong hoàn cảnh đó. Nhân vật tạo ra đề tài.

Nguyễn Mạnh Trinh: Chị có lấy mẫu từ người thật mà chị biết?

Trương Anh Thụy: Phần nào. Thường khi là kết hợp nhiều người vào một nhân vật.

Lê Đình Điểu: Đề tài mà chị đưa ra, theo tôi, lúc này là một chuyện tế nhị. Vừa đọc vừa lo dùm cho người viết. Nhưng đọc xong, thấy chị giải quyết rất khéo, khiến người phe này phe kia có bị đụng tới cũng không khó chịu.

Nguyễn Mạnh Trinh: Tôi cũng có cảm tưởng là nói chung những chuyện gì gai góc, khó nói, mà đàn ông tụi tôi nói dễ gây tranh cãi, các bà viết thì lại êm xuôi!

Nguyễn Xuân Hoàng: Tôi thấy các bạn nói toàn về đề tài. Phải nói về văn chương. Mình không chạy theo thời cuộc, không buông trôi truyện của mình theo thời sự.

Trương Anh Thụy: Như anh Điểu nói lúc nãy, nhà văn là thượng đế của nhân vật trong tác phẩm của mình. Nhưng nhà văn bị thời thế tác động, đưa tới việc viết. Do đó, đối với tôi, thời sự là yếu tố quan trọng để hình thành tác phẩm.

Lê Đình Điểu: Đã ước mơ thì ước mơ cao hẳn lên, vượt lên trên hiện thực. (Phạm Phú Minh nói thêm: "Mơ cái đầu heo đi." Mọi người cười ầm, vì đó là câu Phan Nhật Nam nói tối hôm trước, khi kể lại câu chuyện hai nữ tù nhân cãi nhau, thậm chí chửi nhau, trong hai phòng biệt giam, vì mỗi người ước một thứ, trong đó có người mơ được ăn thủ lợn — tức đầu heo. Ở thôn quê miền Bắc, chỉ những người giầu có hoặc quyền thế trong làng mới được ăn thủ lợn.) Khi chị viết cuốn sách này, hẳn chị muốn dùng ngòi bút của mình để tác động tâm lý cả một lớp người, và lớp người đó sẽ

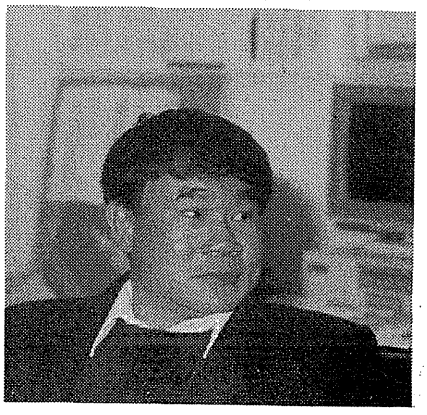

Nguyễn Mạnh Trinh

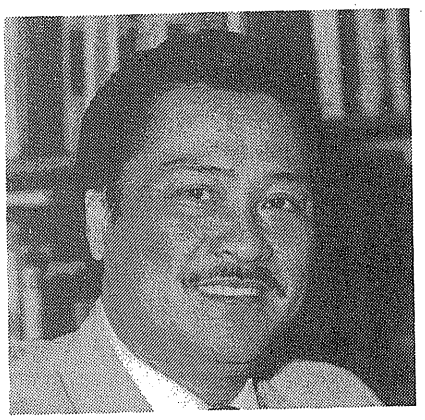

Nguyễn Đình Khánh

làm xoay chuyển tình thế, nghĩa là tình hình đất nước phải đi theo ý muốn của chị, một nhà văn.

Trương Anh Thụy: Đó là quan niệm của anh. Anh khoác cho nhà văn một sứ mạng quá lớn. Tôi, tôi chỉ xin làm một quan sát viên thôi.

Lê Đình Điểu: Anh Hoàng có vẻ không thích cái này, tức là loại tiểu thuyết luận đề, cho nên từ đầu anh ấy đã "tấn công" và cũng nói nhà văn không có sứ mạng nào cả, mà chỉ có văn hay không có văn thôi. Theo tôi, phải có cả hai. Chúng ta khôing thể nào phủ nhận giá trị văn chương của những tác phẩm Tự Lực Văn Đoàn, và càng không thể phủ nhận giá trị luận đề. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã chẳng "xoay chuyển được thời thế" đó sao?

Nguyễn Xuân Hoàng: Tôi thấy văn vẫn quan trọng hơn. Nếu anh hay chị muốn nói một điều gì to lớn, mà chỉ dùng được thứ ngôn ngữ tầm thường, khiến người nghe không muốn nghe, anh chị cũng không nói được điều muốn nói.

Cao Xuân Huy: Anh Điểu may không là nhà văn, chứ nếu là nhà văn, anh ngã chắc đau lắm! (Mọi người cười) Xin hỏi chị Thụy, văn của chị hiền như một cô giáo thế, làm sao chị viết về đám băng đảng, ma túy được?

Trương Anh Thụy: Tôi ngồi ở Hoa Thịnh Đốn mà nói được ngôn ngữ của một cô cán bộ Cộng sản, thì tôi nghĩ ngồi ở bàn viết cũng có thể nói ngôn ngữ của mấy ông băng đảng được...Tôi sẽ tham khảo, riêng về vấn đề băng đảng, chắc sẽ nhờ anh Cao Xuân Huy cho tài liệu (Cao Xuân Huy và mọi người cười).

Nguyễn Đình Khánh: Tôi vừa từ Úc sang Cali mới ba ngày, chưa được đọc sách của chị. Nhưng buổi nói chuyện hôm nay tôi sẽ tường thuật cho độc giả ở Úc biết, và thính giả chương trình phát thanh Việt ngữ ở Úc sẽ được nghe giọng nói của chị.

Nguyễn Xuân Hoàng: Đến đây có lẽ buổi nói chuyện tạm đủ, chị Thụy có nhắn nhủ gì thêm?

Trương Anh Thụy: Tôi cám ơn các anh đã đọc với tất cả tấm lòng và đưa ra những nhận xét chân thành. Có những điểm tôi đồng ý, cũng có những điểm tôi không đồng ý, nhưng xin ghi nhận tất cả. Đây là món quà rất quý để tôi mang về Hoa Thịnh Đốn.■

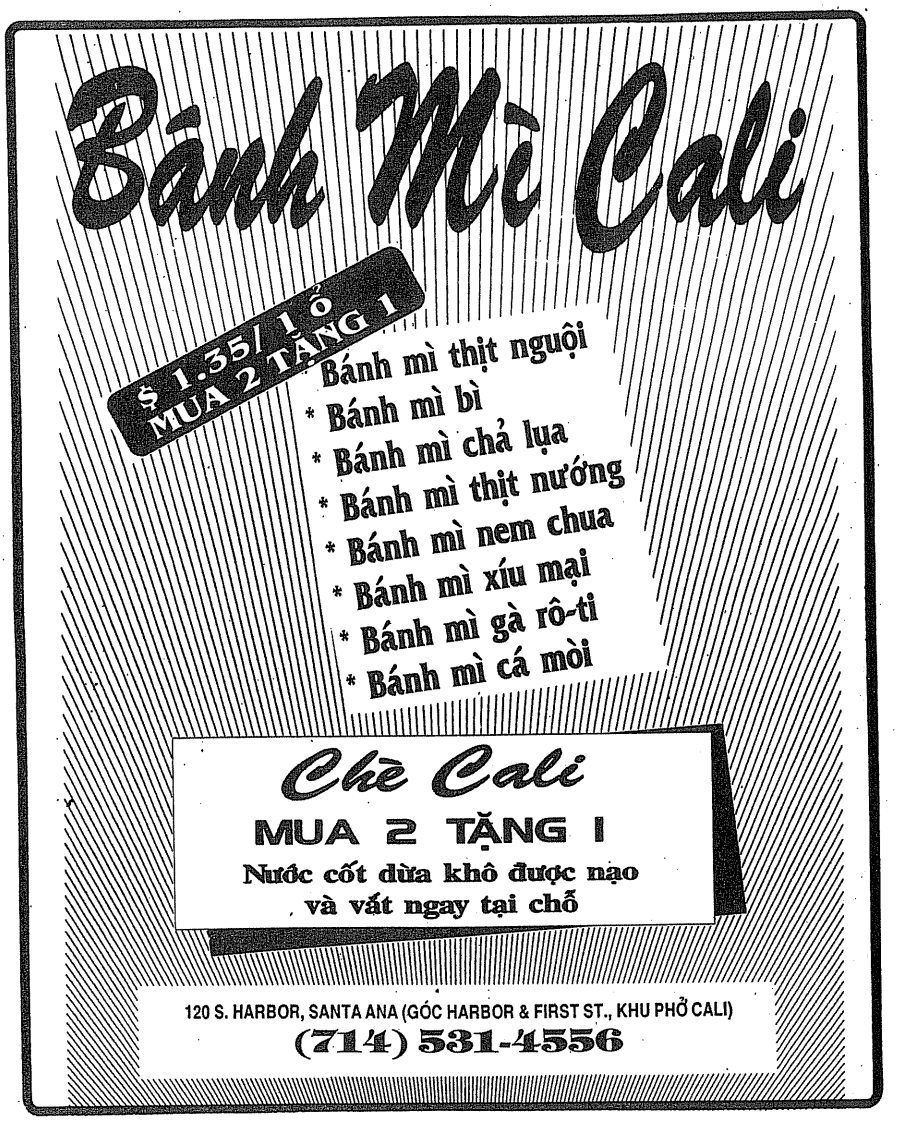

CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG

TRẦN MỘNG TÚ

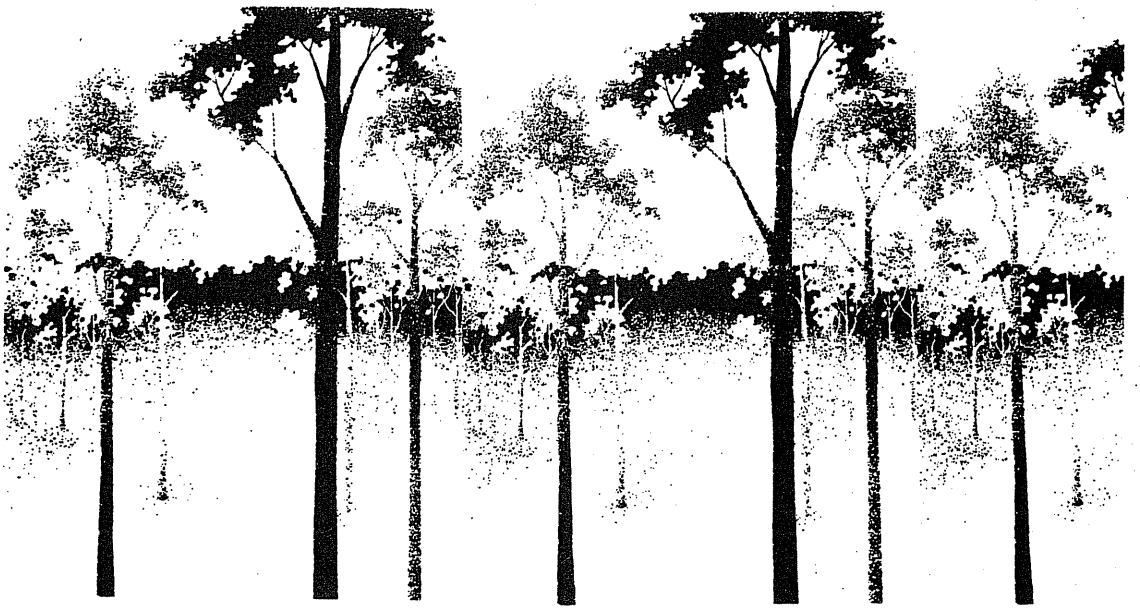

Từ vào thu đến nay
Gió thu hiu hắt
Sương thu lạnh
Trăng thu bạch
Khói thu xây thành
Lá thu rơi rụng đầu ghềnh
Sương thu đưa tiễn bao ngành biệt ly (*)

Cô Lisa ngồi bên cửa sổ, cô áp trán, dán mũi vào cửa kính nhìn ra ngoài, con dốc bên hông nhà cô phủ kín những lá phong đỏ như son. Mùa thu đẹp quá, cô đang ở tuổi 16, tuổi mơ mộng, tuổi làm nũng. Một cơn gió nhẹ bay bay những chiếc lá vàng cũng làm lòng cô nao nao; một con muỗi đốt cũng làm cô tủi thân như bị ai xúc phạm đến mình. Cái cảnh con dốc nằm im ngủ say dưới đám lá phong màu đỏ, màu nâu, màu vàng trộn lẫn như một tấm chăn bằng gấm dệt kia đẹp đến não lòng, cô thấy như muốn khóc, rồi cô lại tự trách mình tại sao thấy cái đẹp mà lại khóc? Có phải cái gì vượt quá một giới hạn, vượt quá một lằn ranh cũng đều làm cho lòng mình chùng xuống hay không?

Một cơn gió ở đâu kéo đến thổi tung đám lá phong lên cao, cuốn theo cả những chiếc lá còn vương vấn trên cành vào bầu trời xám, mây trắng giăng ngang từng tảng đắp lên nhau. Bà nội cô bảo khi con thấy mây chồng lên nhau như vậy thì gọi là mây thành, mây thành chỉ thường có vào mùa thu.

Mùa thu mây trắng xây thành
Tình em màu ấy có xanh da trời(*)

Cô nhớ cả câu thơ bà đọc cho cô nghe về mây mùa thu. Cô lạy trời cho ngày mai có một chút nắng lên cô sẽ đem một cái bao thật to ra hốt lá đem vào. Rồi cô sẽ lựa ra những chiếc lá còn nguyên vẹn, lau sạch, ép vào mấy quyển tự điển của anh em cô để dùng vào việc đánh dấu những trang sách. Rồi cô cũng sẽ lựa một ít lá có màu đỏ nhất cho vào bao thư gửi cho những người bạn mới cô vừa gặp họ trong trại hè năm nay. Mấy người này sẽ tha hồ chiêm ngưỡng (trong tưởng tượng) mùa thu của thành phố cô ở, cô chắc là họ sẽ cám ơn cô nhiều lắm. Đám lá còn lại thì cô sẽ cất vào một góc trong buồng ngủ của cô. Cô cứ để cho những chiếc lá vàng, lá nâu, lá đỏ đó tự nhiên trong thế nằm của chúng. Khi khô chúng không còn là những phiến màu rạo rực nữa mà chúng sẽ dằm thắm ôn nhu hơn.

Rồi mùa đông sẽ đi qua, mùa xuân sẽ tới. Ban ngày cô có hái hoa, ngắm bướm, có bước trên những vườn cỏ non xanh mướt thì ban đêm cô vẫn được ngủ chung một phòng với những chiếc lá

phong.

Cô cứ dán mũi vào cửa kính mà say sưa ngắm mùa thu bên ngoài cửa sổ. Cô tự hỏi: "Tại sao lá phong lại có màu đỏ như máu vào mùa thu, mà những loại lá khác chỉ có màu vàng hoặc màu đỏ rất nhạt." Cô không trả lời cho mình được. Tối nay sau bữa cơm chiều cô sẽ hỏi bà nội cô, cô tin là bà sẽ biết, vì bà luôn luôn trả lời cho những thắc mắc của cô. Bà nội của cô thì thật là tuyệt vời, điều gì cô hỏi bà cũng biết cả. Bà là một người đàn bà Á Đông của những năm tháng rất xa xưa không bị trộn lẫn vào đời sống Âu Mỹ. Cô có cảm tưởng bà sống như người đứng ở bên cạnh một đám hội hoặc bên bờ một dòng sông. Bà chỉ gạn lọc và nhặt lên những cái cần thiết nhưng không bao giờ bà muốn giơ tay ra ôm tất cả những cái đi qua trước mắt bà, cho dù nó có đẹp, có lôi cuốn. Đối với cô bà nội cô là một cái hòm gia bảo (*Treasure chest*) cô có thể lục lọi, tìm tòi trong đó những cái quý giá bất ngờ.

Vào một thời rất xa xưa, không biết tự bao giờ, người ta không ai còn nhớ được đích xác ngôi làng đó ở đâu, chỉ còn nhớ một cách rất mơ hồ là ngôi làng đó ở lọt vào một thung lũng trồng toàn cây phong. Và cũng như tất cả các cây khác ở thời điểm đó, khi mùa thu về thì lá phong cũng chỉ đổi từ màu xanh sang màu vàng, rồi tàn rụng khi mùa đông đến.

Có một cô bé ở với mẹ trong một ngôi nhà nhỏ bên dưới những cây phong. Ngay từ thời thơ dại mới biết nghe, biết nói cô đã được mẹ cô dạy cho là cô không có cha, mẹ cô là người duy nhất tạo cho cô nên hình nên vóc, cô tin như vậy và không thắc mắc gì cả cho đến khi cô được đi học. Cô lớn dần và mỗi năm lên một lớp, cô bắt đầu được học về những cấu tạo thiên nhiên trong trời đất. Từ cây cỏ, súc vật cho đến con người, cô biết rằng: Nếu chỉ có một mình mẹ cô thì không thể nào tạo ra cô được, cô chắc chắn phải có một người cha, như bông hoa thì phải có phấn của hoa đực rơi vào nhụy của hoa cái để tạo nên quả, con mèo, con chó cũng thấy có cha có mẹ, bạn bè cô (là loài người) cũng có đủ cả cha mẹ, chỉ có mình cô là không có cha ở trong đời sống.

Cô hỏi mẹ, mẹ không nói, cô hỏi thầy giáo, cô hỏi họ hàng, không ai biết cha cô ở đâu. Cô lớn lên trong một màn sương dầy đặc với nỗi ấp ủ mong ước trong lòng là một ngày nào đó cô sẽ được gặp mặt cha cô. Sự thiếu thốn to tát đó đã cho cô cái mặc cảm khác biệt với bạn bè cùng tuổi. Cô từ chối bạn bè, cô đi học về chỉ thơ thẩn chơi ở dưới gốc những cây phong. Cô nhặt lá phong làm đồ chơi, lúc nào trên tay cô cũng có vài chiếc lá, mùa xuân mùa hạ thì lá xanh, mùa thu thì có lá vàng. Cô dùng lá phong làm đĩa hát, làm giường nệm, làm chăn đắp, cho những con búp bê của cô. Cô đem cả lá phong vào lớp học. Lá phong giữa trang sách, trong hộc bàn, trong túi đựng thức ăn trưa. Thầy giáo và bạn bè gọi cô là "Cô bé lá phong" cô rất bằng lòng với cái tên gọi này và họ quên bẵng mất cái tên thật của cô. Trên sách vở của cô đều được dán ngay ở ngoài bìa một phiến lá phong bên cạnh tên họ của cô, cô mang họ mẹ, cô không có cha.

Thời gian đi qua bình thản, mỗi người có một đời sống riêng, không ai còn bận tâm đến chuyện "cô bé lá phong" không có cha nữa. Người ta quên đi theo số tuổi của cô, nhưng cô vẫn không quên. Càng lớn cô càng biết rõ rệt rằng cô phải có một người cha, và cô có quyền được hưởng tình yêu thương của một người cha, như tất cả những đứa trẻ khác cùng lớp cùng trường với cô.

Vào một buổi sáng mùa xuân, thầy giáo thấy vắng mặt cô ở lớp học. Mẹ cô đến báo cho nhà trường biết là cô bị chứng bệnh hoại huyết, chỉ có thể sống trong vòng một thời gian ngắn nên bà muốn giữ cô ở nhà với bà. Cô bé được đưa đi cúng vái ở những nơi linh thiêng nhất, được chạy chữa bởi những ông thầy thuốc giỏi nhất làng, nhưng cái chết mỗi ngày đến từng bước thật gần.

Mẹ cô và những người thân yêu trong làng đã nghĩ đến cho cô ăn những món ăn thật ngon mà cô thích, đem tặng cho cô những đồ chơi hiếm lạ từ làng khác đem tới, nhưng cô đều từ chối. Mẹ cô biết ý chỉ đem lại cho cô một cành lá phong đầu xuân còn xanh biếc lộc, đặt vào giường cô, cô khẽ mỉm cười, cô cầm tay bà nói:

"Con muốn gặp cha con."

Bà lặng người đi một lúc:

"Con không có cha."

Cô bật khóc:

"Không phải thế đâu mẹ ơi! Ai cũng phải có cha."

Bà lau nước mắt cho cô:

"Nếu thật sự con có một người cha thì mẹ cũng không thể nào biết được hiện giờ cha con ở đâu, cha mẹ bỏ nhau từ lúc con mới có năm tháng.

Cô ngồi bật dậy, lao cả thân thể bé nhỏ của cô vào lòng mẹ:

"Không. Con tin là mẹ sẽ tìm được, mẹ đi tìm cha về cho con, con đợi, con không chết bây giờ đâu."

Mẹ cô đóng cửa buồng cô lại. Bà đi xếp cho mình một ít hành lý, đi gọi một vài người thân tín nhờ trông nom cô, bà đi tìm người chồng của 13 năm về trước.

Chiếc bóng bé nhỏ của bà khuất sau cổng làng rồi biến mất sau dãy núi. Liệu bà có kiếm được cha cô về hay không? Ai mà biết được.

Cô bé ở nhà sống trong sự chờ đợi và sống từng ngày trong nỗi chết, tóc cô xơ xác, da dẻ cô khô héo, cả thân hình cô chỉ còn là một bộ xương, nhưng trong hai hố mắt sâu đó cặp đồng tử vẫn long lanh sáng.

Người trong làng thay nhau đến trông nom cô, hôm nào cũng có người nói:

"Tối nay chắc là cô ấy sẽ đi."

"May ra thì được đến sáng mai."

"Lạy trời cho mẹ cha cô về kịp."

Mỗi ngày người ta đem đến cho cô một cành phong mới, cô nhìn những chiếc lá biết rằng mùa xuân đã đi qua, và mùa hạ đã tới. Cô chờ từ xuân sang hạ, rồi từ hạ sang thu, cô thoi thóp theo từng cơn gió. Mẹ cô vẫn chưa đem được cha cô về. Sáng nay có người lại đem đến cho cô một cành phong đã ngả sắc vàng. Ông thầy thuốc giỏi nhất làng đến cầm tay cô nghe mạch, ông bỏ xuống, đi ra, người làng xúm lại hỏi ông:

"Liệu cô ấy còn đợi được nữa không?"

"Không, ngày mai cô ấy sẽ không ngồi dậy nữa."

Người ta khóc òa, họ xúm lại cạnh giường cô mỗi người hỏi một câu:

"Con muốn nhắn gì cho cha

mẹ?"

"Con muốn được chôn ở dưới gốc một cây phong?"

Cô không trả lời những câu hỏi đó. Cô chỉ xin được ra khỏi giường, và ngồi trên một cái ghế. Cô hỏi người thầy thuốc với một giọng yếu ớt nhưng đầy tin tưởng.

"Con sẽ ngồi đây suốt đêm ngày, con sẽ thức và con sẽ không nằm xuống giường nữa, như thế thần chết sẽ Không thể đến dắt con đi khi con đang ngủ phải không ông?"

Người thầy thuốc đặt cô lên ghế, ông cúi xuống ôm đầu cô sát vào lòng ông:

"Con ơi! Ta không biết phép lạ nào đã kéo dài sự sống của con cho đến hôm nay. Ta không phải Thượng Đế để có thể biết chắc chắn giờ phút nào con sẽ chết, nhưng ta tin rằng với lòng mong đợi tha thiết được gặp cha con như thế này thì Thượng Đế chắc sẽ làm một điều gì tốt đẹp."

Mọi người chung quanh cô lại òa khóc, họ xúm vào thay áo đẹp cho cô, người chải tóc, người lau mặt, người rửa chân cho cô, có người đã âm thầm bỏ về để đi mua một tấm áo quan. Người ta xì xầm với nhau: khu đất nào có trồng nhiều cây phong nhất.

Buổi sáng đi qua, buổi trưa đứng bóng, rồi buổi chiều đã đến trước hiên nhà. Hơi thở cô mỗi lúc một yếu. Những người đàn bà mắt đỏ hoe, sụt sùi sau những cánh tay áo, đã bắt đầu chẻ củi, nhóm lửa, nấu sẵn một nồi lá thơm để lo việc tắm rửa cho cô ngay sau khi cô nhắm mắt.

Mặt trời đứng nấp sau những tàng lá phong. Mùa thu, ngày hình như ngắn hơn một chút, mặt trời lặn từ từ... chỉ còn lại một cái quầng hồng nhạt trên bầu trời xám ngắt.

Người thầy thuốc đã chiều theo ý muốn cuối cùng của cô, đã để cho người làng được kéo chiếc ghế cô ngồi ngay sát cửa ra vào. Ngồi đây với hai cánh cửa mở rộng, cô có thể nhìn thấy tận tít mù xa hai hàng cây phong đứng chụm đầu vào nhau ở lối rẽ vào làng. Cô ngồi ngay ngắn, người ta khoác lên trên mình cô một tấm chăn, đặt vào lòng cô một cành phong. Khuôn mặt cô nhợt nhạt, hơi thở cô yếu dần, yếu dần nhưng hai mắt cô vẫn đăm đăm nhìn tận cuối chân trời.

Bóng tối đã phủ kín con đường vào làng, những ngọn đèn dầu leo lét trong những căn nhà hai bên chiếu ra yếu ớt, tiếng trâu bò vào chuồng, tiếng chó sủa bâng quơ. Một vài người đã bỏ ra về, một vài người ngồi ngủ gục ngay dưới chân ghế cô. Người thầy thuốc cũng đem một chiếc ghế đến ngồi bên cạnh cô, thỉnh thoảng ông lại luồn tay vào trong chăn tìm cổ tay cô chẩn mạch, đêm như vô tận...

Nửa đêm hôm đó người Thầy thuốc choàng tỉnh dậy sau một thoáng ngủ thiếp đi, ông thấy mạch ở cổ tay cô hình như đã ngừng lại, ông cầm ngọn đèn đến soi sát vào khuôn mặt cô, hai mắt cô đã nhắm nghiền. Ông làm dấu thánh giá trên trán cô, đặt ngọn đèn vào chỗ cũ và đi khép cửa lại, gió bên ngoài vẫn thổi liên tục trên những ngọn phong.

Sáng sớm hôm sau, khi cả ngôi làng còn ngái ngủ, con chim đầu tiên vừa thức giấc hót trên mái nhà cô thì có hai chiếc bóng xuất hiện ở cổng làng. Họ vừa đi vừa chạy, quần áo họ xốc xếch, khăn tóc họ bay tung, họ giơ tay đập dồn dập trên cánh cửa nhà cô. Mẹ cô đã đem được cha cô về cho cô.

Người thầy thuốc ra mở cửa, ông nhìn hai người, lắc đầu không nói một câu. Mẹ cô lao đến ôm chầm đống chăn trên ghế, bà gục mặt vào lòng cô khóc không ra tiếng, khi bà ngừng lên nhìn cô, thì cô cũng đang cúi xuống nhìn bà, hai mắt cô mở to, ngấn lệ. Cô chưa chết, cô vẫn đợi mẹ đem cha về cho cô. Bà run rẩy nói:

"Mẹ đem cha về cho con."

Cha cô tiến đến gần cô, ông dùng cả hai bàn tay bưng lấy khuôn mặt cô nói trong màn lệ:

"Ta là cha của con đây."

Cô nhìn cha, nấc lên một tiếng, đầu cô nghiêng đi trong tay ông, hai mắt cô nhắm lại, vĩnh viễn — Cô đã nhìn thấy cha cô.

Cha cô ngửa mặt lên trời hú lên một tiếng như con thú bị thương, ông ôm cả đống chăn có gói con gái vào lòng, như người điên, ông ôm cô chạy ra khỏi nhà, lao thẳng vào con đường làng trước mặt. Cành phong nằm trong chăn, giữa hai lồng ngực của cha con cô bỗng như rớm máu, những chiếc lá phong vàng từ từ đổi sang màu đỏ thẫm. Bầu trời bình minh bỗng nổi lên một cơn giông lạ, hàng trăm cây phong trong ngôi làng nhỏ bé đỏ rực lên như được nhuộng son, gió như sóng từ đâu kéo đến trên những ngọn phong tạo thành một cơn hồng thủy, lan sang cả những loại cây khác và nhuộm cho lá của những cây đó một màu đỏ nhạt hơn.

Cô Lisa ngồi ở dưới sàn, bà nội cô ngồi trên ghế salon, cô gối đầu mình vào lòng bà (cô 16 tuổi đã cao lớn lắm rồi mà lúc nào ở cạnh bà, cô cũng tưởng mình còn bé lắm). Cô nghe bà kể chuyện lá phong mà rơm rớm nước mắt. Bà nội cô đúng là một cái "*treasure chest*", cái hòm gia bảo, hỏi bà chuyện gì bà cũng biết. Cô ngước mắt nhìn bà, hỏi bà một câu mà cô vẫn thường hỏi (từ hồi cô còn bé tí) sau mỗi câu truyện bà kể "Rồi sao nữa hả bà?"

Bà xoa xoa bàn tay gầy guộc trên tóc cô nói:

... Từ đó trở đi, hàng năm cứ mỗi độ thu về, khi mây trắng xây thành ở chân trời xám đục, khi sương quàng khăn san vào cổ núi và cây cỏ ngả sắc vàng thì những cây phong bắt đầu rớm máu. Những chiếc lá phong chuyển từ màu vàng sang màu đỏ. Có lá đỏ thẫm như son, có lá đỏ rực như lửa, lại có lá đỏ thẫm như máu, rồi bầm xuống một màu nâu. Phong có rất nhiều loại khác nhau nên không đổi màu một lượt, thời gian dổi màu khác nhau sớm muộn một chút nên đã tặng cho loài người một bức tranh thu tuyệt vời, những độ màu đậm nhạt của sắc đỏ sắc vàng như gấm dệt đó chỉ thấy ở những hàng phong. ■

Dec 93

(*) Thơ Tản Đà, Hoàng Hải Thủy

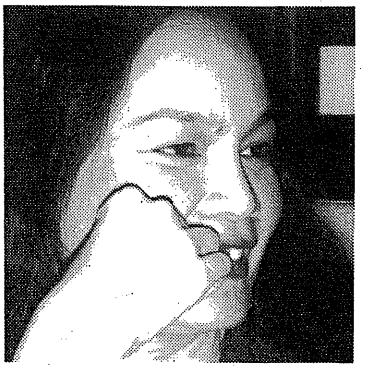

Trần Mộng Tú

Chúc Mừng Năm Mới

Trung Tâm Hải Âu Hân Hạnh Giới Thiệu

NHỮNG BẢN NHẠC HAY NHẤT CỦA MÙA XUÂN MỚI

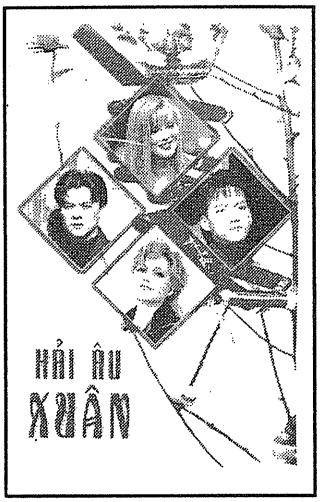

HẢI ÂU XUÂN

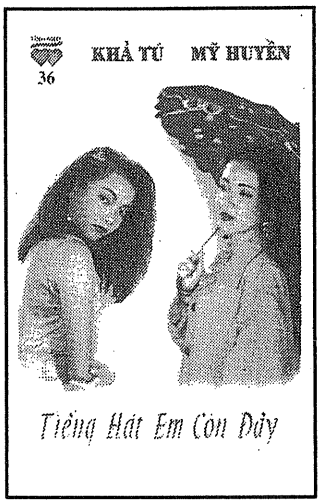

Tiếng Hát Em Còn Đây
(KHẢ TÚ - MỸ HUYỀN)
(Đặc biệt giới thiệu giọng ca KHẢ TÚ)

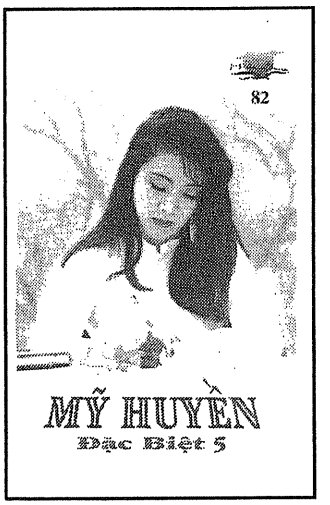

Tình Khúc Trưng Vương
Gia Long - Đồng Khánh

Dấu Chân Người Tình
(DON HỒ - GIÁNG NGỌC)

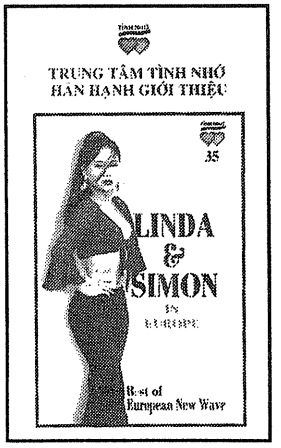

LINDA & SIMON IN EUROPE
(The Best of Europe New Wave)

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

* ***Bộ Hải Âu Laser Disc Karaoke + Ca Nhạc số 1 đến số 12.***
* ***Bộ Tình Nhớ Laser Disc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7***
* ***Bộ Video Karaoke từ số 1 đến 127.***

Đã phát hành:
Laser Disc Hải Âu
từ số 1 đến số 12
Laser Disc Tình Nhớ
từ số 1 đến số 6

HẢI ÂU MUSIC PRODUCTION
(714) 531-8119
9342 Bolsa # 103,
Westminster, CA 92683

Chúc Mừng Năm Mới

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

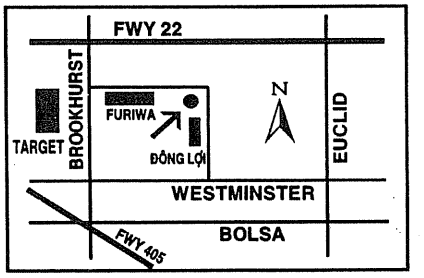

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

TẾT NÀY CHƯA CHẮC EM VỀ ĐƯỢC

KIỆT TẤN

"Lòng người..." chị Trúc nhớ hay quên?

NGUYỄN BÍNH

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Chiều qua ngồi ngắm hoàng hôn xuống
Nhớ chị làm sao nhớ lạ lùng

Mỗi năm tôi đều chép một hai đoạn *Xuân Tha Hương* của Nguyễn Bính để gởi về cho chị Trúc ở Vĩnh Long. Không biết Nguyễn Bính có may mắn hơn tôi hay không, riêng tôi, tôi không bao giờ được chị Trúc trả lời. Chị Trúc của tôi không có máu văn nghệ văn gừng gì hết. Chị có trái tim nhân hậu, nhưng tôi không biết chị tìm gì trong cuộc đời này. Tình yêu? Tuyệt đối? Vui chơi? Trật lất hết. Chị Trúc rất hiền lành và chơn chất, đâu có lẩm cẩm đi tìm một cái gì siêu việt. Chị nấu cơm kho cá, chị khâu vá thêu thùa, đặc biệt chị làm bánh rất ngon. Tết đến chị làm bánh lu bù. Còn tôi thì ở phương xa.

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi chị một em em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông

Mấy con sông? Sông Cái Cá, sông Cổ Chiên, sông Long Hồ, sông Thiềng Đức, sông Cầu Lộ, sông Cầu Lầu, sông Định Tường, sông Cửu Long, sông Tiền Giang... Càng xa chị Trúc tôi càng lãng mạn, tôi càng rên rỉ, nhứt là lúc gần Tết.

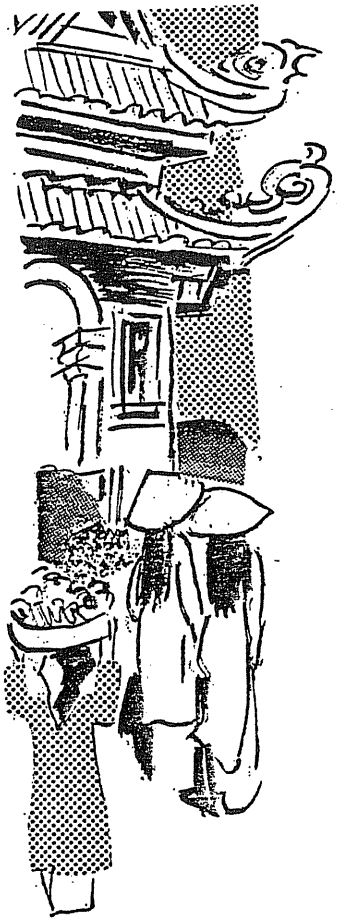

Tết đến cho em thêm một tuổi
Thế nào em cũng phải thành công
Em không khóc nữa không than nữa
Đây một bài thơ hận cuối cùng

Mà nào tôi có hận gì ai. Khỉ thế! Vậy mà năm nào tôi cũng lăn ra nằm vạ với chị Trúc. Và dĩ nhiên chị không bao giờ trả lời trả vốn cho cái lãng mạn nửa mùa của tôi. Riêng tôi, tôi cũng chẳng phiền hà gì về sự im lặng của chị. Thành ra Tết nào cũng vậy. *Tết này chưa chắc em về được*. Mà em về được hay không về được gì thì chị Trúc vẫn đốt lò nướng bánh và chăm chỉ thêu thùa. Chị rất khéo tay, trong xóm Cái Cá ai cũng đã từng thưởng thức tài nghệ của chị.

Nãy giờ chắc ai nấy đều thắc mắc. Chị Trúc tài như vậy, còn sắc thì sao? — "Đẹp!" Ôi chị Trúc của tôi đẹp lắm. Đường nét xấp xỉ Thẩm Thúy Hằng. Cũng mũi thẳng mắt to, môi dưới mời mọc và nhứt là trắng tươi, trắng rất trắng. Ngực vừa phải, eo thon, mông tròn trỉnh, thích mặc áo dài trắng học trò. Mỗi lần lượn ngang Xóm Rạp Hát của tôi, bọn con trai ùa ra ngắm nghía, chắc lưỡi "*Người Đẹp Bình Dương*", không ai thấy mình có đủ tiêu chuẩn để chinh phục một mỹ nhân như vậy. Phần tôi, tôi cũng chỉ còn biết dậm cẳng kêu trời. *Tết đến cho em thêm một tuổi, thế nào em cũng phải thành công*. Thành công? Thành công cái gì? Ở tuổi dậy thì, sự thành công có nghĩa là thành công trong tình yêu.

Và tôi đã thành công! Không,

không, không phải như quý bạn tưởng đâu. Tôi đâu có tham vọng chinh phục Người Đẹp Bình Dương. Tôi bắt bồ với Ánh, em nàng. Tuy Ánh tài sắc không bằng chị, nhưng dung nhan này cũng làm rung rinh bao trái tim ở Cầu Cái Cá, Xóm Lò Tường, Xóm Rạp Hát, trong đó có tôi. Nhờ thằng bạn học cùng lớp là em bà con của Ánh, tôi lọt vào nằm vùng ở nhà chị Trúc. Không biết lẽ gì, chị Trúc lại ưng bụng tôi nên chị lén mở tập ảnh gỡ vài tấm ảnh của Ánh tặng tôi cho thỏa tình mơ ước — và bỏ bóp lấy le với bạn bè.

Chị ơi Tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến não nùng
Uống say cười vỡ ba gian gác
Ném cái chung tình xuống đáy sông

Tết năm đó, tôi viết cho chị Trúc như vậy. Lúc đó tôi với Ánh chưa tỏ tình gì hết, và tôi cũng chưa biết uống bia. Tôi sang học Mỹ Tho và yêu Hoa xóm Bến Đò. Tôi không khổ sở vì yêu đương, nhưng cũng rên với chị Trúc cho có lệ. Tôi còn muốn tỉ tê hơn nữa. *Rượu say nhớ chị hồi con gái, thương chị từ khi chị lấy chồng.* Nhưng chị Trúc đâu có ưng ai mà lấy với bỏ. Chị tiếp tục cặm cụi làm bánh và cũng chẳng buồn khỉ móc gì hết. Nhiều lúc ngó chị, tôi cũng rung rung trái tim. Nhưng người rung rinh trái tim hơn hết là Lộc, anh tôi. Chàng là kép độc trên sân khấu học trò của cả tỉnh Vĩnh Long nên có nhiều ưu điểm để lọt vào mắt người đẹp. Bởi vậy cho nên Ánh lo lắng. Ánh lo rủi Lộc rước chị Trúc về làm vợ thì tôi với Ánh kẹt cứng. *Anh ơi nếu mộng không thành thì sao? Non cao đất rộng biết đâu mà tìm?* Thành thử khi Lộc ghé chiếc Vespa vào nhà chị Trúc thì Ánh và tôi tìm đủ mọi cách để đẩy chàng ra — không xì bánh xe là may. Để an ủi chàng, Ánh mang tập ảnh ra cho chàng xem. Chàng lựa những tấm hình mỹ miều mơ mộng nhứt của chị Trúc và lén gỡ kiếng cầm dắt bóp lấy le. Người ta bận bịu mọi thứ, riêng tôi tôi trấn an Ánh "Lộc cưới chị Trúc thì lộc cứ cưới, còn anh cưới em thì anh cứ cưới, đã chết ai." Ánh la kỳ chết!

Nhưng Lộc không phải là người duy nhất mê chị Trúc. Trăm vạn người mê. Nhưng đi hỏi cưới chính thức lúc đó thì chỉ có một người: *Phước*. Phước lớn tuổi hơn tôi nhưng học cùng lứa với tôi. Phước âm thầm yêu chị Trúc lâu lắm, khi nàng theo học lớp nữ công gia chánh. Thuở đó, cuối năm học đều có diễn tuồng. Lộc đẹp trai được đóng vai Ngô Quyền, Phước xấu trai đóng vai tướng Tàu — từ chết tới bị thương khi màn sập. Phước có tài diễu và diễu rất có duyên. Mỗi lần Phước kể chuyện vui là tôi ngã lăn ra cười chết bỏ. Người sao mà có duyên dữ vậy! Nhưng than ôi, ý kiến của chị Trúc lại hoàn toàn trái ngược. Về Phước, chị phê bình người gì mà mặt dài như mặt ngựa, chuyên làm hề cho thiên hạ, chưa nói đã cười. Dù biết hay không lời phê bình bất lợi một trăm phần trăm đó Phước vẫn thừa thắng xông lên và xúi má mình chính thức đến nhà ở Cầu Cái Cá hỏi chị Trúc về làm vợ. *Vâng em trẻ dại em đâu dám thôi để người ta được kén chồng.* Nhưng chị Trúc không kén chồng. Chị không từ chối hẳn lời cầu hôn của Phước, chị dùng kế hoãn binh. Lúc đó Phước có học bổng du học ở Mỹ hai năm nhưng Phước nói nếu chị Trúc nhận lời cầu hôn thì Phước sẽ ở lại quê hương để cưới chị — sợ ra đi thiên hạ sẽ thừa cơ cướm mất cái bàn thờ của mình. Chị nói Phước hãy du học trước đi, lúc còn về rồi hẵn tính sau. Phước xin đính hôn trước khi lên đường nhưng chị từ chối. Và Phước ôm mối hy vọng lớn lao lên đường du học. *Ôm bao hy vọng lúc ra đi!*

Trong thời gian đó có nhiều người tới dạm hỏi chị về làm vợ, trong số đó có Tất. Tất là đại úy VNCH, tướng người cao lớn, tuy không đẹp trai nhưng rất bền chí, dù đã bị chị Trúc từ chối hai lần cầu hôn. Và chị cũng không nhận lời ai hết — chẳng phải là để thủy chung với Phước. Chị tiếp tục thêu thùa nướng bánh, và bọn con trai Xóm Rạp Hát tiếp tục chắc lưỡi trầm trồ Người Đẹp Bình Dương và cô em bé nhỏ xinh xinh — trong số đó vắng mặt tôi. Bởi lẽ tôi đã lên đường du học Canada. *Em ơi em ở lại nhà, vườn dâu em đốn mẹ già em nuôi.* Ánh ở lại nhà đeo chun má tôi rất kỹ. Đáp lại má tôi cũng thủy chung với Ánh hết đạ hết lòng. Còn tôi thì trúng tủ thơ Nguyễn Bính. Năm nào, khi Tết đến ở Canada tôi cũng lăn ra dẫy đành đạch nằm vạ với chị Trúc: *Tết này chưa chắc em về được.* Em về không được là cái chắc. Con đường Quebec - Vĩnh Long nào đâu có ngắn như con đường lục tỉnh Saigon - Vĩnh Long, sáng đi chiều về. Càng chắc chắn về không được tôi càng làm dữ.

Tết này chưa chắc em về được
Em gởi về đây một tấm lòng
Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ một thêm đông
Cột nhà hàng xóm lên câu đối
Em đọc tương tư giữa giấy hồng

Ở Canada những năm 60 mà tôi đã bày bán gạo nếp, nước mắm, bánh tét và dán biển đỏ ở cột nhà hàng xóm tùm lum. Thầy kệ, sư phụ biểu sao thì tôi làm vậy. Trời Quebec càng xuống tuyết tôi càng la chói lói. *Áo rét ai đen mà ngóng đợi? Còn vài hôm nữa hết mùa đông.* Tôi lạc quan quá trớn. Mùa đông ở nơi đây dài bất tận. Ánh không biết đan áo, còn chị Trúc thì lo nướng bánh kẹp. Thằng em chỉ có từ chết tới bị thương. Nằm vạ ở Quebec đã đời tôi đáp tàu thủy sang Paris nghỉ hè và kết tình với Diane, người em Xóm Học. Hết mùa hè tôi chia tay với Diane bước chân xuống đò trở về Xứ Tuyết. Lênh đênh trên mặt biển, nhớ Diane quá cỡ, tôi khóc lóc và (một lần nữa) lại lăn ra nằm vạ với chị Trúc.

Chị cho em chị chiếc khăn thêu
Ý chị thương em khóc đã nhiều
Khóc chị giờ đây mình lại khóc
Cho mình khi tắt một tình yêu

Đêm nào tôi cũng la cà ngất ngư ở quầy rượu.

Ô say thương nhớ vô cùng!
Rượu hay lệ tứt khăn hồng chị cho?

Trong lúc tôi muốn thất họng trên mặt biển thì ở nhà chị Trúc ra sao? Chị Trúc vẫn mạnh giỏi và vẫn tiếp tục từ hôn. Từ hôn trở thành một phản xạ tự nhiên của chị. Nhưng oan nghiệt thay! Lần

NGUYỄN MẠNH TRINH

BA MƯƠI TẾT CỖ THÁNG GIÊNG

Ba mươi Tết. Cỗ tháng giêng
Miếng da. Miếng thịt. Tủy xương chỗ nào?
Chỗ đầu sụn, chẻ nhát dao
Ai băm mạnh xuống lời chào vô tâm.

Đôi đũa lệch, đặt cuối mâm
Rượu cơm thịt cá ngầm ngầm gọi nhau
Gọi tôi. Gọi em. Xưa sau
Bốn mươi lăm tuổi, nát nhầu giấc mơ

Nén nhang tàn ngún bất ngờ
Bát cơm trắng xới ngu ngơ muôn trùng
Canh khổ qua, chan lưng lưng
Nhằn răng, tránh lưỡi, lạnh lùng lá rau.

Ba mươi Tết. Đĩa trầu cau
Em cắn chỉ để môi sau còn nồng
Giêng hai say, đứng cuối sông
Tóc cổ sử xõa rêu rong nụ cười...
Ba mươi Tết. Chợt thương người.

tháng 1, 1993

này trầm trọng hơn. Chị từ hôn Lộc? Không phải. Chị từ hôn Tất? Không phải. Chị từ hôn Hồ Chí Minh? Không phải. Chị từ hôn một nhà tu? Không phải. Chị từ hôn quốc trưởng? Không phải. Nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ đó. Chị Trúc, một lần nữa, lại từ hôn. Và nạn nhân là Phước, sau khi du học ở Mỹ hồi hương.

Ôm bao hy vọng lúc ra đi
Chuốc lấy buồn thương lúc trở về
Lòng mỗi lần đi lòng bão táp
Mỗi lần là một cuộc phân ly

Chị Trúc từ hôn và Phước lâm trọng bịnh. Bịnh tương tư. Tóc rụng một nửa mái đầu, nửa phần còn lại bạc lưa thưa. *Đa mang chi nữa tình mây nước, Để mặc sương sa bạc mái đầu.* Má Phước phải đưa Phước vào chùa tịnh dưỡng cho nguôi ngoai mối tình oan nghiệt.

Hoa đào tưởng bóng đào xưa,
Thuyền sang bến nọ dòng mờ khói sương.
Hoa dương vàng nhạt sầu người,
ta về uống nước sông khuây khỏa lòng.
Con chim mùa nọ chưa chồng,
Cũng bay rời rã trong dòng xuân thu.

Mặc dù không phải chị Trúc từ hôn Phước để đi lấy chồng, nhưng tôi cũng e rằng chị Trúc đã tạo nghiệp chẳng lành. Mấy tháng sau, được tin Phước lâm bịnh ngặt nghèo, chị hối hận có nhờ Lộc đi thăm Phước. Lộc đến nơi được một ni cô cho biết Phước đã rời chùa. Rồi từ đó những nay biệt luôn tin tức. Lộc về nói lại, chị Trúc bưng mặt khóc ngất.

Thì thôi tóc ấy phủ vân,
Thì thôi lệ ấy còn ngần dáng sương.
Thì thôi mù phố xe đường,
Thôi thì thôi nhé đoạn trường thế thôi.

Rồi Xuân tiếp nối Xuân, Tết tiếp nối Tết, tôi tiếp tục rên rỉ với chị Trúc *Tết này chưa chắc em về được*. Cho tới một mùa Xuân nọ, một lần nữa, lần thứ ba, đại úy Tất lại đến gõ cửa xin cưới chị về làm vợ. Nhờ bà mai trong gia đình nói khéo, ba má chị bằng lòng, phần chị Trúc có lẽ ngó lại tuổi Xuân mình nên cũng gật đầu. Thế là đám con trai ở Xóm Rạp Hát của tôi đều rút khăn mu xoa ra mà lau lệ. Chạnh nhớ thuở nào ở xóm này, tôi ra ngồi ở đống cây trước nhà ngóng Ánh đạp xe chở Người Đẹp Bình Dương về ngang ngõ, *hương đượm ba ngày hương chưa tan.*

Lần nọ, có lẽ tôi ngó kỹ quá nên Ánh luống cuống đâm xe vào một con chó lớn đang chạy băng qua đường bất kể đèn xanh đèn đỏ. Bị đụng vào đầu đau điếng con chó la *oẳng* một tiếng lớn (là cái cẳng!) chạy lộn trở lại, còn hai Kiều thì cũng té ngửa xuống đường chổng gộng. Tôi vội vã chạy tới đỡ hai nàng lên một cách rất nịnh đầm? Không! Tôi chỉ biết nhăn hàm răng hô ống điếu của mình ra mà cười. Hai Kiều thẹn đỏ mặt. Hai nàng lật đật dựng chiếc xe đạp lên thay tài xế rồi đạp thẳng một mách về nhà. Ánh giận lắm, mét với chị Trúc là "thằng nhỏ vô duyên!" Đó là thời kỳ tôi chưa lọt được vào sào huyệt của hai Kiều và chưa nằm vạ với chị Trúc.

Đã có yêu nhau là đến thế, Đừng về Chiêm Quốc nhé Huyền Trân. Bọn con trai ở Xóm Rạp Hát đều nhất tề năn nỉ chị Trúc một mực như vậy mà người đẹp vẫn bước lên kiệu hoa đành đoạn. Huyền Trân thì trao thân cho vua Chiêm còn chị Trúc trao thân cho ai? Than ôi, than ôi và than ôi! Chị Trúc đã trao thân lầm tướng cướp. *Cũng là thôi cũng đã đành, Sang ngang lỡ bước riêng mình chị sao? Tuổi son nhạt thắm phai đào, Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người. Em đừng khóc nữa em ơi, Dẫu sao thì sự đã rồi nghe em.*

Sau khi cưới hỏi đủ lễ nghi, chị Trúc theo chồng lên Sài Gòn sống

chung ở Xóm Vườn Chuối. Khi chị có bầu, Tất bắt đầu hắt hủi chị và bỏ nhà đi suốt đêm. Lúc đó mới vỡ lẽ ra là Tất đã có vợ lớn cư ngụ tại Chợ Lớn. Một buổi chiều Tất chê cơm chua canh mặn, mắng mỏ chị, chị cãi lại, hắn xô chị ra ngoài đường rồi khóa cửa lại bỏ đi mất. Một thân một mình trên đất khách, chị Trúc chỉ còn biết ra ngồi bên lề đường đô thành bụi bặm mà khóc sướt mướt. Lối xóm thấy tội nghiệp đem chị về nhà mình an ủi và cho tá túc. Sự thể càng lúc càng trầm trọng nên má phải lên Sài Gòn rước chị về Vĩnh Long chăm sóc. Vậy mà đâu có êm. Tất lại đuổi theo về tận Vĩnh Long quát mắng, đòi ăn như giặc, rồi lại chê cơm chua canh mặn, vỗ bàn đập ghế, đánh chó mắng mèo. Thấy ai nấy nín thinh nên hắn làm tới. Có lần hắn nói với Ánh: "Phải chi mà vợ tôi được lanh lợi như Cô Tám..." Ánh trả đủa liền tức khắc: "Anh có phước lớn mới cưới được chị tôi, gặp tôi, tôi đã tống cổ anh ra ngoài đường từ khuya." Hắn nín thinh xò câm. Ma nhát bắt mặt người có khác. Tuy giận hắn, nhưng chính một tay Ánh đã nuôi nấng đứa con trai đầu lòng của Tất, vì sau khi sinh nở thì chị Trúc ngã bịnh li bì. Vậy mà lần nào Tất về Vĩnh Long cũng có một màn đòi ăn nằng nặc như con nít đòi bú như giặc!

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này ô thế mà vui chán
Những một mình em uống rượu hồng
Rượu say nhớ chị hồi con gái
Thương chị từ khi chị lấy chồng

Ở Canada, mỗi lần Tết đến, lạnh teo bu gi, tôi lại tiếp tục lăn ra nằm vạ với chị Trúc, mà nào tôi đâu có hay biết gì về kiếp hồng nhan bạc mạng của chị. Cũng may mọi người đều giấu biệt tin tức bất lợi cho đệ tử Nguyễn Bính. Nếu không có lẽ tôi đã đáp máy bay về hành thích bạo chúa, đại úy dâm tặc, và ra hầu tòa một cách hiên ngang. *Sang Tần tráng sĩ Kinh Kha chết, Máu đỏ trôi sông Dịch thủy về*. Ta hề là tráng sĩ. Ta tráng sĩ là hề! Tiếc thay trời đã không cho tôi dịp may so gươm với đại úy Tất và cứu chị Trúc của tôi đang bị con quỉ râu xanh uy hiếp. *Chị thà coi như là hạt bụi, em thà coi như hơi rượu cay*. Nếu biết thế, tôi đã đêm đêm mài kiếm dưới trăng, hâm bầu máu nóng dọn đường về nước. May thay tôi không biết gì hết và tiếp tục lãng mạn. Rời Diane, trở về Québec, tôi gặp Louise và trở thành người tình của nàng. *Nàng bèo bọt quá em lăn lóc, Chấp nối nhau hoài cũng uống công. Một trăm con gái đời nay ấy. Đừng nói ân tình với thủy chung!*

Tết này chưa chắc em về được. Tuy nói vậy nhưng tôi đã trở về. Về quê hương. Về Việt Nam. Về Vĩnh Long. Tôi cưới Ánh — đám con trai Xóm Rạp Hát thêm một lần nữa, lại rút khăn mu xoa ra mà lau lệ. *Đừng về Chiêm Quốc nhé Huyền Trân, Ta viết thư này giải cố nhân. Năm mới tháng Giêng mồng một Tết, còn nguyên vẹn cả một mùa Xuân*. Bẵng đi một dạo tôi không còn viết thơ Xuân cho chị Trúc nữa. Chị có hai con rồi ba con. Và tiếp tục không hạnh phúc. Một lần chúng tôi về, tôi nằm đưa võng kẽo kẹt trong căn nhà bên cầu Cái Cá, chị kéo Ánh về nhà kế bên tâm sự. "Mầy có phước hơn tao. Tao không biết hạnh phúc và sung sướng là gì hết. Mỗi chiều tao lo cho thằng chả ăn. Thằng chả ăn no, dọn dẹp xong thằng chả leo lên bụng tao. Như gà đạp mái. Xong lăn ra ngủ ngáy phì phò. Sáng thức dậy đòi cà phê bánh mì như giặc..."

Trong khi đó cuộc chiến tranh

HÀ THÚC SINH

THẢ XUÂN

Len dưới rừng cây cuối tháng Ba
Miệng em son đỏ lẫn vào hoa
Tóc em như khói cay cay mắt
Áo mỏng thơm lên màu thịt da

Mùa rét gió chui tê sống áo
Về đây bên lửa cởi đời nhau
Mở cho nhau những thân thể mới
Ta thả nghìn chim bốc trắng đầu

Sớm Xuân khi nắng đem vàng đổ
Lòng đôi ta ấm lòng tách trà
Giấc mơ đau khổ sẽ đằm thắm
Lúc mình len lỏi dưới rừng hoa

Cứ như thế chúng ta có nhau
Trắng phau phau một trí nhớ cũ
Mớ chỉ rối thôi kéo về sau
Chuyện ngày qua dẫu đầm lệ nhỏ

Cứ như thế tháo lỏng dây đời
Cho cơn vui bốc lên trời vắng
Anh sẽ giữ môi son em tươi
Còn ý tưởng gửi chùm hoa trắng

Alhambra Nov-7-93

ở quê hương ta vẫn tiếp diễn, từ những năm 60 sang những năm 70. Tôi đi lính và Tất lên lon thiếu tá, phục vụ ở Bộ Quốc Phòng. Ánh có hai con thì chị Trúc đã được năm con. *Ra đường thiếp hãy còn son, Về nhà thiếp đã năm con với chàng.* Chị Trúc vẫn còn tươi tắn, đẹp đẽ, dù bất hạnh.

Tết này chưa chắc em về được. Em về không được là cái chắc, vì năm đó là *Tết Mậu Thân 68.* Tôi kẹt ở Hàng Xanh, chị Trúc kẹt ở Vĩnh Long. Và Việt Cộng đã bắn chết một nhân vật mà cả tỉnh Vĩnh Long đều yêu mến: *Chín Khùng*. Bởi lẽ Chín Khùng không hiểu biết gì về cuộc chiến tranh của phe ta và phe bên kia hết. Chín Khùng bỏ ra ngoài tai tiếng hô cảnh cáo "Đứng lại!" và rốt cuộc bị cán binh bắn chết. Dứt Tết Mậu Thân, qua năm 69 tôi xung vào quân đội rồi được biệt phái về dân sự. Tôi có gặp Tất một vài lần và thăm tiếc cho chị Trúc. Nhưng mọi sự đều quá muộn màng. *Em đi theo đuổi tơ duyên, Dò mãi lòng sâu sắm mãi thuyền. Cho đến một hôm em mới nhớ: "Lòng người..." chị Trúc nhớ hay quên?* Hỏi là hỏi chơi vậy thôi chớ chị Trúc có bao giờ cầm bút lên trả lời tôi — thằng em lãng mạn lẩm cẩm.

Cuộc chiến tiếp dài dai dẳng và kết cuộc là miền Bắc nuốt trọng miền Nam. Giải phóng? Đó cũng là một cách nói, một cách diễn dịch lịch sử. Điều trước mắt là mọi quân nhân công chức Ngụy đều phải đi học tập. Tôi, Ánh và hai con may mắn không kẹt lại. Tất, bây giờ đã lên lon trung tá, còn kẹt lại và học tập rất xa, tận ngoài Bắc Việt. Chị Trúc lên đường khăn gói thăm nuôi từ Nam ra Bắc và được chồng trách là nuôi ăn thiếu thốn, không đúng tiêu chuẩn. Chị Trúc chỉ còn biết âm thầm quẹt nước mắt.

Từ cái ngày tang thương năm 75 đó, tôi không được tin tức trực tiếp gì về chị Trúc. Chị chết, chị sống, chị hạnh phúc, chị khổ đau, tôi không biết gì hết. Dù rằng mỗi năm tôi vẫn cặm cụi viết cho chị

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Cầu mong cho chị vui như Tết
Tóc chị bền xanh má dậy hồng

Cho tới một Tết nọ, có người về thăm quê hương trở qua và mô tả nhan sắc hiện thời của chị Trúc. Ánh vội vàng gởi tiền về cho chị trồng răng. Chị biên thơ cám ơn, không xin gì thêm. Ngày qua ngày, và cuối cùng trung tá Tất trở về và đòi bán nhà để ăn uống tiêu pha. Chị Trúc khóc lóc, năm đứa con của chị phản đối kịch liệt ba nó mới chịu buông tha. Rồi Tất nộp đơn xin ra đi với diện HO. Lúc bấy giờ tôi và Ánh đang ở Pháp và được thư chị Trúc cầu cứu: "Em gởi cho chị bốn cây để chị lo giấy xuất cảnh cho cả gia đình." Dĩ nhiên Ánh từ chối vì chúng tôi không có tiền, mặt khác chúng tôi lại sợ Tất làm áp lực chị Trúc để lường gạt. Ngoài ra, lo sợ cho sự dốt nát của chị, "*to eat to drink*" không biết, Ánh khuyên chị chớ nên ra đi. Được thư Ánh, chị Trúc lặng thinh cho tới ngày chị lên đường sang Mỹ. Chúng tôi được tin chị tới Mỹ qua lá thư đứa con trai của chị cám ơn nhờ Ánh khuyến dụ mà bây giờ má nó, nó, và em gái nó được tha hồ uống sữa và coca cola — có hình kèm theo. Được thư Ánh giận lắm, gởi trả lại khổ chủ và dặn chị Trúc phải biết dạy con. Chị Trúc, như bao giờ, chẳng trả lời trả vốn gì hết.

Đùng một Tết nọ, chị Trúc viết thơ cho Ánh biết là chồng chị đã đứng ra lãnh hết tiền trợ cấp của chánh phủ Hoa Kỳ, xua chị và hai con ra đường mặc kệ. Nhờ người chỉ dẫn chị đã nộp đơn xin ly dị với Tất.

Chị đòi chết. Chị kêu cứu. Chúng tôi biết đại khái chị ở vùng Philadelphia nhưng không có một địa chỉ chính xác nào hết. Thơ gởi về địa chỉ cũ bị trả lại. Ánh báo động cho người anh thứ Năm — trung tá ra đi với diện HO — cư ngụ ở Cali tiếp tay tìm kiếm. Chị Trúc vẫn biệt vô âm tín. Xứ Mỹ mênh mông, chim trời cá nước biết đâu mà tìm. Tôi và Ánh vô cùng lo lắng. Nhưng có lo lắng cách mấy cũng đành bó tay mà thôi. Tôi tưởng tượng chị Trúc lang thang trong gió lạnh mà lòng mình như dao cắt. Tôi mở địa đồ nước Mỹ ra tìm kiếm. Philadelphia nằm gần New York, mùa đông rét buốt biết chừng nào. Mà biết chị Trúc có còn ở đó hay không? *Chiếu chăn phủ lạnh y xiêm, Y xiêm còn đó cánh chim biệt mù.*

Ánh và tôi tiếp tục hồi hộp cho chị Trúc. Cho tới một hôm tin tức từ quê nhà nhắn qua cô cháu gái của Ánh ở Paris cho biết chị Trúc đã trở về Việt Nam và ở lại luôn bên đó — cũng ngôi nhà cũ bên dòng sông Cái Cá êm đềm. Chúng tôi mừng hùm, thở phào nhẹ nhõm. Đứa con trai của chị cũng về theo, cưới người xứ ta rồi dắt vợ trở qua Mỹ sinh sống.

Riêng tôi bây giờ, cơ hội lãng mạn đã trở lại. Mỗi độ Xuân về, như Xuân năm nay, tôi lại được dịp lăn ra nằm vạ với chị Trúc:

Tết này chưa chắc em về được
Em gởi về đây một tấm lòng
Tết này ở thế mà vui chán
Nhưng một mình em uống rượu hồng
Chắc chị đời nào quên nhắc nhủ
Xa nhà rượu uống có say không

Được thư tôi, chị Trúc lần mò xuống gian bếp nhỏ, lợp lá còn đọng khói, kéo chiếc ghế nhỏ xục xịch, ngồi vào chiếc bàn ăn nhỏ, vặn nhỏ ngọn đèn dầu. Lần đầu tiên và cũng là lần duy nhứt trong đời, chị Trúc rưng rưng viết cho tôi mấy câu bằng mực tím tràn đầy thương mến.

Vườn nhà Tết đến hoa còn nở
Chị gửi cho em một cánh hồng
Với lá thư này là tất cả
Những lời tâm sự một đêm đông
Chị về ở lại vườn dâu cũ
Buồn cũng như khi chị lấy chồng. ■

* Thơ trong bài này mượn của Nguyễn Bính, Phạm Thiên Thư, Thâm Tâm và của chính tác giả.

Kiệt Tấn

NHẤT TUẤN

EM YÊU... EM CÓ BIẾT?

gửi người Quốc-Nhạc

Đàn bầu với sợi giây duy nhất đó
Ngày đầu tiên học dưới mái trường xưa
Nguyễn Du đã trời vào thu lộng gió
Lá me vàng ào ạt trút như mưa

Đàn nguyệt học chung hai giây hai đứa
Giây này anh, và giây đó của em
Khi hờn giận không đàn cùng anh nữa
Lúc cười vui môi thắm má hồng thêm

Ngồi kéo nhị đôi lòng cùng xao xuyến
Tiếng nhạc sầu nghe tủi hận thê lương
Hai sóng mắt hỏi thầm nhau trìu mến
Nỉ non chi hoài tiếng nhị u buồn?

Tình thơ dại tiếng đàn thơ nhớ mãi
Tỳ-bà rung dìu dặt thiết tha nhiều
Những đêm mộng vẫn hoài hoài thấy lại
Lần song cầm hợp tấu bản đàn yêu

Thi ra trường mười sáu giây thánh thót
Thoắt ngẹn ngào... nức nở... mỗi đường tơ
Cô thủ-khoa, tiếng-đàn-tranh-tuyệt-hảo!
Khúc tranh-cầm ướt sũng mảnh trời thơ

Tam-thập-lục lúc rền vang bão sập
Khi thì-thào như chim hỏi tên nhau
Ngôi trường cũ, theo Sàigòn... đã mất
Thầy bạn xưa... luân-lạc tận phương nào?

Tiếng sáo vút nơi tầng cao xanh biếc
Xuân quê người ngồi lặng ngắm mây bay
Bên trời đó, em yêu... em có biết
Quốc-Nhạc còn đầy ắp trái tim này

(Truyện Chúng Mình)

Phụ chú: Cổ Nhạc Việt, tức Quốc Nhạc gồm những nhạc khí: đàn bầu một giây, đàn nguyệt hai giây, nhị hai giây, đàn tỳ-bà bốn giây, đàn tranh 16 giây, đàn tam-thập-lục 36 giây và sáo.

NGUYÊN SA

BÃI CÁT VÀ DÒNG SÔNG

Em nằm nghiêng một bên thôi
Bên kia có bãi cát bồi trắng phau
Anh vào từ phía sân sau
Thấy suôi mái tóc thấy đầu sóng lên
Anh vào nghi lễ thân quen
Ngắm sông uốn khúc quỳ bên chiếu nằm
Tới khuya con nước trở dòng

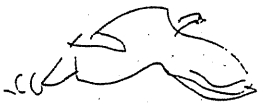

DƯƠNG KIỀN

NỤ HOA TRÊN TUYẾT

Trong mưa rơi lất phất
Ôi nỗi buồn Bergen
Tháng Giêng toàn bóng tối
Tháng Hai ngày dài hơn

Chợt thấy bông hoa nở
Trong cỏ dại bên đường
Ngày mai trời đổ tuyết?
Đời hoa sẽ vùi chôn.

Ta nhìn em thầm hỏi
Bốn mươi rồi năm mươi
Lạnh lùng năm tháng vẫn
Trôi qua đời nổi trôi

Ta vẫn đi em nhé
Đạp tuyết tìm nụ hoa
Tháng Hai trời còn lạnh
Mạch sống đã trào ra.

19-02-93

NGÀY XUÂN, XUÔI NGƯỢC MIỀN QUÊ

NGUYỄN TẤN HƯNG

Ánh nắng ban mai tươi hồng tỏa rạng phía trời đông. Qua màn sương lửng lơ mờ nhạt, bóng mặt trời tròn trịa, ửng đỏ trên cao như báo hiệu một ngày chan hòa nắng ấm rồi sẽ đến với cõi nhân gian. Ven mí vườn Tân Mỹ Chánh, lấp lánh trong những ngọn cau già khẳng khiu đong đưa theo gió, một vài tia nắng rực sáng, phản chiếu từ một phiến lá hay một giọt sương còn đọng trên tàu, thỉnh thoảng lóe lên, chói chang đập vào mắt Hiếu làm chàng giựt mình, cầm chặt lấy ghui-đông. Đằng sau chiếc bọt-ba-ga bọc nệm, có tiếng trách nhẹ của Hồ Điệp:

"Cái gì vậy, Hiếu?"

Chàng chẳng buồn trả lời người yêu, lẳng lặng giữ gìn mối yên cương cho con "ngựa sắt," chiếc Mobilette bình vuông. Đã lâu lắm rồi, vài ba năm qua có lẽ, chàng chưa từng trở lại con đường này, liên tỉnh lộ 31 nối liền Mỹ Tho với Gò Công. Mọi thứ, đối với chàng, giờ đây hầu như đã hoàn toàn đổi thay, xa lạ.

Kể từ ngày mất đi đường xe lửa, hình như Mỹ Tho cũng đã dần dần mất luôn vị trí quan trọng hàng đầu của mình đối với các tỉnh láng giềng lân cận. Hàng hóa từ Sài Gòn không còn phân phối đi khắp các miền quê Gò Công, Bến Tre, Vĩnh Long bằng đường thủy qua nhà ga Mỹ Tho nữa. Và ngược lại, rau cải, cây trái, lúa gạo tìm về Sài Gòn cũng vậy, hầu hết đều được tập trung trên các tuyến đường bộ, với các hãng xe đò càng ngày càng lớn mạnh như Á Đông, Nhan Nhựt, Thuận Thành...

Sự phát triển của thành phố Mỹ Tho nói riêng, các tỉnh miền Đông nói chung, do đó mà cũng chỉ ở mức độ cầm chừng so với các tỉnh tân lập hoặc các tỉnh miền Tây người thưa đất rộng đến... chó chạy cong đuôi cò bay thẳng cánh. Nói theo sách vở, các vùng "đất thuộc," đất tốt đã nhả phèn, bao giờ cũng không hấp dẫn, mời mọc bằng các vùng đất tân bồi hay vừa mới khai phá. Vì ở những nơi chốn cũ đó luôn luôn có sự chen chúc, tranh giành, lấn chiếm theo lối "một con cá lội mấy chục người buông câu." Đã vậy, có lẽ cũng không thích hợp mấy với cái thói đời chỉ ưa "làm chơi mà ăn thiệt" của người miền Nam, cho nên sau khi chấm dứt cuộc Nam tiến thì bà con mình lại bắt đầu cuộc Tây tiến. Tiến về miền Tây! Từ những giồng đất cao ráo ở Gò Công, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc họ đã ngang nhiên mạnh dạn tiến thẳng về miệt dưới, vùng Bạc Liêu, Cần Thơ, Cà Mau, Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc...

Mà nói tới việc khẩn hoang, lập ấp thì ngoài số người được tuyển mộ chính thức bởi các tướng lãnh, quan lại triều đình còn có một số không nhỏ thuộc thành phần tù tội bất hảo, trốn xâu lậu thuế, tự động kiếm đường ra đi, tìm cách sống ngoài vòng pháp luật. Hoặc giả, gần đây hơn, đám tá điền muốn đời đói rách, muốn thực hiện giấc mơ duy nhứt của đời mình là bằng mọi giá phải thoát ly ra khỏi sự kiềm kẹp, bóc lột của địa chủ, cho nên đành phải lánh mặt đổi tên, lìa xa nơi chôn nhau cắt rốn để qua vùng

khác lập nghiệp, kiếm ăn.

Có thể nói trong cuộc Nam tiến và Tây tiến đó, không ít thì nhiều, đều có sự đóng góp đắc lực của những tay "anh hùng hảo hán" bất đắc dĩ kia. Những người mà trong một thời gian cách đây không lâu lắm, độ chừng nửa thế kỷ hoặc nửa đời người nếu tính từ thập niên 1910, đã từng chịu đựng đêm ngày với muỗi mòng đỉa vắt, sống chết với rắn rít hùm beo, vật lộn cùng cù to sấu lớn. Những người tuy đôi khi thuộc thành phần thất học nhưng luôn luôn biết sống với hai chữ "điệu nghệ," tức "đạo nghĩa" nói trại ra. Những "điệu nghệ" theo kiểu "tứ hải giai huynh đệ," "kiến nghĩa bất vi vô dõng giả," "lâm nguy bất cứu mạc anh hùng," "bần tiện chi giao mạc khả vong..." hình như chỉ có thể áp dụng và xảy ra ở phần đất sinh sau đẻ muộn của một Việt Nam thuần nhất mà thôi.

Rồi năm đi tháng lại, dâu bể can qua, Hiếu có cảm nghĩ Mỹ Tho bây giờ dường như đã đi lùi vào lịch sử, đã trở thành một thành phố trầm lặng cổ kính, không còn mấy sôi động bon chen nữa. Con lộ đá nối liền hai thị xã Gò Công và Mỹ Tho, xuyên qua quận lỵ Chợ Gạo, một thời là con lộ huyết mạch vì thực dân Pháp đã dự trù một kế hoạch lớn nhằm biến Gò Công thành một hải cảng quan trọng nhưng không thành, bây giờ cũng vậy, vẫn giữ mức hoạt động ở nhịp độ trung bình. Với những chuyến xe đò hạng trung mang bảng hiệu Tân Hưng, Thuận Hiệp, Đông Thành... cà rịch cà tang mỗi sáng đi, mỗi chiều về hầu như không bao giờ thay đổi. Số lượng khách và hàng hóa cũng chừng ấy thôi, có thể vì dân số không còn tăng trưởng nữa, bởi lẽ bà con xa gần đã tuần tự tứ tán đi khắp mọi nơi từ mấy mươi đời. Không có nạn nhân mãn mặc dù gia đình nào cũng sanh năm đẻ bảy đều đều. Nhất là ở vùng quê, miệt bưng biền rẫy bái...

Bỏ lại sau lưng trường trung học Nông Lâm Súc, đài Viễn Thông Tiền Giang, những mảnh đất giồng trồng dưa hấu, dưa hoàng kim, những luống hoa vạn thọ, bông cúc, thược dược... đã được thu mua và chuyên chở đi các chợ Tết, không mấy chốc Hồ Điệp và Hiếu đã trờ tới Song Bình. Mặt trời đã lên cao và làn sương sớm, từ lâu, cũng đã tan biến đâu mất. Hai bên đường ruộng lúa đã được gặt hái xong xuôi, chỉ còn trơ gốc rạ trông như một thảm cỏ sẫm vàng, lem luốc từng mảng bởi những vũng nước trâu nằm hay một ao cá cạn. Một chiếc xe bò chở đầy lúa ngả nghiêng, chậm chạp trườn ra lộ cái dọc theo con đê rộng lớn nằm cạnh dồn bót địa phương quân. Từ phía dưới kia, chiếc xe Lam mang đầy hành khách chạy ngược chiều, vụt qua như tên bắn làm tà áo của Hồ Điệp thêm phất phới, phần phật tung bay. Mặc dù có chiếc áo len hở nách màu hột gà khoác bên ngoài nàng cũng cảm thấy se da, lành lạnh...

Nhéo nhẹ vào bắp vế non của người thương một cái, Hồ Điệp gợi chuyện:

"Nãy giờ mơ tưởng gì đó mà im hơi lặng tiếng vậy, Hiếu?"

Mơ tưởng? Trời đất! Đi với "bồ," không, "vợ chưa cưới" thì đúng hơn, mà mơ với tưởng cái nông nỗi gì, Hiếu nhủ thầm! Tuy nhiên, chàng cũng nên thừa dịp này để "trả treo" với Hồ Điệp một đôi lời. Chàng nói lớn:

"Sao em biết anh đang mơ tưởng chớ? Đừng có suy bụng ta ra bụng mình à nghen!"

Khi "cua" chưa được "bồ" thì hầu hết những thằng con trai đều bị bắt buộc phải trở thành "hay nói," mặc dù tự biết mình chưa chắc đã "nói hay!" Mỗi khi đi với "bồ" thì như lúc nào cũng rơi vào tình trạng bị động, cố moi óc lựa lời, nói liên tục những câu gợi ý, đưa tình... lắm lúc chỉ muốn làm vui lòng người đối diện. Bởi vì, lẽ dĩ nhiên, không thể nào lẳng lặng làm thinh để vô tình đào sâu thêm hố ngăn cách đã có sẵn từ thuở ban đầu. Tuy nhiên, đến lúc "cua" được "bồ" rồi thì phần lớn những thằng con trai kia lại bỗng trở nên ít nói lạ thường. Ít nói đây cũng không phải tại vì đã "hết thương," nên chẳng màng đến ga-lăng, săn sóc. Mà, thật ra, chính vì các anh chàng ta lúc nào cũng mãi bận tâm suy nghĩ đến tương lai, một mai hai đứa "nên vợ nên chồng." Và hiển nhiên Hiếu hiện đang ở trong trường hợp này, chàng thầm nhủ! Thì cũng chẳng có gì quan trọng, đại khái, chuyện gì rồi sẽ đến khi hai đứa sống bên nhau? Trong thời buổi chiến tranh, giặc giã nổi lên khắp nơi này? Ừa, mà có lẽ chàng đang mơ tưởng rất nhiều điều và một trong những điều đó là một ngày không xa lắm đất nước mình sẽ thanh bình trở lại, không còn Nam Bắc cùng một màu da cùng một dòng máu mà lại đi chém giết lẫn nhau...

Nhưng, niềm mơ ước của Hiếu đã bị cắt ngang vì Hồ Điệp hỏi tiếp:

"Anh có biết chắc là có anh Phát ở nhà bữa nay hay không vậy?"

À, thì ra nãy giờ cô nàng đã nghĩ đến thật xa, luôn cả nơi đi chốn ở! Vậy mà chàng còn đang thong dong, lững thững bên đường! Đột nhiên, Hiếu ra vẻ ta đây, quả quyết:

"Sao lại không? Đã nó đôi ba lần dặn anh đi xuống nhà nó ăn giỗ mà nó lại bỏ đi chơi chỗ khác thì coi sao được nà?"

Hồ Điệp phân trần:

"Không quen biết gì ảnh nhiều, bỗng dưng đi tới nhà người ta ăn uống đãi đằng, sao em ngại quá!"

"Ối, thì ai cũng vậy, trước lạ sau quen! Với lại, em mà xa lạ gì với thằng Phát chớ? Chính nó đã không là người giúp em... xích lại gần anh thêm tí nữa... hay sao? Ái da..., coi chừng té à nha..."

Lần này Hiếu bị Hồ Điệp nhéo cho thiệt đau! Không ngại sao được khi nàng chưa từng gặp Phát, bạn cùng lớp của Hiếu, một lần nào. Nàng chỉ nghe nói sơ sơ về một anh chàng quê ở Chợ Gạo, tuy con nhà không mấy khá giả nhưng học hành rất giỏi, năm nào cũng lãnh phần thưởng, với không dưới năm bảy lần xướng danh. Gần đây hơn, nàng có nghe cô Tám Sương kể thêm rằng có một người mặc đồ Hải Quân trắng bóc đến nhà, tự xưng là bạn của Hiếu, tên Phát, gửi lại món quà mà Hiếu đã nhờ trao cho riêng nàng. Thế thôi! Nàng không biết mặt mũi Phát ra sao, tướng người gầy cao hay vừa mập vừa lùn, dáng điệu thư sinh nho nhã hay là con nhà cộc cằn thô lỗ. Vậy mà bây giờ Hiếu lại đưa nàng đến nhà của người ta để ăn giỗ thì thử nghĩ có phải khó khổ cho nàng hay không chớ? Mà nói gì thì nói, đối với nàng, Phát luôn luôn vẫn là người ơn! Và có lẽ là người ơn

TRÚC CHI

VÔ ĐỀ

Hỏi duyên rằng nước theo mây
Hỏi tình rằng đã gió bay qua cầu
Hỏi tơ rằng vẫn đượm sầu
Hỏi mơ rằng đóa mộng đầu còn tươi
Hỏi thơ đừng lấy làm chơi
Vần gieo một thủa nghìn đời còn say

của Hiếu nữa, nàng thầm nhủ. Như chợt nghiệm ra một điều rất quan trọng, Hồ Điệp trách yêu:

"Sao anh không đợi trưa trưa một chút hãy đi, mình xuống đó sớm quá sợ là chàng ràng chộn rộn, chỉ tổ làm phiền cho người ta!"

Hiếu nạt ngang, nói luôn một lèo:

"Mèn ơi, sao em chậm... tiêu quá vậy! Đi ăn đám giỗ chớ đâu phải đi cày đi cấy mà em lại chần chờ! *Ăn giỗ đi trước lội nước đi sau*, không nhớ ra à? Nói vậy chớ chàng ràng chộn rộn sao được, em phải tập tành xuống bếp phụ giúp với người ta một tay. Mình chẳng có mang theo quà cáp bánh trái gì hết, nếu không làm như vậy thì lúc về ai mà thèm... lợi quả cho em, phải hôn?"

Biết là Hiếu nói đùa, nhưng Hồ Điệp cũng phản ứng lại:

"Trời đất, thôi đi ông ơi! Ông có bà con xa gần, cật ruột gì với người ta hay không mà đòi lợi quả, lợi tráp? Chỉ là bạn bè cùng lớp, cùng trường thôi mà nói sao quá, hổng sợ... thiên bất dung gian hà! Vả lại, em có rành gì đâu nấu với nướng mà đòi xuống bếp, hả ông thần?"

"Ui cha, nếu không rành không biết thì đây quả là dịp tốt để cho em học hỏi và trau dồi công dung ngôn hạnh, đặng mai sau... chồng con em nhờ! Ái da..., đừng có dở trò bàn tay năm ngón đau thương đó nữa có được không..."

"Vừa thôi nghen..."

Hàng me già dọc theo lộ Ông Văn đã từ từ xuất hiện trong tầm mắt. Màu xanh nõn của những đọt non phết lên vài nét chấm phá, nổi bật trên nền thẫm xanh của tàn rộng xun xoe. Từ đó, nhìn về phía trời xa tấp bên trái kia là quê quán của các anh chị Phương Thảo, Lục Hà, Hoàng Hoa, và Bạch Tuyết. Hai bên con lộ đá đỏ này giờ cũng chỉ mênh mông đồng không mông quạnh, gốc rạ nối bờ đê. Khuất bóng sau hàng me, thấp thoáng vươn lên một vài rặng trâm bầu lưa thưa cành lá. Dăm ba bầy cưởng, nhồng, sáo thay cho những cánh én mùa xuân, bay lên đáp xuống tìm mồi. Không làm động đậy, rung rinh nổi một nhánh rạ khô nào, cơn gió sắp Tết hắt hiu, man mác thổi đến từ miền xa tưởng chừng như cố mang lại cái không khí êm đềm, thanh thản cho những ngày trống vắng rong chơi, hội hè đình đám sau mùa gặt hái, ví bồ hằng năm của những người nông dân lam lũ. Một ông bác đứng tuổi trong bộ bà ba trắng đang cỡi chiếc xe máy đòn vông không vè không thắng vừa chạy trờ ra đường cái, vội vàng đưa chiếc guốc vông còn mới cạ vào vỏ xe trước để tốp bớt lại. Sâu vô một đỗi khá xa, bóng dáng một người đàn bà quần đen áo trắng ung dung kẽo kẹt đôi gióng gánh về nhà với hai đứa bé con lửng cửng chạy theo đuôi. Bất giác, Hiếu thở dài vì chạnh nghĩ đến quê hương mình, xóm Bến Chùa, cũng ruộng vườn rẫy bái như ở đây. Cha mẹ chàng rồi cũng âm thầm sống đời nông dân, thôn dã không mấy khi ra chốn thị thành để nhìn thấy ánh sáng văn minh!

Qua khỏi ngã ba Ông Văn một khoảng ngắn hai bên đường bỗng trở nên um tùm, trùng điệp với những vườn cây ăn trái. Bóng cau, dừa lả ngọn trên cao; thân chuối, mận chen nhau đầy mặt đất. Xen kẽ trong đó nào cam, quít, bưởi, ổi, khế, xoài, vú sữa, chùm ruột, sa bô chê... không vườn nào không có. Một màu xanh tươi tốt quanh năm, che đầy bóng mát! Nhất là ở những giồng đất cũ lâu năm dọc theo dòng Tiền Giang, danh trấn một thời kể từ ngày mới mở mang giang sơn bờ cõi về phía Nam. Bây giờ, ngoài những nhà máy xay lúa đó sộ dọc theo sông có từ đời cố hỉ cố lai nào rồi, một chiều hướng công nghiệp khác được thịnh hành và phát triển không ngừng, đó là sự thành lập nhiều hãng nước mắm như Hồng Lan, Hồng Thắm, Hồng Duyên, Hồng Đại... Phụ vào số cá nước mặn chở từ Gò Công lên, những nhà thùng trong sông này còn tiêu thụ một số không ít cá nước ngọt quanh vùng...

Quẹo qua, quẹo lại hai ba bận thiệt gắt, hai đứa đã đến bắc Chợ Gạo, nơi mà ngày xửa ngày xưa khách thương hồ thường hay ghé lại chỗ nhóm chợ lộ thiên để mua mớ gạo ngon chở từ Gò Công lên, rồi lần lần chết tên. Bây giờ đã

rất khác, vì hành khách rảo bước dập đìu, xe cộ tới lui nườm nượp. Hai bên bến, phải cũng như trái, lúc nào cũng rần rần, inh ỏi, ồn ào náo nhiệt. Đó là chưa kể đến hàng quán, nhà làng, đồn canh và trường học cất thụt vào trong. Nhìn chung, kể cũng phồn thịnh, thị tứ lắm. Nhưng, Hồ Điệp có phần hơi ngạc nhiên:

"Ồ, cứ tưởng là xa lắm ai dè chưa đầy nửa tiếng đã tới rồi!"

Hiếu giải thích thêm:

"So với Bến Tre của em thì từ Mỹ Tho xuống Chợ Gạo chỉ độ nửa đường thôi. Mười một mười hai cây số là cao chớ có xa xôi, vạn lý gì đâu. Tại em chưa đi tới đây lần nào nên cứ nghĩ là... tít mù san dã hả?"

Với một ý nghĩ so sánh vừa nảy ra trong đầu, Hồ Điệp mỉm cười:

"Lại cũng loại bắc kéo tay chẳng khác nào bắc An Hóa! Bao nhiêu năm qua rồi mà cứ vẫn vậy!"

Hiếu phụ họa theo:

"Ừa, đúng đó..."

Quả thật, từ lâu lắm, có thể từ lúc Bảo Đại còn ở truồng cho đến bây giờ, hình như chỉ có chiếc bắc kéo tay dọc theo sợi dây cáp giăng ngang qua sông rất ư cổ lỗ sĩ này là chẳng hề đổi thay. Mặc dù văn minh ở xứ người ngày một tân tiến, sắp sửa phóng phi thuyền lên mặt trăng, và giặc giã ở xứ mình ngày một lan tràn, không nơi nào không có đạn bom. Trên trời dẫy đầy trực thăng, dưới nước lềnh bềnh tàu chiến! Đại bác, xe tăng rền vang mặt đất đến nỗi tưởng chừng tương lai sơn hà xã tắc rồi chẳng biết sẽ về đâu!

Tuy nhiên, nếu xét trên bình diện vận tải đường thủy thì con kinh Chợ Gạo, huyết mạch của ghe tàu từ khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long dẫn về Sài Gòn, là mỗi ngày một thêm tấp nập. Cho dù trước đây, với dụng ý nhằm khai thác tài nguyên quốc gia của ta theo kiểu ăn cướp cạn, nhưng có thể nói một trong những công trình quan trọng của Tây trong thời Pháp thuộc còn để lại là sự hình thành những con kinh quan trọng trong vùng châu thổ sông Cửu Long. Từ miệt dưới xa xôi ngàn dặm như Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà mau, Vị Thanh, Rạch Giá dẫn ra sông cái Hậu Giang có các kinh Đại Ngãi, Hộ Phòng, Vĩnh Lợi, Phụng Hiệp, Xà No, Cái Sắn... Rồi tiếp theo, từ Hậu Giang bắt qua Cổ Chiên và Tiền Giang thì có các kinh Láng Thé, Ba Càng, Nha Mân, Lấp Vò, Tam Bình-Trà Ôn, Chệt Sậy, Giao Hòa, An Hóa, Sơn Đốc, Giồng Trôm, Mỏ Cày-Cái Quau... Để sau cùng, từ Tiền Giang đổ lên Sài Gòn thì chỉ còn có mỗi... con kinh Chợ Gạo. Bởi vậy mà bảo sao không mỗi ngày một tấp nập cho được! Nhứt là từ khi cầu đường thường xuyên bị Việt Cộng giựt mìn, đắp mô, phá hoại ngày đêm. Cộng thêm, dân số nước mình mỗi ngày một tăng, Hiếu nghĩ! Nhanh hơn hết vẫn là ở miền Nam với khí hậu ôn hòa, lắm người ưa chuộng. Chỉ có đến mà không hề đi, ví như... *tới đây thì ở lại đây, bao giờ bén rễ xanh cây,* tức là đến chết, *hãy về*, chính là vậy...

Nhưng xui xẻo cho Hồ Điệp và Hiếu, chiếc bắc còn đang kẹt bên kia bờ! Đã vậy còn có tiếng súp-lê của tàu lớn vang vọng liên hồi từ đằng xa, cho nên không bao lâu, người phụ trách quay máy lại phải xả dây cáp chìm sâu xuống lòng sông. Mấy chiếc ghe bậc trung hay lớn cỡ không chun lòn qua dây cáp được bây giờ nhân dịp xả cảng này đã cùng nhau tháo dây, kẻ chèo người chống hoặc hè nhau dựng cột trương buồm. Cảnh chạy đua của tàu bè dưới nước trông cũng gấp rút không kém gì cảnh tranh hơn tranh thua của xe cộ trên cạn. Trong tít tắt, mấy chiếc đò máy chở hành khách, hàng hóa về chợ Mỹ tiến lên dẫn đầu...

Hồ Điệp rời hẳn yên sau cho người yêu đỡ mỏi. Tiện thể, Hiếu gài chân chống, dựng chiếc Mobilette dựa bên lề đường. Chàng nhẹ nhàng nhắn nhủ với nàng một câu:

"Đó, bây giờ em có dư thì giờ để tản bộ một vòng cho dãn gân dãn cốt trước khi lên bắc qua sông. Thấy chưa, hai đứa mình rồi có lẽ sẽ không tới nhà thằng Phát sớm như em dự tưởng đâu!"

Chẳng thèm trả lời trả vốn gì đến Hiếu, Hồ Điệp nguýt chàng một cái thiệt dài rồi mơ màng ngó mông ra mặt sông trải rộng... Uốn mình qua một cái cua hơi lơi vòng cung, lấp ló bên kia bờ, dòng nước trên nguồn đạp mạnh lên hàng rào lau lách, rạt rào tuôn chảy ra khơi, phăng phăng cuốn theo những cụm lục bình vô gia cư không bến đỗ, chốc chốc lại phải quay mòng mòng trong cơn xoáy xoay vần.

THƠ LƯU VĂN VỊNH

ĐONG TỪNG BÁT TRỜI XUÂN

Trời nghiêm trang
mặc áo mây lụng thụng
gió gật gù
vạn vật đón xuân sang

đùng đùng ngòi pháo
cực trong đầu cỏ xanh
muôn tia sáng đỏ
đốt hồng nụ lộc xung quanh

chim muông lóc sóc
mổ hạt nắng ròn
không gian đong từng bát
dâng bàn thờ trời đất ngất ngư say.

Trong khoảnh khắc, một đoàn tàu buôn ngoại quốc, hầu hết của Nhựt thì phải vì đều tận cùng bằng chữ Maru, chợt lừng lững tiến lên như những tấm phong đen trắng vĩ đại chắn ngang tầm nhìn, không thấy bờ bến bên kia. Những cột ống khói và dàn ra-đa to lớn sừng sững khoe mình trên không như biểu lộ sự sang giàu của một xứ sở hùng mạnh, văn minh đang trên đà tiến bước. Mỗi chiếc tàu là một căn nhà nổi thì đúng hơn, nàng nghĩ, vì ở đó có đầy đủ nơi ăn chốn ở, tắm rửa giặt giũ cho nhiều người... Liền ngay khi ấy, những con sóng lớn đầu tiên đã chạy vội vô đến bờ, vỗ ì ầm, óc ách vào bãi bùn, vách đất...

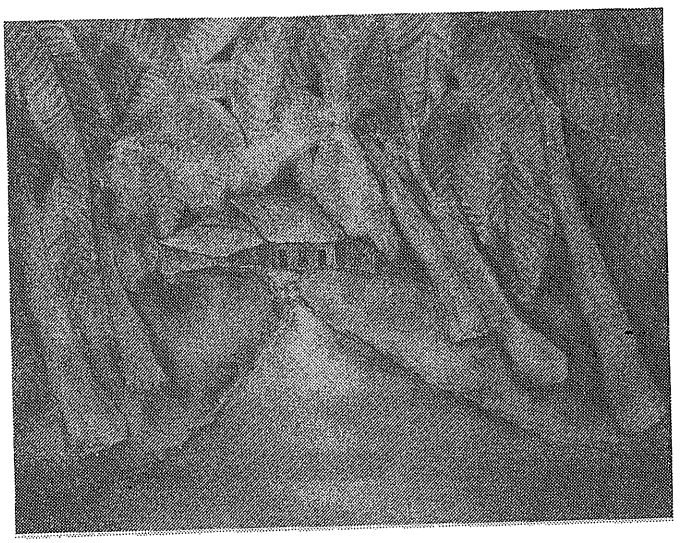

Nhưng hoạt cảnh trước mắt nàng đã không tồn tại mãi, mà lần lượt đổi thay. Tiếng xình xịch, xình xịch... của chiếc tàu đòng nhỏ xíu kéo theo đoàn công voa dài ngoằn nghe mỗi lúc như một rã rời, quả như đã muốn nói lên sự khó khăn, khổ nhọc của những kẻ ngược dòng tìm về bến cũ. Một đoạn thừng trôi qua, một chiếc ghe bầu hay một chiếc cà-dom tiếp nối, dắt díu và đùm bọc lẫn nhau trong số kiếp bềnh bồng. Những con mắt mở to sơn màu trắng đỏ lần lượt ngước nhìn nàng rồi từ từ khuất dạng sau mô đất lúp xúp cao cùng lùm cây rậm rạp dọc theo bờ. Ối chao, sao mà dài hằng cả cây số vậy, Hồ Điệp than thầm!

Hiếu chợt đề nghị:

"Sau khi ăn giỗ em có muốn đi Gò Công tắm biển Tân Thành với anh không? Em đã xuống đó lần nào chưa?"

Hồ Điệp lưỡng lự:

"Chưa! Nhưng mà..., thôi đi, để dịp khác hẳng hay! Chiều về em bận đủ thứ công chuyện ở nhà, đăng đăng đê đê như dê nằm miễu, không rảnh rỗi như anh tưởng đâu!"

Nàng không nghĩ là Hiếu có ý dụ dỗ mình dấn thân vào con đường... tội lỗi. Tội lỗi? Không, thật sự đối với nàng, chuyện dâng hết cho nhau của hai kẻ đang thật lòng thương yêu nhau, kể ra, cũng không có gì là tội lỗi, quá đáng hết. Nhưng mà nếu đi xuống đó thì rồi đêm nay hai đứa sẽ ăn đâu, ngủ đâu? Chẳng lẽ lại phải ôm nhau mang bụng đói và màn trời chiếu cát ngoài bãi biển ì đùng sóng vỗ? Rõ lẩm cẩm quá! Bởi, *thương anh em cũng đánh liều, cầm bằng như thể thả diều... đứt dây*, nàng thì thầm và những mong được như vậy! Nhưng giấc mơ ngắn ngủi của nàng rồi cũng vụt tắt vì Hiếu đã vội kề tai nàng nói nhỏ:

"Chớ không phải em sợ anh... làm ẩu à?"

"Quỉ nà! Nói tầm bậy không hà!"

Rất tiếc là mùa hè vừa rồi Hồ Điệp không chịu ghi tên đi cắm trại do trường tổ chức với bạn bè cùng lớp, trong số đó có cả Kim Yến, em của Hiếu. Con nhỏ về kể lại đủ điều làm nàng thêm tiếc hùi hụi. Những đêm đốt lửa trại, ăn thịt nướng và đờn ca xướng hát ngoài bãi khuya như bập bùng chợt bừng lên trong trí tưởng tượng của nàng! Bao lần ngả lưng ngủ vùi trong những căn lều dựng tạm trên đám rau muống biển tốt tươi, hoang dã. Dĩ nhiên trai theo trai, gái theo gái, nam nữ thọ thọ bất thân. Trách nhiệm của thầy và cô mà! Rồi hít thở cái không khí trong lành của chốn biển rộng trời cao! Những đêm xuống chiếu lên hay bình minh nắng gội ắt hẳn sẽ làm tuổi trẻ thêm yêu đời, tuổi già vơi đi phiền muộn! Nhưng mà, nàng thiết nghĩ, cũng chẳng có gì vui khi không có Hiếu đi cùng? Còn con nhỏ Yến hâm hở ra đi là phải, vì có Chiêu kề cận bên mình! Một chuyến đi chắc chắn sẽ viết lên trang tình sử biết bao nhiêu là kỷ niệm khó quên! Ngẫm nghĩ lại, làm học trò trung học tỉnh lẻ mà có người yêu đang là sinh viên đại học ở thủ đô thì cũng không mấy hứng thú gì cho lắm! Vì không riêng gì chàng, chính nàng cũng đã bao lần từng nếm mùi... *chiều một mình qua phố, âm thầm nhớ nhớ đến tên ai...*

Con nhỏ Kim Yến còn bày đặt đem biếu nàng một mớ sản phẩm đặc biệt của xứ biển mặn Gò Công, một thời là nơi hùng cứ của Trương Công Định với đám lá tối trời, nữa chớ! Những trái mãng cầu dai mập ú tròn ủm, những trái sê-ri nho nhỏ, đỏ đỏ hồng hồng... sao mà ngon, mà ngọt...

Tiếng lắc cắc của con chó sắt nhảy trên trục quay đã mang nàng về với thực tại. Hồ Điệp quay lại hỏi chừng:

"Đã hết tàu rồi hả anh?"

Hiếu hững hờ:

"Chắc là vậy!"

Rồi như chợt nhớ ra là Hồ Điệp không rành địa thế, phong thổ vùng này, Hiếu liền nhướng mắt, đùa giai:

"Mà nếu có còn đi nữa thì cũng phải tuốt luốt ở dưới Ngã Tư Giáp Nước, Quờn Long, Bình Thục Nhứt, Đồng Sơn, Cầu Nổi, kinh Nước Mặn... em biết hôn?"

Hồ Điệp nũng nịu:

"Nữa, anh làm như đây là xứ sở quê hương của em không bằng!"

"Nói giỡn chớ công voa đi Nam Vang, Châu Đốc thì lâu lâu mới có một chuyến! Nó mà chạy hà rầm mỗi bữa như vầy thì xe trên bờ kẹt ngày kẹt đêm, chịu sao thấu! Em hên lắm đó mới thấy những chuyến công voa có nhiều tàu lớn và dài thòng như vậy."

Hồ Điệp giẫy nẩy:

"Thôi đi ông ơi, mỏi chưn thấy mồ!"

Không đầy mười, mười lăm phút sau, sợi dây cáp đã được căng thẳng ngang sông. Nước chưa rỏ xuống hết mà đã có một bầy chim sẻ tưởng lầm là "sợi dây thép" thông thường, dây "ăn-ten" của các đài viễn liên xưa cũ, liền đáp xuống đậu thành hàng trông ngang nhiên như những anh chàng "điếc không sợ súng." Bên bến kia sông, phu bắc đã gắn được dây cáp vào trục lăn thẳng đứng và lần lượt ra hiệu cho xe đò và hành khách lục tục kéo nhau xuống bắc. Đến một giai đoạn nào đó thì phải ngưng lại chờ chuyến sau, không thôi chết chìm cả lũ. Vậy mà vẫn có nhiều người đã chen chúc đứng trên sàn cửa sập chỉ lé đé cao hơn mặt nước độ vài tấc. May là không có công voa nhà binh nên dân chúng mới được ưu tiên.

Rồi có lẽ vì chờ lâu, trễ nải giờ giấc cho nên nhiều người quá giang liền nhào vô sẵn sàng phụ với phu kéo một tay. Tay không thôi chớ không cần cây ngáng. Nhanh như chạy máy, không mấy chốc đã phom phom ra đến giữa dòng. Dưới sức tống của nước, chiếc bắc nghiêng triền một bên và sợi dây cáp cong vòng như một cây cung căng cứng, sắp sửa buông tên. Chợt thấy vật lạ bon bon tiến thẳng về mình, đàn chim sẻ chíp chíp gọi bầy, nhớn nhác vụt bay lên, đảo lượn một vòng rồi bay thẳng lên tàn cây điệp rộng lớn bên kia sông, cái trụ cột thiên nhiên dùng để buộc dây cáp.

Bắc đã vào sát bờ. Những người muốn đi gấp đã mon men lần ra sàn cửa sập, nhúng lên nhúng xuống đôi ba bận, và... rầm, xả cảng, mạnh ai nấy vọt lẹ như tù vượt ngục chạy thoát lấy thân, ùn ùn túa lên trên bến. Xe đò, xe lam, xe gắn máy đua nhau nổ bạch bạch, bình bình. Cảnh lên và xuống bắc bao giờ cũng hỗn loạn, nhốn nháo, thiếu trật tự...

Đợi cho những người buôn gánh bán bưng và những ai cần đi trước xuống hết rồi Hiếu mới từ tốn bảo Hồ Điệp:

"Bây giờ tới phiên mình, đi em!"

Hồ Điệp không quên vén gọn tà áo cầm chắc một bên hông cho khỏi văng bùn, dính sình rồi vịn vào yên sau, lót tót đi theo chàng như một đứa bé con đang hồi sợ lạc mẹ. Thêm độ chín mười người nữa thì bắc đã đầy và một lần nữa những tay kéo phụ hợ lại đông hơn so với số phu bắc chính thức. Vùn vụt tẻ nước ra khơi. Tiếng róc rách của dòng sông chảy xiết vỗ nhẹ vào mạn lườn nghe rõ mồn một. Binh..., một khúc củi khô trôi nổi đã va mạnh vào sườn...

Nhìn về phía thượng dòng, ngang cua quẹo dẫn lên vàm Kỳ Hôn, hai bên sông toàn là dừa nước và bần xanh mọc đầy hơn hàng rào ấp chiến lược. Bên trong, những vườn cây ăn trái nối tiếp, đan vào nhau tạo thành một màn lưới rậm ri, che khuất bóng người đi. Xa thật xa, chịu khó nhìn kỹ một chút mới thấy một căn nhà, cất cạnh con rạch nhỏ trổ ra sông lớn. Có lẽ con kinh Chợ Gạo được khởi đào từ đây, dâu vào năm 1875 thì phải, vì nếu quay về hướng hạ dòng chỉ thấy thẳng tắp một dường lấp lánh, sáng ngời như thanh kiếm bạc, ngút ngàn đụng tới chân mây. Hai bên bờ không thấy cây cối um tùm có lẽ vì vẫn còn tiếp tục bị sạt, lở do sóng đánh ngày đêm. Xịch vô bên trong một chút, hai con đê đắp cao như sẵn sàng biến thành trục lộ giao thông chính. Nhưng công trình ấy đã không thành mặc dù, một thời, Tây đã từng dem đá xanh, đá trắng, đá ong đổ đống hai bên đường. Từng đoạn, có chỗ đã được trải ra, có chỗ đã bị dân chúng trong vùng tẩu tán, lén lút đắp nền cất nhà riêng. Xuyên qua lớp bụi thời gian, nhìn chung, tất cả rồi cũng dần dần chìm sâu dưới lòng đất lạnh, cỏ mọc lan tràn phủ trùm vết tích thuộc địa phong kiến ngày xưa. Hiếu biết được như vậy vì trước đây chàng đã từng theo bạn bè, thằng Phát, thằng Trí, thằng Quốc..., có dịp ghé qua các làng mạc, thôn ấp xa xôi đó...

Để tránh tiếng thở dài, chàng quay sang nói nhỏ với Hồ Điệp:

"Qua bên kia bờ mình còn phải đi bộ một cây số nữa thì tới quận lỵ. Chợ Gạo, nằm ngay hai bên đường đi xuống Gò Công. Xong, thêm một cây số nữa mình sẽ tới Cầu Sắt, bắc ngang sông Tham Thu. Men theo lối mòn dọc theo con sông đó độ một dối xa xa thì tới nhà của thằng Phát. Anh nghĩ nếu không phải cúng kiến ông bà, tổ tiên thì mười thằng Phát cũng không dám về vùng xôi đậu đó để ăn giỗ. Bây giờ nó là lính, lính tàu! Ha ha, còn mình, nói chớ học sinh với sinh viên thì cũng chưa đến nỗi nào bị Việt Cộng thù ghét đến mức đang tâm chặt cổ mổ bụng phải không em?"

CAO XUÂN TỨ

ĐÊM XUÂN

mây ùn kín bến sao mơ
ơ hay đốm lụa ngân hà trắng tay
đài trang vất vưởng đâu đây
ngón tơ còn chuốt chân mày láng gương

dẫu dài thêm vệt phấn hường
ngấn son vẫn xót chiếu giường nhân gian
dẫu về nuối tiếng ca thương
khuyên vàng ngậm hót bờ truông âm thầm

co mình cuống lá trở đêm
xác sao rơi rụng mép thềm héo hoa
viền trăng một chớp mưa qua
giọt sương giọt lệ bôi nhòa gối xuân

Chẳng biết dụng ý của Hiếu có phải nhằm trấn an nàng hay không, nhưng Hồ Điệp đã không đồng ý:

"Anh nói, coi vậy chớ không phải vậy đâu nghen! Chắc tại chỗ mấy anh ở dân dã còn hiền chớ bên Bến Tre... đồng khởi của em thì Việt Cộng chẳng hề từ ai hết. Già trẻ bé lớn, đàn bà con nít gì gì tụi nó cũng giết láng! "Thà là giết lầm chớ không tha lầm," bọn nó đã từng hô hào như vậy anh không biết à!"

Con đò ngang chuyển bến, làm xong cái gạch nối đôi bờ. Quảy gánh tang bồng nặng nhẹ trên vai, mọi người lần lượt ra đi! Biết có mấy ai chịu khó đoái hoài, nhìn lại lần cuối mảnh hình hài đã giúp họ sang sông? Mặt trời đã lên cao gần tới đỉnh đầu! Cái nắng hanh vàng hây hây bao phủ khắp mọi nơi, đem lại cho lòng người niềm hân hoan thư thái. Mới hay cái không khí trong lành, mát mẻ lúc xuân về, mặc dù ở nơi này vắng bóng những "con én thoi đưa," cũng đã hứng hờ báo hiệu với mọi người là ba ngày Tết thiêng liêng hiện đang trên đường đi tới...

Chờ cho Hồ Điệp ngồi vững vàng trên yên sau, Hiếu nhổm mông ra sức ấn mạnh lên pê-đan đạp xe lấy trớn, tiếp tục cuộc hành trình. Bỏ lại bên bờ bến bắc vừa qua... Hai bên đường, ở đoạn này, cũng toàn là vườn tược sum xuê, tươi tốt. Đặc biệt hơn, có lẽ vú sữa và xoài thanh ca hơi nhiều, rộng tàn lớn oóng, che mát khắp vùng. Dựa theo con mương cạnh lộ, có một cây qua to lớn đềnh dàng trông không khác gì cây đa đầu làng, trên cành treo đầy trái xanh, giống giống như những trái ô môi còn non.

Chỉ trong khoảnh khắc, hai đứa đã đi gần đến quận lỵ, phố xá bắt đầu có vẻ tấp nập nhộn nhịp hơn, nào là trường học, nhà bảo sanh, tiệm bán gạch cát, nhà thuốc tây. Băng qua cây cầu sắt nhỏ, khoảng hai ba chục thước, là đến nhà lồng chợ, cột gạch vuông một người ôm không hết, mái lợp *fibro-ciment*. Tiệm lớn và quán xá cất thành hai dãy dài, mái ngói đỏ au. Một vài căn lên lầu hai, lầu ba, xây theo lối hiện đại xi măng, cốt sắt, tường sơn màu xanh lá cây. Rồi đình làng, dinh quận, nhà đèn, sân đá banh tiếp nối nhau chạy tuốt xuống đến "bờ lộ ma." Một bên là chùa chiền, mồ mả với nhiều bụi chà là mọc rậm như rừng, còn một bên là bao la bát ngát ruộng đồng. Ngay bên vệ đường, một thân dái ngựa cao to như cây sao trên ngàn, chĩa thẳng lên trời tưởng chừng sắp đụng mây xanh.

Thêm một khúc đường khá xa, rồi quẹo phải một vòng cung chín mươi độ, hai đứa liền mặc nhiên thong dong trên cây cầu sắt, lót đà bằng ván dầu vuông. Chỉ rộng bằng nửa con kinh Chợ Gạo thôi, nhưng sức nước chảy mạnh thì không thua kém một chút nào hết. Len lỏi trong chòm cây, bóng mát dọc theo bờ sông dưới, độ mươi mười lăm phút, Hiếu đã an toàn đưa Hồ Điệp đến chốn, đến nơi...

Chợt thấy bóng bạn hiện ra ngoài đầu ngõ, từ trong nhà Phát đã phóng vội ra sân:

"Trời đất, sao xuống trễ vậy mậy! Làm tao cứ tưởng là mầy đi lạc đường hay bị Việt Cộng đắp mô rồi chớ... Ô, còn ai nữa đây? À, hận hạnh chào cô Điệp, bấy lâu nay chỉ nghe tiếng mà không hề được gặp mặt. Mời vào chơi! Cứ dựng đại chiếc xe xập lết của mầy vô gốc gòn đó cũng được mậy, Hiếu!"

Ấy... thì ra anh này là anh Phát! Hồ Điệp nhớ mang máng là hình như nàng đã gặp ở đâu đó một lần. Vì tướng người dong dỏng cao, nước da ngâm ngâm bánh mật, tiếng nói ồ ề chậm rãi kia đều cũng... quen quen. Bèn lén vịn vào tay Hiếu, Hồ Điệp định nói với Phát một vài lời, nhưng chưa kịp thốt lên tiếng nào thì một ngạc nhiên khác lại tới tấp dập vào mắt nàng. Coi ai vậy cà? Đúng là con bạn học cùng lớp của mình mà! Chẳng lẽ con Cẩm Vân này, Trần Thị Cẩm Vân, lại là em ruột của anh Phát, Trần Hưng Phát? Cả chủ lẫn khách đều khựng lại một vài giây! Cẩm Vân liên tiếng trước:

"Mèn ơi, vô chơi bà! Mấy thuở mà rồng đến nhà tôm!"

Hồ Điệp nhìn bạn mình châm bẩm từ đầu xuống chân. Hơn hai năm qua, kể từ ngày chia tay chọn ban sinh ngữ Anh - Pháp, dường như hai đứa chưa hề đối diện với nhau một lần nào thì phải? Cho dù trước đó, tuy rằng hai đứa không thân, nhưng lại là hai hoa khôi có tiếng đẹp nhất nhì trong lớp. Giờ gặp lại đây, dưới lớp áo bà ba màu tím hoa cà, cái vóc dáng gầy guộc khẳng khiu của con nhỏ cộng thêm với nước da màu tai tái, như vẫn còn đượm nét liêu trai chí dị... mà dạo nào chúng bạn cùng lớp thường hay đặt để và gán ghép cho. Ừa, đúng rồi, một đôi lần nàng còn nghe những câu hò xa gần bóng gió, chắc hẳn là của anh chàng công tử miệt vườn nào đó đã muốn nhấn nhủ với con nhỏ này đây! Rằng thì là:

Hò ớ...

Gái nào hiền cho bằng gái Chợ Gạo

Trai nào xạo cho bằng trai Gò Công

Nếu em muốn vẹn chữ tòng

Hãy mau mau thẳng xông xuất Mỹ... ờ...

Hò ớ...

Hãy mau mau thẳng xông xuất Mỹ

Cho anh khỏi uổng công... ơ... đợi chờ...

Trong ngỡ ngàng, Hồ Điệp vội vàng ôm vai bạn, thân mật tâm tình:

"Trời ơi, tui đâu có dè bà là em ruột của anh Phát, bạn của anh Hiếu! Coi như xa mà lại hóa ra gần à nghen! Thiệt, không ngờ trời đất đã sắp đặt cho hai đứa mình một cuộc gặp gỡ hết sức là lạ lùng, hi hữu hả?"

Ở bên trong, tiếng ăn uống cười đùa của bà con chòm xóm vang lên từng hồi một. Cẩm Vân mừng rỡ lôi bạn vào nhà, đi tìm ba má nàng để giới thiệu. Phát và Hiếu cũng nhanh nhẹn không kém, bén gót theo sau. Bên ngoài, ánh nắng ban trưa như vừa vượt ra khỏi áng mây che, vụt bừng lên ngời sáng, điểm tô thêm sắc thắm cho một lần trở bước, xuôi ngược miền quê, ăn giỗ ngày xuân...■

CÔ MAI

NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN

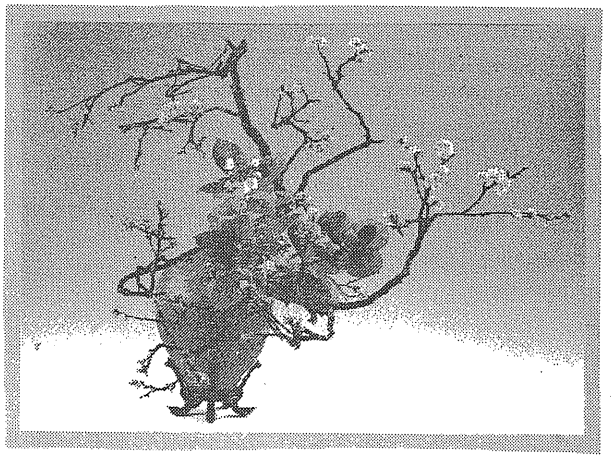

Cô Mai bỏ nhà đi tu năm 20 tuổi. Tin cô vào chùa tu làm mấy chị em tôi ngỡ ngàng. Cô là người em họ của ba tôi. Nhưng cô thua tuổi ba má tôi xa. Cô chỉ bằng tuổi người anh lớn của tôi. Là bà con xa nên chúng tôi chẳng biết cô mãi đến khi gia đình ba má tôi dọn lên Đà Lạt. Năm đó cô Mai mới độ mười sáu hay mười bảy tuổi, vừa đậu trung học, cô học trường Bùi Thị Xuân Đà Lạt.

Tôi còn nhớ lần đầu cô đến thăm gia đình chúng tôi, cô cùng đi với bà mẹ Sáu, mẹ cô. Cô mặc chiếc áo dài đồng phục của trường Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân, màu xanh biển. Cô Mai không đẹp, nhưng cô cũng không đến nỗi "em là gái trời bắt xấu". Cô là con gái Đà Lạt chính cống: cô nói giọng Đà Lạt (giọng nam trại trại những thanh âm nửa Huế, nửa Quảng Trị); cô để tóc dài, thẳng, xõa ngang vai; cô có gương mặt bầu bầu, tròn trịa, nước da trắng, và gò má lúc nào cũng ửng hồng. Trừ đôi mắt cô mỗi khi cười, như tít lại, và đuôi mắt cũng cười theo, trông dễ thương, cô Mai không có gì đặc sắc. Tuy chỉ mới tám hay chín tuổi dạo ấy, nhưng tôi còn nhớ mình đã biết phân biệt vẻ duyên dáng của một người thiếu nữ. Và cô Mai vì ít cười nên vẻ duyên dáng duy nhất của cô ít khi được phô bày, khi ấy tôi đã nghĩ cô là một người buồn nản, gặp một lần không ai nhớ mặt.

Nhưng cô Mai dễ thương tuy chúng tôi không mấy thân với cô. Nhà chúng tôi nằm trên đường về nên cô hay ghé nhà thăm chúng tôi một đôi khi sau buổi tan trường. Mấy năm gia đình chúng tôi ở Đà Lạt, vài ba lần, vào những ngày Chủ Nhật, ba tôi đưa chúng tôi đón xe đò lên thăm nhà bà mợ Sáu ngoài Trại Hầm. Bà mợ Sáu làm rẫy nuôi người con gái duy nhất ăn học. Chồng bà là cậu ruột của ba tôi, đi theo bộ đội, chẳng trở về; bà theo chương trình di dân của chính phủ Ngô Đình Diệm, bỏ quê quán là Quảng Trị, mang con gái lên Đà Lạt lập nghiệp. Cô Mai xem như mồ côi cha từ nhỏ.

Một bữa cơm chiều, sau khi đi thăm bà Sáu trở về, tôi nghe má tôi nói với ba tôi rằng bà Sáu than cô Mai quá lãng mạn, con gái mới mười bảy, mười tám mà không lo học hành, cứ mơ mộng viển vông. Vài hôm sau, cô Mai ghé nhà thăm má tôi. Tôi thấy hai người thì thầm rất lâu ngoài hiên nhà. Lúc vẫy tay chào chúng tôi về, tôi thấy mắt cô còn đỏ hoe. Tôi hỏi má tôi vì sao cô Mai buồn, má tôi thở dài bảo, cô thương một người mà cô chưa hề gặp mặt. Tôi hỏi má tôi người đó là ai vậy. Má tôi chỉ bảo, trẻ con biết gì đừng hỏi chuyện người lớn. Nhưng tối hôm ấy, tôi nghe má tôi nói chuyện với ba tôi, và bà bảo cô Mai quen người đàn ông này qua mục kết bạn tâm thư của một tuần báo phụ nữ. Cô đã lén mẹ thư từ với người bạn tâm thư kia. Qua thư từ, người ấy cũng tỏ ra rất tha thiết với cô, nhưng bà Sáu biết được, bà đã la mắng và cấm cản con gái. Ba tôi trả lời rằng Bà Sáu lo lắng là phải, bà than với Ba tôi rằng cô Mai là con gái nhà đàng hoàng mà dám cả gan đi viết thơ cho trai, làm quen với người lạ, lại là đàn ông Sài Gòn, ít thật tình, và biết đâu lại trúng phường sở khanh hay là người đã có vợ con.

Mấy chị em chúng tôi khi lớn lên, ba và má rất nghiêm khắc nên chúng tôi ít bạn bè bên ngoài. Nếp sống nhiều bảo bọc và nhút nhát ấy đã làm chúng tôi thầm khâm phục một người dám biên thư trong mục *Tìm Bạn Bốn Phương*. Không ra ngoài nhiều nên điều khám phá mới về cô Mai làm chúng tôi nể phục cô không ít. Mấy chị em tôi bớt xem thường cô, không đến nỗi cho cô là

ĐỖ THÌ KÊNH G

NHÌN SAO NHỚ MẸ

Thuở con vừa mới lên ba
Đêm xuân mẹ bế con ra nhìn trời
Miệng con miệng mẹ cùng cười
Mắt con mắt mẹ sáng ngời nhìn sao
Sao từ ở tít trên cao
Rơi vào mắt mẹ rơi vào mắt con.
Biển đời sóng vỗ dập dồn
Đưa con trôi dạt đảo buồn xa xôi
Mẹ ơi cũng vẫn khung trời
Của ngày xưa ấy mây trôi ngọt ngào
Mẹ ơi cũng những vì sao
Mọc trên mái lá năm nào quê ta
Đêm nay trời đất bao la
Sao xưa vẫn mọc mà xa cách rồi
Đêm nay con ngước nhìn trời
Thấy trời sao cũ bồi hồi nhớ quê.

"quê", mà lại bắt đầu quan sát và để ý đến cô hơn. Để ý đến cái vẻ "người lớn", và quan sát cái sự "nhiều từng trải" của cô. Còn tôi, tôi cứ tò mò nhìn cô để xem cô có còn đôi mắt khóc buồn đỏ hoe nữa chăng. Năm ấy, cô Mai 18 tuổi, chuẩn bị thi Tú Tài I.

Sở ba tôi lại đổi ba tôi đi nơi khác. Gia đình tôi nao nức thu xếp để dọn xuống Sài Gòn. Ba năm trời sống tại Đà Lạt không để lại nhiều nhớ thương trong trí nhớ tôi. Tôi còn quá nhỏ để ghi nhiều kỷ niệm về thành phố sương mù ấy. Hình ảnh tôi còn ghi nhớ về chính mình tại Đà Lạt là hình ảnh một con bé con mười tuổi, gầy teo, mắc bệnh suyễn, những buổi sáng co ro leo dốc lên trường. Những cơn suyễn làm mùi hương mimosa, mùi hoa anh đào những ngày đầu xuân, và mùi tường vi của những con dốc nhỏ mất quyến rũ. Đà Lạt trong trí nhớ tôi mau bị quên lãng. Và tôi dễ quên Đà Lạt cùng những người bà con họ ở đấy.

Ba má tôi gặp một người bà con xa từ Đà Lạt xuống Sàigòn, ông bà lại có dịp hỏi thăm tin tức người này người kia. Một trong những tin lạ là tin cô Mai đi tu. Theo lời người quen ấy, cô Mai thư từ quen biết với một người đàn ông ở Sài Gòn đến hai ba năm trời trước khi hai người có dịp gặp mặt nhau. Hình như sau lần gặp gỡ đầu tiên và duy nhất ấy, mối tình của cô Mai lại càng tha thiết hơn. Nhưng người bạn tâm thư kia, tâm tình lại phai lạt lần và bặt tin. Cuộc tình bẽ bàng, thêm với bà mẹ già khó khăn hay mắng mỏ rầy la có lẽ đã làm cô chán cảnh hồng trần, mà đi tìm sự bằng an nơi cửa Thiền?

Năm ấy mấy chị em tôi người nào cũng đã lớn, và tôi đã bước vào tuổi dậy thì. Trong thế giới tươi sáng nhiều màu sắc của chúng tôi thuở ấy, tình yêu và lãng mạn được đề cao trên hết, nên một người can đảm từ bỏ cuộc đời để đi tu, nhất là đi tu vì tình, được chúng tôi ngưỡng phục vô cùng. Nhưng đồng thời, một người dã đi tu, đối với chúng tôi, thế giới cũng đã đóng cửa lại sau lưng họ, và chúng tôi dễ dàng quên cô Mai cùng mối tình ngang trái của cô.

Ba tôi đã về hưu trí khi ông nhận được bức thư của cô Mai gởi từ Đà Lạt xuống. Mấy anh, mấy chị tôi lúc ấy đã đi xa, đã lập gia đình, chỉ còn mình tôi, đứa con út còn ở lại nhà. Trong thư, cô Mai cho hay cô đã hoàn tục hơn hai năm. Hiện thời cô về sống lại với mẹ cô, nhưng cô muốn nhờ ba tôi kiếm giùm cô một việc làm, một chân thư ký đâu đó, vì bà Sáu không còn làm rẫy nữa, và cô muốn mang mẹ theo với cô xuống Sài Gòn.

Chiếc xích lô máy mang mẹ con cô Mai dỗ xịch trước nhà ba má tôi. Cô Mai và bà Sáu bước xuống mặt hớn hở. Nhưng ngoài hai mẹ con, họ còn mang theo một đứa bé con độ ba tuổi. Thằng bé chạy lăng quăng, trông nó khấu khỉnh, nước da trắng mịn, tóc hoe vàng.

Thấy chúng tôi nhìn thằng bé với vẻ bỡ ngỡ, cô Mai cười giải thích:

"Khi em còn ở chùa, má em ở nhà sợ khi già, một mình quạnh hiu, má xin được thằng nhỏ này về nuôi."

Bà Sáu, giọng chân thật tiếp lời con gái:

"Có mụ vợ lính hấn đẻ con ở nhà thương Đà Lạt. Đẻ ra, thấy thằng nhỏ giống lai, hấn bỏ trốn mất, không ai nuôi thằng nhỏ, tao xin về nuôi."

Ba tôi tính người tốt bụng, đơn giản, không hỏi thêm gì về thằng cháu nuôi của bà Sáu; nhưng má tôi, cũng như mấy cô tôi, cứ thắc mắc về lý lịch thằng bé và việc cô Mai chẳng tiếp tục tu, hoàn tục mãi.

Mẹ con bà Sáu ở tạm nhà ba má tôi mươi ngày rồi họ dọn về một căn phố sang lại ngoài chung cư Nguyễn Thiện Thuật. Ba tôi giúp cô Mai cũng tìm được một chân giữ trẻ trong một trại trông coi trẻ mồ côi.

Bà Sáu khi xin thằng Chánh về, bà chỉ muốn kiếm chút cháu lúc tuổi già cô quạnh, quên không nghĩ đến cô con gái muộn màng của mình. Cô Mai lại xuất giới liền sau đó, nên bà con họ hàng, những bà cô, bà thím của tôi lại có dịp bàn tán, xầm xì mỗi dịp giỗ

LƯU VĂN VỊNH

TRÁI TIM NÀY LÀM TỔ CHO NÀNG THA VỀ TỪNG CỌNG RÁC YÊU ĐƯƠNG

Người thiếu nữ Mafia
môi đỏ cong như nhánh thược dược
chiếc cằm tạc từ tượng đá Leonard
một ngày đông lửa reo lách tách
chợt rộn ràng lòng kẻ sĩ phương xa
khi ấy nàng mới tuổi mười ba
trái tim tôi vẫn còn mười tám
tóc bạc đi vì mây trắng bay qua!

Tôi thấy cả thành phố trôi trên sống mũi nàng
tôi thấy công viên trồng đỏ toàn nụ hôn
tôi thấy vỉa hè lát kín gót chân hồng
nhìn lên cao, trời uốn theo cung mắt phượng
tỏa bao la áng tóc che vũ trụ mười phương.

Có lúc tôi thấy nàng là loài chim
tôi ước ao trái tim này làm tổ
cho nàng tha về
từng cọng rác yêu đương

Có lúc tôi thấy răng nàng là ngọc
chính Hóa Công cất dấu giữa thịt da
nếu thế tôi sẽ lặn vào nước bọt
trong miệng nàng mò châu báu kiêu sa!

kỵ khi thấy bà Sáu và cô Mai mang thằng Chánh đến dự. Nhưng cô Mai và bà Sáu tưng tiu thằng cháu nuôi lắm; hoặc họ cũng đã quen đi với những lời xì xầm và những ánh mắt soi mói của họ hàng về tông tích của thằng nhỏ.

Ba má tôi thương cô Mai tuổi đã khá cao mà vẫn một thân một mình, nên tìm vài nơi quen biết giới thiệu cho cô. Khổ một nỗi, đàn ông càng lớn tuổi, lỡ thì, xem ra lại càng khó tính và ít thực tế, chỉ muốn tìm đàn bà trẻ đẹp và sắc sảo. Cô Mai thì có hiền hậu chứ không trẻ, đẹp, mà cũng chẳng sắc sảo, nên những cuộc mối mai kia rốt rồi cũng chẳng đi đến đâu. Tôi đành phải khuyên ba má tôi nên quên ý định tìm bạn cho cô Mai thì hơn, vì xem ra nó chỉ làm cô thêm tủi thêm buồn, và mất tự tin sau mỗi lần những người đàn ông ba má tôi giới thiệu lại bặt tin.

Cô Mai làm việc cho chương trình trẻ mồ côi được hơn ba năm thì một hôm cô đến thăm nhà ba má tôi với một tin vui. Cô đến một mình. Lâu ngày không gặp trông cô thay đổi hơn xưa. Trông gương mặt cô vui vẻ hẳn, không còn cái nét buồn muôn thuở cô vẫn có từ ngày tôi gặp cô lần đầu ở Đà Lạt. Có lẽ khi người ta vui vẻ trong lòng thì sắc diện, hình hài cũng theo đó mà tươi tắn ra. Cô báo tin cho ba má tôi hay cô sắp lập gia đình, và sẽ đi xa.

Người chồng sắp cưới của cô là một người bạn đồng sở, trẻ thua cô vài ba tuổi, một thanh niên tự nguyện người Hoa Kỳ, làm việc cho cơ quan xã hội cô đang làm. Cô cho hay, anh ta sẵn lòng mang cô và cả bà Sáu, và thằng Chánh về quê hương xứ sở của anh. Đó cũng là một tin mừng cho cô. Ba má tôi rất mừng, vì ông bà thấy cô đã tìm được một người thương yêu cô, và một nơi cho cô nương tựa.

Thế là cô Mai theo chồng về nước Mỹ. Cô đi được hơn hai năm thì gia đình tôi cũng tản lạc, mỗi người mỗi phương, cho đến khi được đoàn tụ lại tại California.

Ba tôi ngày đi tản, không đem theo địa chỉ cô Mai. Ông chỉ biết cô ở đâu đó tại tiểu bang Oregon. Nhưng đời sống ở Mỹ mười mấy năm đã làm chúng tôi quen với việc không gặp mặt người thân thường xuyên. Bao nhiêu người khi chưa có tin tức, chúng tôi đã trông ngóng mong tin, không biết họ bây giờ ra sao, sống hay chết, có được bình yên chăng. Khi gặp được, thì mừng, nhưng rồi mỗi người mỗi ngã, họa hoằn, ngày giáng sinh, ngày Tết mới gởi một bức thiệp chúc mừng.

Tôi gặp lại cô Mai trong một tiệc cưới ở Garden Grove, California. Buổi gặp gỡ tình cờ, và cũng kỳ thú. Đám cưới của con gái một người bạn học thời trung học của chị tôi. Người quen tuy không thân thiết, nhưng vì tình cờ gặp mặt và đi cùng trên chuyến bay về lại Việt Nam, nên khi sang lại Mỹ, chúng tôi bắt lại liên lạc, và vợ chồng tôi được mời đến dự lễ cưới đứa con gái đầu lòng.

Buổi tiệc cưới khởi sự trễ. Các thực khách được sắp ngồi chung bàn với chúng tôi đến trễ. Cặp vợ chồng thứ hai đến ngồi cùng bàn với chúng tôi là một cặp vợ chồng trông xa hoa ra dáng. Người chồng khoảng tứ tuần, nhưng ăn diện trẻ trung và bảnh bao như một thanh niên mười sáu. Áo sơ mi, quần tây, áo tây cùng một loại hàng lụa, màu xanh olive. Anh ta nhuộm tóc màu nâu nhạt, uốn bồng bềnh, tay đeo đồng hồ vàng, cổ sơ mi gắn kẹp vàng, và ngón

tay út đeo một chiếc nhẫn vàng nhận một hột kim cương thật to. Người đàn bà cũng đứng tuổi, nhưng trông hãy còn xuân sắc. Bà ta trang điểm rất duyên dáng, mái tóc màu nâu dợn sóng, xõa dài ngang vai, dáng điệu bà nhí nhảnh như của một thiếu nữ còn tươi trẻ.

Chồng tôi không sinh trưởng tại Việt Nam nên mỗi khi nhìn thấy một phụ nữ Việt Nam sóng mũi dọc dừa, mắt to tròn, anh đều thì thầm hỏi tôi:

"Đây có phải người Việt lai Mỹ (Amerasian) không?"

Tôi thúc chân anh và vờ mỉm cười lơ đãng trả lời:

"Không."

Cặp vợ chồng ấy tuy cả hai trông đều đã đứng tuổi, nhưng họ vẫn còn quấn quít nhau như một cặp vợ chồng son. Chồng tôi tự giới thiệu và bắt chuyện với người đàn ông. Người vợ rút cánh tay đang âu yếm quàng cổ chồng, quay ra bắt chuyện với tôi. Bà ta bỗng nhíu mắt nhìn tôi thật chăm chú như thể bà ta vừa khám phá một nét quen thuộc nào đó. Bà ta hỏi tôi:

"Cô có phải là con của ông T. không?"

"Dạ phải. Chị biết ba má em?"

Bà ta nắm tay tôi, mừng rỡ:

"Trời ơi, cháu là đứa nào đây? Cháu không nhớ cô hả. Cô Mai con bà Sáu ở Đà Lạt đó!"

"Cô Mai?"

Có lẽ sự ngạc nhiên quá độ của tôi đã làm cô Mai hơi thẹn thùng vì sự thay đổi của mình nên cô cười giả lã:

"Cháu không nhận ra cô phải không? Cô khác lắm hả?"

"Dạ không... cháu nhận ra cô rồi. Nhưng cô trông vẫn trẻ quá nên cháu không ngờ... Mà bây giờ cô ở đâu?"

"Cô ở đây. Ở Los. Cộ dọn về Cali lâu rồi. Cô mở tiệm làm sắc đẹp cả năm sáu năm nay."

Tôi đoán cô phải làm ăn phát đạt lắm qua bộ đồ đắt tiền và những món nữ trang trên bàn tay trau chuốt của cô. Tôi quan sát, cố tìm một nét quen thuộc trong gương mặt của cô Mai và cố thử phân tích điều thay đổi nào đã làm tôi không sao nhận diện ra người cô họ hay e lệ, hiền lành, nữ sinh trường Bùi Thị Xuân thuở xưa. Trí óc tôi cố quay một đoạn phim dĩ vãng để tìm xem thử những gì có thể đã xảy đến để cô Mai đi từ người đàn bà đơn sơ của chương trình nuôi trẻ mồ côi ngày xưa thành người đàn bà đỏm dáng ngồi trước mặt tôi. Tôi biết người dàn ông ngồi với cô đây chắc chắn không phải là ông chồng Mỹ đã mang cô về nước. Tôi hỏi:

"Bà Sáu khỏe không cô? Bây giờ bà vẫn ở với cô chứ?"

Gương mặt cô Mai sa sầm:

"Bà Sáu vẫn khỏe, bà vẫn ở Oregon. Cháu còn nhớ thằng cháu nuôi của bà không? Thằng Chánh đó. Bây giờ nó lớn lắm. Nó có vợ rồi. Bà ở với vợ chồng nó. Bà giận cô từ hồi cô dọn xuống Cali. Cô kêu hoài mà bà đâu chịu về ở với cô dưới này. Ở trên đó mưa hoài, buồn muốn chết, mà bà chẳng chịu xuống đây."

Hai người đàn ông thấy hai chúng tôi bắt chuyện tíu tít biết chúng tôi đã gặp được người quen. Tôi giới thiệu chồng tôi với cô Mai. Cô Mai níu tay người đàn ông cùng đi với cô:

"Còn đây là dượng Hùng, chồng cô."

Tôi gật đầu chào người đàn ông, cô Mai hỏi thăm về gia cảnh của tôi. Tôi cũng hỏi lại cô đã được mấy con. Cô Mai cười khanh khách. Tôi nhớ mang máng giọng cười này ngày xưa của cô. Khi cô cười, cặp mắt cô tít lại, có đuôi. Tôi nhận ra cặp mắt này rồi. Dầu bây giờ chúng có to tròn và hơi lạ hơn ngày trước. Cô nói:

"Thôi cô dượng già rồi mà còn con cái gì nữa. Cô với dượng ăn mừng ngày cưới bảy năm hôm tuần rồi đó."

Như biết ý tôi vẫn còn một dấu hỏi thật to trong đầu về số phận người chồng Mỹ đã mang cô ra khỏi Việt Nam, cô tiếp:

"Cô ly dị ông chồng cũ lâu rồi, từ hồi ở trên Oregon lận. Người Mỹ mà cháu, nói rồi nó cũng có cái dị biệt văn hóa cháu à."

Cô lại cười, giọng cười không còn giòn như lúc nãy:

"Với lại từ hồi ở Việt Nam lận kìa cháu. Hồi mới lấy nhau, ổng đưa cô đi Đà Lạt chơi, cô dẫn ổng đi thăm thắng cảnh. Mình ghé chùa Sư Nữ xem chùa, tình cờ cô gặp lại hai ni cô đồng môn ngày xưa. Nó mới bẽ bàng sao dâu. Cô cứ còn nhớ hoài. Với lại, ông chồng cũ của cô thì hiền, nhưng gia đình ổng cổ xưa lắm. Nhà họ theo đạo Chúa, nhà cô thì tụng kinh, đi chùa, riết rồi nó làm sao đâu ấy. Ổng ở lại Oregon, ổng cũng còn làm cho các chương trình xã hội, ổng không tu mà còn tu hơn cô..."

Nói đến đây, cô Mai hơi cười khẽ như mắc cỡ giùm cho thái độ khác đời của người chồng cũ. Cô nắn nót những ngón tay trau chuốt của mình rồi khẽ chặc lưỡi như phân bua:

"Mình bây giờ qua Mỹ rồi, thấy có cơ hội làm ăn mà không theo thì uổng chết, bởi vậy cô theo ông này xuống Cali học nghề làm tóc, rồi cô học thêm ngành thẩm mỹ. Hồi xưa cô có đến hai tiệm thẩm mỹ lận, nhưng rồi dượng biểu cô bán bớt một tiệm, tại ổng sợ cô cực quá. Hôm nào cháu rảnh ghé tiệm cô. Mà còn ba má cháu bây giờ ở đâu? Ở ngay tại Cali mà không gặp nhau thật là chuyện lạ."

Tôi cho cô hay ba tôi đã hưu trí lâu rồi, và má tôi đã mất mấy năm nay. Cô Mai chép miệng:

"Tội nghiệp má cháu. Má cháu hiền lắm. Cô cứ nhớ hồi ở Sài Gòn, má cháu cứ tìm giới thiệu hết ông này đến ông kia cho cô. Mà hồi đó mình còn "quê" quá, nên chẳng đám nào đi đến đâu."

Rồi cô lại cười khúc khích, hỏi nhỏ tôi:

"Sao, cháu thấy dượng Hùng ra sao? Cô với ổng xứng đôi phải không? Ổng coi vậy chớ hiền lắm. Ổng biết lo làm ăn lắm. Ổng lo cho cô đủ điều hết. Cô thiệt là có phước."

Tôi cũng cười gật đầu:

"Dạ. Cô thật có phước."■

Nguyễn Thị Ngọc Liên

HÀNH TRÌNH VỀ PHƯƠNG TÂY

BÙI ĐÔNG TRIỀU

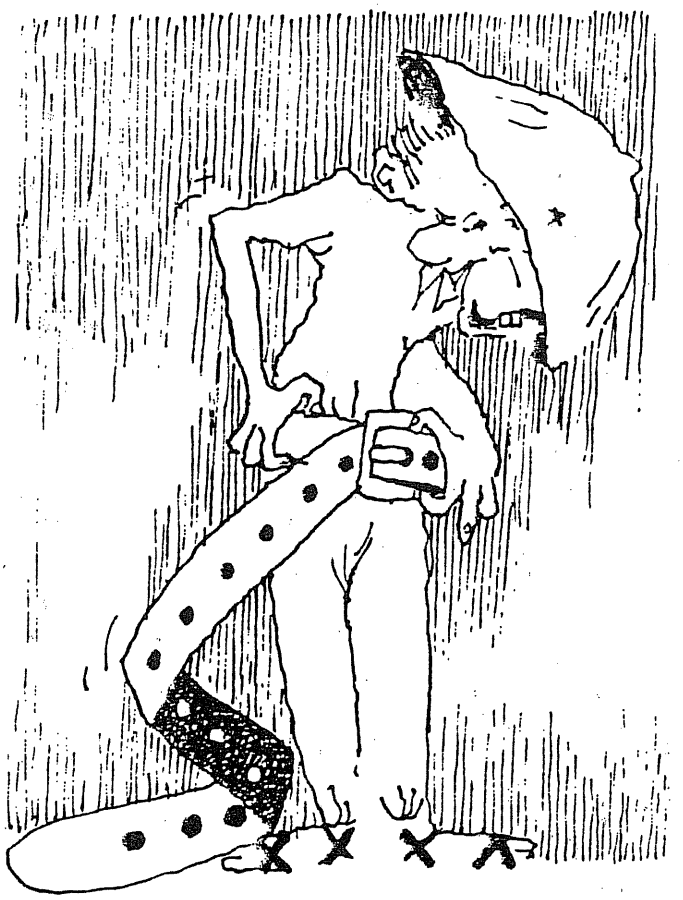

Chùa Tây Phương nằm trên núi Câu Lâu, cách Hà Nội 40 cây số. Từ chân núi, con đường dẫn tới thềm chùa gồm 237 bậc đá ong, cheo leo trên sườn núi, uốn khúc giữa ngàn xanh. Khách hành hương đang bước trên con đường khúc khuỷu, giả có ngưng chân, quay đầu nhìn lại những bực đá ghập ghềnh, hẳn sẽ cảm như thấy được bến bờ giác ngộ.

Tâm trạng trên có lẽ không được chia sẻ bởi anh bạn Thái gốc Việt của tôi. Anh nhễ nhại mồ hôi, hổn hển nhắc chân đạp từng bực đá một, miệng lẩm bẩm càu nhàu. Chắc anh đang hối hận đã có ý đi viếng chùa.

Trước chúng tôi vài bước, người hướng viên du lịch vẫn mạnh dạn dẫn đường. Mái tóc bạc trắng phủ ngang vầng trán hằn nếp nhăn hầu như không ngăn trở bước chân vững vàng và nhanh nhẹn của ông ta. Ông vừa trèo núi, vừa giảng giải: *"Chùa xưa kia tên là Sùng Phúc, có nghĩa tôn sùng cái phúc của trời đất, của Phật ban xuống cho con người. Sau đổi thành Tây Phương. Theo kinh Phật, Tây Phương có nghĩa là đất Phật."*

Khi tới thềm chùa, người hướng viên dừng chân bước, quay lại nhìn chúng tôi:

"Chùa được xây dựng theo kiểu kiến trúc chữ tam. Tòa chính được dựng theo kiểu hai tầng mái. Mái uốn cong, còn gọi là mái dao, là nét đặc thù của chùa. Nhà kiến trúc đã dùng những nét ngang như nền, xà ngượng để cất vụn chiều thẳng thành nhiều lớp. Vào chùa, rồi các anh sẽ được chiêm ngưỡng những pho tượng đúc từ thế kỷ 17. Cách phân bố tượng được dàn trải trong cả ba tòa chùa, theo một hệ thống rõ ràng."

Theo chân người hướng viên, chúng tôi bước vô tiền đường chùa, và được chào đón bởi chín vị kim cương to lớn. Tượng nào cũng như thực, đầy nét sống động trong bầu không khí tĩnh mịch.

Vô tòa chính có pho *"Di Đà Tam Tôn"* bệ vệ giữa màn khói hương nghi ngút. Tiếp đến là pho *"Tuyết Sơn,"* với nét điêu khắc lột tả được phong cách thoát tục của kiếp tu đầy khổ hạnh.

Người hướng viên đưa tay chỉ hai bức tượng cạnh pho Tuyết Sơn:

"Các bạn nào đã xem qua *Tây Du Ký*, chắc còn nhớ hồi Đường

Tăng đặt chân tới đất Phật, gặp hai vị cao tăng A Nan, Ca Diếp xin kinh. Chính là hai pho tượng này đây."

Trên môi ông nở một nụ cười khó hiểu:

"Truyện kể rằng A Nan, Ca Diếp dẫn Đường Tăng xem kinh, rồi giở thói vòi vĩnh: *Thánh Tăng từ phương Đông tới đây, chắc có chút lễ vật gì biếu chúng tôi chăng? Mau đưa ra đây chúng tôi mới trao kinh cho!* Các bạn xem, thánh nhân cũng ưa hối lộ, có khác gì phàm tử đời nay đâu."

Ông bỗng chép miệng:

"Thời buổi này, tư duy đổi mới, kinh tế thị trường, cái gì cũng mua bán, đổi chác được. Thánh Phật cũng chẳng tha. Tháng trước, có người có ý mua tượng Tuyết Sơn đem về Hong Kong. Tuần qua, lại có kẻ tính đánh cắp tượng để bán ra ngoại quốc... Đi theo tư duy Tây Phương, hay chưa thấy đâu, chỉ thấy không kìm hãm được lòng tham con người mà thôi."

Anh bạn tôi tỏ vẻ bất bình:

"Có kinh tế thị trường, có cởi mở thì đất nước mới phát triển nhanh chứ bác?"

"Cái đó cũng còn tùy."

"Tùy gì?"

Người hướng viên đưa mắt nhìn anh bạn tôi một lúc lâu trước khi trả lời:

"Để tôi nói anh nghe rõ căn nguồn. Trong Đại Hội Đảng kỳ IV, năm 1979, nhà nước đã thấy cần phải thay đổi phương cách quản lý kinh tế, đi theo chiều hướng kinh tế thị trường. Trên căn bản *Đổi Mới Tư Duy*, nhà nước quyết định ngưng công hữu hóa nông nghiệp, và bắt đầu cho nông dân thuê khoán ruộng đất. Đến năm 1986, sau Đại Hội Đảng kỳ VI, trên căn bản *Tự Quản*, chính phủ trung ương lại quyết định trao thêm quyền kinh tế, thương mại cho các đơn vị hành chánh địa phương. Các đơn vị trên được toàn quyền thương thảo với công ty ngoại quốc, lập tài khoản dự trữ ngoại tệ riêng rẽ, v.v..., không nhất thiết tuân theo mệnh lệnh trung ương. Nhà nước cũng quyết định để hầu hết mọi giá cả được phân định bởi quy luật thị trường (1). Tiền lương nhân công, giá sản phẩm và dịch vụ, hối suất ngoại tệ đều được quy định bởi mức cung và cầu."

Người hướng viên ngưng giọng, như để nghỉ mệt, rồi tiếp:

"Từ 1986 trở đi, nhà nước cũng ngừng bao cấp quốc doanh, buộc các xí nghiệp trên phải *tự thăng bằng, tự cân đối*, và có ý giải thể các quốc doanh ít hiệu năng. Ngược lại Quốc doanh không cần theo mục tiêu kế hoạch trung ương, không nhận vật tư do chính quyền cấp. Sau đó nhà nước cũng đã mở rộng thị trường lao động: mỗi đơn vị sản xuất được thuê lao động tùy theo yêu cầu sản xuất kinh doanh. Hiện nay, đã có chế độ hợp đồng lao động thay vì thể chế tuyển dụng lao động vào biên chế suốt đời, như khi xưa."

Anh bạn sốt ruột:

"Xin bác tóm tắt ý chính."

Giọng người hướng viên vẫn vẳng trong không trung:

"Các nghị quyết được ban hành trong hai năm 1987-1989 đã chính thức hóa hình thức *kinh tế nhiều thành phần tư nhân. Quá trình đổi mới đã giúp nền kinh tế Việt Nam đạt được những yếu tính căn bản của cơ cấu thị trường của nước Việt Nam tNamNamđạt được những yếu tố căn bản của cơ cấu thị trường của nước tư bản: tự do trao đổi sản phẩm và dịch vụ, và tự do phân định giá cả."*

Anh bạn đưa tay xua lia lịa:

"Như vậy là quá tốt rồi, có gì đáng phàn nàn đâu?"

"Có kinh tế thị trường, nên có người làm giàu nhanh chóng, nhưng cũng có kẻ bần cùng thiếu ăn, thiếu mặc. Đó là trường hợp những cán bộ, công nhân quốc doanh bị giải tư."(2)

"Đấy là kết quả của cạnh tranh thị trường. Công nhân làm dở, công ty lỗ vốn, công nhân bị sa thải, đói ăn... có gì lạ đâu?"

"Đối với các anh, chắc chẳng có gì lạ cả. Song với những người đã từng sống giữa một xã hội bình đẳng trong sự nghèo nàn, sự bất bình đẳng trong việc phân phối tài nguyên là cả một vấn đề mới lạ."

Anh bạn chống chế:

"À, phải coi đây là một cái giá để trả cho công cuộc đổi mới."

Người hướng viên chép miệng:

"Chúng tôi sẵn sàng trả giá cao cho sự phát triển đất nước, tuy nhiên trong những điều kiện hiện nay, không hiểu có phát triển tới nơi tới chốn không?"

Tôi tò mò hỏi:

"Bác nói không phát triển tới nơi tới chốn, có ý gì?"

"Tôi muốn đề cập tới nan đề định chế không phù hợp với chính sách đã đưa ra, không đi đôi với mục tiêu đeo đuổi. Trước đây, các định chế kinh tế được xây dựng xung quanh cấp trung ương có tác động trực tiếp trên các đơn vị địa phương. Từ ngày đổi mới, các đơn vị trên được tự lực cánh sinh, và trung ương dần mất hết quyền và phương tiện kiểm soát địa phương."

Anh bạn ngắt lời:

"Rồi kết quả ra sao?"

"Hậu quả là sự khó khăn trong việc điều hành các hoạt động kinh tế trong nhiều ngành. Trước nhất, về mặt ngoại thương, các cơ quan địa phương toàn quyền thương thảo, ký giao ước xuất khẩu. Các xí nghiệp nằm trong mỗi địa phương trực tiếp buôn bán và giữ ngoại tệ. Cơ quan trung ương có lẽ cũng không có một ý niệm rõ rệt về tổng số và sự phân phối ngoại tệ giữa các địa phương. Vì không kiểm soát được số lượng ngoại tệ dự trữ, nên trung ương cũng khó thi hành chính sách tiền tệ quy mô để điều chỉnh quỹ đạo kinh tế."

"Rồi sao nữa?"

"Về phương diện thuế má, địa phương cũng tỏ ra tự lập, không phải nhất nhất thi hành chỉ thị của trung ương. Điểm trên cho thấy nhà nước cũng không thể thi hành được chính sách thuế má quy mô một cách nghiêm chỉnh được. Song song với tình trạng tản quyền trên, cơ sở luật pháp tại Việt Nam, đặc biệt trong những ngành kinh tế, thương mại, cũng rất võ đoán. Thành thử, đã không có một mô hình, một nền tảng rõ rệt để điều hợp kế hoạch kinh tế quy mô cho cả nước. Cảnh "*trống trung ương đánh xuôi, kèn địa phương thổi ngược*" đã gây ra nhiều hoang mang, không giúp ích cho việc phát triển kinh tế."

Tới đây, ông ngưng tiếng, đưa mắt nhìn chúng tôi. Thấy không có phản ứng gì, người hướng viên khẽ mỉm cười:

"Thôi trời sắp tối, để tôi đưa hai bạn viếng chùa tiếp cho kịp giờ về."

Trên đường xuống núi, tôi đi cạnh người hướng viên, tò mò hỏi:

"Kiến thức kinh tế của bác rất

rộng, chúng tôi rất bái phục."

Người hướng viên khẽ nở một nụ cười tự mãn trên môi:

"Tôi từng du học tại Nga Xô về ngành kinh tế học. Trước đây có làm cho Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước, chuyên giải *ma trận* toán học căn-tơ-rơ-vít (3), để lập phương trình phát triển kinh tế ngũ niên do trung ương chỉ huy."

Trước sự ngạc nhiên của tôi, ông tiếp:

"Đó là thời kỳ vàng son của xã hội bao cấp, của kinh tế chỉ huy. Ngày nay, với cơ cấu thị trường, chuyên khoa của tôi đã trở nên lỗi thời!"

Giọng ông chua chát:

"Chẳng những cá nhân tôi, mà cả đến ông Căn-tơ-rơ-vít có sống dậy qua Việt Nam thì cũng chỉ đi bán nước đá đầu đường mà thôi!"

Tôi buột miệng:

"Cũng tiếc rằng cả ông Kan-torovitch và bác đã chọn lầm ngành..."

Người hướng dẫn viên dừng hẳn người lại, nhìn tôi không chớp mắt. Có lẽ ông đã hiểu lầm ý câu nói. Ông lắc đầu:

"Tôi khuyên anh nên học lại Hê-gơn (Hegel). Theo "*Ý Niệm Lịch Sử*" của ông ta, diễn tiến lịch sử được dựa trên sự *cần thiết duy lý (rational necessity)*: những sự kiện xảy ra, đã xảy ra, và sẽ xảy ra trong những điều kiện nhất định, không thể nào khác. Tại Việt Nam, những người như tôi đã làm trọn nhiệm vụ *cần thiết* do lịch sử trao phó là đoạt nền độc lập từ tay ngoại bang."

Giọng người hướng viên trầm lại:

"Hồi 54, tôi là một trong những chiến sĩ đầu tiên đặt chân vào bản doanh địch tại lòng chảo Điện Biên."

Tôi liếc nhìn ông, cố gắng phác họa trong đầu nét mặt trẻ trung, cương quyết của người chiến sĩ xa xưa.

Giọng người hướng viên vẫn vẳng bên tai:

"Còn như trong thời điểm hiện đại, chúng tôi không thích ứng với hoàn cảnh kinh tế của thế kỷ XX, nên phải thay đổi cho hợp giòng lịch sử."

Ông chép miệng:

"Dù sao đi nữa, tôi cũng đã già rồi... Cũng chẳng biết xoay sở ra sao cho phù hợp với hoàn cảnh đổi thay."

Người hướng viên dứt tiếng, rảo bước nhanh xuống núi. Bóng ông khấp khểnh trên con đường dốc, cô đơn trong ánh chiều tà...

Trên đường về Hà Nội, anh bạn ghé vào tai tôi hỏi nhỏ:

"Này, lúc ở chùa, ông hướng viên có đề cập đến chuyện Tây du vừa qua của Thủ Tướng Việt Nam. Lúc đó, tôi mới leo dốc, mệt quá, chẳng để ý tới. Chỉ loáng thoáng nghe có ông A Nan nào đó đòi ăn hối lộ. Có phải ông này là cộng sự viên của Tổng thống Mít-tơ-răng của Pháp không? Chuyện động trời này sao chẳng thấy báo chí nào đăng tải cả?"

Tôi ngửa mặt lên trời:

"Tây du đây không phải là đi qua Pháp thăm Mitterrand đâu, mà là cuộc thỉnh kinh của thầy trò Đường Tam Tạng đó."

Anh bạn trố mắt:

"Thỉnh kinh nào? Đường Tam Tạng nào?"

"Tây Du là pho truyện Tàu kể lại cuộc phiêu lưu của thầy trò Đường Tam Tạng từ Tàu qua Ấn Độ xin kinh Phật đó!"

"Tôi đã coi qua nhiều video Hong Kong làm. Từ *Đông Châu Liệt Quốc* đến *Giòng Sông Định Mệnh*... từ *Hải Âu Phi Xứ* tới *Cô Gái Đồ Long*... gì cũng biết, mà sao chưa bao giờ coi qua tuồng anh nói? Thế mới biết kiến thức mình còn nhiều chỗ dở ẹc!"

Anh tỏ vẻ chán chường:

"Thật ra, cũng chẳng lấm cấm lắm đâu."

Trước cặp mắt trợn tròn của anh bạn, tôi chậm rãi giảng:

"Đi thỉnh kinh trong *Tây Du Ký*, hoặc hướng về Tây Phương để mong phát triển đất nước, cũng có thể coi như hai cuộc hành trình cùng một bản chất."

"..."

"Đối với một cá nhân, hay một cộng đồng, muốn đạt được mục tiêu đã đặt ra, phải qua nhiều thử thách. Muốn vượt mọi thử thách, tất phải có lòng thành. Tuy nhiên lòng thành cần được lý trí hướng dẫn, phải được dựa trên sự kiên trì, và phải có sự yểm trợ của phương tiện vật chất. Trong truyện *Tây Du*, Đường Tăng tượng trưng cho lòng thành. Con khỉ Tôn Ngộ Không tài phép biến hóa vô lường, có con mắt lửa nhìn thấu sự thật, luôn luôn đi tiên phong. Đó chính là lý trí dẫn đường. Sa Tăng, trong suốt cuộc hành trình, nhọc nhằn gánh hành lý cho thầy, không một lòng biến đổi, không một ý thối lui. Đó chính là tánh cần cù, nhẫn nại. Đó là sự kiên trì."

"Còn gì nữa?"

"Trong truyện, phương tiện vật chất được thể hiện qua con ngựa của Tam Tạng, vốn do vua Đường tặng."

"Còn nhân vật nào đáng nói tới nữa không?"

"Trên con đường dẫn tới chân lý, ngoài muôn vàn chướng ngại ngoại giới, còn có thử thách trong lòng. Biết bao công cuộc đã phải bỏ dở vì lòng tham, vì tính vị kỷ, câu nệ. Trư Bát Giới chính là biểu hiện của lòng tham. Nói theo từ hiện đại, là biểu hiện của nạn tham nhũng, hối lộ, của nạn địa phương lộng quyền."

Anh bạn gật gù:

"Anh bàn nghe cũng được đấy. Nhưng trên cuộc hành trình về Tây phương của dân Việt, đã thấy Tam Tạng, Ngộ Không và Sa Tăng lộ diện chưa?"

"Trả lời câu hỏi trên là một trong những mục đích chính của chuyến đi của chúng ta. Phải không anh?"■

(1) Ngoại trừ những ngành điện lực, dầu hỏa và chuyên chở còn do trung ương quản lý.

(2) Trong giai đoạn 1989-1992 gần một triệu cán bộ, công nhân Quốc Doanh đã bị sa thải.

(3) Kantorovitch là một kinh tế gia Nga Xô có tầm vóc quốc tế.

Bùi Đông Triều

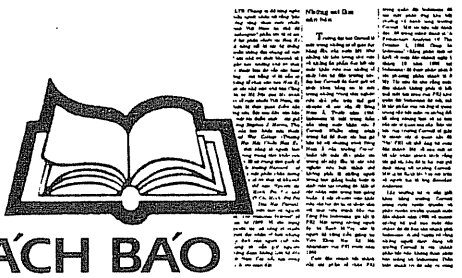

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

ĐƯỜNG PHÍA BẮC của LÊ ĐẠI LÃNG nhà xuất bản Đồng Dao, Úc Châu ấn hành. Sách dầy 240 trang, bìa là một tranh sơn dầu của họa sĩ Vũ Quốc. Bìa sách hơi tối, có lẽ tác giả muốn như vậy cho phù hợp với cuộc đời của các thuyền nhân ra đi từ mạn Bắc con sông Bến Hải. Sách trình bầy trang nhã, dễ đọc, không đề giá bán.

Trước khi đọc Lê Đại Lãng tưởng chúng ta cũng nên biết qua: Ông là một trong thật ít các nhà văn dã tình nguyện đến làm việc cho các trại tị nạn. Việc đó nghe thì thoáng qua, nhưng thực hiện cũng không phải là một điều dễ dàng gì. Đang sinh sống yên lành ở Melbourne, đột nhiên tấm lòng nhà văn nổi dậy, ông tình nguyện đến làm việc ở nơi các đồng bào tị nạn đang cần đến ông. Chính nơi đây đã làm đông lực cho ông viết một quyển hồi ký, và bây giờ là một truyện dài. Ông có một văn phong giản dị, trong sáng. Ông không dùng chữ bí hiểm cầu kỳ. Nhưng không vì thế mà truyện của ông không lôi cuốn. Đây là một quyển sách hay.

Lê Đại Lãng là một nhà văn khiêm tốn, ông tự giới thiệu Đường Phía Bắc bằng những dòng chữ sau đây: *Tôi đã nghe, thấy và sống với nhiều người xa tổ quốc. Nhưng lạ nhất vẫn là cuộc đời của những người đi theo hướng Bắc để ra chốn ngoài. Con đường ngược Bắc của những cá nhân ấy lại được kể thầm thì như tội đồ xưng tội, tội tổ tông, tội bỏ nước, tội đi tìm chỗ sống, chỉ dành riêng cho kẻ muốn nghe, không có tiếng mõ nhịp, chỉ có những bàn chân xếp thành dấu chấm... Tôi viết lại những mẩu chuyện nhỏ nhỏ mà các bạn đã kể cho tôi nghe như một người nghèo thiếu áo, chắp lại những mẩu áo dù màu, dù cỡ, lành có, rách có, đậm có, nhạt có để ráp thành một cái áo vụng về xấu xí mặc cho qua rét mướt mùa đông...* Những dòng chữ in nghiêng này tự nó đã đủ giới thiệu về Lê Đại Lãng và quyển truyện của ông.

NHẬT KÝ 1988 của NGUYỄN NGỌC LAN. Sách do nhà xuất bản Tin ở Paris ấn hành, dầy 280 trang, in trên giấy trắng, trình bầy trang nhã, đề giá 100FF hay 15$US.

Đối với những ai để ý đến tình trạng chính trị ở Việt Nam thì chắc chắn đã một lần nghe tới danh Nguyễn Ngọc Lan. Ông xuất thân là một linh mục, là một trong vài nhân vật chính của nhóm Đối Diện. Trước 75, ông là một người có thái độ chống chính quyền miền Nam. Sự chống đối này làm nhiều người ngộ nhận ông thiên cộng. Sau 75, ông ở lại trong nước, 18 năm sống dưới chế độ Cộng Sản đã làm cho ông trở thành một người mình gầy vóc hạc, như hình ông in nơi trang bìa cuối. Trước 75 ông viết khá nhiều tác phẩm mà trong đó quyển sách tạo ra nhiều dư luận là quyển Đường Hay Pháo Đài. Sau 15 năm im hơi lặng tiếng ông viết một loạt ba quyển Nhật Ký 1989-1990, 1990-1991, và bây giờ là 1988. Cứ theo thứ tự thời gian thì quyển sách chúng tôi đang có trong tay là quyển mở màn cho những trang nhật ký đời của ông. Cả ba quyển Nhật Ký này được viết trong tôn chỉ: *Sống thẳng Nói thật*. Chỉ nội bốn chữ này, trong xã hội ở Việt Nam cũng đã đủ viết lên hàng vạn quyển sách của hàng triệu con người.

Liên lạc nhà xuất bản Tin:
54 Avenue Léon Blum- 92160 Antony-France.

KHU VƯỜN MÙA MƯA truyện dài của THẾ UYÊN. Sách do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành, dầy 375 trang, in trên giấy trắng, trình bầy trang nhã với tranh bìa của Nguyên Khai, giá bán 15$US.

Đây là quyển truyện mới nhất của nhà văn Thế Uyên. Quyển truyện dựa trên những nhân vật có thật cũng như những nhân vật không thật, trong một bối cảnh chính trị mù mờ của những ngày tiền "đảo chính" 63. Ông đề tặng quyển truyện này cho một người nữ như sau: *Tặng người nữ mà tôi đã mượn đường nét và cá tính để tạo ra nhân vật nữ chính trong truyện.* Nhà văn Thế Uyên là một khuôn mặt quen thuộc của văn học Việt Nam cả trong nước cũng như ngoài nước, trước hay sau 75. Ông có bút pháp táo bạo, và là một trong vài nhà văn thích đưa ngòi bút mình vào lãnh vực tình dục.

Tác phẩm mới nhất của Thế Uyên được chia làm 11 chương không đều nhau, tuy quyển sách đề cập tới chuyện chính trị, cách mạng, đảo chánh nhưng không phải vì thế mà tình dục không có chỗ chen chân vào. Mười một chương sách, chương nào cũng có những trang viết về, viết tới vấn đề này. Khi thì làm tình thật, khi thì nói tới một vụ làm tình nào đó.

NGƯỜI HOA TẠI VIỆT NAM sách biên khảo của NGUYỄN ĐÌNH HUY tác giả tự xuất bản tại Paris, địa chỉ tác giả là số 9 Allée Bougainville #165, 93270 Servan, France. Ở Mỹ có thể mua ở các nhà sách hoặc gửi về ông Bang Nguyen, PO Box 3492, Costa Mesa, CA 92628-3492. USA. Sách đề giá 12$US.

Sách dầy hơn 400 trang, là một công trình biên khảo có lẽ là đầy đủ và kỹ lưỡng nhất về cộng đồng người Hoa từ trước tới nay. Nói tới người Hoa là nói tới bang phái, nói tới kinh tế, lúa, gạo, đường, sắt, cá, tôm... Nói tới người Hoa là phải nói tới hệ thống chuyên chở đường bộ, đường thủy, các vựa thực phẩm, thậm chí tới những vựa than, củi, tới đầu đốt, xăng chạy xe... Nói tới người Hoa là phải nói tới những triệu phú, và bây giờ là tỷ phú, phải nói tới những người từ tay trắng làm nên cơ đồ. Cơ đồ lớn chứ không phải là cơ đồ nhỏ. Nguyễn Đình Huy ngoài những điều không thể thiếu vừa nêu trên, ông còn cho chúng ta thấy cả những đóng góp văn học của những người Hoa sinh trưởng trên đất nước chúng ta như Hồ Dzếnh, La Hối, cũng như những

Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích mở rộng đất đai cho đất nước của chúng ta, chứ không phải cho đất nước Trung Hoa. Đây là một quyển sách mà những ai định làm kinh tế ở Việt Nam nên đọc. Bởi vì với con số hơn triệu người Hoa ở đất nước chúng ta, họ có thể giúp chúng ta xây dựng đất nước, họ cũng có thể làm cản trở cho cuộc xây dựng, tái thiết lại đất nước chúng ta trong thế kỷ tới. Thư mục nơi cuối sách cho ta thấy Nguyễn Đình Huy đã làm việc trong một tinh thần nghiêm túc của nhà biên khảo.

BÍ MẬT CUỘC ĐỜI KỲ NỮ GIANG THANH biên dịch của NGỘ THIỆN. Sách do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành, dầy 325 trang, in trên giấy trắng, đề giá 14$US.

Thắc mắc đầu tiên đối với những ai tò mò là không thấy đề tên tác giả, có lẽ đây là sơ sót của nhà xuất bản. Quyển sách có lẽ chưa hết, bởi vì đã tận dụng đến trang cuối cùng và dòng cuối cùng cũng đã ở vào vị trí cuối trang, và mạch truyện thì cũng chưa thể chấm dứt ở câu cuối cùng này. Lịch sử Trung Hoa, quốc gia đông người nhất hoàn vũ thời nào cũng có những chuyện thâm cung bí sử. Cho dù đó là thời phong kiến hàng ngàn năm trước, hay là thời Cộng Sản Mao Trạch Đông, cũng như Đặng Tiểu Bình. Đây không phải là tác phẩm văn chương, nhưng sẽ rất hợp với những độc giả nào thích để ý tới chính trị, tới người Cộng Sản Á Châu, thích chuyện thâm cung bí sử.

Hy vọng phần hai sẽ được biên, dịch giả Ngộ Thiện và nhà xuất bản Xuân Thu cho ra mắt một ngày gần đây, và nếu có thể xin bổ túc đôi điều về tác giả.

CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của HỒ TRƯỜNG AN. Sách do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành dầy 220 trang, in trên giấy trắng tranh bìa của Đinh Cường. Sách in đẹp, chỉ tiếc là phần cắt xén để lại nhiều vết răng cưa, nếu không sách sẽ là tuyệt đẹp. Sách đề giá 11$US tại Hoa Kỳ và 13$US nếu mua ở ngoài Hoa Kỳ.

Đối với văn học Việt Nam ở hải ngoại, Hồ Trường An là một người viết khỏe. Trước 75 ông viết cho khá nhiều báo ở trong nước, sau khi ra khỏi nước số báo mà ông cộng tác còn nhiều hơn nữa. Ông cho in tác phẩm đầu tiên: Lớp Sóng Phế Hưng vào năm 85, cho tới nay cuối 93 ông đã cho ra đời 18 tác phẩm. Chín năm trời 18 quyển sách thì phải kể Hồ Trường An là một người viết khỏe. Tác phẩm của ông gồm bốn thể loại: Truyện dài, truyện ngắn, ký sự và tùy bút.

Chân Trời Lam Ngọc viết về 12 nhà văn, nhà thơ hiện đang sinh sống ở hải ngoại, mà trong đó nhân vật đầu tiên là nhà văn Bình Nguyên Lộc đã mất cách đây vài năm. Những nhân vật còn lại theo thứ tự gồm: Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Vi Khuê, Võ Đình, Kiệt Tấn, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hàn Song Tường, Võ Kỳ Điền, Hoàng Du Thụy, Trần Long Hồ, Trần Thị Diệu Tâm. Phụ hoạ cho cách mô tả, chụp bắt các nhà văn, nhà thơ trên qua ngòi bút của Hồ Trường An là mười một tấm ảnh những nhân vật hiện còn đang viết, riêng Bình Nguyên Lộc, người đọc sẽ được thấy chân dung ông qua cái nhìn của họa sĩ Nguyễn Thị Hợp. Trong lời nhà xuất bản chúng ta đọc được: *...Nhà văn Hồ Trường An ghi lại từ mười hai tác giả mà anh gần bó qua sự gặp gỡ và giao tiếp trong quãng đời nhiều hệ lụy vừa qua. Có người anh quen biết từ mấy mươi năm, có người mới quen khi ra hải ngoại.* Những dòng chữ này cho biết Hồ Trường An trong quyển Chân Trời Lam Ngọc này chỉ viết về các nhà văn, nhà thơ ông quen thân, giao thiệp gần bó. Trước đây Hồ Trường An đã cho ra đời quyển Giai Thoại Hồng, viết về các nhà văn, nhà thơ nữ đang sinh sống ở hải ngoại. Cũng trong lời nhà xuất bản, Hồ Trường An sẽ cho ra đời CTLN quyển hai. Mong rằng nhà văn của chúng ta quen thật nhiều để độc giả có thể bắt gặp được nhiều khuôn mặt văn học khác.

CỬA ĐỊA NGỤC của TRẦN LONG HỒ Sách do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành, dầy 560 trang, in trên giấy trắng với bìa của Đinh Cường. Sách trình bầy đẹp, sách đề giá 22$US tại Hoa Kỳ và 25$US ngoài Hoa Kỳ.

Cửa Địa Ngục là quyển thứ hai, tiếp theo Cõi Sa Mù là quyển một trong trường thiên tiểu thuyết DUNG THÂNcủa Trần Long Hồ. Ông cho biết: "*...Bối cảnh của câu chuyện được xây dựng tại một huyện rất nhỏ, nghèo nàn và đìu hiu ở miền Nam là quận Gò Quao, thuộc tỉnh Rạch Giá. Thời gian của câu chuyện là từ năm 1978 đến năm 1980... Trong giới hạn đó Cửa Địa Ngục chỉ muốn vang lên lời than oán của người dân khốn khổ, nói chung, hay những nạn nhân bị lưu đầy, nói riêng, trên mảnh đất thân yêu của mình.*"

Trần Long Hồ tên thật là Trần Trúc Quang, ông xuất thân là một y sĩ, đã viết từ năm 72, ngưng viết từ 75 và viết lại từ 89. Ông là Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ nhiệm kỳ 91-92. Kể từ khi viết lại ông đã cho ra đời ba tập truyện gồm theo thứ tự Ngày Quanh Quẩn, Niềm Vui Ung Thư, Kẻ Đào Mồ, và hai quyển truyện dài Cõi Sa Mù và Cửa Địa Ngục, trong bộ trường thiên chưa chấm dứt vì còn quyển ba Bóng Thiên Đường sẽ ra mắt một ngày gần đây.

Văn học ở trong nước hay hay dở thì chưa biết thế nào, nhưng về khoản cả tiếng dài hơi thì chắc chắn là những năm gần đây ở hải ngoại ăn bứt. Nói về trường thiên tiểu thuyết thì đã hoàn tất xong tới hai bộ là Nguyễn Mộng Giác với Mùa Biển Động và Sông Côn Mùa Lũ, kế đó những người đang viết trường thiên mới xong gần hết hay xong một phần thì nhiều lắm. Nguyễn Đức Lập với Kiếm Đạo, Nguyễn Xuân Hoàng với Người Đi Trên Mây, Nguyên Sa với Giấc Mơ, Trần Long Hồ với Dung Thân, Hoàng Khởi Phong với Người Trăm Năm Cũ...Trường thiên không phải chỉ dành riêng cho những cây bút phái nam, phái nữ cũng góp mặt và đặc biệt hơn nữa là chị Trương Anh Thụy ban đầu chỉ định viết một truyện ngắn, chung cuộc sẽ thành ra một trường thiên. Có lẽ còn nhiều nữa, mới tạm liệt kê đã đủ thấy hình như ở hải ngoại này chúng ta có nhiều điều kiện hơn để viết dài hơn. Tuy vậy điều quan trọng vẫn là phải viết cho hay.■

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

Chúc Mừng Năm Mới

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lotto LOTTO
DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Đêm nhạc hội

TÌNH XUÂN

MỘT CHƯƠNG TRÌNH CA NHẠC ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NIỆM CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ — WORKS & COMPOSERS:

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục,...

CA SĨ — VOCALISTS:

— Kim Tước
— Mai Hương
— Quỳnh Giao
— Lệ Thu
— Hà Thanh
— Ái Vân
— Anh Ngọc
— Tuấn Ngọc
— Vũ Anh
— Nguyễn Thành Vân

HÒA ÂM — ARRANGEMENTS BY:

— Nghiêm Phú Phi
— Lê Văn Khoa
— Văn Phụng
— Lê Ngọc Chân
— Đoàn Châu Nhi

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG — CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 20 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.
— Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
— Với sự góp mặt đặc biệt của:
* Karen Lak (first violinist), Master of Music
* Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
* Lê Ngọc Chân (pianist), Master of Music

NHẠC TRƯỞNG — CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH
— MASTER OF CEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN & ĐỊA ĐIỂM:

PLUMMER AUDITORIUM
201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.
Đúng 8:00 PM Thứ Bẩy ngày 25 tháng Sáu năm 1994
(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉ CÓ BÁN TRƯỚC TẠI:

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St. Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TÚ QUỲNH 9581 Bolsa Ave. Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave. Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 892-0801
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 897-4519

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:
4142 E. Bainbridge Ave., Anaheim, CA 92807. Phone (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

NEWPORT INSTITUTE COSMETIC SURGERY &

THẨM MỸ VIỆN HOÀN MỸ

chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 9 NĂM THÀNH LẬP, TRUNG TÂM SẼ BỚT TỪ 19% ĐẾN 30% ĐỂ CẢM TẠ QUÝ KHÁCH

MẮT $980 - MŨI TỪ $980

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ
Canada, Mỹ, Nhật
có bằng Thẩm Mỹ
kinh nghiệm hơn 20 năm,
từng giải phẫu
trên 25,000 trường hợp

Dưới Sự Điều Khiển Của Bác Sĩ

P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. (c)

GRAHAM M. KEMSLEY
M.D., F.R.C.S. (c)

Bà PHƯƠNG LAN
NGUYỄN GIA QUỲNH
Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ
nhiều năm kinh nghiệm
Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi
cho hợp với khuôn mặt Á Đông

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ
CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ
TRƯỚC KHI SỬA
Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh
để bạn chọn lựa theo ý muốn

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU
KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ
KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ

MAU LẸ,
RA VỀ TRONG MỘT NGÀY
Phương pháp mới nhất
dùng chất sụn trong cơ thể
để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên.

KHÔNG SỢ PHẢN ỨNG
SAU KHI SỬA

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC
VÀ NGHỈ LẠI

ĐẶC CHẾ KEM
CHO TỪNG LOẠI DA

Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL ST. # 406 NEWPORT BEACH, CA 92660

Tel: (714) 759-0995 or 898-6514

GÍA US $3.00